

Giải nghĩa sách

TIN-LÀNH LU-CA

Nguyên-tác của
CHARLES R. ERDMAN

AN EXPOSITION

THE GOSPEL OF LUKE

Giải nghĩa sách

TIN-LÀNH LU-CA

**Nguyên-tác của
CHARLES R. ERDMAN**

**AN EXPOSITION
THE GOSPEL OF LUKE**

**THE WESTMINSTER PRESS
PHILADELPHIA**

An Exposition The Gospel of Luke

Vietnamese Edition

Copyright 2015 Voice Media

info@VM1.global

Web home: www.VM1.global

All rights reserved. No part of the publication may be reproduced, distributed or transmitted in any form or by any means, including photocopying, recording, or other electronic, or mechanical methods, without the prior written permission of the publisher, except in the case of brief quotations embodied in critical reviews and certain other noncommercial uses permitted by copyright law. For permission requests, email the publisher, addressed “Attention: Permission Coordinator,” at the address above.

This publication **may not be sold, and is for free distribution** only.

Lời giới - thiệu

Vẻ đẹp vượt bậc của quyền sách này chứng-tỏ nhân-cách thu hút của tác-giả và sự cao-trọng của đề-tài. Sách này do Lu-ca «thầy thuốc yêu-dấu», viết về đời

TÁC - GIẢ sống và công-tác cứu-chuộc của Chúa. Những chữ mô-tả tác-giả là «thầy thuốc, người yêu-dấu» có đầy-đủ ý-nghĩa. Những chữ ấy do Phao-lô viết cho những bạn-hữu ở Cô-lô-se xa-xôi khi ông bị tù tại La-mã. Điều đó tỏ rằng Lu-ca là kẻ học-thức đã được huấn-luyện về khoa-học và tánh-tình hiền-dịu của ông cũng nổi bật đến nỗi các Hội-thánh ở Âu-châu và Á-châu đều biết tiếng. Từ tiếp của câu trên đây cũng tỏ rằng Lu-ca không phải là người Do-thái mà là người Ngoại-bang từ lúc mới sinh, lại cũng tỏ rằng ông là bạn đồng-hành thân-thiết của Phao-lô.

Lu-ca chẳng những là tác-giả của « Sách Tin-Lành thứ ba » mà cũng là của « Sách Công-vụ » nữa. Ông là con người khiêm-nhường đến nỗi ông không hề nhắc đến tên ông đâu là khi ghi lại những biến-cố sôi động trong đó ông đã giữ một vai-trò quan-trọng. Tuy-nhiên ở mỗi trang ông viết đều biểu-lộ sự cố gắng của ông, và hiển-nhiên đó là một người giàu tình-cảm, một nhà quan-sát sâu-sắc, một sứ-giả cần-trọng, và một người bạn trung-thành.

Câu chuyện đồng-hành cùng Phao-lô bắt đầu ghi ở chuyến truyền-giáo thứ nhì của Sứ-đồ khi ông sắp đáp thuyền từ Trô-ách để đi một chuyến hành-trình đáng ghi nhớ đã đem lại kết-quả là thiết-lập Cơ-đốc-giáo trên một lục-địa mới. Hai

người cùng đi đến Phi-líp, một Hội-thánh vững-mạnh được thiết-lập nơi này. Nhưng khi Phao-lô tiếp-tục đi qua Ma-xê-đoan và Hy-lạp thì Lu-ca ở lại, có lẽ là để săn-sóc những người mới qui-đạo. Bảy năm sau, khi Phao-lô đi chuyến truyền-giáo thứ ba, hình như ông đã gặp Lu-ca tại Phi-líp và được Lu-ca tháp-tùng trên đường về Giê-ru-sa-lem. Khi Phao-lô bị bắt và bị giam-cầm hai năm tại Sê-sa-rê, Lu-ca là bạn đồng-hành của ông. Sau đó họ cùng chung nếm mùi gian-lao của cuộc hành-trình và nạn chìm tàu trên đường đi La-mã, rồi tiếp theo là thời-gian lao-tù nơi thủ-phủ. Có lẽ Phao-lô đã được phóng-thích rồi lại bị tù lần thứ hai. Khi ông viết bức thư cuối-cùng, lúc ông đứng trước ngưỡng cửa tuận-đạo, chỉ còn có một người bạn vẫn trung-thành, an-ủi ông trong lúc cô-đơn ấy là Lu-ca.

Như ta có thể đoán câu chuyện do một tác-giả như thế viết ra thì (1) văn-chương chắc phải là hoa-mỹ, đó là một sản-phẩm thuần-túy của văn-hóa Hi-lạp. Đức Thánh-Linh đã tuyển-lựa và trang-bị một dụng-cụ hiếm có nơi con người thi-cách và tế-nhị của Lu-ca. Ngài dùng ông để đem cho thế-gian câu chuyện Phúc-âm có một văn-cách tao-nhã hơn hết và một hình-thức trau-chuốt hơn hết.

Thế nhưng Lu-ca chẳng những là con người văn-hóa, mà là một y-sĩ Co-đốc, nghĩa là một người tinh-cảm dịu-dàng và bao-quát, bởi vậy chuyện ông kể cũng

PHÚC - ÂM (2) chứa đầy nhân-tính. Đó là một câu chuyện của cuộc đời thật; một câu chuyện chan-chứa tinh-cảm, đầy những niềm vui và nỗi buồn, tiếng ca và nước mắt, vang lên những lời ngợi-khen và cầu-nguyện.

Đó là một phúc-âm của tuổi thơ, nhờ những câu chuyện về sự ra đời của Giăng và Jê-sus, nó đã đặt một vòng hào-quang không phai mờ trên vàng trắng của ấu-nhi, và chỉ

có phước-âm này bảo-toàn được hình-ảnh qui-báu của thời thơ-ấu của Chúa. Đó là một phước-âm của phụ-nữ. Nó đã vẽ cho ta thấy đoàn-thề phụ-nữ bất-hủ đã liên-quan với đời sống Chúa chúng ta. Chúng ta thấy Ê-lí-sa-bét, bà mẹ đồng-trình và bà cụ An-na, người góa-phụ thành Na-in, hai chị em làng Bê-tha-ni, người nữ tội-nhân hối-cải, người đàn-bà bị đau-khổ lâu ngày dưới ách Sa-tan và người lạ mặt chúc-mừng Ma-ri, số người đã phục-dịch Chúa Jê-sus trong các hành-trình của Ngài, và những « con gái của Giê-ru-sa-lem » khóc-lóc trên đường đến thập-tự-giá.

Đó là một phước-âm của gia-đình. Nó cho ta thấy qua cuộc sống gia-đình tại Na-xa-rét, cảnh nhà Si-môn, sự đăi-đăng của Ma-thê và Ma-ri, bữa ăn tối với hai Môn-đồ tại Emma-út và hình-ảnh trong các thí-dụ về người bạn quấy-rầy lúc nửa đêm, về người đàn-bà tìm đồng bạc mất, và đứa con hoang-đàng trở về nhà cha.

Đó là phước-âm của kẻ nghèo và hạ-cấp. Nó cảnh-cáo về những hiểm-họa của cửa-cải, biểu-lộ thiện-cảm và hi-vọng đối với những kẻ bị áp-chế dưới ách bần-cùng và thiếu-thốn. Thiện-cảm đó vang lên trong khúc hát của Ma-ri trong bài giảng đầu-tiên của Cứu-Chúa, ở phước-lành thứ nhất « Phước cho những kẻ nghèo-khó » Lu-ca cũng ghi lại những thí-dụ về lão Phú-ông đại, về Phú-ông và La-xa-rov, và cùng với Mác, vẽ bức tranh của góa-phụ dâng hai đồng tiền cho Chúa.

Đó cũng là phước-âm của ngợi-khen và cầu-nguyện, diễn-tả niềm xác-tín và ước-vọng sâu-xa nhất của lòng người Phước-âm bắt đầu với quang-cảnh Đền-thờ trong giờ dâng hương, rồi với « Bài ca Tôn-đại » của Ma-ri và những khúc hát của Xa-cha-ri và các thiên-sứ. Nó kết-thúc với lời chúc phước của Cứu-Chúa thăng-thiên và lời cảm-tạ của các môn-đồ vui-mừng.

Tuy-nhiên Lu-ca không phải chỉ là con người văn-hóa và y-sĩ, ông còn là bạn đồng-hành của Phao-lô và đã cùng với Sứ-đồ đi qua phần lớn lãnh-thổ La-mã đế-quốc, như vậy phước-âm ông viết (3) có tánh-cách phổ-thông. Ở đây không có thành-kiến hẹp-hòi, ngăn-cách các chủng-tộc; một người Sa-ma-ri bị khinh-bị được dùng làm ví-dụ cao-cả về người lân-cận, các thiên-sứ ca-hát về hòa-bình ở giữa loài người, và cụ Si-mê-ôn già-cả tuyên-bố em bé Jê-sus sẽ là "ánh sáng tỏ ra cho Dân Ngoại" cũng như vinh-hiền cho Y-sơ-ra-ên.

Chỉ có mình Lu-ca ghi lại những chi-tiết có thể liên-kết thánh-sử với lịch-sử thế-giới. Nhân-giới của ông thật vô-hạn. Ông quan-niệm Tin-lành về Đấng Christ là một sứ-diệp trọng-dại che nhận-sinh và sự cứu-rỗi cho toàn-thê nhân-loại.

Những phương-diện này của Tin-lành trộn lẫn với hình-ảnh của Cứu-Chúa do Lu-ca tả vẽ. Cá-tính của Chúa Jê-sus thật là khôn-ngoan và phức-tạp đến nỗi không một phân-tích nào có thể gọi là đúng được.

CHÂN-DUNG CỦA CHÚA JÊ-SUS

1. Con Người Lý-tưởng

Tuy-nhiên nó có những đặc-diểm mà chúng ta đều biết, được tác-giả các sách phước-âm nhấn mạnh mỗi người trong một phương-diện. Ma-thi-ơ mô-tả quyền-uy, Mác mô-tả sức-lực, Giăng mô-tả sự siêu-việt, còn Lu-ca thể-hiện vẻ đẹp của Ngài, họa nên bức tranh của con Người Lý-tưởng, Cứu-Chúa của thế-gian.

Có thể không có hai người đồng-y nhau về những yếu-tố tạo thành một nhân-tính toàn-thiện. Nhưng không một ai chối-cãi sự toàn-thiện ấy trong con người Chúa Jê-sus, không ai có thể phân-vân về vài ba đức-tính mà Ngài thi-thố đến tốt-độ, những đức-tính đặc-biệt được Lu-ca nhấn mạnh.

Trước hết Chúa Jêsus chứng-tỏ sự cam-dảm vô-song. Vài nhà thông-thái cho rằng chính tinh-thần vô-úy ấy làm thành nguyên-tố « nam-tinh của Đấng Christ.» Ngài không phải là nhà truyền-đạo về sự công-nghĩa cách yếu-đuối, nhu-nhược, mà là con người của sức mạnh, của quả-quyết mạnh-bạo, và của hành-động can-trường. Khi Ngài khởi-sự chức-vụ tại Na-xa-rét, đoàn dân toan giết Ngài, nhưng kẻ nghịch chùn bước trước vẻ uy-nghiêm của Ngài, trong khi « Ngài bước qua giữa họ và đi khỏi.» Người ta khuyên Ngài nên trốn khỏi khu-vực Hê-rốt, nhưng Ngài lại bắt cho ông vua ấy một lời thách-đố, mở đầu bằng những chữ «Hãy đi nói với con cáo ấy.» Phần kể lại những chuyến đi cuối-cùng của Ngài trong mười đoạn của Phúc-âm này đã mở đầu bằng một câu đầy ý-nghĩa : « Ngài quả-quyết xây mặt đi tới thành Giê-ru-sa-lem.» Trước đó chỉ có năm đoạn nói về chức-vụ của Ngài, và chỉ có năm đoạn tiếp theo. Trong khoảng thời-gian dài tả trong các đoạn ở giữa, Chúa Jêsus thấy rõ trước sự chán-bỏ, đau-đớn và chết-chóc của Ngài, nhưng chẳng hề sợ-hãi, Ngài đã bước những bước không ngập-ngừng tiến về thập-tự. Tất cả những vai anh-hùng trong lịch-sử đều lu-mờ, trở thành vô-nghĩa trước sự can-dảm vô-song của Đấng Christ.

Càng rõ-ràng hơn là tình-cảm dịu-dàng vô-hạn của Con Người lý-trưởng này. Trong bài giảng đầu-tiên, Ngài tuyên-bố rằng, Ngài đến để « giảng Tin-lành cho kẻ nghèo... về những kẻ phu-tù được phóng-thích, kẻ mù được sáng, kẻ hà-hiếp được tự-do.» Và trong khi chúng ta theo dấu chơn Ngài, chúng ta thấy trái tim dịu-hiền của Ngài tỏ ra xót-thương chừng nào đối với những cuộc đời đau-khổ chán-chường. Ngài lau khô giọt nước mắt sầu-khổ, Ngài tỏ lòng thương những con người bị bỏ rơi, hắt-hủi, tội-lỗi, ô-uế, Ngài tiếp-nhận tội-nhân, được người thầu-thuế đái-dăng, Ngài ngợi-khen người Sa-ma-ri và an-ủi tên trộm hấp-hối.

Thế-gian này không hề có một hình-ảnh nào về lòng trắc-ân, nhu-mỉ và từ-ái hoàn-thiện đến thế; những điều đó rất cần-thiết cho con người thật.

Càng mầu-nhiệm hơn, nhưng chẳng kém thật chút nào, là đức-tin kiên-trì của Ngài. Cuộc đời Ngài sống trong thân-hữu thường-trực với Đức Chúa Trời. Lời nói đầu-tiên của Ngài được ghi lại trong Kinh-thánh là: «Ta phải ở trong nhà Cha Ta», và cuối-cùng Ngài trút hơi thở với những lời: «Hỡi Cha, Con trao linh-hồn Con trong tay Cha.» Những ngày tại-thể của đời Ngài và chức-vụ của Ngài đều đầy những lời cầu-nguyện liên-tục. Ít nhất là có bảy trường-hợp kể lại rằng Ngài đương cầu-nguyện: khi Ngài chịu báp-têm (3: 21), sau khi chữa lành người phung (5: 16), trước khi tuyển-chọn môn-đồ (6: 12); trước sự xưng-bày quan-trọng của Phi-e-ro (9: 18); khi Ngài hóa hình (9: 29); trước khi dạy các môn-đồ cầu-nguyện (11: 1); trong cơn thống-khổ trước khi bị đóng đinh (23: 34). Cũng vậy, Ngài dạy các môn-đồ cầu-nguyện một cách quấy-rầy (11: 5-10), một cách kiên-nhẫn (18: 1-7), một cách hối-ngộ (18: 9-14). Lòng tin-cậy nơi Đức Chúa Trời như thế, lòng tru-ái như thế, lòng can-đảm như thế, hẳn là những yếu-tố nổi bật nhất trong nhiều yếu-tố trộn lẫn trong bức chơn-dung truyền-cảm của người lý-tưởng.

Tuy-nhiên Lu-ca đã viết một sách Phước-âm và như vậy hẳn phải kết-tạo một cái gì hơn là hình-ảnh của con người toàn-thiện hay câu chuyện một cuộc đời lý-tưởng. Phước-âm là «Tin-lành» về sự cứu-

2. Cứu-Chúa của thế-gian

rỗi do Chúa dành cho ta. Trong bản ký-thuật của Lu-ca, ta được mục-kích Đấng chẳng những có nhân-tính vượt-bực mà còn là Cứu-Chúa của cả thế-gian. Chính đề hoàn-thành công-tác cứu-rỗi này mà Ngài đã có tinh-thần can-đảm

và vững-vàng hướng mặt đi về Giê-ru-sa-lem. Sự cứu-rỗi mà Ngài đã chuẩn-bị không thể nào tách khỏi thập-tự.

Đó là sự cứu-rỗi dành cho mọi người, cả đến lòng từ-bi bao-la của Ngài cũng đề trao đến kẻ cuối-cùng trong hạng người thấp-hèn nhứt — cho người thu thuế bị khinh-khi, cho kẻ tội-lỗi bị quên bỏ, cho người Sa-ma-ri bị ghen-ghét, cho tên trộm bị đóng đinh trên thập-tự.

Cũng như Ngài từng tin-cậy nơi Cha, thì sự cứu-rỗi của Ngài đem cho ta cũng đặt một điều-kiện là đức-tin nơi Ngài là Đấng Cứu-rỗi và Chúa-tể, một đức-tin bao-hàm sự ăn-năn, tin-cậy, đầu-phục và hy-sinh. Người ta phải sẵn-sàng tính-giá, từ-bỏ bất-cứ điều gì ngăn-cách giữa ta và Chúa. Tuy thế, sự cứu-rỗi này hoàn-toàn là ân-diễn, vô-giá, miễn-phi do Đức Chúa Cha ban cho những kẻ đặt mình dưới sự sẵn-sóc từ-ái của Đức Chúa Con.

Sự cứu-rỗi này phải được công-bố cho mọi dân-tộc. Những kẻ nào đã biết sự cứu-rỗi ấy, đã tiếp-nhận nó, sẽ trở thành chứng-nhân phổ-biến chân-lý có tính-cách cải-tạo. Để làm chứng như vậy họ cần phải có can-dảm, lòng ưu-ái bao-la và đức-tin không dời-đổi, và trong sự can-dảm lòng ưu-ái và đức-tin họ sẽ giống như Chủ, là Đấng nhờ thi-thố những đức-tính ấy, đã làm Con Người lý-tưởng. Cũng là Cứu-Chúa thiên-thượng của thế-gian.

Bố - cục

I

LỜI TỰA CỦA PHƯỚC-ÂM — Lu. 1 : 1-4

II

SỰ GIÁNG-SANH VÀ THỜI THƠ-ẤU CỦA CHÚA JÊSUS

1 : 5 - 2 : 52

- A. Dự-ngôn về sự ra đời của Giăng 1 : 5-25
- B. Sự thông-báo cho Ma-ri 1 : 26-38
- C. Bài ca « Tôn-đại » 1 : 39-56
- D. Sự sinh-hạ Giăng, bài ca « Chúc-tụng » 1 : 57-80
- Đ. Sự Giáng-sinh của Chúa Jêsus 2 : 1-20
- ~~E. Sự dâng Chúa Jêsus, bài ca « Ra-đi » 2 : 21-40~~
- G. Em bé Jêsus tại Giê-ru-sa-lem 2 : 41-52.

III

CÔNG-GUỘC CHUẨN-BỊ 3 : 1-4 : 13

- A. Sự giảng-dạy của Giăng 3 : 1 - 20
- B. Lễ báp-têm của Chúa Jêsus 3 : 21 - 22
- C. Phê-hệ của Chúa Jêsus 3 : 23 - 28
- D. Sự Cám-dỗ Chúa Jêsus 4 : 1 - 13.

IV

CHỨC-VỤ TẠI GA-LI-LÊ 4 : 14 - 9 : 50

A. Thời-kỳ đầu-tiên 4 : 14 - 44

1. Chúa Jêsus giảng-dạy tại Na-xa-rét 4 : 14-30
2. Chúa Jêsus thi-thố các phép lạ tại Ca-bê-na-um
4 : 31 - 44

B. Thời-kỳ thứ hai 5 : 1 - 6 : 11

1. Sự kêu-gọi các môn-đồ đầu-tiên 5 : 1-11
2. Chúa Jêsus chữa sạch người phong 5 : 12-16
3. Chúa Jêsus tha tội-lỗi 5 : 17-26
4. Sự kêu-gọi Lê-vi 5 : 27-32
5. Câu hỏi về sự kiêng ăn 5 : 33-39
6. Tranh-luận về ngày Sa-bát 6 : 1-11

C. Thời-kỳ thứ ba 6 : 12 - 8 : 56

1. Tuyển-chọn mười hai môn-đồ 6 : 12-19
2. Bài giảng vi-dại 6 : 20-49
3. Đội-trưởng thành Ca-bê-na-um 7 : 1-10
4. Chúa Jêsus cứu sống con trai một góa-phụ
7 : 11-17
5. Chúa Jêsus ngợi-khen Giảng 7 : 18-35
6. Nữ tội-nhân được tha tội 7 : 36-50
7. Những người đàn-bà phục-vụ 8 : 1-3
8. Thi-dụ về người gieo giống 8 : 4-18
9. Quyển-thuộc của Chúa Jêsus 8 : 19-21

10. Chúa Jêsus dẹp yên bão-tố 8 : 22-25
11. Một người bị quỷ ám được chữa lành 8 : 24-39
12. Con gái Giai-ru và người đàn bà bị mất huyết
8 : 40-56.

D. Thời-kỳ thứ tư 9 : 1-50

1. Sứ-mệnh của mười hai Sứ-đồ 9 : 1-9
2. Cho năm ngàn người ăn 9 : 10-17
3. Chúa Jêsus dự-ngôn về sự chết của Ngài
9 : 18-27
4. Sự biến hình 9 : 28-36
5. Cậu bé bị quỷ ám 9 : 37-45
6. Chúa Jêsus quở-trách sự kiêu-ngạo và cường-tín
9 : 46-50

V

CÁC HÀNH-TRÌNH VỀ HƯƠNG GIÊ-RU-SA-LEM

9 : 51 - 19 - 82

A. Giai-đoạn đầu 9 : 51 - 13 : 21

1. Những người Sa-ma-ri lãnh-đạm 9 : 51-56
2. Chúa Jêsus quở-trách sự khinh-xuất, sự giả-dối
và sự bất-định 9 : 57-62
3. Sứ-mệnh của bảy mươi môn-đồ 10 : 1-24
4. Người Sa-ma-ri nhơn-lành 10 : 25-37
5. Ma-thê và Ma-ri 10 : 38-42
6. Chúa Jêsus dạy về sự cầu-nguyện 11 : 1-13
7. Chúa Jêsus quở-trách sự lộng-ngôn và vô-tín
11 : 14-36

8. Chủ-nghĩa Pha-ri-si bị lột trần và đả-kích
11 : 37-54
 9. Khuyến-khích làm chứng trung-thành 12 : 1-12
 10. Cảnh-cáo sự tham-lam 12 : 13-21
 11. Phương thuốc chữa lo-âu 12 : 22-34
 12. Khuyên-giục nên thức-canh 12 : 35-48
 13. Ảnh-hưởng chia-rẽ của Đấng Christ 12 : 49-59
 14. Sự kêu-gọi ăn-năn 13 : 1-9
 15. Sự chữa bệnh trong ngày Sa-bát 13 : 10-21
- B. Giai-đoạn thứ hai 13 : 22 — 17 : 10
1. Cửa hẹp 13 : 22-30
 2. Lời nhắn cho Hê-rốt và sự than-vãn về Giê-ru-sa-lem 13 : 31-35
 3. Chúa Jêsus vị khách trong ngày Sa-bát 14 : 1-24
 4. Tinh giá 14 : 25-35
 5. Con trai hoang-đàng 15 :
 6. Quản-gia bắt-trung 16 : 1-13
 7. Phú-hộ và La-xa-rô 16 : 14-31
 8. Cảnh-cáo các môn-đồ 17 : 1-10.
- C. Giai-đoạn cuối-cùng 17 : 11 — 19 : 28
1. Một người Sa-ma-ri phung 17 : 11-19
 2. Sự hiện-diện của nước trời 17 : 20-37
 3. Quan án bất-công 18 : 1-8
 4. Người Pha-ri-si và người thu thuế 18 : 9-14
 5. Chúa Jêsus tiếp các nhi-đồng 18 : 15-17

- 6. Vị quan giàu-có 18 : 18-30
- 7. Chúa Jêsus lại dự-ngôn về sự chết Ngài
18 : 31-34
- 8. Người mù thành Giê-ri-cô 18 : 35-43
- 9. Sự qui đạo của Xa-chê 19 : 1-10
- 10. Thí-dụ về các nén bạc 19 : 11-28

VI

CHỨC-VỤ KẾT-THÚC 19 : 29-21 : 38

- A. Sự vào thành khải-hoàn 19 : 29-48
- B. Câu hỏi về thăm-quyền 20 : 1-8
- C. Thí-dụ về người trồng nho 20 : 9-18
- D. Câu hỏi về sự nạp thuế 20 : 19-26
- Đ. Câu hỏi về sự sống lại 20 : 27-40
- E. Câu hỏi của Chúa Jêsus 20 : 41-44
- G. Lời cảnh-cáo các thầy thông-giáo 20 : 45-47
- H. Những đồng tiền của người góa-phụ 21 : 1-4
- I. Sự tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem và sự hiện đến của
Đấng Christ 21 : 5-38
 - 1. Thời hiện-đại 21 : 5-19
 - 2. Sự tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem 21 : 20-24
 - 3. Sự hiện đến của Đấng Christ 21 : 25-28
 - 4. Khuyến-giục hi-vọng và tỉnh-thức 21 : 29-36
 - 5. Câu tường-thuật lịch-sử 21 : 37-38.

VII

SỰ CHẾT VÀ SỰ SỐNG LẠI. ĐOẠN 22-24

- A. Sự phân-bộ của Giu-đa 22 : 1-6
- B. Bữa ăn tối cuối-cùng 22 : 7-38
- C. Con thống-khổ tại Ghết-sê-ma-nê 22 : 39-46
- D. Sự bắt Chúa Jêsus 22 : 47-53
- Đ. Phi-e-rơ chối Chúa 22 : 54-62
- E. Chúa Jêsus trước các kẻ cầm-quyền Do-thái 22 : 63-71
- G. Chúa Jêsus trước Phi-lát 23 : 1-25
- H. Sự đóng đinh trên thập-tự 23 : 26-38
- I. Tên trộm hối-cải 23 : 39-43
- K. Sự chết và mai-táng 23 : 44-56
- L. Mộ trống 24 : 1-12
- M. Đi bộ đến Em-ma-út 24 : 13-35
- N. Chúa Jêsus hiện ra cho các sứ-đồ 24 : 36-43
- O. Những lời cuối-cùng 24 : 44-49
- P. Sự thăng-thiên 24 : 50-53

I. LỜI TỰA CỦA PHƯỚC-ÂM

Lu-ca 1 : 1-4

«¹ Hỡi Thê-ô-phi-lơ quý-nhơn, vì có nhiều kẻ đố kỵ lòng chép sử về những sự đã làm nên trong chúng ta, —² theo như các người chứng-kiến từ lúc ban đầu và trở nên người giảng đạo đã truyền lại cho chúng ta, —³ vậy, sau khi đã xét kỹ-càng từ đầu mọi sự ấy, tôi cũng tưởng nên theo thứ-tự viết mà tỏ ra cho ông ⁴ để ông biết những điều mình đã học là chắc-chắn.»

Lời tựa này là viên ngọc toàn-hảo của nghệ-thuật Hi-lạp; ngay trong bản tiếng Anh, nó có lẽ không mất phần nào về đẹp văn-chương của nó. Với tánh-cách tự-ngôn, nó được xem là quán-quân về phương-diện gọn-gàng, nhún-nhường và trang-nghiêm. Tuy-nhiên, giá-trị của nó không nằm trong vẻ đẹp ấy mà ở trong lời làm chứng về sự thành-thật của tác-giả, về giá-trị lịch-sử và sự tín-nhiệm tuyệt-đối nơi câu chuyện phước-âm. Việc thần-cảm không nên khiến chúng ta bỏ qua những phương-tiện loài người mà Thánh-Linh của Đức Chúa Trời dùng để duy-trì sự xác-thật trong việc truyền-đạt sự thật và sự trước-thuật Kinh-Thánh.

Ở đây chúng ta được nhận vào phòng làm việc với một đại sử-gia. Chúng ta thấy ông ở giữa những vật-dụng và tài-liệu của ông; chúng ta cũng được biết về những động-cơ và phương-pháp của công-việc ông, và những khả-năng ông có để thi-hành công-tác vĩ-đại ấy. Trước hết, trước ông đã có những bản ký-thuật về chức-vụ Đấng Christ. Ông không chê những tác-phẩm đó là không xác-thực, nhưng cho rằng như thế chưa đủ. Ông đem ra so-sánh và phối-hợp rồi lập-thành những bố-cục có giá-trị để viết một tập ký-thuật đầy-đủ hơn.

Rồi ông cho biết rằng ông đang sống và viết ở giữa các khung-cảnh, ông ghi chép ngay trong bầu không-khí

của biến-cổ ; chỉ mới đầy thôi, « những việc vừa đã ứng-nghiệm. » Lại nữa, ông được tiếp-xúc với lời làm chứng của những người được mục-kích những biến-cổ ấy và đã trở thành những nhà truyền-bá Tin-lành.

Ông lại còn bảo-đảm với ta về sự xác-thực của những việc xảy ra trong đời sống và chức-vụ Đấng Christ, dầu là trong những ngày đầu-tiên, ông đã điều-tra tận-tường. Ông đã chọn-lọc tài-liệu và cân-nhắc bằng-chứng để rồi chỉ ghi lại những sự việc đã được vững-lập.

Những sự việc này đã được ông kể lại « theo thứ-tự » nghĩa là theo diễn-tiến thời-gian, hơn thế nữa, theo một hệ-thống, và cân-thận giữ cho cân-đối và hoàn-bị. Đó là những đặc-tính của ông trong việc trước-thuật lịch-sử có khoa-học.

Rồi ông đề tặng quyền sách ấy cho Thê-ô-phi-lơ, Danh hiệu « quí nhơn » tỏ ra ông ấy là một viên-chức cao-cấp, một con người mà tác-giả không thể nào dám mạo-hiêm tặng một tác-phẩm vội-vã, bất-hoàn và sai-lạc được, nhất là khi người nhận đã biết được những vấn-đề liên-quan tới những sự việc ấy.

Như vậy lời tựa này tỏ rằng mục-đích tối-thượng của Lu-ca là để xác-nhận lòng tin của Thê-ô-phi-lơ, dường như là chủ và là bạn của ông, và để khắc sâu niềm xác-tin của ông ấy nơi lẽ thật của Tin-lành, Một lời phi-lộ như vậy chắc phải nhắc-nhở cho mọi độc-giả nhớ rằng đức-tin Cơ-đốc-giáo được thiết-lập trên nền-tảng kiên-cố của dữ-kiện lịch-sử.

II. SỰ GIẢNG-SINH VÀ THỜI THƠ-ẤU CỦA CHÚA JÊSUS

Lu-ca từ đoạn 1: 5 đến 2: 52

A. Dự-ngôn về sự ra đời của Giảng

Đoạn 1: 5 - 25

«⁵ Trong đời Hê-rốt, vua nước Glu-đê, có một thầy

tế-lễ, về ban A-bi-a, tên là Xa-cha-ri; vợ người là Ê-li-sa-bét, thuộc về chi-phái A-rôn. ⁶ Cả hai đều là công-bình trước mặt Đức Chúa Trời, vâng-giữ mọi điều-răn và lễ-nghi của Chúa một cách không chỗ trách được. ⁷ Hai người không có con, vì Ê-li-sa-bét son-sẻ, và cả hai đều cao tuổi.

⁸ Và, Xa-cha-ri cứ theo thứ-tự trong ban mình mà làm chức tế-lễ trước mặt Đức Chúa Trời. ⁹ Khi đã bắt thăm theo lệ các thầy cả lập ra rồi, thì người được gọi vào nơi thánh của Chúa để dâng hương. ¹⁰ Đương giờ dâng hương, cả đoàn dân đông đều ở ngoài cầu-nguyện. ¹¹ Bấy giờ có một thiên-sứ của Chúa hiện ra cũng Xa-cha-ri, đứng bên hữu bàn-thờ xông hương. ¹² Xa-cha-ri thấy, thì bối-rối sợ-hải. ¹³ Nhưng thiên-sứ nói cùng người rằng: Hỡi Xa-cha-ri, đừng sợ, vì lời cầu-nguyện người đã được nhậm rồi. Ê-li-sa-bét, vợ người, sẽ sanh một con trai, người khá đặt tên là Giăng. ¹⁴ Con trai đó sẽ làm cho người vui-mừng hơn-hở, và nhiều kẻ sẽ mừng-rỡ về sự sanh người ra. ¹⁵ Vì người sẽ nên tôn-trọng trước mặt Chúa; không uống rượu hay là giống gì làm cho say, và sẽ được đầy-dẫy Đức Thánh-Linh từ khi còn trong lòng mẹ. ¹⁶ Người sẽ làm cho nhiều con trai Y-sơ-ra-ên trở lại cùng Chúa, là Đức Chúa Trời của họ; ¹⁷ chính người lại sẽ lấy tâm-thần quyền-phép Ê-li mà đi trước mặt Chúa, để đem lòng cha trở về con-cái, kẻ loạn-nghịch đến sự khôn-ngoa của người công-bình, dặng sửa-soạn cho Chúa một dân sẵn lòng. ¹⁸ Xa-cha-ri thưa rằng: Bỡi sao tôi biết được đều đó? Vì tôi đã già, vợ tôi đã cao tuổi rồi. ¹⁹ Thiên-sứ trả lời rằng: Ta là Gáp-ri-ên, đứng trước mặt Đức Chúa Trời; Ngài đã sai ta đến truyền cho người và báo tin mừng này. ²⁰ Nay, người sẽ câm, không nói được cho đến ngày nào các đều ấy xảy ra, vì người không tin lời ta, là lời đến kỳ sẽ ứng-nghiệm.

²¹Bấy giờ, dân-chúng đợi Xa-cha-ri, và lấy làm lạ, vì người ở lâu trong nơi thánh, ²² Khi Xa-cha-ri ra,

không nói với chúng được, thì họ mới hiểu rằng người đã thấy sự hiện thấy gì trong đền thánh; người ra dấu cho họ, mà vẫn còn câm. ²³ Khi những ngày về phần việc mình đã trọn, người trở về nhà. ²⁴ Khỏi ít lâu, vợ người là Ê-li-sa-bét chịu thai, ẩn mình đi trong năm tháng, mà nói rằng: ²⁵ Ấy là ơn Chúa đã làm cho tôi, khi Ngài đã đoái đến tôi, để cất sự xấu-hổ tôi giữa mọi người. »

Lu-ca là phước-âm của vui-mừng, của lời khen-ngợi và cầu-nguyện, của sự quan-tâm dịu-dàng đối với loài người và của ân-điền từ trời. Bởi vậy, quyền sách mở đầu rất thích-hợp, với quang-cảnh nơi đền-thờ vào giờ dâng hương và với một lời hứa thiên-thượng đem niềm hoan-lạc cho tâm-hồn. Lời hứa này nói về sự ra đời của người dọn đường cho chức-vụ Đấng Christ, chức-vụ này làm thành tổng-cương và thực-chất của Tin-lành.

Thời-gian là « trong đời Hê-rốt được gọi là Đại-đế » một con quái-vật hung-tợn, chur-hầu của La-mã, cai-trị người Do-thái bằng bạo-lực dã-man. Sự nô-lệ về chính-trị của dân ấy còn ít đau-thương hơn là sự suy-đổi thuộc-linh, vì tôn-giáo đã trở thành hình-thức trống-rỗng, chỉ còn là một hệ-thống lễ-nghi lễ-luật. Tuy-nhiên Đức Chúa Trời không bao giờ thiếu những chứng-nhân và những người thờ-phượng thật. Trong số này có « một thầy tế-lễ tên là Xa-cha-ri » và vợ là Ê-li-sa-bét, sống trong một vùng đồi xứ Giu-đê, phía nam Giê-ru-sa-lem. « Cả hai đều là công-bình trước mặt Đức Chúa Trời », không phải là vô-tội nhưng không chỗ trách được, cần-thận giữ đạo-đức và các nghi-lễ của luật-pháp. Tuy-nhiên lòng mộ-đạo không thể nào ngăn-chặn những niềm lo-âu những nỗi thất-vọng của thế-nhân, và những người sùng-đạo này đã mang nặng nỗi buồn của cảnh nhà không con-cái. Sự thử-thách này lại càng nặng-nề hơn ở giữa một dân-tộc xem sự vô-hậu như là dấu-hiệu hình-phạt của Thượng-đế, lại càng buồn hơn nữa cho những tấm lòng trung-thành mong được curu-mang Đấng Mê-si theo lời hứa.

Mỗi năm hai lần Xa-cha-ri lên Giê-ru-sa-lem để thi-hành nhiệm-vụ thánh trong một tuần-lễ. Cuối-cùng, ông đã được một đặc-ân, đặc-ân mà một thầy tế-lễ chỉ

có thể hưởng một lần trong đời sống, « thăm trúng nhằm ông » và ông được chọn vào nơi Thánh vào giờ cầu-nguyện để dâng hương trên bàn thờ vàng, ngay trước bức màn chỗ Đức Chúa Trời hiện đến. Đó là giờ phút vinh-diệu của đời ông. Khi khói hương bay lên, dấu-hiệu thật của lời cầu-khẩn được nhận, ông kinh-ngạc vì một vị thiên-sứ hiện ra hứa chắc với ông rằng những lời khẩn-đảo của ông đã được chiếu-cổ. Xa-cha-ri đã cầu-nguyện về vấn-đề gì — lúc ấy — xin một đứa con, hay vì sự cứu-rỗi cho cả dân-tộc ? Phải chăng cả hai ước-vọng đó đều ở trong lời khẩn-đảo ? Vì là đại-diện của quốc-gia, thầy tế-lễ khó cầu-thức lời cầu-nguyện của mình trong vòng cá-nhân, riêng tư. Nhưng khi ông cầu-xin sự hiện đến của Đấng Mê-si, chắc trong linh-hồn ông có một niềm ao-ước, thăm-kín trải qua bao nhiêu năm trường hay ông nhờ lại hy-vọng đã bị lãng-quên, cái hy-vọng thường bùng lên mỗi khi nghĩ đến sự cứu-rỗi của dân Y-so-ra-ên. Nhiều tông-tử của Đấng Christ có một kinh-nghiệm tương-tự; chính trong lúc thi-hành nhiệm-vụ chung, trong linh-hồn họ vẫn có ngự-trị một bóng mờ của niềm ưu-tư riêng-lẽ.

Thiên-sứ tuyên-bố rằng, lời cầu-nguyện cho sự cứu-rỗi dân-tộc đã được đoái nghe, rồi thiên-sứ lần-lượt kể ra những bước tuần-tự của sự nhậm lời, Đấng Mê-si sắp hiện ra, và trước khi Ngài đến sẽ có con trai thầy tế-lễ già-cả ấy đi trước mở đường. Thiên-sứ nói một cách vô-cùng quả-quyết, em bé được đặt tên là Giăng, nhiều người sẽ vui-mừng vì người ra đời, người sẽ là một Na-xi-rê, và như vậy sẽ phải thề-nguyện cử rượu và hiến mình hoàn-toàn cho Đức Chúa Trời. Vì hiến mình như vậy người sẽ được đầy-dẫy Đức Thánh-Linh và do đó đủ khả-năng hướng-dẫn nhân-dân trở lại ăn-năn. Ông sẽ hoạt-động với tâm-linh và quyền-năng của Ê-li, gọi người trở về với cuộc sống tinh-cảm thiên-nhiên và sự công-nghĩa hầu sửa-soạn cho sự cứu-rỗi do Christ đem đến.

Tin ấy lạ-lùng quá khiến thầy tế-lễ sửng-sốt không thể tin ngay được. Ông đã không hi-vọng những ước-mong của mình còn có thể thành-tựu được. Bởi vậy, ông xin một dấu để biết chắc những lời hứa ấy là thật. Đáp lại, thiên-sứ xưng quyền-lực oai-nghiêm và chức-vụ vinh-hiến

của mình, rồi chịu ban cho Xa-cha-ri một dấu. Dấu ấy vừa là một quở-trách lại vừa là một ơn-phước. Nó quở-trách sự vô-tín của thầy tế-lễ lão-thành nhưng lại làm vững mạnh đức-tin người. Ông sẽ bị cảm cho đến ngày lời hứa của thiên-sứ được ứng-nghiệm. Xa-cha-ri không nhận lời của Chúa ; ông không ngợi-khen Ngài về sự nhân-tử và ân-diên của Ngài. Bởi vậy, lưỡi của ông sẽ yên-lặng, ông sẽ không nói được gì cho đến cuối-cùng ông mới bật ra lời cảm-tạ vui-mừng. Sự vô-tín không bao giờ đem lại niềm vui và bất-trung chẳng thể nảy lên tiếng ca.

Tuy-nhiên, dấu-hiệu ấy chứa đựng một sức mạnh phi-thường. Đức-tin của Xa-cha-ri và của Ê-li-sa-bét nữa sẽ được củng-cố nhờ sự yên-lặng trong gia-đình họ. Lúc ấy đàn-chúng đứng tại sân đền thờ đợi thầy tế-lễ trở ra, khi thầy ra, họ vẫn đợi chúc-phước như thường-lệ, nhưng họ thấy Xa-cha-ri đã bị cảm, họ mới đoán rằng ông đã thấy một khả-tượng trong đền-thờ, chính ông cũng biết chắc rằng sứ-giả ấy cho Đức Chúa Trời sai đến. Đến kỳ hạn, lời hứa được ứng-nghiệm ; một mầm sống mới bắt đầu phát-hiện. Lúc ấy Ê-li-sa-bét lui về ẩn cư, cho đến khi sự xấu-hổ về son-sé của bà hoàn-toàn được cất đi. Bà không muốn người khác nhìn bà với ý nghĩ rằng bà không đẹp lòng Đức Chúa Trời trong khi bà cảm biết mình là kẻ nhận được ân-huệ đặc-biệt từ nơi Ngài. Bà tha-thiết tìm kiếm vinh-hiến Đức Chúa Trời của bà, khoái-hoạt trong tương-giao với Ngài. Các tiên-tri lớn của Chúa từng đến từ những gia-đình của thầy tế-lễ có thể cầu-nguyện như thế và những tấm lòng có thể tin-cậy như vậy.

B. Sự báo tin cho Ma-ri

Đoạn 1 : 26 - 38

«²⁶Đến tháng thứ sáu, Đức Chúa Trời sai thiên-sứ Gáp-ri-ên, đến thành Na-xa-rét, xứ Ga-li-lê, ²⁷tới cùng một người nữ đồng-trình tên là Ma-ri, đã hứa gả cho một người nam tên là Giô-sép, về dòng vua Đa-vít. ²⁸Thiên-sứ vào chỗ người nữ ở, nói rằng : Hỡi người được ơn, mừng cho người ; Chúa ở cùng người. ²⁹Ma-ri nghe nói thì bối-rối, tự hỏi

rằng lời chào ấy có nghĩa gì. ³⁰Thiên-sứ bèn nói rằng : Hỡi Ma-ri, đừng sợ, vì ngươi đã được ơn trước mặt Đức Chúa Trời. ³¹Này, ngươi sẽ chịu thai và sanh một con trai mà đặt tên là JÊSUS. ³²Con trai ấy sẽ nên tôn-trọng, được xưng là Con của Đấng Rất-Cao ; và Chúa, là Đức Chúa Trời, sẽ ban cho Ngài ngai Đạ-vít là tồ-phụ Ngài ³³Ngài sẽ trị-vì đời đời nhà Gia-cốp, nước Ngài vô-cùng. ³⁴Ma-ri bèn thưa rằng : Tôi chẳng hề nhận-biết người nam nào, thì làm sao có được sự đó ? ³⁵Thiên-sứ truyền rằng : Đức Thánh-Linh sẽ đến trên ngươi, và quyền-phép Đấng Rất-Cao sẽ che-phủ ngươi dưới bóng mình, cho nên con thánh sanh ra, phải xưng là Con Đức Chúa Trời. ³⁶Kla, Ê-li-sa-bét, bà-con ngươi, cũng đã chịu thai một trai trong lúc già-nua ; người ấy vốn có tiếng là son, mà nay cuu-mang được sáu tháng rồi. ³⁷Bởi vì không việc chi Đức Chúa Trời chẳng làm được. ³⁸Ma-ri thưa rằng : Tôi đây là tồ-tớ Chúa ; xin sự ấy xảy ra cho tôi như lời người truyền ! Đoạn thiên-sứ lìa khỏi Ma-ri.»

Sự báo tin cho Ma-ri về Chúa Jêsus giáng-sinh được Lu-ca ghi lại với lẽ tôn-nghiêm, tế-nhị và dè-dặt. Đó là một đoạn sử quan-trọng. Sự báo tin này là mữ triệu-thiên của các lời tiên-tri. Nó khải-thị sự mầu-nhiệm cao-cả của đức-tin Cơ-đốc-giáo, ấy là bản-chất của Cứu-Chúa chúng ta, vừa là người lại vừa là Trời.

Lại cũng chính vị thiên-sứ báo tin cho Xa-cha-ri đến, nhưng lần này người không nói cùng một thầy tế-lễ danh-vọng tuổi-tác ở giữa huy-hoàng của Đền-thờ, nhưng nói cùng một-thôn nữ mộc-mạc đã hứa gả cho một thợ mộc trong một làng tăm-tối của xứ Ga-li-lê. Lời chào của thiên-sứ «Hỡi người được ơn» đã bị người ta dịch trại ra là «Hỡi người có đầy ân-điền» để rồi ngụy-giải mà khuyến-khích người ta cầu-nguyện cùng nữ đồng-trình, xem bà ngang hàng với Đức Chúa Trời. Câu ấy không có nghĩa rằng Ma-ri là nguồn mà có nghĩa rằng bà là người nhận được ân-điền; Đức Chúa Trời đã giáng trên bà một đặc-ân phi-thường. Bà có thể được xem là người được phước nhất giữa vòng phụ-nữ, nhưng cũng chỉ là một phụ-nữ mà thôi.

Ma-ri hoảng sợ vì sự xuất-hiện và lời chào-mừng đột-ngột ấy, nhưng nàng còn kinh-ngạc hơn vì lời tuyên-bố «Người sẽ... sinh một trai, đặt tên là Jêsus». Nàng sẽ làm mẹ trước khi cưới và sẽ gọi con bằng một cái tên ý-nghĩa, tên đó nghĩa là «Cứu-Chúa» hay «Đức Chúa Trời là Cứu-Chúa» Thiên-sứ tiếp «Con ấy sẽ là lớn», cả về thân-vị «là Con của Đấng Rất-cao», lẫn về vương-quyền «Chúa là Đức Chúa Trời sẽ ban cho Ngài ngôi Đa-vít tổ-phụ Ngài.» Ngôi của Đa-vít ở đây không có ý-nghĩa nói về Hội-thánh Đấng Christ hoặc là những ảnh-hưởng thiên-thượng và thuộc-linh. Lời hứa này nói về sự cai-trị trên đất, nhưng không giới-hạn trong một quốc-gia hoặc hạn-chế trong một thời-đại nào. Đó là vương-quốc của Đấng Mê-si, sẽ đem niềm vui lại cho «nhà Gia-cốp đến đời đời» và cho mọi quốc-gia trên thế-giới «nước Ngài vô-cùng.»

Câu hỏi của Ma-ri tỏ vẻ ngạc-nhiên nhưng không phải là không tin : «Thế nào có điều đó? Rồi đến câu trả lời vô-cùng rõ-ràng và là một phát-biểu tuyệt-vời về sự nhục-hóa, «Thành-Linh sẽ đến trên ngươi, và quyền-phép Đấng rất cao sẽ che-phủ ngươi»; quyền-năng sáng-tạo của Đức Chúa Trời ngự trên Ma-ri như đám mây vinh-hiền ngự trên đền-tạm Y-sơ-ra-ên, nhờ đó em bé sẽ thật là Con Đức Chúa Trời và phải được gọi là «Con Đức Chúa Trời.» Đề chứng-tỏ lời hứa ấy là thật, thiên-sứ tỏ một dấu phi-thường là Ê-li-sa-bét, người bà con tuổi-tác của Ma-ri, chẳng bao lâu sẽ sanh một con. Điều đó làm ứng-nghiệm lời hứa cũng do chính thiên-sứ ấy phán ra, và trường-hợp lạ-lùng của Ê-li-sa-bét sẽ đảm-bảo cho Ma-ri sự thành-tựu của lời hứa phước-hạnh hơn và ngạc-nhiên hơn cho nàng. Câu trả lời của Ma-ri có một không hai trong lịch-sử biểu-lộ lòng tin trọn-vẹn «Tôi đây là tôi-tò Chúa; xin sự ấy xảy ra cho tôi như lời người truyền!» Như vậy nàng bày-tỏ đức-tin nơi lời Đức Chúa Trời và đầu-phục ý-chỉ của Ngài. Trí nàng không một mảy-may hoài-nghi sự chân-thật của lời hứa thiên-thượng với tất cả phép lạ và sự màu-nhiệm hàm-chứa trong đó. Nàng cũng chẳng hề trốn-tránh vì lời hứa được ứng-nghiệm có thể đem lại cho nàng sự ngờ-vực, xấu-hổ, trách-mắng, đau-khổ và có thể là sự chết nữa. Những người vững tin nơi lời hứa của

Đức Chúa Trời, đầu-phục cách kiên-nhẫn hơn hết vào sự thần-hựu của Ngài; họ thấy rằng rồi vinh-quang chắc-chắn sẽ tiếp theo màn mây âm-đạm. Ma-ri sẽ trở thành mẹ của Đấng Mê-si, của Con Nhân-loại, của Cứu-Chúa cả thế-gian.

C. Bài ca « Tôn-đại »

Đoạn 1 : 39 - 56

«³⁹Trong những ngày đó, Ma-ri chờ đợi, lật-dật đi trong miền núi, đến một thành về xứ Giu-đa, ⁴⁰vào nhà Xa-cha-ri mà chào Ê-li-sa-bét. ⁴¹Và, Ê-li-sa-bét vừa nghe tiếng Ma-ri chào, con nhỏ ở trong lòng liền nhảy-nhót; và Ê-li-sa-bét được đầy Thánh-Linh, ⁴²bèn cất tiếng kêu rằng: Người có phước trong đám đờn-bà, thai trong lòng người cũng được phước. ⁴³Nhơn đâu ta được sự về-vang này, là mẹ Chúa ta đến thăm ta? ⁴⁴Bởi vì tai ta mới nghe tiếng người chào, thì con nhỏ ở trong lòng ta liền nhảy mừng. ⁴⁵Phước cho người đã tin, vì lời Chúa truyền cho sẽ được ứng-nghiệm! ⁴⁶Ma-ri liền nói rằng:

Linh-hồn tôi ngợi-khen Chúa,

⁴⁷Tâm-thần tôi mừng-rỡ trong Đức Chúa Trời, là Cứu-Chúa tôi,

⁴⁸Vì Ngài đã đoái đến sự hèn-hạ của tôi-tớ Ngài.

Này, từ rày về sau, muôn đời sẽ khen tôi là kẻ có phước;

⁴⁹Bởi Đấng Toàn-Năng đã làm các việc lớn cho tôi.

Danh Ngài là thánh,

⁵⁰Và Ngài thương-xót kẻ kính-sợ Ngài từ đời này sang đời kia.

⁵¹Ngài đã dùng cánh tay mình để tỏ ra quyền-phép;

Và phá tan mưu của kẻ kiêu-ngạo toan trong lòng.

- 52 Ngai đã cách người có quyền khỏi ngôi họ,
Và nhắc kẻ khiêm-nhượng lên.
- 53 Ngai đã làm cho kẻ đói được đầy thức ngon,
Và đuổi kẻ giàu về tay không.
- 54 Ngai đã vừa-giúp Y-sơ-ra-ên, tôi- tớ Ngai,
Và nhớ lại sự thương-xót mình
Đối với Áp-ra-ham cùng con cháu người luôn luôn,
- 55 Như Ngai đã phán cùng tớ-phụ chúng ta vậy.
- 56 Ma-ri ở với Ê-li-sa-bét chừng ba tháng, rồi trở
về nhà mình.»

Bài ca Tôn-đại, một bản thi-ca khả-ai phát từ môi-miệng Ma-ri, đã được dùng làm một trong những thánh-ca chính cho Hội-thánh Đấng Christ trải qua nhiều thế-kỷ. Nguyên-do bài ca là nhân-cuộc viếng-thăm người bà con, là Ê-li-sa-bét, sau khi Ma-ri nhận lời hứa về sự sanh con trai. Ê-li-sa-bét nghe tiếng chào của Ma-ri, trong một lúc thần-cảm cao-độ, bà tuyên-bố Ma-ri là người được phước hơn hết giữa vòng phụ-nữ vì Con Trai nàng sẽ sanh ra, và bà tự hỏi sao lại có vinh-hạnh được mẹ Chúa đến thăm, câu ấy có nghĩa rằng nàng là mẹ của Đấng Mê-si; nên đề ý rằng trong Kinh-Thánh không hề có câu « mẹ Đức Chúa Trời » Ê-li-sa-bét chúc-mừng Ma-ri về đức-tin của nàng và đoán chắc rằng lời hứa mà Ma-ri tin-cậy thế nào cũng sẽ được ứng-nghiem.

Tên-bài hát của Ma-ri, «Magnificat» (Tôn-đại), lấy ra từ chữ đầu của câu La-tin Magnificat anima mea Dominum. Bài này rập theo mẫu bài ca An-ne hát khi lòng nàng hơn-hở cũng như Ma-ri, vì được hứa ban cho một con trai. Những câu đó là một bức khảm tuyệt-mỹ phối-hợp những đoạn trích trong Cựu-ước. Bài ca đó chẳng phải hát cho Ê-li-sa-bét hoặc cho Chúa, mà là một suy-nghiệm về ân-điền và sự thương-xót của Đức Chúa Trời.

Theo lối phân chia thông-thường thì bài ca chia làm bốn phiên-khúc, mỗi phiên-khúc bốn hàng, chỉ trừ phiên-

khúc thứ ba gồm sáu hàng. Diễn-tiến tư-tưởng dường như đi từ lòng nhân-tử của Đức Chúa Trời đối với Ma-ri, một cá-nhân tiến đến sự nhân-tử của Ngài đối với Y-so-ra-ên, một quốc-gia.

Phiên-khúc đầu từ câu 46-48, cũng như phần tiếp theo mang một trong những đặc-điểm cốt-yếu của thơ-văn Hê-bơ-ơ, ấy là cách diễn-tả tư-tưởng trong các câu liên-tiếp, ý thường đối ngẫu, hay tiếp liên. Trong « linh-hồn » hay « tâm-thần » hay phần nội tại của Ma-ri, nàng ngợi-khen tôn cao Chúa và vui-mừng trong Ngài vì được Ngài làm Cứu-Chúa mình. Sự cứu-rỗi này không phải cho riêng chỉ dân-tộc nàng, nhưng đặc-biệt cho nàng; không phải chỉ là một giải-phóng chính-trị mà còn là sự cứu-rỗi tâm-linh nữa. Đó là công-việc sẽ làm ra nhờ ân-tử của Đức Chúa Trời ban cho Ma-ri. Ngài đã chọn nàng, một thôn-nữ vô-danh đã hứa hôn với một gã thợ mộc nghèo-khó, và ban cho nàng cái vinh-dự mà các đời sau đều xưng nàng là « có phước. » Trong khi nhận biết mình không xứng-đáng chút nào với vinh-dự ấy, và đã biết cái giá mình phải trả, nàng bằng lòng đầu-phục, xưng mình là « con đòi » hay tối-mọi của Chúa. Lòng khiêm-nhường và đức-tin tuyệt-vời đến thế là cùng.

Phiên-khúc thứ hai câu 49-50, tập-trung tư-tưởng vào bản-tánh của Đức Chúa Trời, bản-tánh ấy phát-hiện trong sự ban ân-tử của Ngài. Quyền-năng Ngài, sự thánh-sạch, sự thương-xót của Ngài được ca-ngợi. Ngài đã tỏ ra quyền-năng của Ngài trong sự nhơn-lành đối với Ma-ri, phù-hợp với sự toàn-thiện của bản-tánh Ngài, cùng để ban phước cho bao nhiêu thế-hệ tin-cậy và kính-sợ Ngài.

Trong phiên-khúc thứ ba, câu 51-53, có một hình-ảnh về đặc-điểm của thơ-văn Hê-bơ-ơ; chẳng những là thể đối ngẫu hùng-mạnh, mà ở đây còn dùng thời quá-khứ để mô-tả những biến-cố tương-lai; hậu-quả của sự hiện đến của Đấng Mê-si được mô-tả như là đã xảy ra rồi. Những người kính-sợ Đức Chúa Trời được ơn-phước thì trái lại, kẻ « kiêu-ngạo », kẻ phân-loạn và kẻ vô-tin bị cảnh « tan-tác » giống như đám tàn quân; kẻ bị áp-bức sẽ được nâng lên, còn người tàn-bạo bị lật đổ; kẻ đói được no còn

kẻ giàu bị đuổi đi «không». Những hậu-quả ấy sẽ là những hậu-quả thuộc-linh cũng như thuộc-thể. Sự biến-đổi ấy sẽ xảy ra khi Đấng Christ được tiếp-nhận, chỉ những người khiêm-nhường cảm biết nhu-cầu của mình mới nhận được ơn phước từ nơi Ngài.

Phiên-khúc cuối-cùng câu 54-55, nhấn mạnh sự thành-tin của Đức Chúa Trời đối với những lời hứa xưa mà Ma-ri thấy ứng-nghiệm trong sự ra đời của Con nàng. Ban sự cứu-giúp này cho Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời tỏ rằng Ngài đã không quên lòng thương-xót «đối với Áp-ra-ham cùng dòng-dõi người», điều mà Ngài đã hứa cùng các «đô-phụ» thời-xưa. Chỉ trong Chúa Jê-sus-Christ, những lời hứa cho Y-sơ-ra-ên mới có thể thực-hiện, cùng những hi-vọng của mọi thời-đại.

D. Sự sinh-họ Giăng, bài ca «Chức-tụng»

Đoạn 1 : 57 - 80

⁵⁷Bấy giờ, đến ngày mãn-nguyệt, Ê-li-sa-bét sanh được một trai. ⁵⁸Xóm-riêng bà-con nghe Chúa tỏ ra sự thương-xót cả thể cho Ê-li-sa-bét, thì chia vui cùng người. ⁵⁹Qua ngày thứ tám, họ đều đến để làm lễ cắt-bì cho con trẻ; và đặt tên là Xa-cha-ri theo tên của cha. ⁶⁰Nhưng mẹ nói rằng: Không! phải đặt tên con là Giăng. ⁶¹Họ nói: Trong bà-con người không ai có tên đó. ⁶²Họ bèn ra dấu hỏi cha muốn đặt tên gì cho con ⁶³Xa-cha-ri bèn lấy bảng nhỏ, và viết rằng: Giăng là tên nó. Ai nấy đều lấy làm lạ. ⁶⁴Tức thì miệng người mở ra, lưỡi được thông-thả, nói và ngợi-khen Đức Chúa Trời. ⁶⁵Hết thấy xóm-riêng đều kính-sợ, và người ta nói chuyện với nhau về mọi sự ấy khắp miền núi xứ Giu-đê. ⁶⁶AI nghe cũng ghi vào lòng mà nói rằng: Ấy vậy, con trẻ đó sẽ ra thế nào? Vì tay Chúa ở cùng con trẻ ấy.

⁶⁷Bấy giờ, Xa-cha-ri, cha con trẻ ấy, được đầy-dẫy Đức Thánh-Linh, thì nói tiên-tri rằng:

⁶⁸Ngợi-khen Chúa, là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên,

Vì đã thăm-viếng và chuộc dân Ngài,

⁶⁹Cùng sanh ra cho chúng tôi trong nhà Đa-vít, tôi-tớ Ngài,

Một Đấng Cứu-thế có quyền-phép !

⁷⁰Như lời Ngài đã dùng miệng các thánh tiên-tri phán từ thuở trước,

⁷¹Ngài cứu chúng tôi khỏi kẻ thù và tay mọi người ghen-ghét chúng tôi ;

⁷²Ngài tỏ lòng thương-xót đến tở-tông chúng tôi,
Và nhớ lại lời giao-ước thánh của Ngài,

⁷³Theo như Ngài đã thề với Áp-ra-ham là tở-phụ chúng tôi,

⁷⁴Mà hứa rằng khi chúng tôi đã được cứu khỏi tay kẻ nghịch-thù,

Ngài sẽ ban ơn lành cho chúng tôi, trước mặt Ngài,

⁷⁵Lấy sự thánh-khiết và công-bình mà hầu việc Ngài trọn đời mình không sợ-hãi gì hết.

⁷⁶Hỡi con trẻ, người ta sẽ kêu con là tiên-tri của Đấng Rất-Cao ;

Con sẽ đi trước mặt Chúa, dọn đường Ngài,

⁷⁷Đề cho dân Ngài bởi sự tha tội họ mà biết sự rồi.

⁷⁸Vì Đức Chúa Trời chúng tôi động lòng thương-xót,
Và mặt trời mọc lên từ nơi cao thăm-viếng chúng tôi,

⁷⁹Đề soi những kẻ ngồi chỗ tối-tăm và trong bóng sự chết.

Cùng đưa chơn chúng tôi đi đường bình-an.

⁸⁰Vả, con trẻ ấy lớn lên, tâm-thần mạnh-mẽ, ở nơi đồng vắng cho đến ngày tỏ mình ra cùng dân Y-sơ-ra-ên.»

Khi thầy tế-lễ lão-thành Xa-cha-ri được thiên-sứ hứa rằng ông sẽ được ban cho một con trai gọi là Giăng để đi trước Đấng Christ, và khi ông xin một dấu chứng thật cho lời tiên-tri ấy thì ông bị mắc tật câm để cảnh-cáo sự vô-tín và để kích-thích đức-tin ông. Dấu đến cuối-cùng lời hứa được ứng-nghiem, dấu-hiệu đó vẫn không biến mất

và ông không thể nào nói được cho đến chừng tay ông viết ra đều điều-lộ niềm tin-cậy nơi Đức Chúa Trời. Việc vui-mừng này xảy ra vào ngày thứ tám sau khi Giáng ra đời, lúc các bạn-hữu đến chia vui và cha mẹ phải đặt tên cho con. Nhiều người đề-nghị lựa tên cha đặt cho nó. Nhưng bà mẹ đoán rằng tên nó là Giáng. Khi người ta hỏi ý Xa-cha-ri, thì ông « xin lấy bảng viết, rồi viết rằng: Giáng là tên nó. » Không chút lưỡng-lự, bất-định, không có một thắc-mắc nào trong trí ông, bởi vì tên này đã được thiên-sứ báo trước, sự quả-quyết của Xa-cha-ri tỏ rằng ông tin-cậy tuyệt-đối vào sự ứng-nghiệm lời thiên-sứ hứa về chức-vụ của con, và con ông sẽ được người đời xem là một ân-tử do ân-diễn thiên-thượng ban xuống và là một tiên-tri do Đức Chúa Trời chỉ-định. Thường thường sự xưng-nhận đức-tin công-khai đem lại niềm vui và lời làm chứng rộng-rãi hơn. Đó là trường-hợp của Xa-cha-ri: « Miệng người mở ra, lưỡi thông-thả người bèn nói mà chúc-tụng Đức Chúa Trời. » Lời cảm-tạ của ông bật thành tiếng hát, bài hát đã được dùng trong các buổi thờ-phượng của Hội-thánh trải qua mấy trăm năm. Đó là một bài Thánh-ca Co-đốc, một bài thánh-ca giáng-sinh, bởi vì mặc dầu bài này làm ra nhân dịp Giáng ra đời, trong bài chỉ có một khúc nói đến việc đó thôi, còn tất cả trọng-tâm của sự cảm-tạ đều nằm ở trong sự giáng-sinh của Chúa Jê-sus và sự cứu-rỗi mà Ngài sẽ đem lại.

Thánh-ca này được gọi là Benedictus (Chúc-tụng) theo chữ đầu trong câu La-tin. Đó là một ngọn trào lòng thổ-lộ niềm biết ơn sự ơn-lành vô-hạn của Đức Chúa Trời. Bài thơ có thể chia làm năm phiên-khúc, mỗi khúc bốn hàng; nhưng có một sự gián-cách từ câu thứ ba vì ý đã chuyển từ công-việc của Đấng Christ qua chức-vụ đặc-biệt của Giáng.

Phần thứ nhứt câu 68-69, nói về sự giải-cứ Y-sơ-ra-ên như đã được hoàn-thành trong Đấng Christ là Đấng sẽ sinh ra và được gọi là « Sứng Cứu-rỗi », nghĩa là một biểu-hiệu của quyền-lực cứu-rỗi. Ngài sẽ xuất-hiện để làm con và kẻ kế-kế-nghiệp của vua Đa-vít.

Phần thứ hai, câu 70-72, tố rằng sự giải-cứu khỏi kẻ thù-nghịch làm ứng-nghiệm lời hứa các tiên-tri đã hứa và các Tô-phụ hằng ấp-ủ. Lời hứa ấy gồm vào giao-ước thánh đã lập với Y-so-ra-ên từ xưa.

Phần thứ ba, câu 73-75, mô-tả tính-chất của sự cứu-rỗi mà lời thề cùng Áp-ra-ham đã đảm-bảo ; ấy là giải-phóng khỏi ách áp-bức về chính-trị hầu cho dân Y-so-ra-ên có thể phụng-sự Đức Chúa Trời cách chân-chính như một quốc-gia thánh-khiết, công-nghĩa trước mặt Ngài.

Trong phần thứ tư, câu 76-77, người hát quay về nói với đấng con, nhân sự ra đời của người con ấy mà có bài hát này. Ông tuyên-bố rằng Giăng sẽ được nhìn-nhận là tiên-tri của Đức Chúa Trời. Chức-vụ của Giăng là rao-truyền và định nghĩa sự cứu-rỗi đã hứa. Về tinh-túy, sự cứu-rỗi này không phải là chính-trị mà là thuộc-linh, gồm có sự tha tội. Giăng không phải là nhà cách-mạng mà là nhà cải-cách. Ông sẽ kêu-gọi dân-tộc ăn-năn, hầu cho những kẻ vàng theo sứ-điệp của ông sẽ sẵn-sàng tiếp-nhận sự cứu-rỗi của Đấng Christ.

Chức-vụ của Giăng liên-kết với chức-vụ của Đấng Christ. Chức-vụ của Ngài được mô-tả đến tuyệt-điểm ở đoạn-kết-thúc câu 78-79. Nguồn của mọi sự phước do Đấng Christ đem đến bắt từ « lòng thương-xót của Đức Chúa Trời », yếu-điểm là sự viếng-thăm của « Vàng đông từ nơi cao », khi Mặt Trời công-nghĩa mọc lên cho kẻ bơ-vơ, những người sờ-soạng khiếp-sợ trong bóng đêm, những kẻ ngồi « trong tối-tăm và dưới bóng sự chết » ; kết-quả sẽ là « đưa chơn chúng ta vào đường bình-an. »

Đó là bản thánh-ca của Xa-cha-ri, một thánh-ca của đức-tin, hi-vọng, của sự biết ơn, một bài hát của sự cứu-rỗi do tinh-yêu của Đức Chúa Trời ban xuống trong Jê-sus-Christ chúng ta.

E. Sự Giáng-sinh của Chúa Jêsus

Đoạn 2: 1 - 20

¹Lúc ấy, Sê-sa Au-gút-tơ ra chiếu-chỉ phải lập sổ dân trong cả thiên-hạ. ²Việc lập sổ dân này là trước hết, và nhằm khi Qui-ri-ni-u làm quan tổng-đốc xứ Sy-ri. ³AI nấy đều đến thành mình khai tên vào sổ.

⁴Vì Giô-sép là dòng-dõi nhà Đa-vít, cho nên cũng từ thành Na-xa-rét, xứ Ga-li-lê, lên thành Đa-vít, gọi là Bết-lê-hem, xứ Giu-đê, ⁵để khai vào sổ tên mình và tên Ma-ri, là người đã hứa gả cho mình, đương có thai. ⁶Đang khi hai người ở nơi đó, thì ngày sanh đẻ của Ma-ri đã đến. ⁷Người sanh con trai đầu lòng, lấy khăn bọc con mình, đặt nằm trong máng cỏ, vì nhà quán không có đủ chỗ ở.

⁸Vả, cũng trong miền đó, có mấy kẻ chăn chiên trú ngoài đồng, thức đêm canh-giữ bầy chiên. ⁹Một thiên-sứ của Chúa đến gần họ, và sự vinh-hiền của Chúa chói-lòa xung-quanh, họ rất sợ-hãi. ¹⁰Thiên-sứ bèn phán rằng: Đừng sợ chi; vì này, ta báo cho các người một tin lành, sẽ là một sự vui-mừng lớn cho muôn dân; ¹¹ấy là hôm nay tại thành Đa-vít đã sanh cho các người một Đấng Cứu-thế, là Christ, là Chúa. ¹²Này là dấu cho các người nhìn-nhận Ngài: Các người sẽ gặp một con trẻ bọc bằng khăn, nằm trong máng cỏ. ¹³Bổng-chúc có muôn-vạn thiên-bình với thiên-sứ đó ngợi-khen Đức Chúa Trời rằng:

¹⁴Sáng danh Chúa trên các tầng trời rất cao,

Bình-an dưới đất, ân-trạch cho loài người!

¹⁵Sau khi các thiên-sứ lìa họ lên trời rồi, bọn chăn chiên nói với nhau rằng: chúng ta hãy tới thành Bết-lê-hem, xem việc đã xảy đến mà Chúa cho chúng ta hay. ¹⁶Vậy, họ vội-vàng đi đến đó, thấy Ma-ri, Giô-sép và thấy con trẻ đang nằm trong máng cỏ. ¹⁷Đã thấy vậy, họ bèn thuật lại những lời thiên-sứ nói về con trẻ đó. ¹⁸AI nấy nghe chuyện bọn chăn chiên nói, đều lấy làm

lạ. ¹⁹ Còn Ma-ri thì ghi-nhớ mọi lời ấy và suy-nghĩ trong lòng. ²⁰ Bọn chăn chiên trở về, làm sáng danh và ngợi-khen Đức Chúa Trời về mọi điều mình đã nghe và thấy y như lời đã báo trước cùng mình.»

Câu chuyện Chúa Jêsus giáng-sinh do Ma-thi-ơ kể tương-phản hẳn với lối kể của Lu-ca. Ma-thi-ơ miêu-tả Jêsus như một vị vua. Khi Ngài giáng-sinh thì vua Hê-rốt run-sợ trên ngai, và các thuật-sĩ đến qui lạy Ngài dâng những phẩm-vật qui-giá. Lu-ca trình-bày Jêsus như một Con Người lý-tưởng, nên câu chuyện của ông đầy quan-điểm nhân-tính. Câu chuyện ấy tả hai vợ chồng dân quê đi từ nhà ở Na-xa-rét về phương Bắc đến Bết-lê-hem, và tại đây bị đuổi ra khỏi nhà quán, họ đã đặt con sơ-sinh của họ trên máng cỏ, và những người khách đến thăm họ đầu-tiên là những mục-tử hèn-hạ đến từ đồng cỏ lân-cận. Tuy nhiên, quan-điểm nhân-tính không phải chỉ thuộc về trần-thế, câu chuyện vang lên khúc nhạc trời và dệt bằng lời truyền-rao mang ý-nghĩa ân-điền thiên-thượng.

Chỉ những người học-giả gần đây mới công-nhận sự chính-xác về phương-diện lịch-sử khi Lu-ca liên-kết sự giáng-sinh của Chúa với chỉ-dụ của Au-gút-tô và sự đấng-bộ dưới thời Qui-ri-ni-u. Tuy-nhiên, Lu-ca nhắc đến những dữ-kiện ấy không phải cốt ý để định ngày sinh của Đấng Christ mà là để giải-thích tại sao việc xảy ra ở Bết-lê-hem trong khi gia-đình hai ông bà ở tại Na-xa-rét. Chỉ có sự bắt-buộc của luật-pháp mới có thể khiến họ đi một quãng đường chừng đó giữa một thời-kỳ như thế, nhưng điều ấy cũng tỏ rằng vua chúa thế-gian vô-tình cũng dự-phần trong sự làm ứng-nghiệm lời tiên-tri về Cứu-Chúa của thế-gian.

Theo một sắc-lệnh của Hoàng-đế, Giô-sép cùng với Ma-ri, theo Ma-thi-ơ thì là vợ chàng chớ không phải chỉ là «hứa gả», đi đến Bết-lê-hem, cách Giê-ru-sa-lem năm dặm về phía nam, để đấng-bộ tại nguyên-quán. Nơi đây Con Trai đã hứa cho họ được sinh ra. Họ bị loại ra khỏi quán không phải vì quán bạc-đãi khách, lại càng không

phải do thái-độ thù-hận của họ đối với Jêsus, mà vì có thành-phố lúc ấy đông người quá. Tuy-nhiên, điều này cũng cho ta thấy sự nghèo-thiếu chât-vật của Giô-sép và Ma-ri.

Biết rõ Lu-ca đặt nặng tầm quan-trọng của sự giảng-sinh Chúa Jêsus, ta mới lấy làm lạ thấy Lu-ca thật là tài-tình về lối kể chuyện vắn-tắt giản-đi. Với một nghệ-thuật điêu-luyện, sau khi ông kể lại sự việc, ông để cho những sứ-giả thiên-thượng giải-thích diễn-tả ý-nghĩa của biến-cố. Những sứ-giả ấy là thiên-sứ. Họ xuất-hiện cho toán chẵn chẵn «trú ngoài đồng đương đêm canh giữ bầy chiên». Từ trong hào-quang thiên-thượng phát ra bài ca về niềm vui cho Y-sơ-ra-ên «hôm nay tại thành Đa-vít đã sanh cho các ngươi một Cứu-Chúa, là Christ, là Chúa.» Thiên-sứ không tiết-lộ một sự thật lớn hơn, ấy là Đấng Christ sẽ là Đấng cứu-chuộc cho mọi người, hay Ngài là một Chúa đến từ trời. Tuy-nhiên các gã mục-đồng được ban cho một dấu-hiệu để nhận ra em bé và để biết chắc đó là Đấng Christ: «các ngươi sẽ gặp một con trẻ bọc khăn, nằm trong máng cỏ.» Lúc ấy đó là một dấu-hiệu khác lạ ; nhưng bây giờ đối với ta nó trở thành một biểu-tượng đầy ý-nghĩa ; Đấng giải-cứu được lót nằm trong máng cỏ đã trải biết được sự nghèo-khó, đau-khổ và lãng-quên, và bây giờ Ngài có thể thu-phục cảm-tình của kẻ thấp-thỏi, của người buồn nản, dấu rằng Ngài đến cùng họ với tư-cách của Đấng sung-túc để cứu-rỗi họ.

Khi Tin-Lành đã ban-bổ xong, thịnh-linh một ban hợp-ca thiên-sứ hiện ra đầy trời, hát bài thánh-ca vĩ-đại, bài thánh-ca này về sau được những người thờ-phượng Đấng Christ khai-triển mà gọi theo tên La-tin là «Gloria in Exelsis». Nó gồm có hai câu, mỗi câu chứa-đựng ba chú-điểm tương-quan, «vinh-hiền» và «bình-an» «nơi Rát-cao» và «dưới đất», «Đức Chúa Trời» và «loài người». Đây là một bản thánh-ca ngợi-khen Đức Chúa Trời, bởi sự ban sai Đấng Cứu-thế, Ngài đã biểu-hiện sự vinh-diệu của Ngài trên Trời, và phát-lộ ân-điền Ngài cho loài người dưới đất là những kẻ đã hưởng được ơn của Ngài. Kết-quả của công-việc đó sẽ là «bình-an» ; sự hòa-bình chỉ có Đấng Christ mới đem lại được — hòa-bình với Đức Chúa Trời, hòa-bình cho lòng người, hòa-bình giữa người với người, hòa-bình cho thế-giới,

Những người chần-chiên kinh-ngạc vội-vã tìm sự thực của tin lành, họ đã trở thành những chứng-nhân đầu-tiên cho Đấng Christ với tất cả ý-nghĩa thật của hai chữ ấy « họ bèn thuật lại những lời thiên-sứ nói về con trẻ đó ». Ta không lạ gì khi thấy những kẻ nghe ngạc-nhiên, hoặc Ma-ri cất giữ trong lòng những sứ-điệp thiên-thượng, hay các mục-tử trở về bôn-phận với niềm biết ơn và lời ngợi-khen, bởi vì kỳ-ức họ luôn luôn đáp-điu âm-hưởng của bài ca vẫn phổ-diễn hi-vọng cho nhân-loại.

F. Sự dâng Chúa Jêsus, bài ca « Ra Đi »

Đoạn 2 : 21-40

«²¹ Đến ngày thứ tám, là ngày phải làm phép cắt-bì cho con trẻ, thì họ đặt tên là Jêsus, là tên thiên-sứ đã đặt cho, trước khi chịu cru-mang trong lòng mẹ.

²² Khi đã hết những ngày tinh-sạch rồi, theo luật-pháp Môi-se, Giô-sép và Ma-ri đem con trẻ lên thành Giê-ru-sa-lem để dâng cho Chúa, —²³ như đã chép trong luật-pháp Chúa rằng : Hễ con trai đầu lòng, phải dâng cho Chúa, —²⁴ lại dâng một cặp chim cu, hoặc chim bồ-câu con, như luật-pháp Chúa đã truyền.

²⁵ Và, trong thành Giê-ru-sa-lem có một người công-bình đạo-đức, tên là Si-mê-ôn, trông-đợi sự yên-ủi dân Y-sơ-ra-ên, và Đức Thánh-Linh ngự trên người. ²⁶ Đức Thánh-Linh đã bảo trước cho người biết mình sẽ không chết trước khi thấy Đấng Christ của Chúa. ²⁷ Vậy người cảm bởi Đức Thánh-Linh vào đền-thờ, lúc có cha mẹ đem con trẻ là Jêsus đến, để làm trọn cho Ngài các thường-lệ mà luật-pháp đã định, ²⁸ thì người bồng-ẵm con trẻ, mà ngợi-khen Đức Chúa Trời rằng :

²⁹ Lạy Chúa, bây giờ xin Chúa cho tôi-tớ Chúa được qua đời bình-an theo như lời Ngài ;

³⁰ Vì con mắt tôi đã thấy sự cứu-vớt của Ngài,

³¹ Mà Ngài đã sắm-sửa đặng làm ánh-sáng trước mặt muôn dân.

³² Soi khắp thiên-hạ,

Và làm vinh-hiền cho dân Y-sơ-ra-ên là dân Ngài.

³³ Cha mẹ con trẻ lấy làm lạ về mấy lời người ta nói về con. ³⁴ Si-mê-ôn bèn chúc phước cho hai vợ chồng, nói với Ma-ri, mẹ con trẻ rằng : Đây, con trẻ này đã định làm một cơ cho nhiều người trong Y-sơ-ra-ên vấp ngã hoặc đẩy lên, và định làm một dấu gây nên sự cãi-trả ; ³⁵ còn phần người, có một thanh gươm sẽ đâm thấu qua lòng người. Ấy vậy tư-tưởng trong lòng nhiều người sẽ được bày-tỏ.

³⁶ Lại có bà tiên-tri An-ne, con gái của Pha-nu-ên, về chi-phái A-se, đã cao tuổi lắm. Từ lúc còn đồng-trình đã ở với chồng được bảy năm ; ³⁷ rồi thì ở góa. Bảy giờ đã tám mươi bốn tuổi, chẳng hề ra khỏi đền-thờ, cứ đêm ngày hầu việc Đức Chúa Trời, kiêng ăn và cầu-nguyện. ³⁸ Một lúc ấy, người cũng thịnh-linh đến đó, ngợi-khen Đức Chúa Trời, và nói chuyện về con trẻ với mọi người trông-dợi sự giải-cứu của thành Giê-ru-sa-lem.

³⁹ Khi Giô-sép và Ma-ri đã làm trọn mọi việc theo luật-pháp Chúa rồi, thì trở về thành của mình là Na-xa-rét trong xứ Ga-li-lê. ⁴⁰ Con trẻ lớn lên, và mạnh-mẽ, được đầy-dẫy sự khôn-ngoa, và ƠN Đức Chúa Trời ngự trên Ngài. »

Những việc xảy ra trong thời thơ-ấu của Chúa Jê-sus do Lu-ca ghi lại chẳng những thêm về nhân-tính cho câu chuyện mà lại còn giải-thích chức-vụ tương-lai và công-tác cứu-chuộc của Chúa. Vào ngày thứ tám, Ngài được đặt tên là « Jê-sus, » một tên người ta thường đặt cho các em trai Do-thái, bởi vì Ngài đã được hoạch-định để làm ứng-nghiệm những điều hàm-chứa trong ý-nghĩa tên ấy : « Sự cứu-rỗi của Chúa. »

Rồi sau đó năm tuần, Ngài được đem dâng lên đền-thờ. Mẹ Ngài đã dâng một thứ sinh-tế chứng-tỏ bà không có dư-dã, nhưng cũng không đến nỗi nghèo mạt quá. Nhưng ý-nghĩa thật của khung-cảnh ở đây nằm trong lời tiên-tri của những vị Thánh Si-mê-ôn và An-ne. Lời đầu-tiên là bài ca của Si-mê-ôn, gọi theo những chữ đầu bằng tiếng La-tin là Nunc Dimitis (« Bây giờ xin Chúa cho được ra đi. ») Linh-hồn kính-kiền này đã được mặc-khải rằng ông sẽ không chết trước khi thấy Đấng Mê-si, « Đấng Christ của Chúa. » Được Thánh-Linh dẫn vào đền-thờ đương khi cha mẹ Chúa Jêsus dâng con trai trước mặt Chúa, ông bỗng hài-nhi lên tay, hát một bài hát giáng-sinh trang-trọng và dịu-dàng nhất. Không như bài « Tôn-đại » và « chúc-tụng » bài này chẳng những hứa sự cứu-rỗi cho Y-so-ra-ên mà cho cả thế-giới nữa.

« Bây giờ xin Chúa cho đầy-tớ Chúa được qua đời bình-an » ; câu nói ấy chứa-đựng một hình-ảnh đẹp vô-cùng; đó là lời nói về một người canh-chờ hàn-hoan đón-nhận giờ rút-lui của mình vì đã trông thấy Đấng phải đến, bây giờ ông sắp-sửa ra đi trong sự bình-an của nhiệm-vụ đã hoàn-tất, trong sự bình-an của hy-vọng đã thành-trụ; bởi vì mắt ông đã trông thấy Đấng Cứu-thế theo lời hứa của Chúa. Sự cứu-chuộc do Đấng Mê-si đem đến, theo như bài ca, là để cho mọi dân-tộc ; đó là ánh sáng để rọi đường cứu-rỗi cho dân Ngoại ; đó là vinh-quang thật của dân-tộc ân-sủng, dân Y-so-ra-ên.

Sự cứu-rỗi dự-bị cho mọi người, nhưng không phải ai cũng tiếp-nhận cả. Si-mê-ôn lại nói cùng bà mẹ đương ngạc-nhiên một lời tiên-tri bí-hiêm. Chức-vụ của Jêsus là cơ-hội cho nhiều người té-ngã hoặc đứng lên. Thái-độ của họ đối với Ngài sẽ tỏ ra họ thế nào; có người sẽ chối-bỏ Ngài và như vậy là họ tự-kết-án mình; có người sẽ nói nghịch cùng Ngài đầu Ngài chính là khi-cụ của sự cứu-rỗi từ trời ; sự chống-đối ấy sẽ lên tới cực-điểm tại cây thập-tự, lúc đó sự đau-buồn cay-đắng sẽ như cây gươm đâm thấu tâm-hồn Ma-ri. Chúa Jêsus là viên đá thử tâm-tánh, sự tiếp-nhận hoặc chối-bỏ Ngài sẽ phát-lộ chân-tinh của con người : « tu-tướng trong lòng nhiều người sẽ được bày-tỏ. »

Đương khi Ma-ri và Giô-sép chưa hết ngạc-nhiên về những lời kỳ-diệu ấy, thì một nữ tiên-tri tuổi-tác tiến đến. Trong khoảng thời-gian góa-bụa lâu dài, bà sống trong sự thờ-phượng liên-tục. Bà cũng ngợi-khen Đức Chúa Trời về sự cứu-rỗi hoàn-thành trong: Con của Ma-ri và tiếp-tục nói về Ngài cho mọi người « trông-đợi sự giải-cứu của thành Giê-ru-sa-lem » cũng như bà.

Sau đó, Ma-ri và Giô-sép quay về nhà ở Na-xa-rét, nơi đây Chúa Jê-sus sống suốt quãng đời ấu-trĩ và niên-thiếu. Trong những năm yên-lặng ấy, Ngài nảy-nở bình-thường nhưng đặc-biệt là quân-bình và sự toàn-hảo. Ngài « lớn lên, thêm mạnh-mẽ » về thể-xác « càng đầy-dẫy sự khôn-ngoan, và ơn của Đức Chúa Trời ngự trên Ngài. » Cứu-Chúa của thế-gian là một Con Người lý-tưởng.

G. Em bé Jê-sus tại Giê-ru-sa-lem

Đoạn 2: 41 - 52

«⁴¹ Vả, hằng năm đến ngày lễ Vượt-qua, cha mẹ Đức Chúa Jê-sus thường đến thành Giê-ru-sa-lem
⁴² Khi Ngài lên mười hai tuổi, theo lệ-thường ngày lễ, cùng lên thành Giê-ru-sa-lem. ⁴³ Các ngày lễ qua rồi, cha mẹ trở về, con trẻ là Jê-sus ở lại thành Giê-ru-sa-lem, mà cha mẹ không hay chi hết. ⁴⁴ Hai người tưởng rằng Ngài cũng đồng đi với bạn đi đường, đi trót một ngày, rồi mới tìm hỏi trong đám bà-con quen-biết; ⁴⁵ nhưng không thấy Ngài, bèn trở lại thành Giê-ru-sa-lem mà tìm. ⁴⁶ Khỏi ba ngày, gặp Ngài tại trong đền-thờ đang ngồi giữa mấy thầy thông-thái, vừa nghe vừa hỏi. ⁴⁷ Ai nấy nghe, đều lạ-khen về sự khôn-ngoan và lời đối-đáp của Ngài. ⁴⁸ Khi cha mẹ thấy Ngài, thì lấy làm lạ, và mẹ hỏi rằng: Hỡi con, sao con làm cho hai ta thể này? Này, cha và mẹ đã khó-nhọc lắm mà tìm con. ⁴⁹ Ngài thưa rằng: Cha mẹ kiếm tôi làm chi? Há chẳng biết tôi phải lo việc Cha tôi sao?
⁵⁰ Nhưng hai người không hiểu lời Ngài nói chi hết.

⁵¹ Đoạn, Ngài theo về thành Na-xa-rét và chịu lụy cha mẹ. Mẹ Ngài ghi các lời ấy vào lòng.

52 Đức Chúa Jê-sus khôn-ngoan càng thêm, thân hình càng lớn, càng được đẹp lòng Đức Chúa Trời và người ta.»

Có người nói rằng thời niên-thiếu của Chúa Jê-sus như một khu vườn rào bằng tường kín, chỉ cho ta có mỗi một bông hoa, nhưng bông hoa ấy tỏa ra một hương thơm sức-nức làm cho lòng ta nao-nức muốn bước hẳn vào khuôn-viên bí-mật. Trong những ngày thơ-ấu của Ngài, chúng ta chỉ có mỗi một biến-cố do một mình Lu-ca ghi lại, ấy là lần lên thăm Giê-ru-sa-lem lúc Ngài mười hai tuổi. Vào tuổi này một thiếu-niên Do-thái trở thành «con của luật-pháp» và khởi-sự tuân theo những điều-lệ của nó, trong đó các việc hành-hương về thành-thánh để giữ những tiệc-thánh trong đó. Trong chuyến đi Giê-ru-sa-lem lần đầu-tiên này, Jê-sus bị cha mẹ vô-tình bỏ rơi khi họ quay về Na-xa-rét. Hết một ngày rồi họ mới tìm Ngài khắp trong đám lũ-khách đông-đúc đi về phương Bắc đến xứ Ga-li-lê nhưng không gặp. Ngày sau, Ma-ri và Giô-sép trở về Giê-ru-sa-lem, và ngày thứ ba họ gặp Jê-sus trong Đền-thờ giữa các giáo-sư. Những vị này đang ngạc-nhiên về sự hiểu-biết Kinh-thánh của Ngài. Ma-ri hỏi Ngài một câu ngụ-ý trách-móc : «Con ơi, sao con làm cho hai ta ra thê này? Đây, cha con và ta đã lo-buồn mà tìm con?» Trong câu trả-lời của Chúa Jê-sus có một ít ngạc-nhiên, một ít quở-trách, nhưng cũng đậm-đà âm-vọng của tình-yêu, của khải-trọng thuộc-linh và của quyết-định long-trọng : «Sao cha mẹ tìm tôi? Cha mẹ há chẳng biết tôi phải ở trong nhà Cha tôi sao?»

Đó là những lời đầu-tiên của Chúa Jê-sus được ghi chép lại. Những lời ấy là dấu chỉ và giải-thích cả sự-nghiệp của Ngài, chỉ có mình Lu-ca ghi-chép lại thôi. Nếu câu ấy có ngụ ý trách-cứ Ma-ri, chắc nó phải có một giọng-điệu cung-kinh và âu-yếm; và trong đó có chứa-đựng một lời khen-ngợi tể-nhị chẳng? Chúa Jê-sus không trách cha mẹ vì đã tìm-kiếm Ngài, nhưng vì không tìm-kiếm Ngài trong đền-thờ trước tiên và phải chẳng Ngài ngụ ý rằng cha mẹ đã dạy Ngài yêu nhà Đức Chúa Trời và vui-vẻ về luật-pháp của Ngài? Lời Ngài nói có thể hiểu rằng : «Tại sao cha mẹ tìm tôi?»

Tại sao cha mẹ không nhớ rằng phải tìm tôi trong Đền-thờ mới đúng chứ ? »

Những lời đó là một phát-lộ về cuộc sống gia-đình ở Na-xa-rét. Đó không phải là do phép lạ hoặc nhờ thần-tánh của Ngài nhưng là nhờ sự giáo-huấn của cha mẹ kính-kiền mà ở tuổi mười hai, Chúa Jê-sus đã quán-triệt Kinh-thánh, và đã học biết kính-trọng, tôn-thờ những gì liên-quan tới Kinh-thánh và sự thờ-phượng Đức Chúa Trời. Các bậc cha mẹ ngày nay lại không thể nào đánh thức trong tâm-hồn con-cái tình yêu nhà-thờ Đức Chúa Trời, lời Ngài và ý-chỉ của Ngài sao ?

Ngoài ra, những lời ấy bày-tỏ rằng Ngài hiểu-biết địa-vị thần-tử của Ngài. Chúa Jê-sus đã biết một cách đặc-biệt rằng Đức Chúa Trời là Cha Ngài, là nguồn thật của sự sống Ngài. Ngài lập tức sửa lại lời của Ma-ri «cha con» nói về Giô-sép, thành lời của Ngài «Cha tôi» nói về Đức Chúa Trời. Lu-ca tả về Đấng Christ như là một người lý-tưởng nhưng luôn luôn với sự nhận biết rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời.

Con-cái chúng ta nên học-tập xem Đức Chúa Trời như là Cha của chúng, không phải nói với ý-nghĩa đặc-biệt như Chúa Jê-sus dùng cho chính Ngài là Con đời đời, cũng không phải với ý-nghĩa dùng cho mọi tạo-vật, nhưng đề chỉ sự thân-hữu chặt-chẽ với Đức Chúa Trời do Jê-sus-Christ Cứu-Chúa chúng ta đem lại cho những người tin.

Quan-trọng hơn hết, những lời này biểu-lộ một quyết-định cương-ngự, cho một mục-dịch kiên-quyết, Chúa Jê-sus cảm biết rằng hôn-phận Ngài là ở trong nhà Cha Ngài—không những ở trong đền-thờ vật-chất mà trong địa-hạt đời sống và hoạt-động, Đền-thờ là một tiêu-biểu, một dấu-hiệu có một ý-nghĩa trọng-đại. Ngài đã quyết-định hiến dâng tất cả tư-tưởng, khả-năng, sức-lực để phụng-sự cương-quyết cho Đức Chúa Trời, Phải chăng phần lớn các trẻ em ở tuổi mười hai đã đủ chín - chắn để lập một mục-dịch tương-tự, nhận-biết sự phục-vụ Đức Chúa Trời là một nhiệm-vụ cao-cả và bao-quát cho mỗi cuộc sống.

Với lý-tưởng xác-định ấy trong tâm-trí, Chúa Jê-sus quay về Na-xa-rét tiếp-tục sống và phục-tùng cha mẹ, lao-khổ mười tám năm với nghề thợ mộc, một cuộc sống ăn-cư yên-lặng trong một làng tối-tàn, học-tập chuẩn-bị cho chức-vụ công-khai, một điều không thể thực-hiện được giữa Giê-ru-sa-lem phồn-hoa náo-nhiệt. Sự nầy-nở của Ngài vừa tự-nhiên và toàn-vẹn ; Ngài « khôn-ngaoan càng thêm, thân hình càng lớn, càng được đẹp lòng Đức Chúa Trời và người ta. » Sự phát-triển về thân-thể và tâm-trí của Ngài không lấn-át về khả-ái và năng-lực thuộc-linh của Ngài. Đối với những cuộc đời hoàn-toàn đầu-phục ý-chỉ Đức Chúa Trời, một sự nầy-nở như thế có thể có được đầu là trong địa-hạt thấp-hèn nhưt.

III. CÔNG-CUỘC CHUẨN - BỊ

Đoạn 3 : 1 - 4 : 13

A. Sự giảng-dạy của Giăng

Đoạn 3 : 1 - 20

«¹ Năm thứ mười lăm đời Sê-sa Ti-bê-rô, — khi Bôn-xơ Phi-lát làm quan tổng-dốc xứ Giu-đê, Hê-rốt làm vua chư-hầu xứ Ga-li-lê, Phi-líp em vua ấy làm vua chư-hầu xứ Y-tu-rê và tỉnh Tra-cô-nít, Ly-sa-ni-a làm vua chư-hầu xứ A-bý-len, ² An-ne và Cai-phe làm thầy cả thượng-phẩm, — thì có lời Đức Chúa Trời truyền cho Giăng, con Xa-cha-ri, ở nơi đồng vắng. ³ Giăng bèn dạo qua hết thấy miền lân-cận sông Giô-danh, giảng-dạy phép báp-têm về sự ăn-năn để được tha-tội, ⁴ như lời đã chép trong sách đáng tiên-trí Ê-sai rằng :

Có tiếng kêu-la trong đồng vắng :

Hãy dọn đường Chúa, ban bằng các nẻo Ngài.

⁵ Mọi nơi sùng-thấp sẽ lấp cho đầy,

Các núi các gò thì bị hạ xuống ;

Đường quanh-quẹo thì làm cho ngay,

Đường gấp-ghềnh thì làm cho bằng ;

⁶ Và mọi loài xác-thịt sẽ thấy sự cứu của Đức Chúa Trời.

⁷ Vậy, Giăng nói cùng đoàn dân đến để chịu mình làm phép báp-têm rằng : Hỡi dòng-dôi rắn lục, ai đã dạy các người tránh khỏi cơn thanh-nộ ngày sau ? ⁸ Thế thì, hãy kết-quả xứng-dáng với sự ăn-năn; và đừng tự nói rằng : Áp-ra-ham là tổ-phụ chúng ta ; vì ta nói cùng các người, Đức Chúa Trời có thể khiến từ những đá này sanh ra con-cái cho Áp-ra-ham được. ⁹ Cái búa đã đề kê gốc cây ; hễ cây nào không sanh trái tốt thì sẽ bị đốn và chụm.

¹⁰ Chúng bèn hỏi Giăng rằng : Vậy thì chúng tôi phải làm gì ? ¹¹ Người đáp rằng : Ai có hai áo, hãy lấy một cái cho người không có ; và ai có đồ-ăn cũng nên làm như vậy. ¹² Cũng có những người thâu thuế đến để chịu phép báp-têm ; họ hỏi rằng : Thưa thầy, chúng tôi phải làm gì ? ¹³ Người nói rằng : Đừng đòi chi ngoài số luật-định. ¹⁴ Quân-lính cũng hỏi rằng : Còn chúng tôi phải làm gì ? Người nói rằng : Đừng hà-hiếp, đừng phỉnh-gạt ai hết, nhưng hãy bằng lòng về lương-hướng mình.

¹⁵ Bởi dân-chúng vẫn trông-đợi, và ai nấy đều tự hỏi trong lòng nếu Giăng phải là Đấng Christ chăng, ¹⁶ nên Giăng cất tiếng nói cùng mọi người rằng : Phần ta làm phép báp-têm cho các người bằng nước ; song có một Đấng quyền-phép hơn ta sẽ đến, ta không đáng mở dây giày Ngài. Chính Ngài sẽ làm phép báp-têm cho các người bằng Đức Thánh-Linh và bằng lửa. ¹⁷ Tay Ngài sẽ cầm nia mà giê thật sạch sân lúa mình, và thâu lúa mì vào kho ; nhưng đốt trấu trong lửa chẳng hề tắt.

¹⁸ Trong khi Giăng rao-truyền tin lành, thì cũng khuyên-báo dân-chúng nhiều điều nữa. ¹⁹ Song Hê-rốt, vua chư-hầu, đã bị Giăng can-gián về việc Hê-rô-điá

vợ của em mình, cùng về các điều ác vua đã làm, ²⁰ thì lại thêm một điều ác nữa, là bắt Giăng bỏ tù.»

Giăng Báp-tít là vị tiên-tri được thần-cảm đầu-tiên đến đập tan sự yên-lặng của bao nhiêu thế-kỷ trôi qua từ đời Ma-la-chi. Sự quan-trọng của chức-vụ người được Lu-ca nêu ra bằng cách nêu những chi-tiết xác-thực thì ông định thời-kỳ của người. Khi nói đến tên những nhà cầm-quyền chính-trị và tôn-giáo, ông đã cho ta biết sáu cuộc bổ-nhiệm thời ấy; nó càng phù-hợp với phương-diện phổ-thông của Tin-lành. Với thiên-tài của một sử-gia, Lu-ca đã liên-kết câu chuyện mình với các biến-cố của thế-giới. Tuy-nhiên trước hết ông phải nhắc đến tên của vị Hoàng-đế đương trị-vị, Sê-sa-Ti-bê-rơ, rồi ông kể đến tên Phi-lát, tổng-đốc xứ Giu-đê, người đã mang một vết nhơ muôn đời là lên án thập-hình cho Chúa Jê-sus, Hê-rốt An-ti-ba, con người quyền-dụ và sát-nhân, con của Hê-rốt đại vương, được bổ-nhiệm cai-trị xứ Ga-li-lê; Phi-líp và Ly-sa-nia làm tổng-đốc những tỉnh lân-cận. Về phía giáo-quyền, ông nhắc đến Anne và Cai-phe. Tuy Anne đã bị bãi-chức từ mấy năm trước ông ta vẫn tiếp-tục dự-phần với con rề trong những nhiệm-vụ thầy tế-lễ thượng-phẩm, và trong những việc ô-nhục liên-quan đến hai tên ấy. Một bản danh-sách của những lãnh-tụ như thế cho ta thấy sự thoái-hóa tột-bực về đạo-đức lẫn tôn-giáo lúc bấy giờ, và sự cần-thiết phải có một người kêu-gọi Y-sơ-ra-ên trở lại thờ-phượng và phụng-sự Đức Chúa Trời.

Vị sử-gia ấy đã đến trong con người của Giăng Báp-tít. Sau một thời-gian lâu chịu kỷ-luật khắc-khổ trong đồng vắng, ông đã đến với một sứ-điệp quả-quyết từ Đức Chúa Trời lời-cuốn quần-chúng đông-đảo đến thung-lũng Giô-đanh để nghe giảng đạo và tiếp-nhận lễ báp-têm của người như một dấu-hiệu và ấn-chứng cho sự ăn-năn của họ. Bản-chất của chức-vụ ông, là làm ứng-nghiệm dự-ngón của Ê-sai về « tiếng kêu trong đồng-vắng » người được Đức Chúa Trời sai đến để dẫn đường cho Đấng Christ đến. Sự sửa-soạn này có một tinh-cách Đông-phương. Khi một vị vua sửa-soạn đi đến đâu, thì họ sai một đầy-tớ đi trước để sửa-soạn đường đi. Chỗ trống phải lấp đầy, chỗ gò phải san xuống, đường quanh-quẹo phải sửa cho thẳng,

đường gồ-gề phải sửa cho êm. Như vậy, muốn cho người ta sẵn-sàng tiếp-nhận Đấng Christ, những trở-ngại đạo-đức cần phải dẹp sạch; người ta phải ăn-năn tội mình và lia-bỏ nó. Lu-ca đã kết-thúc câu trích Ê-sai bằng dòng chữ, « Và mọi loài xác-thịt sẽ thấy sự cứu-rỗi của Đức-Chúa Trời, » phù-hợp với tinh-cách phổ-thông của Tin-lành.

Nội-dung của sứ-điệp Giảng giảng, trải qua các đời đã từng đánh thức sự đáp-ứng trong tâm-khảm của con người: ông giảng về tội-lỗi và sự phán-xét, về sự ăn-năn và tha tội. Theo như Lu-ca ghi lại thì giọng-điệu của bài giảng ông thật hết sức nghiêm-khắc, ở đây ông gọi đoàn dân là « dòng-dối rắn lục » và hỏi họ tại sao họ giả-vờ như đã nghe những lời cảnh-cáo về cơn thanh-nộ hầu đến. Sợ-dĩ ông phải nghiêm-khắc như vậy, là vì dân-chúng không bằng lòng từ-bỏ tội-lỗi của mình trong khi chạy trốn sự phán-xét đương đe-dọa. Họ xem lễ báp-têm của Giảng là một lễ-nghi phù-phép có thể giữ cho kẻ không ăn-năn được an-toàn trong giờ phán-xét. Giảng kêu-gọi họ hãy tỏ sự ăn-năn bằng việc làm và đừng cậy mình là con cháu Áp-ra-ham mà cho mình là kẻ chắc đã được cứu-rỗi. Ông tuyên-bố rằng sự phán-xét ở trên họ, cái riu đã đặt kẻ gốc cây và cây nào không sinh trái sẽ bị « đốn mà quăng vào lửa. »

Khi dân-chúng hỏi, Giảng trả lời rất rõ-ràng rằng chỉ ăn-năn ông nói không có nghĩa là một hình-thức lễ-nghi, cũng không phải là một từ-ngữ thần-đạo trừu-trượng. Điều ông đòi-hỏi rất rõ-ràng thực-tế, là mỗi người phải từ-bỏ vòng tội-lỗi vây-hãm, và phải tỏ lòng yêu-thương đối với anh em. Đem quần áo, thức ăn cho những kẻ đói rách, đối với sự ăn-năn, có nghĩa là từ-bỏ tội ích-kỷ. Những người thù thù thường bị người ta ghét vì tánh bất-lương và tham-lam được khuyên-dạy đừng yêu-sách chi hơn ngoài luật-định. Binh-lính hay đúng hơn « những người trong quân-ngũ » có thể là cảnh-sát địa-phương hồi ấy, được khuyên-bảo đừng tống tiền bằng bạo-lực hoặc tìm tiền bằng cách vu-cáo người ta, nhưng hãy bằng lòng với lương-phạm của mình. Tất cả những ai muốn tiếp-nhận Đấng Christ bất cứ ở tuổi nào cũng phải lia-bỏ tội-lỗi,

Sự ăn-năn không phải là một kinh-nghiệm thần-bí, nó rất rõ-ràng đơn-giản và thiết-thực. Nó bao-hàm sự lia-bỏ tất tham-lam, bất-lương, gian-ác, tàn-bạo và bất-mẫn và tất cả những gì đối-nghịch với ý-muốn rõ-rệt của Đức Chúa Trời.

Giăng dự-ngôn quả-quyết về sự đến của Đấng Christ. Có đôi người nghĩ rằng chính vị tiên-tri ấy là Đấng Mê-si, Giăng tuyên-bố rằng chức-vụ của Đấng Christ vĩ-đại hơn chức-vụ của ông nhiều đến nỗi ông không xứng-đáng làm một tôi-mọi, cởi dây giày của Ngài. Giăng làm báp-têm bằng nước nhưng Đấng Christ sẽ làm báp-têm bằng Thánh-Linh và lửa. Nước là một yếu-tố vật-chất, chỉ tượng-trung về sự thay đổi bề trong, Chúa Jê-sus đem họ đến sự tương-giao với thân-vị thiên-thượng, và đem quyền-năng của sự tẩy sạch và biến-cải thi-thố trên tâm-hồn họ. Tuy-nhiên, Ngài cũng đến để phạt kẻ không chịu ăn-năn; Ngài sẽ tách gạo lúa mì ra khỏi trấu, cất gạo vào trong kho và đem trấu đốt trong lửa chẳng hề dập tắt được.

Đoạn cuối của sự-nghiệp Giăng được Lu-ca đem vào đây để chuẩn-bị cho bản ký-thuật của ông chuyển qua kể về chức-vụ của Đấng Christ. Thật ra sau khi Chúa Jê-sus khởi-sự chức-vụ một thời-gian, vua chư-hầu Hê-rốt mới bắt Giăng giam vào ngục vì ông đã quở-trách vua trụy-lạc này về sự gian-dâm và tội-lỗi của vua. Giăng là một sứ-giả trung-thành của Đức Chúa Trời, nhưng thế-gian không tôn-trọng các tiên-tri của họ, các tiên-tri ấy thường bị họ cầm-tù, chặt đầu, thiêu-đốt hoặc đóng đinh trên thập-tự.

B. Lễ Báp-têm của Chúa Jê-sus

Đoạn 3 : 21 - 22

« ²¹ Và, khi hết thấy dân-chúng đều chịu phép báp-têm, Đức Chúa Jê-sus cũng chịu phép báp-têm. Ngài đương cầu-nguyện thì trời mở ra, ²² Đức Thánh-Linh lấy hình chim bồ-câu ngự xuống trên Ngài; lại có tiếng từ trên trời phán rằng: Người là Con yêu-dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đường. »

Tại sao Người lý-tưởng, con Đức Chúa Trời, lại chịu lễ báp-têm của Giăng, một lễ báp-têm của sự ăn-năn ? Chắc-chắn không phải để xưng tội của Ngài ; nhưng trước hết là để đóng ấn của Ngài phê-chuẩn công-tác của Giăng và để chứng-nhận sứ-điệp tuyên-bố rằng muốn dự-phần cứu-rỗi của Đấng Christ nhất-thiết cần phải có sự ăn-năn và xưng-tội.

Lại bởi chịu báp-têm, Chúa Jêsus muốn đồng-hóa với dân-tộc, không phải về tội-lỗi mà về sự thi-hành những mệnh-lệnh đã truyền cho họ, kết-thân với họ trong sự khinh-ghét của tội-lỗi, trong nỗi chán-chường vì gánh nặng nó, trong hy-vọng và sự trông-đợi ơn cứu-rỗi. Chỉ những người biết kết-thân mới có thể phụng-sự và cứu-vớt. Lễ báp-têm ám chỉ rằng kẻ ăn-năn đã đoạn-tuyệt với quá-khứ để bắt đầu một cuộc sống mới thánh-khiết và vâng-phục. Thì ở đây, lễ báp-têm của Chúa Jêsus đã chấm dứt những năm yên-tĩnh của thời-kỳ chuẩn-bị ở Na-xa-rét để bước vào thiên-chức phụng-sự và hy-sinh, thiên-chức mà Ngài thi-hành vâng theo ý Cha Ngài. Chính vì lý-do đó mà Lu-ca, với nghệ-thuật của một sử-gia có tài trước hết đã ghi câu chuyện về Giăng, nhà đại tiên-phong rồi mới kể đến lễ báp-têm của Chúa Jêsus, mà trên thực-tế, là tuyệt-điêm của sự-nghiệp Giăng. Việc ấy giới-thiệu Chúa Jêsus vào chức-vụ công-khai, và chức-vụ ấy làm thành chất-liệu của phước-âm.

Nếu nhìn vào cách Lu-ca ghi lại buổi lễ báp-têm, ta cũng thấy rõ biến-cố ấy chỉ là mới mở màn cho tập ký-thuật của ông. Ông không mô-tả biến-cố. Ông chỉ nhắc lại nó để ấn-định thời-gian Chúa Jêsus thấy Thánh-Linh hiện xuống và nghe tiếng phán từ trời. Hiện-tượng thứ nhứt là một biểu-tượng của quyền-phép nhờ đó Chúa Jêsus thi-thố công-tác Ngài. Hiện-tượng thứ hai là một lời tuyên-bố Ngài Đấng Christ, là Đấng được Đức Chúa Trời chuẩn-nhận.

Chúng ta không thể cho rằng trước đó Chúa Jêsus chưa có Thánh-Linh, cũng không thể bảo rằng lúc ấy Ngài lập một tương-quan mới với Cha Ngài, nhưng, như trong lễ báp-têm Ngài đã hiến mình cho nhiệm-vụ, thì ở đây Ngài

được ban quyền-lực để thi-hành nhiệm-vụ ấy ; như Ngài đã khiêm-nhường đồng-hóa với các con loài người, thì ở đây Ngài được xác-nhận một lần nữa rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời ; như Ngài đã ra thân-thiện với những tội-nhân đã ăn-năn, thì ở đây Ngài được tuyên-bố là Đấng Vô-tội, được Đức Chúa Trời đẹp lòng.

Cũng vậy, đối với những người theo Đấng Christ, tất cả đều được sự hiện-diện của Thánh-Linh, nhưng mỗi lần họ dâng mình cho nhiệm-vụ, họ lại được đầy-dẫy quyền-phép, họ được thêm sức-lực để hành-động, và vui-mừng vì một lần nữa quyền làm con được xác-quyết và được Đức Chúa Trời tiếp-nhận. Chỉ có mình ông kể lại rằng việc đó xảy ra trong lúc Chúa Jêsus cầu-nguyện. Ông biết rằng đó là một thời-gian cực-kỳ quan-trọng. Cầu-nguyện thường là điều-kiện cho những khả-tượng thiên-đường và những kinh-nghiệm thuộc-linh chuẩn-bị chúng ta cho những nhiệm-vụ của đời sống.

C. Gia-phổ Đức Chúa Jêsus

Đoạn 3 : 23-38

“²³ Khi Đức Chúa Jêsus khởi-sự làm chức-vụ mình thì Ngài có độ ba mươi tuổi. Theo ý người ta tin, thì Ngài là con Giô-sép, Giô-sép con Hê-li, ²⁴ Hê-li con Mát-tát, Mát-tát con Lê-vi, Lê-vi con Mên-chi, Mên-chi con Gia-nê, Gia-nê con Giô-sép, ²⁵ Giô-sép con Ma-ta-thia, Ma-ta-thia con A-mốt, A-mốt con Na-hum, Na-hum con Êch-li, Êch-li con Na-ghê, ²⁶ Na-ghê con Ma-át, Ma-át con Ma-ta-thia, Ma-ta-thia con Sê-mê-in, Sê-mê-in con Giô-sêch, Giô-sêch con Giô-đa, ²⁷ Giô-đa con Glô-a-nan, Glô-a-nan con Rê-sa, Rê-sa con Xô-rô-ba-bên, Xô-rô-ba-bên con Sa-la-thi-ên, Sa-la-thi-ên con Nê-ri, ²⁸ Nê-ri con Mên-chi, Mên-chi con A-di, A-di con Cô-sam, Cô-sam con Ên-ma-đan, Ên-ma-đan con Ê-rơ, ²⁹ Ê-rơ con Glê-su, Glê-su con Ê-li-ê-se, Ê-li-ê-se con Giô-rim, Giô-rim con Mát-thát, Mát-thát con Lê-vi, ³⁰ Lê-vi con Si-mê-ôn, Si-mê-ôn con Glu-đa, Glu-đa con Giô-sép, Giô-sép con Glô-nam, Glô-nam con Ê-li-a-kim, Ê-li-a-kim con Mê-lê-a, ³¹ Mê-lê-a con Men-na, Men-na

con Mát-ta-tha, Mát-ta-tha con Na-than, Na-than con Đa-vít, ³² Đa-vít con Giê-sê, Giê-sê con Giô-bết, Giô-bết con Bô-ô, Bô-ô con Sa-la, Sa-la con Na-ách-son, Na-ách-son con A-mi-na-dáp, ³³ A-mi-na-dáp con Át-min, Át-min con A-rơ-ni, A-rơ-ni con Êch-rôm, Êch-rôm con Pha-rê, Pha-rê con Glu-đa, ³⁴ Glu-đa con Gla-cốp, Gla-cốp con Y-sác, Y-sác con Áp-ra-ham, Áp-ra-ham con Tha-rê, Tha-rê con Na-cô, ³⁵ Na-cô con Sê-rúc, Sê-rúc con Ra-gao, Ra-gao con Pha-léc, Pha-léc con Hê-be, Hê-be con Sa-la, ³⁶ Sa-la con Cai-nam, Cai-nam con A-bác-sát, A-bác-sát con Sem, Sem con Nô-ê, Nô-ê con La-méc, ³⁷ La-méc con Ma-tu-sê-la, Ma-tu-sê-la con Hê-nóc, Hê-nóc con Gia-rết, Gia-rết con Mê-lê-lê-ên, Mê-lê-lê-ên con Cai-nam, ³⁸ Cai-nam con Ê-nót, Ê-nót con Sết, Sết con A-đam, A-đam con Đứơc Chúa Trời.»

Phổ-hệ của Chúa Jê-sus do Lu-ca chép chứa đựng nhiều điểm dị-biệt với phổ-hệ trong Ma-thi-ơ. Có thể có đôi điểm dị-biệt ta giải-thích được và nhận thấy trong nó có ý-nghĩa thật.

1. Trước hết vị-trí của gia-phổ khác nhau. Ở Ma-thi-ơ nó mở màn cho câu chuyện; ở Lu-ca nó nằm vào cuối đoạn thứ ba. Đây dĩ-nhiên không phải là tình-cờ. Mục-đích của Ma-thi-ơ là để chứng-minh rằng Jê-sus là Đấng Christ, Đấng Mê-si, làm ứng-nghiệm các lời tiên-tri trong Cựu-ước với tư-cách là Vua Y-sơ-ra-ên. Điều quan-trọng hơn hết ở đây là Chúa Jê-sus phải được tỏ ra Ngài là con Đa-vít và Áp-ra-ham bởi vậy Gia-phổ chánh-thức chứng-minh điều đó phải mở đầu quyền sách đến nỗi đi trước cả truyện-tích giáng-sinh.

Còn Lu-ca đã kể lại một cách ý-nghĩa về sự ra đời, thời thơ-ấu và sự-nghiệp của Giăng, nhà đại tiên-phong, bởi vì những chuyện ấy soi sáng trên chức-vụ của Đấng Christ. Bởi vậy khi kể xong sự-nghiệp của Giăng và sắp-sửa chép về chức-vụ của Chúa Jê-sus, Lu-ca đã ghi lại gia-phổ để nhấn mạnh rằng câu chuyện về Giăng đã hết và chức-vụ của Chúa Jê-sus sắp bắt đầu. Gia-phổ, bởi vậy là một hồi chuyện màn tài-tình, lời giới-thiệu quan-trọng.

Nó cho ta thấy ý-định thật của tác-giả và đánh dấu một sự chuyển-tiếp từ chức-vụ gọi người ăn-năn đến công-tác cứu-chuộc đem lại sự cứu-rỗi người ra khỏi vòng tội-lỗi. Phước-âm không phải là một lời khuyên tốt mà là một Tin-lành. Chúng ta không phải là những người theo Giảng nhưng là theo Jêsus.

2. Thứ đến, gia-phổ trong Ma-thi-ơ theo thứ-tự từ trên xuống, còn Lu-ca đi ngược lại từ con lên cha. Gia-phổ trong Ma-thi-ơ chép theo hệ-thống chính-thức: các cá-nhân được chép thêm vào gia-phổ khi họ sinh ra; còn Gia-phổ trong Lu-ca là một công-việc riêng tư thâu-thập tài-liệu để lập thành phả-hệ của một nhân-vật đặc-biệt, nhân-vật ấy đứng đầu sở để người ta có thể chú-ý đến. Điều này hoàn-toàn phù-hợp với nghệ-thuật viết văn của Lu-ca. Ở điểm này trong tác-phẩm của ông, ông muốn tập-trung tư-tưởng vào một điểm tối-trọng, ấy là Chúa Jêsus, là Cứu-Chúa, chính vì công-tác cứu-chuộc của Ngài mà ông đã bắt tay viết thiên truyện-ký này.

3. Thứ ba, những tên kể từ Áp-ra-ham đến Đa-vít của Lu-ca giống với những tên của Ma-thi-ơ, nhưng những tên từ Đa-vít đến Chúa Jêsus khác nhau. Có người thử giải-thích rằng vì Ma-thi-ơ chép gia-phổ của Giô-sép, còn Lu-ca chép của Ma-ri. Thiết-tưởng tốt hơn là cho rằng cả hai đều chép gia-phổ của Giô-sép, nhưng Ma-thi-ơ vạch phả-hệ của ông theo các đời vua-chúa để tỏ rằng Chúa Jêsus là kết-tự của Đa-vít, còn Lu-ca thì giữ đúng theo thứ-tự thật của nó. Điều này chắc-chắn phù-hợp với mục-đích của Ma-thi-ơ là luôn luôn mô-tả Đấng Christ là Vua, và Lu-ca tả-vẽ Ngài là một Người thật, Người lý-tưởng.

4. Lại nữa, gia-phổ trong Ma-thi-ơ bắt đầu với Áp-ra-ham còn Lu-ca vạch thẳng với A-đam. Cái trên tỏ rằng Chúa Jêsus là người Do-thái, là dòng-dõi chân-chính của Áp-ra-ham, người làm trọn giao-ước. Cái dưới nhắc-nhở chúng ta rằng Ngài thuộc về cả nhân-loại. Nó khiến ta nhìn qua khỏi biên-giới của quốc-gia mà nhớ rằng con người lý-tưởng mà Lu-ca muốn đập mạnh vào tư-tưởng chúng ta là Cứu-Chúa của nhân-loại.

5. Khi gia-phồ chấm dứt với câu A-đam là « con Đức Chúa Trời » nó ám-chỉ rằng Chúa Jêsus được kể là một phần-tử của đại-đoàn-thể nhân-loại, căn-nguyên Ngài ở trong Đức Chúa Trời như mọi người khác, nhưng cũng không phải để chối-bỏ rằng Ngài có một tương-quan đặc-biệt với Đức Chúa Trời. Gia-phồ bắt đầu với lời tuyên-bố rằng Chúa Jêsus là con Giô-sép, theo ý người ta tin, Ngài là con kế-tự của Giô-sép theo luật-pháp, bởi vậy là con trai của Đa-vít theo lời hứa, nhờ cuộc hôn-nhơn giữa Giô-sép và Ma-ri : nhưng Ngài không phải là con thật của Giô-sép ; Ngài là « Con Một » của Đức Chúa Trời.

D. Sự cám-dỗ Chúa Jêsus

Đoạn 4 : 1 - 13

«¹ Đức Chúa Jêsus đẩy-dẩy Đức Thánh-Linh, ở bờ sông Giô-đanh về, thì được Đức Thánh-Linh đưa đến trong đồng vắng, ² tại đó, Ngài bị ma-qui cám-dỗ trong bốn mươi ngày. Trong những ngày ấy, Ngài không ăn chi hết, kỳ đã mãn thì Ngài đói. ³ Ma-qui bèn nói với Ngài rằng : Nếu ngươi là Con Đức Chúa Trời, thì hãy khiến đá này trở nên bánh đi. ⁴ Đức Chúa Jêsus đáp : Có chép rằng : Loài người được sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi. ⁵ Ma-qui đem Ngài lên, cho xem mọi nước thế-gian trong giây-phút ; ⁶ và nói rằng : Ta sẽ cho ngươi hết thảy quyền-phép và sự vinh-hiền của các nước đó ; vì đã giao cho ta hết, ta muốn cho ai tùy ý ta. ⁷ Vậy, nếu ngươi sấp mình xuống trước mặt ta, mọi sự đó sẽ thuộc về ngươi cả. ⁸ Đức Chúa Jêsus đáp : Có chép rằng : Ngươi phải thờ-phượng Chúa là Đức Chúa Trời ngươi, và chỉ hầu việc một mình Ngài mà thôi. ⁹ Ma-qui cũng đem Ngài đến thành Giê-ru-sa-lem, để Ngài trên nóc đền-thờ, mà nói rằng : Nếu ngươi là Con Đức Chúa Trời, hãy gieo mình xuống đi ; ¹⁰ vì có chép rằng :

Chúa sẽ truyền cho thiên-sứ gìn-giữ ngươi.

¹¹ Các Đấng ấy sẽ nâng ngươi trong tay,

Kéo người vấp chơn nhằm đá nào chăng.

12 Đức Chúa Jêsus đáp : Có phán rằng : Người đừng thử Chúa, là Đức Chúa Trời người. 13 Ma-qui dùng hết cách cám-đỡ Ngài rồi, bèn tạm lìa Ngài.»

Sự cám-đỡ Chúa Jêsus là bước cuối-cùng của công-cuộc chuẩn-bị cho chức-vụ công-khai của Ngài. Đối với nhiều kẻ theo Ngài, kỹ-thuật tối-hậu cho sự phục-vụ nằm trong sự thử-thách như vậy sẽ đem lại kết-quả là có một quyết-định để sống không phải cho mình mà cho Đức Chúa Trời.

Thời-kỳ chịu cám-đỡ là một thời-kỳ ý-nghĩa. Nó xảy ra ngay sau lúc Chúa Jêsus được đầy-dẫy Thánh-Linh và được xác-quyết một lần nữa về địa-vị thần-tử của Ngài. Dưới ảnh-hưởng của Thánh-Linh Ngài được đưa tới nơi thử-thách, và chịu sự cám-đỡ phần lớn gồm những đề-nghị sử-dụng cho những mục-đích ích-kỷ cái quyền-lực thiên-thượng mà Ngài ý-thức, và quên đi mối tương-quan phụ-tử với Cha Ngài. Dầu Đức Chúa Trời chẳng hề cám-đỡ chúng ta, sự đưa chúng ta vào tội-lỗi hình như một phần trong mục-đích ân-diên của Ngài là để chúng ta chịu sự cám-đỡ. Những kinh-nghiệm này đối với chúng ta đương khi chúng ta được Đức Thánh-linh dắt-dẫn, và chủ-đích của sự cám-đỡ ấy thường là khuyến chúng ta khuynh-hướng về tư-kỷ và quên-lãng tương-quan thật giữa ta và Đức Chúa Trời. Nơi cám-đỡ là đồng vắng ; nghĩa là về một phương-diện cuộc chiến-đấu nội-tâm của chúng ta sẽ luôn luôn là cuộc chiến-đấu cực-kỳ đơn-độc. Mặt khác sống trong đồng-vắng thực-tế không phải là thoát khỏi mọi đòi-hỏi của tội-lỗi. Bất-cứ ở nơi nào, ta cũng có thể biết chắc có sự hiện-diện và lòng tru-ái của Đấng Christ ; và nhờ đức-tin nơi Ngài ta có thể đắc-thắng khải-hoàn. Điều này có vẻ là một sử-điệp chủ-yếu trong cả truyện-tích.

Cả Ma-thi-ơ và Lu-ca đều nói đến ba điều cám-đỡ. Những điều này có lẽ có ý trọng-trung và hàm-xúc ; tất cả những thử-thách về tâm-tánh của nhân-loại đều có thể tập-trung vào những tội-ác đó. Tuy-nhiên, nên để ý một điều là thứ-tự của những điều cám-đỡ trong Lu-ca và Ma-thi-ơ khác nhau. Cả hai đều kể điều cám-đỡ đầu-tiên là hóa đá ra

bánh, nhưng điều thứ hai của Lu-ca là điều chót của Ma-thi-ơ, đó là đề-nghị cho Chúa Jê-sus các nước trên thế-gian. Đây là cực-điểm thích-đáng trong sự thử-nghiệm một vị Vua, Còn Lu-ca kể điều cam-đổ cuối-cùng là Chúa Jê-sus phải quảng mình từ trên cánh dơi nóc đền-thờ để thử Đức Chúa Trời. Đó là một cam-đổ trong địa-hạt dục-vọng tâm-trí, nhưng nó khéo-léo khoác một hình-thức tin-cậy tự-thị. Quả thật đây là tuyệt-điểm của sự thử-thách Người lý-tượng. Thứ-tự của Ma-thi-ơ được Sứ-đồ Giảng nhắc trong câu «tu-dục của xác-thịt, tu-dục của mắt, và sự kiêu-căng của đời sống.» Thứ-tự của Lu-ca đem chúng ta lại câu chuyện của Ê-đen và tội-lỗi đầu-tiên của nhân-loại, do sự ham-thích những của «tốt» «đẹp mắt» «khiến chó người ta không-ngoan.» Cùng như tại Ê-đen, sự cam-đổ đầu-tiên là nghi-ngờ lòng nonh-lành của Đức Chúa Trời, điều thứ hai nghi-ngờ quyền-năng Ngài, và thứ ba là không tin-cậy sự khôn-ngoan của Ngài. Sự thắng trận là do đức-tin khải-hoàn của Ngài đem lại, và đức-tin vẫn-là «sự thắng hơn thế-gian.»

Sự cam-đổ đầu-tiên là thuộc địa-hạt món ngon của thân-thê ; Sa-tan thúc-giục Ngài hóa đá ra bánh. Tại sao lại không được ? Sự thèm ăn của Ngài là vô thưởng vô phạt, Ngài có khả-năng để làm thỏa-mãn nó. Nhưng tội ở đây nằm trong việc sử-dụng quyền-lực thiên-thượng để thỏa-mãn những nhu-cầu vật-chất. Nếu Ngài đã sống theo cách đó, ắt Ngài không phải chịu đói-khát, đau-đớn, u-r-sâu, hay thập-hình. Làm vậy thì Ngài đã đánh đổ mục-dịch mà Ngài đến thế-gian ; và bất cứ người nào đặt miếng ăn làm chủ-dịch cũng là phi-phạm cả cuộc đời mình. Tuy-nhiên, cốt-yếu của điều cam-đổ này làm cho nghi-ngờ sự nonh-từ của Đức Chúa Trời, như Chúa Jê-sus đã tỏ ra trong câu trả lời của Ngài : «Loài người sống chẳng những chỉ nhờ bánh thôi đâu» Ngài trích câu ấy trong Cựu-ước ; Ngài có ý nói rằng xưa kia Đức Chúa Trời đã bảo-toàn dân Ngài bởi phép lạ, thì nay Ngài cũng sẽ giữ-gìn sự sống của Con Ngài. Chúa Jê-sus không bị tấn vào chỗ kinh-hoàng sợ-hãi. Ngài tin rằng Đức Chúa Trời sẽ cung-cấp cho nhu-cầu của Ngài, và dầu sự đòi-hỏi của miếng ăn có mạnh-mẽ bao nhiêu đi nữa, chắc-chắn đường-lối và ý-chỉ của Đức Chúa Trời sẽ đem lại sự thỏa-mãn và nguồn vui chân-thật nhất cho cuộc đời.

Điều cám-dỗ thứ hai thuộc địa-hạt dục-vọng của trần-gian. Đó là một đề-nghị về quyền-hạn vô-biên của con người. Sa-tan sẽ ban cho Chúa Jêsus mọi nước trên thế-giới với điều-kiện là Ngài phải cúi xuống thờ-lạy nó. Sức mạnh của lời cám-dỗ là ở chỗ Chúa Jêsus mong đợi một ngày kia sẽ cai-trị thế-gian. Đứa cám-dỗ có ý nói rằng nó đương có quyền-hạn ấy, và nếu Chúa Jêsus chịu phục-tùng nó thì Ngài sẽ đạt ngay được mục-đích trị-vì thế-gian. Đó là sự cám-dỗ làm cho nghi-ngờ quyền-năng của Đức Chúa Trời, bội-tín Ngài, như câu trả lời của Chúa Jêsus, « Người hãy thờ-lạy Chúa là Đức Chúa Trời người. »

Đó là một hình-thức cám-dỗ quen-thuộc thời nay. Ma-qui không bảo chúng ta bỏ những mục-đích vị-tha giúp ích đồng-bào và phụng-sự nhân-loại ; nó chỉ yêu-cầu ta thỏa-hiệp với cái xấu để đạt mục-đích ấy ; nó chủ-trương rằng cứu-cánh sẽ biện-minh cho phương-tiện. Nó cho ta biết rằng trong địa-hạt thương-mại, xã-hội hay chính-trị, những phương-pháp xấu-xa rất thịnh-hành đến nỗi muốn thành-công thì phải đồng-lỏa với sự xấu-xa gian-ác. Nó bảo chúng ta rằng thế-gian này là của nó, và chúng ta chỉ có thể cai-trị trong khi chúng ta thỏa-hiệp với nó. Đối với Đấng Christ, vấn-đề đã được vạch ra rõ-ràng. Hoặc là phục-tùng Sa-tan hay là trung-thành với Đức Chúa Trời. Chọn điều thứ hai tức là chống-nghịch với kẻ cầm-quyền thế-gian, có nghĩa là phải tranh-đấu chịu khó-nhoc, đổ nước mắt và chịu thập-hình, nhưng rồi cuối-cùng sẽ cai-trị được vũ-trụ. Những kẻ theo Đấng Christ cũng có một sự lựa-chọn như vậy. Lòng trung-thành không dôi-đổi là đường đi đến thập-tự, nhưng đây cũng là đường đến mũ triều-thiên.

Điều cám-dỗ cuối-cùng thuộc lĩnh-vực hiếu-kỳ của trí-óc. Nó có ý bảo Chúa Jêsus hãy thử quăng mình xuống từ một chỗ cao như thế để xem thiên-sứ có nâng-đỡ cho khỏi bị hại không. Đây là sự cám-dỗ tự mang thân tới tình-trạng hiềm-nghèo một cách vô-ích để chờ đợi được giải-cứ bởi một phép lạ do quyền-năng Đức Chúa Trời. Đó không phải là đức-tin, mà là sự giả-ngộ. Sa-tan vẫn tìm cách hủy-diệt linh-hồn người bằng mưu-kế đó. Nó thúc-giục loài người tự thí-nghiệm chính mình, tìm cách tăng-

gia kiến-thức bằng những công-việc có thể tổn-hại đến uy-tin; sức-khoẻ, danh-dự của họ một cách vô-ích, tự đặt họ trên những hiểm-họa tinh-thần, ăn xài quá sức mình, căng-đáng những trách-nhiệm vượt quá sức họ, Chúa Jêsus trả lời, «Người chờ thử Chúa là Đức Chúa Trời người.» Trong lối đi của bôn-phận thường nhật, ta không cần phải sợ một hiểm-họa nào đe-đọa, nhưng người nào đã tự mang thân vào chỗ hiểm-nghèo một cách vô-ích thì đừng có mong sự cứu-giúp của Đức Chúa Trời. Trong con đường nhiệm-vụ đã vạch ra cho ta, Đức Chúa Trời luôn luôn mở mắt chúng ta, ban cho chúng ta kiến-thức cần-thiết theo thời-giờ và phương-cách của Ngài. Đi tìm-kiếm kiến-thức cách giả-tạo khiến cho linh-hồn phải lâm vào cảnh hiểm-nghèo, ấy là nghi-ngờ sự khôn-ngoan của Đức Chúa Trời. Sự tin-cậy thật giữ chúng ta khỏi tội tự-thị.

Câu chuyện kết-thúc với câu kể rằng khi Chúa Jêsus đã toàn thắng, ma-qui «bèn tạm lìa Ngài.» Cuộc sống đức-tin là một cuộc sống luôn luôn tái-diễn, những đấu-tranh về tinh-thần, những sự thắng trận đã cầm chắc trong tay những kẻ tin-cậy nơi sự nhơn-từ, quyền-phép và sự khôn-ngoan của Đức Chúa Trời.

IV. CHỨC-VỤ TẠI GA-LI-LÊ

Đoạn 4 : 14-9 : 50

A. Thời-kỳ đầu-tiên

Đoạn 4 : 14 - 44

1. Chúa Jêsus giảng-dạy tại Na-xa-rét

4 : 14 - 30

«¹⁴ Đức Chúa Jêsus được quyền-phép Đức Thánh-Linh, trở về xứ Ga-li-lê, và danh-tiếng Ngài đồn khắp các xứ chung-quanh. ¹⁵ Ngài dạy-dỗ trong các nhà hội, ai nấy đều khen-ngợi Ngài.

¹⁶ Đức Chúa Jêsus đến thành Na-xa-rét, là nơi dưỡng-dục Ngài. Theo thói quen, nhằm ngày Sa-bát, Ngài vào nhà hội, đứng dậy và đọc. ¹⁷ Có người trao sách tiên-trí Ê-sai cho Ngài, Ngài dờ ra, gập chỗ có chép rằng :

¹⁸ Thần của Chúa ngự trên ta ;

Vì Ngài đã xức dầu cho ta dựng truyền tin-lành cho kẻ nghèo.

¹⁹ Ngài đã sai ta để rao cho kẻ bị cầm được tha.

Kẻ mù được sáng,

Kẻ bị hà-hiếp được tự-do ;

Và để đồn ra năm lành của Chúa.

²⁰ Đoạn, Ngài xếp sách, trả lại cho kẻ giúp việc, rồi ngồi xuống ; mọi người trong nhà hội chăm-chỉ ngó Ngài. ²¹ Ngài bèn phán rằng : Hôm nay đã được ứng-nghiem lời Kinh-thánh mà các người mới vừa nghe đó.

²² Ai nấy đều làm chứng về Ngài, lấy làm lạ về các lời đầy ơn-lành từ miệng Ngài ra, và nói rằng : Có phải con Giô-sép chăng ? ²³ Ngài phán rằng : Chắc các người lấy lời tục-ngữ này mà nói cùng ta rằng : Hỡi thầy thuốc, hãy tự chữa lấy mình ; mọi điều chúng ta nghe người đã làm tại Ca-bê-na-um, thì cũng hãy làm tại đây, là quê-hương người. ²⁴ Ngài lại phán rằng : Quả thật, ta nói cùng các người, không có một đấng tiên-trí nào được trọng-dãi trong quê-hương mình. ²⁵ Ta nói thật cùng các người, về đời Ê-li, khi trời đóng chặt trong ba năm sáu tháng, cả xứ bị đói-kém, trong dân Y-sơ-ra-ên có nhiều đờn-bà góa ; ²⁶ dẫu vậy, Ê-li chẳng được sai đến cùng một người nào trong đám họ, nhưng được sai đến cùng một đờn-bà góa ở Sa-rép-ta, xứ Si-dôn. ²⁷ Trong đời đấng tiên-trí Ê-li-sê, dân Y-sơ-ra-ên cũng có nhiều kẻ mắc tật phung ; song không có ai lành sạch được, chỉ Na-a-man, người xứ Sy-ri mà thôi.

²⁸ Ai nấy ở trong nhà hội nghe những điều đó, thì tức-giận lắm. ²⁹ Họ đứng dậy kéo Ngài ra ngoài thành, đưa Ngài lên đến chót núi, là nơi họ xây thành ở trên, để quảng Ngài xuống; ³⁰ song Ngài qua giữa bọn họ và đi khỏi.»

Sau khi Chúa Jê-sus đã chịu báp-têm và cám-dỗ, Ngài ở lại Giê-ru-sa-lem và Giu-đê, một thời-gian rồi quay về Ga-li-lê, nơi đây Ngài khởi-sự một chức-vụ mà Lu-ca đã dành sáu đoạn trong sách Tin-lành của ông để nói đến. Ông kể ra ba đặc-điểm của chức-vụ này: thứ nhất, được thi-hành bằng quyền-năng của Đức Thánh-Linh; thứ hai, danh tiếng đồn ra khắp xứ; thứ ba, yếu-điểm chức-vụ là sự giảng-day cách có quyền-lực giữa công-chúng.

Bài giảng thứ nhất của Chúa Jê-sus được ghi chép lại là một bài giảng, giảng ở nhà hội Na-xa-rét, thành-phố mà Ngài đã sống qua thời thơ-ấu và niên-thiếu. Lu-ca đặt bài giảng này ở ngay đoạn mở đầu của phần chép về chức-vụ công-khai của Chúa Jê-sus trong thiên truyền-ký của ông. Có lẽ ông cho rằng bài giảng này chứa đựng chương-trình chức-vụ của Đức Chúa Jê-sus hay là lập thành bản tuyên-gôn về công-tác cứu-rỗi của Cứu-Chúa.

Hôm ấy là ngày Sa-bát. Các bà con bạn-hữu và những người đồng-hương của Chúa Jê-sus hội-họp đông-đảo tại nơi thờ-phượng. Tất cả đều nóng lòng muốn được nghe một người mà họ quen-biết nhiều, một người mới được nổi tiếng thình-linh. Có thể là Ngài yêu-cầu, hoặc là người ta tự đưa cho Ngài một quyền Ê-sai để hướng-dẫn buổi đọc Kinh-thánh. Ngài dờ nhằm chỗ nói về niềm vui của năm hân-hỉ, tác-giả mô-tả sự vui-mừng của những kẻ trở về sau cuộc lưu-đày lâu-dài tại Ba-by-lôn. Chúa Jê-sus đọc xong thì Ngài ngồi xuống, như cách các giáo-sư nhà hội thường làm. Tất cả đều nhìn Ngài chăm-chú chờ-đợi, Ngài bắt lấy dịp ấy để tỏ rằng lời tiên-tri sẽ được ứng-nghiệm trong chính Ngài, và do đó tuyên-bố Ngài là Đấng Mê-si đã hứa. Lời tiên-tri bắt đầu với câu, «Thánh-Linh của Chúa ngự trên ta», đem áp-dụng cho Ngài, nó có nghĩa rằng, Ngài đã được xức dầu, không phải bằng dầu thường như các tiên-tri, thầy tế-lễ hay vua, nhưng bằng Thánh-Linh,

để làm Đấng chịu xúc dầu hay Đấng Christ của Đức Chúa Trời. Trên phương-diện ấy Ngài sẽ «giảng tin-lành cho kẻ nghèo» nghĩa là những kẻ nghèo thuộc-linh cũng như thuộc-thể. Ngài sẽ công-bố sự giải-phóng cho những kẻ bị đày-đọa trong tội-lỗi, và thiết-lập những nguyên-tắc rồi đây sẽ đem lại sự tự-do cho nhân-loại. Ngài sẽ giúp cho «kẻ bị áp-chế được tự-do» nghĩa là cởi-bỏ những hậu-quả và sự độc-ác của lòng ích-kỷ và tội-lỗi. Ngài sẽ rao-truyền thời-đại phước-lành phổ-thông dưới sự cai-trị tuyệt-diệu của Ngài. Như vậy với những lời tả về sự giải-phóng phu-tù với những niềm-vui năm hân-hỉ của Chúa Jêsus đã diễn-đạt tính-chất ân-diên và phước-hạnh của chức-vụ Ngài.

Các khán-giả của Ngài nghe với nỗi kinh-ngạc. Họ không thể nào chống-báng lại về điệu-dàng của bài giảng Ngài hoặc chối-bỏ về đẹp quyến-rủ của lời Ngài nói, nhưng cũng không thể chấp-nhận lời tuyên-bố của Ngài. Họ tiếp những dự-ngôn của Ngài với lòng vô-tin ương-ngạnh. Họ tỏ vẻ không tin và đồng-thời biểu-lộ nó ra bằng một câu hỏi. «Ấy há chẳng phải là con Giô-sép chẳng?» Ý họ nói rằng: «Phải chăng đây là người lân-cận của ta, một thợ mộc mà tất cả chúng ta đều quen-biết; chúng ta há chẳng biết người và gia-đình người sao? Chắc-chắn người không thể là Đấng Mê-si.»

Câu trả lời của Chúa ngụ-ý rằng họ không nhận Ngài theo một mặt là vì Ngài không làm trước mặt họ những phép lạ mà Ngài đã làm ở các nơi khác. Khi Ngài trích câu ngạn-ngữ: «Hỡi thầy thuốc hãy tự chữa lấy mình» Ngài có ý nói «hãy chứng thật lời tuyên-bố của ông ở đây như ông đã làm ở những nơi khác, nếu ông muốn chúng tôi nhận ông là Đấng Christ.» Chúa Jêsus cũng trích một câu ngạn-ngữ khác cắt nghĩa đầy-đủ hơn về lòng hồ-nghị, ghen-ghét của họ: «Không có tiên-tri nào được trọng-đãi trong quê-hương mình.» Những kẻ quá quen-thuộc với những bậc vĩ-nhân thường không thể nhận biết được sự vĩ-đại của họ «Quen quá hóa lớn» bởi vì người ta có khuynh-hướng phán-đoán kẻ khác theo những tiêu-chuẩn giả-dối, theo bề ngoài và những điều tình-cờ, và bởi vì

người ta nhiều khi không hiểu-biết những kẻ mà họ tưởng họ quen biết hơn hết. Chính sự kém nhận-xét ngu-xnăn ấy đương rõ bóng xuống cuộc sống nhân-loại ngày nay. Nó khiến chúng ta không nhận-thức được giá-trị của bạn-hữu, giá-trị của cơ-hội, đề khi biết được thì đã quá trễ. Chính cái đó đã có một ảnh-hưởng bi-đát trên chức-vụ của Đấng Christ ; có người chối-bỏ Ngài vì những lý-do hết sức nông-cạn và điên-rồ, tưởng rằng họ đã biết Ngài hoàn-toàn vì đã quen-thuộc với tên Ngài từ lâu, trong khi trên thực-tế họ không thể hiểu được vẻ đẹp của thân-vị Ngài và quyền-năng biến-cải của ân-điên Ngài.

Sự vô-tin của khán-giả biến thành sự giận-ghét cay-đắng khi Chúa Jê-sus lấy hai thí-dụ trong Cựu-ước, cả hai đều ám-chỉ rằng dầu người đồng-hương của Ngài biết Ngài rõ hơn hết, họ vẫn không xứng-đáng với chức-vụ cứu-rỗi của Ngài bằng những người Ngoại-bang. Ngài cũng so-sánh Ngài với Ê-li và Ê-li-sê, Ê-li đã đem một phước lớn cho một người ở Si-đôn và Ê-li-sê đem cho một vị hoàng-thân ở Si-ri, trong khi đó dân Y-sơ-ra-ên vẫn khổ-sở vì sự vô-tin của họ. Như vậy các dân-tộc trên thế-gian sẽ nhận sự cứu-rỗi phước-hạnh của Đấng Christ trong khi những kẻ biết Ngài nhiều hơn hết lại phải khổ-sở vì vô-tin. Những người nghe nổi xung điên lên vì lời quở-trách nghiêm-khắc ấy đến nỗi họ đuổi Ngài ra khỏi thành và toan hại mạng sống Ngài, nhưng với vẻ điềm-tĩnh uy-nghiêm và với sức-lực thiên-thượng, Ngài « qua khỏi giữa họ rồi đi. »

Thật ra vẫn còn có kẻ đã được hưởng nhiều cơ-hội đề biết Chúa lại chối-bỏ Ngài ; nhưng nơi nào có đức-tin hiện-diện, thì những tấm lòng tan-vỡ sẽ được hàn-gắn như Ê-li đã làm đời xưa, và những người phung sẽ được sạch như Na-a-man nhờ lời của Ê-li-sê. Vậy trong khung-cảnh nhà hội ở Na-xa-rét, Chúa Jê-sus đã nói, chẳng những về ơn lành của chức-vụ Ngài mà còn về quyền-năng phổ-thông của chức-vụ ấy nữa. Ngài đến để bù-đắp những nhu-cầu của nhân-loại trong cả thế-gian.

2. Chúa Jêsus thi-thổ các phép lạ tại Ca-bê-na-um

Đoạn 4 : 31 - 44

«³¹ Ngài xuống thành Ca-bê-na-um, thuộc xứ Ga-li-lê, dạy-dỗ trong ngày Sa-bát. ³² Mọi người đều cảm-động về sự dạy-dỗ của Ngài; vì Ngài dùng quyền-phép mà phán.

³³ Và, trong nhà hội có một người bị tà-ma ám, cất tiếng kêu lớn lên rằng: Hỡi Jêsus Na-xa-rét! ³⁴ Chúng tôi với Ngài có sự gì chẳng? Ngài đến để diệt chúng tôi sao? Tôi biết Ngài là ai: là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời! ³⁵ Song Đức Chúa Jêsus quở nặng nó, mà rằng: Hãy nín đi, và ra khỏi người này. Quỷ bèn vọt ngã người giữa đám đông, rồi ra khỏi, không làm hại chi đến người. ³⁶ Mọi người đều sửng-sờ, nói cùng nhau rằng: Ấy là đạo gì đó? Người lấy phép và quyền đuổi tà-ma, và chúng nó liền ra! ³⁷ Vậy, danh tiếng Ngài đồn khắp các nơi xung-quanh.

³⁸ Đức Chúa Jêsus ra khỏi nhà hội, vào nhà Si-môn Bà gia Si-môn đang đau rét nặng lắm. Người ta xin Ngài chữa cho ³⁹ Ngài bèn nghiêng mình trên người, truyền cho cơn rét, rét liền lìa khỏi. Tức thì người chơ dậy hầu việc.

⁴⁰ Khi mặt trời lặn rồi, ai nấy có người đau, bất-kỳ bệnh gì, đều đem đến cùng Ngài; Ngài đặt tay lên từng người mà chữa cho họ. ⁴¹ Cũng có các quỷ ra khỏi nhiều kẻ, mà kêu lên rằng: Ngài là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời! Nhưng Ngài quở nặng chúng nó, cấm không cho nói mình biết Ngài là Đấng Christ.

⁴² Vừa rạng ngày, Ngài ra đi đến nơi vắng-vẻ, một đoàn dân đông kéo đi tìm Ngài. Họ theo kịp, giữ Ngài ở lại, không muốn để Ngài đi. ⁴³ Nhưng Ngài phán cùng họ rằng: Ta cũng phải rao Tin-Lành của nước Đức Chúa Trời nơi các thành khác; vì cốt tại việc đó mà ta được sai đến ⁴⁴ Vậy Ngài giảng-dạy trong các nhà hội xứ Ga-li-lê.»

Lu-ca đặt ngày Sa-bát tại Na-xa-rét đối-nghịch đột-ngột với ngày Sa-bát tại Ca-bê-na-um. Tại Na-xa-rét, Chúa Jê-sus có những bạn-hữu và người đồng-hương xung-quanh, nhưng kết-cục đã biến thành một cuộc náo-loạn bạo-động tìm giết Ngài. Còn tại Ca-bê-na-um, Chúa Jê-sus phải đối-diện với quỷ-yêu, nhưng kết-cục có một đám đông vây quanh khen-ngợi, nài-nỉ Ngài ở lại giữa vòng họ.

Một lần nữa trong nhà hội, Chúa Jê-sus lại khiến mọi người ngạc-nhiên vì tinh-cách của sứ-điệp Ngài. Không như những giáo-sư thời ấy, khi đỡ Kinh-thánh ra, Ngài đã nói với thẩm-quyền chớ không phải trích lại « các vị có thẩm-quyền. » Thình-linh buổi nhóm bị gián-đoạn vì tiếng kêu của một người bị uế-linh ám. Chúa Jê-sus quở quỷ và truyền nó ra khỏi người đàn ông ấy. Tà-linh mà Chúa Jê-sus truyền khiến đó chắc là một thực-tại ác-úế có quyền trên con người khổ-sở vừa được Chúa cứu, nhưng « uế-linh » đó là một thứ quyền-lực ma-quái của lòng ham-muốn, của sự dâm-đăng và sự giận-dữ cũng bao nhiêu thứ dục-vọng thấp-hèn, mà chỉ mình Chúa Jê-sus mới có thể giải-thoát được.

Khung-cảnh thứ hai của ngày Sa-bát đáng ghi này là nhà của Si-môn Phi-e-rơ. Tại đây Chúa Jê-sus đã dùng một lối nói để cứu một người đương khổ-sở vì bệnh sốt-rét. Người đàn bà bệnh-hoạn được chữa lành tức-khắc rồi bà lập tức « đứng dậy phục-sự họ. » Chắc rằng trong gia-đình có những người đau không đau-đơn dười quyền-lực của những dục-vọng xấu-xa, lại khốn-khở vì những mối ru-từ. lo-lắng bán-khoản, bứt-rứt, khiến họ không thể nào phục-vụ kẻ khác, sự phục-vụ phước-hạnh họ có thể thi-hành được nếu họ nghe tiếng phán nhỏ-nhẹ của Đấng Christ và cảm biết thứ quyền-lực thần-thánh êm-dịu khi Ngài dụng tới.

Khung-cảnh thứ ba là một khung-cảnh đẹp vô-cùng. Khi mặt trời vừa lặn, có một đám đông tụ-hợp quanh nhà Phi-e-rơ, vì họ được nghe về phép lạ làm tại nhà hội. Họ đem tới một số rất đông người bệnh và bị quỷ ám và đã được Chúa Jê-sus chữa lành tất cả. Đây là bức tranh đang được in lại trên thực-tế ngày nay. Ở giữa những bóng tối

và bí-mật của sự khổ-sở, đau-đớn, Chúa Jê-sus đang đứng; xung-quanh Ngài là những kẻ bị tội-lỗi đánh ngã bằng những bệnh-tật của nó, những kẻ đau-buồn, kẻ không được ai thương-mến, kẻ cô-đơn, kẻ bị cám-đổ, kẻ tuyệt-vọng, kẻ lạc-loài. Sự đặt tay của Ngài vẫn có « quyền-phép như tự nghìn xưa. » Bởi sự thương-xót Ngài đang chữa lành cho họ tất cả, và họ đang ra đi trong nỗi vui-mừng.

Khung-cảnh cuối-cùng là rạng-đông ngày hôm sau, Chúa Jê-sus lui vào « nơi vắng-vẻ » nhưng đám quần-chúng khao-khát đã tìm thấy Ngài và nài-nỉ Ngài đừng bỏ họ đi. Ngài nhắc họ rằng còn nhiều thành khác cũng cần nghe « Tin-lành của Đức Chúa Trời. »

Tất cả chúng ta, những người đã nếm biết quyền-phép của sự đặt tay của Đấng Christ, có chăng phần nào với Ngài, tấm lòng ưu-ái đối với những kẻ chưa hề nghe Tin-lành của ân-điền Ngài ?

B. Thời-kỳ thứ hai

Đoạn 5 : 1 - 6 : 11

1. Sự kêu-gọi các môn-đồ đầu-tiên

Đoạn 5 : 1 - 11

¹ Khi Đức Chúa Jê-sus ở trên bờ hồ Ghê-nê-xa-rết, đoàn dân đông chen-lấn nhau xung-quanh Ngài đang nghe đạo Đức Chúa Trời. ² Ngài thấy hai chiếc thuyền đậu gần bờ, người đánh cá đã xuống ra khỏi thuyền giặt lưới, ³ thì Ngài lên một chiếc thuyền trong hai chiếc, là chiếc của Si-môn, biểu người đem ra khỏi bờ một chút; rồi Ngài ngồi mà dạy-đổ dân-chúng.

⁴ Khi Ngài phán xong thì biểu Si-môn rằng: Hãy chèo ra ngoài sâu, thả lưới mà đánh cá. ⁵ Si-môn thưa rằng: Thưa thầy, chúng tôi đã làm suốt đêm không bắt được chi hết; dầu vậy, tôi cũng theo lời thầy mà thả lưới. ⁶ Họ thả lưới xuống, được nhiều cá

lắm, đến nỗi lưới phải đứt ra. ⁷ Họ bèn ra gọi đồng-bạn mình ở thuyền khác đến giúp; bạn kia đến chỗ cá đầy hai chiếc thuyền, đến nỗi gần chìm. ⁸ Si-môn Phi-e-ơ thấy vậy, bèn sắp mình xuống ngang đầu-gối Đức Chúa Jê-sus, mà thưa rằng: Lạy Chúa, xin ra khỏi tôi, vì tôi là người có tội. ⁹ Số là, vì đánh cá dưng ấy, nên Si-môn cùng mọi người ở với mình đều thất-kinh; Gia-cơ và Giăng con Xê-bê-đê, là những kẻ đồng-bạn với Si-môn cũng đồng một thể ấy. ¹⁰ Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng Si-môn rằng: Đừng sợ chi, từ nay trở đi, người sẽ nên tay đánh lưới người. ¹¹ Đoạn, Họ đem thuyền vào bờ, bỏ hết thảy mà theo Ngài.»

Sự kêu-gọi các môn-đồ đầu-tiên được nhiều người xem là khởi-đầu cho một giai-đoạn mới trong chức-vụ công-khai của Chúa Jê-sus. Công-việc của Ngài bây giờ đã trở thành thường-xuyên. Lời giảng-dạy của Ngài càng ngày càng phổ-thông tỏ ra rằng Tin-lành được dự-bị cho cả thế-giới. Đề thi-hành công-tác rao-truyền ấy, cần phải sửa-soạn một đoàn-thể cán-bộ xác-định. Sự phát-triển Cơ-đốc-giáo luôn tùy-thuộc ở sự tìm được những người bằng lòng xưng-nhận Đấng Christ công-khai và theo Ngài.

Khung-cảnh của sự kêu-gọi này được tả lại « trên hồ Ghê-sê-nê-xa-rét. » Làn nước dịu-dàng này nhắc-nhở cho ta nhiều hoạt-cảnh trong đời của Cứu-Chúa đến nỗi nó được mệnh-danh là « Phước âm thư năm. » Phần lớn công-tác của Ngài thi-hành trên những thành-phố nằm trên bờ phía tây và phía bắc của hồ. Bờ phía đông không có người, đây là nơi Chúa Jê-sus thường lui vào nghỉ-ngơi.

Những người được Chúa gọi là những người ngư-phủ, cường-tráng, tự-lập, bạo-dạn. Đối với Chúa Jê-sus họ không phải là kẻ lạ, cũng chẳng phải là những kẻ lơ-là đối với những chân-lý thuộc-linh. Họ đã nghe Giảng Báp-tít giảng và đã nhìn-nhận Jê-sus là Đấng Mê-si, nhưng bây giờ họ được gọi để lia gia-đình và nghề-nghiệp để trở thành môn-đồ và bạn đồng-hành thường-trực với Ngài.

Vào dịp này Ngài có mượn một chiếc thuyền của một người bạn dùng làm tòa-giảng để giảng cho quần-chúng. Khi giảng xong, Ngài ban cho bốn người sắp được kêu-gọi một bài học cụ-thể về tinh-cách của công-tác và sự thành-công vĩ-đại sẽ đến với chức-vụ của họ, nếu họ bằng lòng từ-bỏ hết tất cả để theo Ngài. Ngài đã làm một phép lạ vô cùng kích-động, bởi vì trong nghề hằng ngày họ biết vào giờ đó chỗ đó nếu thả cũng chỉ vô-ích thôi. Thế mà Chúa chỉ-dẫn họ đánh được mẻ cá nhiều đến nỗi lưới căng ra, thuyền chở khẳm gần chìm. Rõ-ràng đó là do một quyền-phép siêu-nhiên, khiến Phi-e-ro cảm thấy mình đương đứng trước sự hiện-diện của một Đấng thiên-thượng và tỏ vẻ sợ-hãi như cảm-giác của mọi người đối-diện với Đức Chúa Trời. Chúa Jêsus đã phán những lời chẳng những đánh tan những sự kinh-hãi của Phi-e-ro nhưng cũng đem lại sự can-đảm cho ông và đồng bạn trong những năm tới, «đừng sợ từ nay người sẽ đánh lưới người.»

Ngày nay Chúa Jêsus cũng đương kêu-gọi người ta làm môn-đồ Ngài. Vâng-phục có thể bao-hàm sự hi-sinh, nhưng chắc-chắn sẽ đem đến kết-quả là cứu-rỗi linh-hồn nhân-loại.

2. Chúa Jêsus chữa sạch người phung

5 : 12 - 16

«¹² Đức Chúa Jêsus đương ở trong thành kia, có một người mắc bệnh phung dấy mình, thấy Ngài thì sắp mặt xuống đất, mà nài-xin rằng : Lạy Chúa, nếu Chúa khứng, chắc có thể làm cho tôi được sạch !
¹³ Đức Chúa Jêsus giơ tay rời đến người ấy, mà phán rằng : Ta khứng, hãy sạch đi. Tức thì, bệnh phung liền hết. ¹⁴ Đức Chúa Jêsus cấm người đó học chuyện lại với ai ; nhưng dặn rằng : Hãy đi tỏ mình cùng thầy tế-lễ ; và dâng của-lễ về sự người được sạch, theo như Môi-se dạy, để điều đó làm chứng cho họ.

¹⁵ Danh-tiếng Ngài càng ngày càng vang ra, và một đoàn dân đông nhóm-họp để nghe Ngài và để được chữa lành-bệnh. ¹⁶ Song Ngài lánh đi nơi đồng vắng mà cầu-nguyện.»

Bệnh phong được xem như là một trong những bệnh ghê-tởm kinh-khủng nhất. Bệnh ấy có nhiều hình-thức khác nhau, nhưng đặc-điểm chung của nó là sự do-bần thối-tha. Người phong là kẻ bị ruồng-bỏ, hẳn buộc phải sống xa-cách chỗ ở của mọi người. Luật bất hủn phải mang một tấm vải che miệng và khi đến gần người khác thì phải kêu lên : « ô-ué, ô-ué ». Mắc chứng phong là đến chỗ tuyệt-vọng ; người phong bị kể như là đã chết. Với những đặc-tính ghê-tởm, lén-lút, bại-hoại, lan-truyền, cô-lập, ô-ué, trên thân-thể và cả trong lễ-nghi, bệnh phong là một biểu-hiệu rất xứng-hợp với tội-tội ; và câu chuyện cụ-thể này khiến cho ta một thí-dụ về quyền-năng của Đấng Christ để tẩy sạch, chữa lành và khôi-phục. Lu-ca đã vẽ một bức tranh linh-động, trong đó ta thấy sự tin-cậy khiêm-nhường của người bịnh khốn-khở, tiếng kêu đau-thương của người, cái đặt tay nhưn-ái của Chúa Jê-sus, lời phán, mệnh-lệnh của Ngài và sự chữa lành trong giây phút. Dầu Chúa Jê-sus cấm người đừng đi kể chuyện chữa bịnh làm náo-động người ta, Ngài vẫn truyền người đi trình-diện với thầy tế-lễ, hầu cho những chức-sắc tôn-giáo trông thấy bằng-chứng hiển-nhiên về quyền-năng thiên-thượng của Ngài, và để cho người dâng của-lễ theo luật-pháp, để tỏ lòng biết ơn đối với Đức Chúa Trời. Chủ chúng ta luôn luôn mong-đợi những kẻ đã hưởng được sự đặt tay chữa lành của Ngài, ra đi chứng-tỏ ân-diện của Ngài và biểu-lộ lòng biết ơn rằng cách dâng cho Ngài đời sống phục-vụ của mình.

Những phép lạ như thế không thể nào che-giấu được Đám đông chen-lấn xung-quanh Chúa đến nỗi Ngài phải lui vào đồng-vắng để nghỉ-ngơi. Và khi cảnh-trị ấy kết-thúc thì chính Đấng đã khiến đám đông ngạc-nhiên do sự bày-tỏ quyền-năng thiên-thượng, giờ đây Đấng ấy lại ở một mình cầu-xin Đức Chúa Trời giúp-đỡ.

3. Chúa Jê-sus tha Tội-lỗi

5 : 17 - 26

«¹⁷ Một ngày kia, Đức Chúa Jê-sus đang dạy-đổ, có người Pha-ri-si và mấy thầy dạy luật từ các làng xứ

Ga-li-lê, xứ Giu-dê, và thành Giê-ru-sa-lem đều đến, ngồi tại đó, quyền-phép Chúa ở trong Ngài để chữa lành các bệnh, ¹⁸ Bấy giờ, có mấy người khiêng một kẻ đau bại trên giường, kiếm cách đem vào để trước mặt Đức Chúa Jêsus. ¹⁹ Nhưng vì người ta đông lắm, không biết bõ đi đâu mà qua, họ bèn trèo lên mái nhà, dỡ ngói ra, dùng người và giường nhỏ xuống trước mặt Ngài, giữa đám đô-hội. ²⁰ Đức Chúa Jêsus thấy đức-tin của họ, bèn phán rằng : Hỡi người, tội-lỗi người đã được tha. ²¹ Các thầy thông-giáo và người Pha-ri-si bèn nghị-luận rằng : Người này là ai mà nói phạm-thượng vậy ? Ngoài Đức Chúa Trời, há có ai tha-tội được sao ? ²² Nhưng Đức Chúa Jêsus biết ý-tưởng họ, cất tiếng phán rằng : Các người nghị-luận gì trong lòng ? ²³ Nay nói rằng : Tội người đã được tha, hoặc rằng : Người hãy đứng dậy mà đi, thì bên nào dễ hơn ? ²⁴ Và, hầu cho các người biết Con người ở thế-gian có quyền tha-tội : Ngài phán cùng kẻ bại rằng : Ta biểu người đứng dậy, vác giường trở về nhà. ²⁵ Tức thì kẻ bại đứng dậy trước mặt chúng, vác giường mình đã nằm, và đi về nhà, ngợi-khen Đức Chúa Trời. ²⁶ Ai này đều sửng-sờ, ngợi-khen Đức Chúa Trời và sợ-sệt lắm mà nói rằng : Hôm nay chúng ta đã thấy những việc dị-thương.»

Bệnh phung là một biểu-hiệu về sự ô-uế của tội-lỗi ; bệnh bại là biểu-hiệu về sự bất-lực và đau-đớn của nó. Nhưng trong dịp chữa lành bệnh bại, Chúa Jêsus đã làm một việc lạ-lùng hơn : Ngài tha tội. Người bệnh được đem đến nhờ những người bạn không nhụt chí trước một trở-ngại nào. Khi họ không thể vào nhà nơi Chúa Jêsus, đương đứng vì có đoàn dân đông bao-vây, họ bèn leo lên mái dỡ ngói ra dùng người bệnh xuống ngay trước mặt Đấng Christ. Nhiệt-tâm của họ khiến chúng ta hồ-thẹn, vì chúng ta ít khi cố-gắng để đem bạn-bè chúng ta đến cùng ơn chữa lành của Chúa.

Chúa Jêsus nhận biết đức-tin của người bệnh và của các bạn người, Ngài đã đáp lại bằng một câu khiến cho những người nghe kinh-ngạc hơn là khi họ thấy mái ngói

bị đỡ tung : « Hỡi người kia, tội-lỗi ngươi đã được tha. » Người ta không xin Ngài sự tha-thứ đó, nhưng Ngài đọc được nội-tâm con người. Ngài thấy rõ sự khao-khát của người bệnh muốn được chữa lành chẳng những thân-thể mà cả linh-hồn nữa. Ngài biết sự ưu-phiền về tội-lỗi của người đã gây nên bệnh-tật, và những sầu-khổ của người trong sự cần-rút, bởi vậy Ngài đã lập-tức phán truyền sự tha-thứ và bình-an. Chúa Jê-sus đã loan-báo một sứ-điệp mà thế-gian tiếp-nhận cách miễn-cưỡng. Ngài tuyên-bố rằng những bệnh-hoạn của thân-thể và những tệ-đoan của xã-hội là không nghiêm-trọng bằng những bệnh-tật về tâm-linh và đạo-đức, cái kia chỉ là triệu-chứng và hậu-quả của cái này; hơn nữa Ngài tuyên-bố Ngài có quyền tha tội và tẩy-trừ sự gian-ác.

Lời tuyên-bố ấy khiến cho các văn-sĩ và người Pha-ri-si đang dự-thính bất-bình, họ bàn-bạc với nhau : « Người nói phạm-thượng này là ai ? Ngoài Đức Chúa Trời, há ai có thể tha tội được sao ? » Lời bàn của họ đúng. Chúa Jê-sus phải là một kẻ lộng-ngôn đáng tội chết, hoặc là một Đấng Thiên-thượng.

Để chứng-minh thần-tánh của Ngài, Chúa Jê-sus đã đề-nghị một trắc-nghiệm : Hoặc nói : « Tội ngươi đã được tha » hay là bảo : « Ngươi hãy đứng dậy mà đi », bên nào dễ hơn ? Dĩ-nhiên là không có cái nào dễ hơn cái nào, cái nào cũng đòi-hỏi quyền-năng thiên-thượng cả. Bởi đó khi Chúa Jê-sus phán xong, người ấy đứng dậy đi về nhà « tôn-vinh Đức Chúa Trời », ta không lạ gì khi thấy « Ai này đều sống-sờ, ngợi-khen Đức Chúa Trời. »

Vậy những phép lạ của Đấng Christ là những bằng-chứng của thần-tánh và biểu-hiệu của tình-yêu Ngài. Ấy cũng là những thí-dụ về khả-năng và thiện-chí của Ngài để giải-thoát người khỏi sự gian-ác và quyền-lực của tội-lỗi.

4. Sự kêu-gọi Lê - vi

5 : 27 - 32

«²⁷ Kế đó, Đức Chúa Jê-sus ra ngoài, thấy một người thâu thuế, tên là Lê-vi, đương ngồi tại sở thâu thuế. Ngài phán cùng người rằng: Hãy theo ta! ²⁸ Lê-vi bỏ hết mọi sự, đứng dậy đi theo Ngài.

²⁹ Lê-vi dọn tiệc trọng-thể đãi Ngài tại nhà mình, có nhiều người thâu thuế và kẻ khác cùng ngồi ăn đồng bàn. ³⁰ Các người Pha-ri-si và các thầy thông-giáo họ lăm-băm, nói cùng môn-đồ Ngài rằng: Sao các người ăn uống với người thâu thuế và kẻ phạm tội? ³¹ Đức Chúa Jê-sus phán cùng họ rằng: Không phải người khoẻ-mạnh cần thầy thuốc, song là người đau-ốm. ³² Ta không phải đến gọi kẻ công-bình hối-cải, song gọi kẻ có tội.»

Không có điều gì nhấn mạnh vào lòng ưu-ái của Chúa Jê-sus bằng sự kêu-gọi một người thâu thuế để làm bạn đồng-sự và bằng-hữu thân-thiết của Ngài. Những người thâu thuế này bị thiên-hạ khắp nơi khinh-ghét vì hành-vi bất-lương, bóc-lột, tham-những của họ; nhưng Chúa Jê-sus đã chọn một người trong họ tên là Lê-vi, hay Ma-thi-ơ, và biến-cải người thành một Sứ-đồ, một nhà truyền-giáo, một bậc thánh.

Chắc-chắn trong con người này có một đặc-điểm gì đáng khen, ít ra người đã cho ta một gương cảm-kích, vì vừa khi nghe rõ tiếng kêu-gọi của Thầy, « người bỏ hết mọi sự, đứng dậy đi theo Ngài. »

Có lẽ ông phải từ-bỏ nhiều điều hơn bất cứ ai trong số mười hai người trở thành Sứ-đồ Đấng Christ. Chắc ông ta có nhiều của-cải. Ít ra khi ông được biến-cải, ông đã « dọn tiệc lớn tại nhà mình » và mời « nhiều người thâu thuế và kẻ khác » đến dự tiệc. Ông có sự can-đảm khi tin Chúa, ông không hồ-thẹn về Thầy mời của mình. Ông muốn cho các bạn-hữu được giới-thiệu cùng Đấng Christ.

Chính trong dịp này Chúa Jêsus đã bị những người Pha-ri-si chỉ-trích vì đã ăn uống với người thu thuế và kẻ có tội. Ngài đã trả lời một câu rất có ý-nghĩa « Không phải người khỏe-mạnh cần thầy thuốc, song là người đau-ốm. Ta không phải đến gọi kẻ công-bình hối-cải, song gọi kẻ có tội. » Câu ấy của Chúa Jêsus nhấn mạnh và biện-hộ cho cách cư-xử của Ngài, cũng định-nghĩa chức-vụ của Ngài. Một y-sĩ bước vào phòng bệnh, không phải vì ông thích bệnh hay vui khi thấy người ta đau-khổ, nhưng vì ông muốn cứu-giúp người ta ; cũng thế, Chúa Jêsus làm bạn với tội-nhân, không phải vì Ngài đồng-lũa với tội-nhân, hoặc vui-thích trong chốn truy-lạc, nhưng bởi vì Ngài là Đấng chữa lành linh-hồn, Ngài sẵn lòng đi bất-cứ nơi nào cần Ngài hơn hết và hoạt-động nơi nào bị tội-lỗi tàn-phá nặng-nề hơn hết. Ngài đến thế-gian để cứu-vớt tội-nhân. Hạnh-vi của họ khiến Ngài buồn-khổ, tội-lỗi họ làm cho Ngài đau-đớn, nhưng muốn hoàn-thành nhiệm-vụ, Ngài phải đến tìm họ và tỏ cho họ thấy mối từ-tâm của Ngài bằng sự hiện-diện và quyền-phép cứu-chữa của Ngài.

Có người nào tự-hào là không cần sự chữa lành thuộc linh mà Chúa có thể đem đến không ? Có kẻ nào « trong-sạch, » có ai không phải là « tội-nhân » không ? Mỗi người phải tự trả lời câu hỏi đó cho mình. Có lẽ những người như người Pha-ri-si ít biết hơn hết về bệnh-tình của mình chính là những người đang ở trong tình-trạng nguy-kịch tuyệt-vọng hơn hết. Và nữa, những người đã biết quyền-phép của thầy mình có sẵn lòng bắt-chước Ngài, để đem Tin-lành đến cho những nơi đương cần hơn hết không ?

5. Câu hỏi về sự kiêng ăn

5 : 33 - 39

«³³ Họ thưa Ngài rằng : Môn-đồ của Giảng thường kiêng ăn cầu-nguyện, cũng như môn-đồ của người Pha-ri-si, chẳng như môn-đồ của thầy ăn và uống. ³⁴ Ngài đáp rằng : Trong khi chàng rề còn ở cùng bạn mừng cưới mình, các người để bắt họ phải kiêng ăn được

sao ? ³⁵ Song đến ngày nào chàng rẽ phải đem đi khỏi họ, thì trong những ngày ấy họ mới kiêng ăn vậy.

³⁶ Ngài lại lấy thí-dụ mà phán cùng họ rằng : Không ai xé một miếng áo mới mà vá áo cũ. Nếu vậy, áo mới phải rách, và miếng giẻ mới cũng không xứng với áo cũ. ³⁷ Cũng không ai đổ rượu mới vào bầu da cũ, nếu vậy, rượu mới làm nứt bầu ra ; rượu chảy mất và bầu cũng phải hư đi. ³⁸ Song rượu mới phải đổ vào bầu mới. ³⁹ Lại cũng không ai uống rượu cũ lại đòi rượu mới ; vì người nói rằng : Rượu cũ ngon hơn.»

Người Pha-ri-si rất khó chịu về cách Chúa Jê-sus xử với tội-nhân. Họ lại càng khó chịu hơn vì thái-độ của Ngài đối với những hình-thức và lễ-nghi mà họ xem là tinh-hoa của tôn-giáo. Thái-độ ấy biểu-lộ ở chỗ Ngài không bắt các môn-đồ giữ sự kiêng ăn, một điều trọng-yếu trong hệ-thống lệ-luật của các lãnh-tụ Do-thái-giáo chỉ dạy. Luật Môi-se không có bảo kiêng ăn. Các Ra-bi đã thêm-thắt lên đến nỗi một người Pha-ri-si có thể khoe-khoang là kiêng ăn « một tuần hai lần. » Giảng dạy các môn-đồ hãy thường kiêng ăn, không phải giữ một hình-thức trống-rỗng, mà để bày-tỏ tinh-cách long-trọng của chức-vụ, Giảng là người đến giảng « Sự ăn-năn dẫn tới sự tha-tội. » Bởi vậy, người ta không lấy làm lạ tại sao thù-nghịch của Chúa Jê-sus đến cùng Ngài cần-nhẫn, « Môn-đồ của Giảng thường kiêng ăn cầu-nguyện, cũng như môn-đồ của người Pha-ri-si, chẳng như môn-đồ của thầy ăn và uống. » Để trả lời, Chúa Jê-sus đã tuyên-bố rõ-rệt quan-điểm mà kẻ theo Ngài nên giữ, chẳng những về sự kiêng ăn còn về cả các hình-thức khác của tôn-giáo : « Trong khi chàng rẽ còn ở cùng bạn mừng cưới mình, các người để bắt họ phải kiêng ăn được sao ? Song đến ngày nào chàng rẽ phải đem đi khỏi họ, thì trong những ngày ấy họ mới kiêng ăn vậy. » Kiêng ăn là một cách biểu-lộ sự ưu-sầu. Còn gì phi-lý cho bằng các kẻ theo Chúa Jê-sus lại kiêng ăn đương khi Chàng Rẽ thiên-thượng vẫn ở với họ ! Họ có thể biểu-lộ sự sầu-não của họ khi Người được cất đi. Thế nghĩa là Chúa Jê-sus tuyên-bố sự kiêng ăn, cũng như

các lễ-nghi tôn-giáo khác là hoàn-toàn xưng-hợp khi nó biểu-lộ thật-sự tâm-tinh tôn-giáo, nhưng nếu nó chỉ là một vấn-đề hình-thức, luật-lệ, giáo-điều, nếu nó chỉ được xem như là căn-cứ của công-đức, thì lại là một điều phi-lý vô-lẽ.

Đức Chúa Jê-sus tỏ thêm một thi-dụ để tỏ thái-độ của Ngài đối với những tập-tục lễ-nghi mà người Pha-ri-si lấy làm hãnh-diện. Ngài tuyên-bố rằng Ngài đến không phải để điều-chỉnh lại vấn-đề kiêng ăn hay tiệc-tùng, hoặc để tu-chỉnh những lễ-nghi Do-thái-giáo. Làm vậy cũng như vá miếng vải mới vào áo cũ. Cái tôn-giáo của lễ-nghi đó đã làm xong được mục-đích của nó. Ngài đến với một cái gì mới và tốt-đẹp hơn. Cuộc sống tự-do và vui-vẻ mà Ngài đem lại không thể nào bị ràng-buộc trong những hình-thức và lễ-nghi chật-hẹp của Do-thái-giáo. Rượu mới không thể đựng trong bầu da cũ.

Cơ-đốc-giáo không thể hiểu là một hệ-thống lễ-chế, nghi-thức nào. Không thể nào đem diễn-dịch nó thành một bộ luật-lệ và giáo-điều; nó không thể lẫn-lộn với một lễ-thức nào. Nó điều-khiển người, không phải bằng luật-lệ mà bằng động-lực. Biểu-hiệu của nó không phải là buổi kiêng ăn mà là bữa tiệc, bởi vì tinh-thần chủ-chốt của nó là vui-mừng.

Theo Lu-ca chép thì Chúa Jê-sus nói thêm một câu đặc-biệt để tỏ lòng từ-ái dịu-dàng của Ngài. « Lại cũng không ai uống rượu cũ lại đòi rượu mới; vì người nói rằng: Rượu cũ ngon hơn.» Những kẻ đã quá quen với một tôn-giáo thiên hình-thức thì thấy khó mà thỏa-mãn với một tôn-giáo của đức-tin. Ta cần phải kiên-nhẫn với họ. Họ không dễ gì bỏ ngay những tập-quán từ nhỏ, và họ cần phải có một thời-gian mới học-tập sự vui-vẻ phóng-khoáng của sự trưởng-thành tâm-linh dành cho những kẻ theo Đấng Christ.

6. Tranh-luận về ngày Sa-bát

6 : 1 - 11

«¹ Nhằm ngày Sa-bát, Đức Chúa Jêsus đi qua giữa đồng lúa mì, môn-đổ bứt bông lúa, lấy tay vò đi và ăn. ² Có mấy người Pha-ri-si nói rằng : Sao các người làm điều không nên làm trong ngày Sa-bát ? ³ Đức Chúa Jêsus phán rằng : Vậy các người chưa đọc chuyện vua Đa-vít làm trong khi vua cùng kẻ đi theo bị đói sao ? ⁴ Thế nào vua vào đền Đức Chúa Trời, lấy bánh bày ra mà ăn, và cho kẻ đi theo ăn nữa, dầu là bánh chỉ các thầy tế-lễ mới được phép ăn thôi ? ⁵ Ngài lại phán rằng : Con người cũng là Chúa ngày Sa-bát.

⁶ Một ngày Sa-bát khác, Đức Chúa Jêsus vào nhà hội dạy-dỗ. Tại đó, có một người bàn tay hữu bị teo. ⁷ Vả, các thầy thông-giáo và người Pha-ri-si chăm-chỉ xem Ngài, coi thử Ngài có chữa bệnh trong ngày Sa-bát chăng, để tìm dịp mà cáo Ngài. ⁸ Nhưng Ngài biết ý-tưởng họ, nên phán cùng người teo tay rằng : Hãy chớ dấy, đứng giữa chúng ta. Người ấy chớ dấy, và đứng lên. ⁹ Đức Chúa Jêsus liền phán cùng họ rằng : Ta hỏi các người : Trong ngày Sa-bát, nên làm điều lành hay là làm điều dữ, nên cứu người hay là giết người ? ¹⁰ Đoạn, Ngài lấy mắt liếc khắp mọi người xung-quanh mình, rồi phán cùng người bệnh rằng : Hãy giơ tay ra. Người giơ ra, thì tay được lành. ¹¹ Nhưng họ giận lắm, bèn bàn cùng nhau về việc mình có thể xử với Đức Chúa Jêsus cách nào.»

Chúa Jêsus đã gây cho người Pha-ri-si phẫn-nộ khi Ngài tuyên-bố tha-tội. Ngài lại còn khiến họ giận-cuồng vì cách đối-xử với tội-nhân. Nhưng Ngài đã khiến cho lòng giận-ghét của họ lên đến cực-độ vì thái-độ của Ngài đối với việc giữ ngày Sa-bát. Từ đó họ bắt đầu tìm cách để giết Ngài.

Vấn-đề ngày Sa-bát chẳng bao giờ kém tầm quan-trọng. Những kẻ theo Đấng Christ cần phải đứng vững trên

những nguyên-tắc mà Cứu-Chúa họ đặt ra. Những nguyên-tắc này không nhiều nhưng căn-bản : Ngày Sa-bát được đặt ra cho sự thờ-phượng và nghỉ-ngoi, chỉ nên phạm đến nó khi có việc cần-thiết hoặc làm phước.

Trường-hợp ngoại-lệ thứ nhất về sự nghỉ-ngoi trong ngày Sa-bát được giải-thích khi các môn-đồ bị người Pha-ri-si cáo là phạm ngày Sa-bát vì họ bứt bông lúa ăn trong khi đi qua đồng lúa, theo kẻ nghịch thì họ đã phạm lỗi làm việc trong ngày Sa-bát. Chúa chúng ta không chối rằng luật về ngày Sa-bát đã bị phạm. Ngài chỉ nhắc cho kẻ thù trong trường-hợp của vua Đa-vít và những kẻ đi theo ông, bị cơn đói hành-hạ, đã phạm luật Môi-se, vào nhà tạm để ăn « bánh trần-thiết ». Chúa Jê-sus lý-luận rằng khi cần giải-quyết cơn đói, các môn-đồ Ngài cũng buộc phải bỏ qua luật yên-ngỉ ?

Một ví-dụ thứ hai về ngoại-lệ của luật tuyệt-đối nghỉ làm việc được đem tới trong « một ngày Sa-bát khác » khi Chúa Jê-sus chữa lành một người « teo tay » trong nhà hội. Người Pha-ri-si xem đó là một hành-động phạm luật nghỉ-ngoi. Chúa Jê-sus biện-minh cho hành-động Ngài bằng lý-lẽ rằng hành-động ấy do lòng nhơn-tử thúc-đẩy, mà trong ngày Sa-bát, người ta được phép làm những công-việc cứu khổ. Ngài trả lời cho bọn thù-nghịch bằng một câu hỏi sáng-suốt, bao-hàm một nguyên-tắc rằng không cứu-giúp người ta cũng như làm hại người ta. Ngài hỏi họ là họ cho ngày Sa-bát là một thứ ngày gì mà khiến cho điều sai trong ngày thường lại trở thành đúng trong ngày Sa-bát : « Ta hỏi các ngươi : Trong ngày Sa-bát nên làm điều lành hay là làm điều dữ, nên cứu người hay là giết người. »

Trong khi Chúa Jê-sus dạy rằng có thể phạm luật yên-ngỉ để đáp-ứng nhu-cầu của con người và tỏ lòng thương-xót đối với những kẻ sâu-khổ, thì Ngài không có ý hủy-bỏ ngày Sa-bát. Nhưng Ngài tuyên-bố rằng « Con người cũng là Chúa ngày Sa-bát », ý Ngài nói rằng, vì là đại-diện của loài người nên Ngài có quyền diển-dịch Luật-pháp để làm sao có thể phục-vụ tối-đa cho người. Ngài có phép giải-thoát ngày Sa-bát khỏi cách tuân-giữ hẹp-hỏi nặng-nề mà người Pha-ri-si bắt-buộc, phục-hồi nó cho loài người thành một ngày vui-vẻ của nghỉ-ngoi, giải-trí và giao-thông với Đức Chúa Trời.

C. Thời-kỳ thứ ba

Đoạn 6 : 12 - 8 : 56

1. Tuyên-chọn mười hai Sứ-đồ

6 : 12 - 19

«¹² Trong lúc đó, Đức Chúa Jê-sus đi lên núi để cầu-nguyện; và thức thâu đêm cầu-nguyện Đức Chúa Trời. ¹³ Đến sáng ngày, Ngài đòi môn-đồ đến, chọn mười hai người, gọi là sứ-đồ: ¹⁴ Si-môn, Ngài đặt tên là Phi-e-rơ, Anh-rê em ruột của Phi-e-rơ, Gia-cơ và Glăng, Phi-líp và Ba-thê-lê-mý, ¹⁵ Ma-thi-ơ và Thô-ma, Gia-cơ con của A-phê, Si-môn gọi là Xê-lốt, ¹⁶ Giu-đe con của Gia-cơ, và Giu-đa Ích-ca-ri-ốt là kẻ phản Ngài.

¹⁷ Kể đó, Ngài cùng môn-đồ xuống, dừng lại nơi đồng bằng. Ở đó, có nhiều môn-đồ Ngài cùng đoàn dân rất đông từ khắp xứ Giu-đê, thành Giê-ru-sa-lem, và miền biển Ty-rơ, Si-đôn mà đến, để nghe Ngài dạy và cho được chữa lành bệnh mình. ¹⁸ Những kẻ mắc tà-ma khuấy-hại cũng đều được lành. ¹⁹ Cả đoàn dân đến kiểm cách rờ Ngài, vì từ Ngài có quyền-phép ra, chữa lành hết mọi người.»

Sự lựa-chọn mười hai Sứ-đồ đánh dấu một thời-kỳ mới và quan-trọng trong chức-vụ công-khai của Chúa. Công-việc này có một ý-nghĩa sâu-xa đến nỗi Lu-ca chép rằng trước khi hành-động Chúa Jê-sus đã thức suốt đêm để cầu-nguyện cùng Đức Chúa Trời. Một lý-do đó để Ngài quyết-định như vậy có thể là lòng giận-cuồng của người Pha-ri-si lúc bấy giờ đã lên đến độ muốn sát-hại Ngài. Để công-việc có thể điều-hòa thường-xuyên, Chúa Jê-sus thấy cần phải tổ-chức những người theo Ngài. Xung-quanh Ngài đã có một số đông môn-đồ, một phần trong họ là những kẻ cộng-sự chặt-chẽ của Chúa, nhưng Ngài muốn chỉ-định một số nhân-viên để huấn-luyện làm kẻ lãnh-đạo, những người này sẽ là sứ-giả chánh-thức của Ngài, họ sẽ được ban cho quyền-năng làm phép lạ.

Tên mười hai Sứ-đồ có chép bốn chỗ trong Tân-Uớc, chỗ nào cũng sắp thành ba nhóm cố-định, có thể là sắp theo mục-độ thân-thiết và công-tác phục-vụ của họ đối với Ngài. Bất cứ ở thời nào, trong vòng những kẻ theo Chúa cũng có những vòng trung-tâm, những nhóm thân-cận, những người được hưởng ơn gìn-giữ thân-mật với Chúa, không phải nhờ sự lựa-chọn độc-đoán của Ngài mà do trình-độ của lòng yêu-thương, vâng-phục và đức-tin của họ.

Sáu người được Lu-ca kể đầu-tiên là những người chịu ảnh-hưởng của Giảng Báp-Tít đã trở thành những kẻ theo Đấng Christ trước-tiên. Nếu những trường-hợp khác là bình-đẳng, thì những người biết Chúa lâu hơn hết là những người có thể hầu việc Chúa cách đặc-lực hơn hết.

Hàng đầu của nhóm thứ nhất này luôn luôn dành cho Si-môn Phi-e-rơ, một người bạo-dạn, nhạy-cảm, nhẹ-dạ, nhưng có một khả-năng lãnh-đạo phi-thường, nên ông giữ địa-vị thủ-lãnh trong vòng các Sứ-đồ của Chúa.

Với Phi-e-rơ. Lu-ca kể tên Anh-rê, em ông ấy, có lẽ là người kém khả-năng và sức-lực hơn, nhưng mọi người đều nhờ là chính ông này đã dẫn Phi-e-rơ đến với Chúa. Không ai có thể nói được một người vô-danh có dự được phần gì trong phần-thưởng của một lãnh-tụ danh tiếng trong Hội-thánh, người mà lãnh-tụ ấy chịu ơn nhiều trong chức-vụ.

Tiếp theo là Gia-cơ và Giảng, « con trai của sấm sét, » những người can-đảm, yêu-đấu, trung-thành đã cùng với Phi-e-rơ họp thành vòng trong cùng, của những kẻ theo Chúa. Gia-cơ là người đầu-tiên chịu tuận-đạo vì cơ Thầy mình, còn Giảng lại là kẻ sống sót lâu hơn hết trong vòng các Sứ-đồ, làm chứng về nhiệm-vụ của Đấng đã lựa-chọn Giảng làm bạn thân hơn hết của Cứu-Chúa, Đấng mà Giảng trông-mong, đợi-chờ trở lại.

Trong bốn người tiếp-theo, người đầu-tiên được kể tên là Phi-líp và Ba-thê-lê-my, Ba-thê-lê-my chắc là Na-tha-

na-ên, người Y-so-ra-ên thật-thà mà Phi-líp đã dẫn về làm môn-đồ Đấng Christ.

Kể đến Ma-thi-ơ và Thô-ma. Ma-thi-ơ là một người thâu thuế bị miệt-thị, nhưng chính nhờ công-việc đã huấn-luyện ông thành người ghi-chép sự-việc cẩn-thận, mà sau một thời-gian sống thân-mật với Đấng Christ, ông đã trở thành một nhà chép tiểu-sử, và ông đã viết một sách được sắp hàng đầu trong các sách Tin-lành. Thô-ma có tiếng là một môn-đồ hoài-nghi. Chắc bản-tánh tự-nhiên của ông, hay là hoài-nghi yếm-thế. Tuy-nhiên, điều quan-hệ là một con người như thế mà cũng đã phải nhìn-nhận sự sống lại của Chúa Jê-sus ngay sau khi Ngài sống lại, và đã trở thành một chứng-nhân tối-hệ cho thực-sự của nền-tảng tin-ngưỡng Cơ-đốc-giáo.

Về phần nhóm cuối-cùng ta không biết về Gia-cơ con Anh-phê, thường gọi là « Gia-cơ nhỏ » khác với Gia-cơ anh của Giăng ; nhưng không thể lầm-lẫn ông này với Gia-cơ em của Chúa, về sau là thủ-lãnh của Hội-thánh Giê-ru-sa-lem và viết một thư mang tên ông. « Si-môn gọi là đấng-viên Phấn-nhuệ », gọi như vậy để phân-biệt với Si-môn Phi-e-rơ. Nếu danh-hiệu đó là thật, thì trước kia ông thuộc một đảng Do-thái nhiệt-thành âm-muru phản-nghịch chính-quyền La-mã, việc này về sau đã khiến cho thành Giê-ru-sa-lem bị triệt-hạ.

Giu-đa con của Gia-cơ, đã được tác-giả cẩn-thận phân-biệt với kẻ phản-bội. Tên ô-nhục của kẻ phản-bội này luôn luôn đặt cuối-cùng danh-sách Sứ-đồ, mỗi lần Kinh-thánh nhắc đến hần là để chỉ sự hồ-nhục khâm-ố. Không ai có thể giải-thích tại sao hần được chọn làm kẻ theo Chúa, nhưng chắc hần phải có những yếu-tố thiện nguyên-thủy. Hần có cơ-hội phát-huy để thành hữu-dụng và thánh-thiện, nhưng hần đã nuôi-dưỡng dục-vọng tham-lam trong khi đi với Chúa Jê-sus, bởi vậy hần đã sa vào vực-thẳm mau chóng, chẳng bao lâu hần trở thành tên trộm-cắp và phản-bội. Số-phận của hần là lời cảnh-cáo cho những kẻ theo Đấng Christ, và lời chứng của hần về nhân-cách Chúa Jê-sus đã được lặp đi lặp lại trải qua các đời : « Tôi đã... nộp huyết vô-tội. »

Tất cả mười hai Sứ-đồ đều là những người sống giản-dị, tầm-thường trong đời. Họ là những người có khả-năng trung-bình, và phần lớn tên-tuổi họ vẫn ở trong bóng tối. Tuy-nhiên, họ là những lãnh-tụ đầu-tiên, những người tổ-chức một đoàn-thể quan-trọng vào bậc nhứt trong lịch-sử thế-giới. Tên của họ đã được khắc trên nền của thành thánh, và ánh sáng của thành này phải chiếu-diệu khắp địa-cầu.

2. Bài giảng Vĩ-dại

6 : 20 - 49

«²⁰ Đức Chúa Jê-sus bèn ngược mắt ngó môn-đồ, mà phán rằng : Phước cho các người nghèo-khó, vì nước Đức Chúa Trời thuộc về các người ! ²¹ Phước cho các người hiện dương đói, vì sẽ được no-đủ ! Phước cho các người hiện dương khát-lợc, vì sẽ được vui-mừng ! ²² Phước cho các người khi vì có Con người, thiên-hạ sẽ ghét, đuổi, mắng-nhiếc các người, bỏ tên các người như đồ ô-uế ! ²³ Ngày đó, hãy vui-vẻ, nhảy-nhót và mừng-rỡ, vì phần thưởng các người trên trời sẽ lớn lắm ; bởi tổ-phụ họ cũng đói-đãi các đấng tiên-tri đường ấy.

²⁴ Song, khốn cho các người là người giàu-có, vì đã được sự yên-ủi của mình rồi ! ²⁵ Khốn cho các người là kẻ hiện đang no, vì sẽ đói ! Khốn cho các người là kẻ hiện dương dư-dồi, vì sẽ dễ tang và khát-lợc ! ²⁶ Khốn cho các người, khi mọi người sẽ khen các người, vì tổ-phụ họ cũng xử với các tiên-tri giả như vậy !

²⁷ Nhưng ta phán cùng các người, là người nghe ta : Hãy yêu kẻ thù mình, làm ơn cho kẻ ghét mình, ²⁸ chúc phước cho kẻ rủa mình, và cầu-nguyện cho kẻ sỉ-nhục mình. ²⁹ Ai vả người má bên này, hãy đưa luôn má bên kia cho họ ; còn nếu ai giựt áo ngoài của người, thì cũng đừng ngăn họ lấy luôn áo trong. ³⁰ Hễ ai xin, hãy cho, và nếu có ai đoạt lấy của các người, thì đừng đòi lại. ³¹ Các người muốn người ta làm cho mình thế nào, hãy làm cho người ta thế ấy.

³² Nếu các người yêu kẻ yêu mình, thì có ơn chi? Người có tội cũng yêu kẻ yêu mình. ³³ Nếu các người làm ơn cho kẻ làm ơn mình, thì có ơn chi? Người có tội cũng làm như vậy. ³³ Nếu các người cho ai mượn mà mong họ trả, thì có ơn chi? Người có tội cũng cho người có tội mượn, để được thâu lại y số. ³⁵ Song các người hãy yêu kẻ thù mình; hãy làm ơn, hãy cho mượn, mà đừng ngã lòng. Vậy, phần thưởng của các người sẽ lớn, và các người sẽ làm con của Đấng Rất-Cao, vì Ngài lấy nhơn-từ đổi-dãi kẻ bạc và kẻ dữ.

³⁶ Hãy thương-xót như Cha các người hay thương-xót. ³⁷ Đừng đoán-xét ai, thì các người khỏi bị đoán-xét; đừng lên án ai, thì các người khỏi bị lên án; hãy tha-thứ, người sẽ tha-thứ mình. ³⁸ Hãy cho, người sẽ cho mình; họ sẽ lấy dầu lớn, nhận, lặc cho đầy tràn, mà nộp trong lòng các người; vì các người lường mực nào, thì họ cũng lường lại cho các người mực ấy.

³⁹ Ngài cũng phán cùng họ một thí-dụ rằng: Kẻ mù có thể dắt kẻ mù được chăng? Cả hai há chẳng cùng té xuống hố sao?

⁴⁰ Môn-dồ không hơn thầy; nhưng hề môn-dồ được trọn-vẹn thì sẽ bằng thầy mình. ⁴¹ Sao người nhìn thấy cái rác trong mắt anh em mình, mà không thấy cây đà trong mắt người? ⁴² Sao người nói được với anh em rằng: Anh ơi, để tôi lấy cái rác trong mắt anh ra, còn người, thì không thấy cây đà trong mắt mình? Hỡi kẻ giả-hình, hãy lấy cây đà ra khỏi mắt mình trước đã, rồi mới thấy rõ mà lấy cái rác ra khỏi mắt anh em. ⁴³ Cây sanh trái xấu không phải là cây tốt, cây sanh trái tốt không phải là cây xấu; ⁴⁴ vì hề xem trái thì biết cây. Người ta không hái được trái vả nơi bụi gai, hay là hái trái nho nơi chòm kinh-cước. ⁴⁵ Người lành bởi lòng chứa điều thiện mà phát ra điều thiện, kẻ dữ bởi lòng chứa điều ác mà phát ra điều ác; vì do sự đầy-dẫy trong lòng mà miệng nói ra,

⁴⁶ Sao các người gọi ta : Chúa, Chúa, mà không làm theo lời ta phán ? ⁴⁷ Ta sẽ chỉ cho các người biết kẻ nào đến cùng ta, nghe lời ta, và làm theo, thì giống ai. ⁴⁸ Kẻ ấy giống như một người kia cất nhà, đào đất cho sâu, xây nền trên vầng đá : nước tràn-lan, dòng nước chảy mạnh xô vào nhà đó, nhưng không xô-động được, vì đã cất chắc-chắn. ⁴⁹ Song kẻ nào nghe lời ta mà không làm theo, thì giống như một người kia cất nhà trên đất không xây nền : dòng nước chảy mạnh xô vào nhà đó, tức thì nhà sụp xuống, và sự hư-hại lớn-lao.»

Khó có thể chứng-minh rằng Bài Giảng Trên Núi là một với bài giảng này mà vài người gọi là Bài Giảng ở Đồi-Băng. Sự liên-hệ giữa bài giảng do Ma-thi-ơ chép và bài giảng này trong Lu-ca vẫn là một đầu-đề bàn-cãi từ lâu. Nhưng đều có thể nói được là hai bài ấy nguyên chỉ là một mà thôi. Sau khi Chúa Jêsus đã chọn mười hai Sứ-đồ trên đỉnh núi, nơi Ngài đã ở lại qua đêm, Ngài xuống một chỗ bằng-phẳng bên sườn núi, gặp đoàn dân và giảng một bài giảng đã chiếm địa-vị tru-đẳng trong các bài diễn-văn trên thế-giới.

Nếu bài này là một với Bài Giảng Trên Núi, thì ta nhận thấy rằng mỗi bên đều bắt đầu với các phước lành và kết-thúc với một lời cảnh-cáo, trong khi phần chính của bài khác nhau, tùy theo phương-diện của lẽ thật mà tác-giả nhấn mạnh. Trong Ma-thi-ơ, tinh-t túy của cuộc sống là sự công-nghĩa thật, để phân-biệt với chủ-nghĩa hình-thức của người Pha-ri-si. Trong Lu-ca, tinh-t túy của sự công-nghĩa là ở trong tình yêu. Khi Ma-thi-ơ viết, ông nghĩ về các Cơ-đốc-đồ Do-thái. Sách Tin-lành của Lu-ca viết cho cả thế-giới, nhiều độc-giả của ông không thể hiểu được sự phân-biệt mà Ma-thi-ơ nhấn mạnh. Chữ có thể diễn-tả được bài giảng trong Ma-thi-ơ là thuộc-linh, còn theo Lu-ca, bản-chất của cuộc sống tin-đồ phải là bác-ái.

Về các Phước-lành, ở đây chỉ ghi có bốn, trong Ma-thi-ơ ghi đến tám hay chín ; nhưng Lu-ca có thêm vào

bốn điều họa, và những điều này đối-nghịch song song với các Phước lành. (20-24). Vậy bài giảng bắt đầu là công-bố ơn-phước cho những kẻ theo Đấng Christ, và tai-họa cho những kẻ chối-bỏ Ngài. Những kẻ được phước là người nghèo, đói, than-khóc, bị khinh-ghét; còn họa thì đổ trên những người giàu, no, vui-vẻ, được ca-ngợi. Dĩ-nhiên, cần phải hiểu rằng trong những chữ trên có bao-hàm những ý thuộc-linh. Những sự nghèo-thiếu, đói-khát, đau-buồn, trách-mắng tự chúng không phải là công-đức, chúng chỉ đem lại phước-hạnh trong hiện-tại và cả cõi đời đời nếu chúng có kèm theo sự khiêm-nhường, tin-cậy, kiên-nhẫn, và chịu-đựng những thử ấỵ vì có Đấng Christ. Cũng vậy, chẳng có sự gì sai trong sự giàu-có, no-đủ, vui-cười, khen-ngợi, nếu nó không đi với lòng ích-kỷ, tham-lam, nóng-nổi, hèn-kém, là đặc-tính người ta thường kẻ cho nó. Thấy đã dùng những phước và họa ấy để chỉ về nhân-cách và phẩm-hạnh của những môn-đồ thật của Ngài.

Đoạn chính của bài giảng, từ câu 27-45, nêu ra rằng bản-chất của cuộc sống tin-đồ phải là cuộc sống của tình yêu. Bài giảng về tình yêu này có thể đi kèm với « bản thánh-ca về tình yêu » do Phao-lô soạn trong I Côr. 13, và với « Bài học Kinh-thánh » về tình yêu do Giảng viết trong I Gi. 4: 7-21.

Trước hết từ câu 27-30, thay cho sự phục-thù, Chúa Jê-sus đã thiết-lập một Luật Vàng: « Các người muốn người ta làm cho mình thế nào, hãy làm cho người ta thế ấy » (câu 31). Chúa nói về lòng tự-kỷ và sự ham phần thưởng mà người ta thường gọi là tình yêu (c. 32-34), rồi Ngài nêu ra tấm gương toàn-hảo của Đức Chúa Trời và ám chỉ rằng vì Ngài đã thương-xót chúng ta, nên chúng ta phải xét-đoán bạn-hữu chúng ta cách nhơn-từ, Ngài bảo-đảm chúng ta trong sự đại-độ vô-hạn, với lòng đại-độ ấy, Cha chúng ta sẽ thưởng cho lòng yêu-thương vô-vụ-lợi của chúng ta. Những lời ấy trái ngược với tính-cách ích-kỷ và lòng mong-muốn được đền-đáp thường có trong những người làm lành (câu 35-38).

Phần thứ hai của thân bài giảng-luận từ câu 39-45, vẫn nằm trong vấn-đề xét-đoán mà Chúa Jêsus đã nói, ở đây Ngài nói về sự xét-đoán bất-công, là một lỗi thường có và làm phạm luật của tình yêu. Người nào hay chỉ-trích cách khắc-nghiệt mà không biết đến những lỗi của mình thì không thể nào giúp-đỡ được anh em mình, người ấy giống như một kẻ mù tìm cách chỉ đường cho kẻ mù, như một kẻ có cây đèn trong mắt, tìm cách giúp cho kẻ khác có rác trong mắt. Cây tốt sanh trái lành thế nào, thì cũng một thế ấy chỉ những tấm lòng đầy-dẫy tình yêu mới có thể phục-vụ hữu-ích.

Đề cảnh-cáo những người tự-nhận mình là tin-đồ Đấng Christ mà không giữ luật tình yêu, và đề khuyến-khích môn-đồ của Ngài trung-thành giữ điều-răn của Ngài, Chúa Jêsus đã kết-luận bài giảng của Ngài bằng ví-dụ quen-thuộc về hai cái nhà, một cái xây trên đá, một cái xây trên cát. Giữa những cơn bão-tố lụt-lội của thời-kỳ xét-đoán, chỉ các nhà xây trên đá mới đứng vững.

3. *Đội-trưởng thành Ca-bê-na-um*

7 : 1 - 10

«¹ Khi Đức Chúa Jêsus rao-giảng xong mọi lời ấy trước mặt dân-chúng nghe rồi, thì Ngài vào thành Ca-bê-na-um.

² Và, một thầy đội kia có đứa đầy-tớ rất thiết-nghĩa đau gần chết, ³ nghe nói Đức Chúa Jêsus, bèn sai mấy trưởng-lão trong dân Giu-đa xin Ngài đến chữa cho đầy-tớ mình. ⁴ Mấy người đó đến cùng Đức Chúa Jêsus, mà nài-xin rằng: Thầy đội thật đáng cho thầy nhậm điều này; ⁵ vì người yêu dân ta, và đã cất nhà hội cho chúng tôi. ⁶ Đức Chúa Jêsus bèn đi với họ. Khi Ngài gần tới nhà, thầy đội sai bạn-hữu mình đi thưa Ngài rằng: Lạy Chúa, xin đừng tự phiền đến thế, vì tôi không đáng rước Chúa vào nhà tôi. ⁷ Tôi cũng nghĩ mình không đáng đến cùng Chúa; song xin phán một lời, thì đầy-tớ tôi sẽ được lành ⁸ Vì chính mình tôi là người thuộc dưới quyền

kẻ khác, tôi cũng có quân-lính dưới quyền tôi; tôi biểu tên này rằng: Hãy đi! thì nó đi; biểu tên khác rằng: Hãy đến! thì nó đến; và biểu đầy-tớ tôi rằng: Hãy làm việc này! thì nó làm. ⁹ Đức Chúa Jê-sus nghe những lời ấy, lấy làm lạ cho thấy đội, bèn xây lại cùng đoàn dân theo mình, mà phán rằng: Ta nói cùng các người, dầu trong dân Y-so-ra-ên, ta cũng chưa thấy một đức-tin lớn dường ấy. ¹⁰ Những kẻ sai đến trở về nhà, thấy đầy-tớ lạnh-mạnh.»

Không có một tấm tranh nào về đức-tin toàn-hảo hơn tấm tranh do Lu-ca vẽ về đội-trưởng thành Ca-bê-na-um, người đã gởi đến Chúa Jê-sus lời cầu-xin Ngài chữa lành bệnh cho một đầy-tớ yêu-mến đương hấp-hối trước ngưỡng cửa của tử-thần. Vị chỉ-huy quân-sự này là một người ngoại-giáo từ lúc mới sanh ra, và là nhân-vật cao-cấp, như Tân-Ước thường ám-chỉ khi nói đến những quân-nhân ngang cấp ấy. Đề ý phân-tích những đặc-điểm đức-tin ông là một điều bổ-ích, một đức-tin lớn đến nỗi Chúa đã « lấy làm lạ cho người. » Trước hết, đội-trưởng tin-cậy Chúa Jê-sus có thể chữa lành, vì những điều ông đã nghe về Ngài. Đây là tinh-túy của đức-tin, tức là sự tin-trưởng có chứng-cớ. Đức-tin không phải là sự tin-cậy mơ-hồ hoặc không-trưởng hay nay thay mai đổi; đó là hoàn-toàn sự suy-luận của lý-trí, sự suy-luận căn-cứ vào những lời chứng đáng tin-cậy. Đội-trưởng đã nghe nhiều về quyền-năng và sự nhơn-từ của Chúa Jê-sus nên ông tin rằng Ngài có khả-năng chữa lành được. Đứng trước bằng-chứng hiển-nhiên mà còn không tin thì chỉ là ngu-muội hay tội-lỗi.

Lại nữa, đội-trưởng tỏ ra có đức-tin thành-thật. Ông đã nhận tất cả ánh sáng đã chiếu-rọi đến cho ông. Sự thờ-phượng thuần-túy của Do-thái-giáo đã lôi-cuốn ông, và ông đã tỏ ra thiện-cảm đối với những người theo đạo ấy bằng cách xây cho họ một nhà hội. Khi một người đã sống dưới ánh sáng; đương có, thì sẽ có thêm ánh sáng rọi vào nữa.

Rồi ông lại tỏ ra có đức-tin khiêm-nhường. Ông tự xem mình không xứng-đáng đến trước mặt Chúa để dâng

lời cầu-xin ; bởi vậy khi Chúa Jêsus đề-nghị đến nhà ông, thì ông nhần lời ra rằng ông không xứng-đáng rước Chúa vào nhà.

Hiền-nhiên hơn hết, ông biểu-lộ sự tin-cậy nơi Đấng Christ và tùy-phục quyền-năng của Ngài, đó là đặc-điểm của đức-tin thật. Ông nói rằng Chúa không cần phải đến nhà ông; vì ông là quân-nhân và là sĩ-quan, ông biết có thể làm được những việc gì với mệnh-lệnh ; ông biết những ai phải vâng-phục, và những ai cần phải được vâng-phục ; vì ông đã cho rằng Chúa Jêsus có quyền quản-trị trên những quyền-năng vô-hình của bịnh-tật, nên ông đã nói một lời lạ-lùng « Nhưng xin phán một lời thì tôi-tớ tôi sẽ được lành. » Chính phươgng-diện này của đức-tin ông đã khiến Chúa cảm-kích, Ngài vẫn nhìn-xem lòng tin-cậy khiêm-nhường của chúng ta với một cảm-tình và chắc-chắn sẽ tưởng-thưởng xứng-đáng. Ta không lạ gì khi thấy « những kẻ chịu sai đến, trở về nhà, thấy đầy-tớ lành-mạnh. » Còn Lu-ca hoan-hỉ được kể lại câu chuyện một người ngoài dân Y-sơ-ra-ên tin đến Đấng Christ. Sự tin-tưởng này là lời tiên-trị về những ơn-phước cho đức-tin đem lại cho mọi dân-tộc trên thế-giới.

4. Chúa Jêsus cứu sống con trai của một góa-phụ

7 : 11 - 17

«¹¹ Bữa sau, Đức Chúa Jêsus đi đến một thành, gọi là Na-in, có nhiều môn-đồ và một đoàn dân đông cùng đi với Ngài. ¹² Khi Ngài đến gần cửa thành, họ vừa khiêng ra một người chết, là con trai một của mẹ góa kia ; có nhiều người ở thành đó đi đưa với bà góa ấy. ¹³ Chúa thấy, động lòng thương-xót người, mà phán rằng : Đứng khóc ! ¹⁴ Đoàn, Ngài lại gần, rờ quan-tài, thì kẻ khiêng dừng lại. Ngài bèn phán rằng : Hỡi người trẻ kia, ta biểu người chớ dậy. ¹⁵ Người chết vùng ngồi dậy và khởi sự nói. Đức Chúa Jêsus giao người lại cho mẹ. ¹⁶ Ai nấy đều sợ-hải, và ngợi-khen Đức Chúa Trời rằng : Có Đấng tiên-trị lớn đã dậy lên giữa

chúng tôi, và Đức Chúa Trời đã thăm-viếng dân Ngài.
 17 Tin này đồn ra khắp xứ Giu-đê, và khắp xứ xung-
 quanh nơi đó nữa. »

Nếu mục-đích của Lu-ca là nhấn mạnh cho độc-giả về tấm lòng ưu-ái và dịu-hiền của Con Người Christ-Jésus, thì rất dễ hiểu tại sao chỉ có mình ông trong vòng các nhà chép phước-âm viết về câu chuyện cảm-động về sự cứu sống con trai của góa-phụ ở Na-in. Không còn bức tranh nào đầy lòng xót-thương trắc-ân như thế. Người ta không có yêu-cầu Chúa Jésus làm phép lạ, nhưng Ngài chịu cảm-động hoàn-toàn vì cơ tiếng kêu-gọi cảm-nin của cảnh thống-khổ tuyệt-vọng của con người. Khi Ngài đến gần công thành-phố nhỏ ấy, Ngài gặp một đám tang buồn-bã từ từ tiến ra nghĩa-địa. Ngài cảm-xúc bồi-hồi khi thấy những giọt nước mắt của người mẹ cô-đơn đã mất con trai một của mình. Động lòng trắc-ân, Ngài đến an-ủi bà : « Đừng khóc. » Rồi Ngài đến rờ lên quan-tài đương đứng thi-thê bất-động của người thanh-niên. Cử-chỉ ấy hùng-biện gấp mấy lời nói. Rồi Ngài truyền phán : « Hỡi người (trai) trẻ kia, ta biểu ngươi chớ-dậy. Người chết vùng ngồi dậy và khởi sự nói. Đức Chúa Jésus giao người lại cho mẹ. » Khi xét đến những phép lạ như vậy, có thể ta chỉ cho rằng mục-đích của chúng là chứng-thực chức-vụ của Chúa Jésus, hay chứng-minh cho sứ-điệp thiên-thượng của Ngài. Thật quả có như vậy, nhưng chúng ta đừng nên quên rằng những việc ấy biểu-lộ bản-chất của chức-vụ Chúa Jésus và khải-thị chính tấm lòng của Đức Chúa Trời. Những câu chuyện như thế làm khô lệ của những kẻ than-khóc, hàn-gần những quả tim tan-vỡ, giục-giã kẻ ngã lòng bằng hi-vọng đời đời. Chúa Jésus là Cứu-Chúa của sự sống, chắc-chắn Ngài sẽ lau ráo lệ trên mắt những kẻ tin-cậy Ngài.

5. Chúa Jésus ngợi-khen Giảng

7 : 18 - 35

«¹⁸ Môn-đồ của Giảng trình lại hết cả chuyện đó với người. ¹⁹ Người bèn gọi hai môn-đồ mình, sai đến

thừa cùng Chúa rằng: Thầy có phải là Đấng phải đến, hay chúng tôi còn phải đợi Đấng khác? ²⁰ Hai người đã đến cùng Đức Chúa Jê-sus, thừa rằng: Giảng Báp-tít sai chúng tôi đến hỏi thầy: Thầy có phải là Đấng phải đến, hay chúng tôi còn phải đợi Đấng khác? ²¹ Vả, chính giờ đó, Đức Chúa Jê-sus chữa lành nhiều kẻ bệnh, kẻ tàn-tật, kẻ mắc quỷ dữ, và làm cho nhiều người dui được sáng. ²² Đoạn, Ngài đáp rằng: Hãy về báo cho Giảng sự các người đã thấy và đã nghe; kẻ dui được sáng, kẻ què được đi, kẻ phong được sạch, kẻ điếc được nghe, kẻ chết được sống lại, Tin-lành đã rao-giảng cho kẻ nghèo. ²³ Phước cho kẻ không vấp-phạm vì có ta!

²⁴ Hai người của Giảng sai đến đã đi rồi, Đức Chúa Jê-sus mới phán cùng đoàn dân về việc Giảng rằng: Các người đã đi xem chỉ nơi đồng vắng? Xem cây sậy bị gió rung chẳng?... ²⁵ Lại các người còn đi xem gì? Xem người ăn-mặc tốt-đẹp chẳng? Kia, những người mặc áo sang-trọng, và ăn-ở sung-sướng, thì ở trong đền-đài các vua! ²⁶ Song, rốt lại, các người đi xem gì? Xem một đấng tiên-trí ư? Phải, ta nói, một đấng trọng hơn tiên-trí nữa. ²⁷ Ấy về đấng đó mà có lời chép rằng:

Này, ta sẽ sai sứ ta đến trước mặt người,

Người sẽ dọn đường trước người.

²⁸ Ta nói cùng các người, trong những người bởi đàn-bà sanh ra, không có ai lớn hơn Giảng Báp-tít đâu; nhưng trong nước Đức Chúa Trời, kẻ rất nhỏ còn lớn hơn Giảng vậy. ²⁹ Cả dân-chúng cùng kẻ thu thuế chịu Giảng làm phép báp-têm, đều xưng Đức Chúa Trời là công-bình. ³⁰ Song người Pha-ri-si cùng các thầy dạy luật không chịu Giảng làm phép báp-têm, nên chê-bỏ ý Đức Chúa Trời định về mình.

³¹ Vậy, ta sẽ sánh người đời này với gì, họ giống như ai? ³² Họ giống như con trẻ ngồi ngoài chợ, nói cùng nhau rằng: Ta đã thổi sáo, mà bay không nhảy-múa; ta đã than-vãn mà bay không khóc. ³³ Vả, Giảng

Báp-tít đã đến, không ăn bánh, không uống rượu ; thì các người nói rằng : Người mắc quỷ dữ. ³⁵ Con người đến, ăn và uống, thì các người nói rằng : Ấy là con người ham ăn mê uống, bạn với người thâu thuế và kẻ có tội. ³⁵ Song sự khôn-ngoan được xưng công-bình nhờ những việc làm của nó.»

Vi phải nằm trong ngục-thất tâm-tối, hay là vi chờ-đợi quá lâu mà chưa thấy Chúa Jêsus thực-hiện những ước-vọng mình hằng ấp-ủ, nên sự nghi-ngờ kéo đến vẩn-vũ trong tâm-trí Giăng. Giăng bèn sai sứ-giả đến cùng Chúa Jêsus hỏi rằng Ngài có phải là Đấng Mê-si mà Giăng tuyên-bố hay không « Thầy có phải là Đấng phải đến, hay chúng tôi còn phải chờ-đợi Đấng khác ? » Không phải Giăng đã mất đức-tin nơi Đức Chúa Trời hay lời hứa Ngài ; ông tin rằng nếu Chúa Jêsus không phải là Đấng Mê-si, thì Đấng Mê-si cũng sẽ đến.

Chúa âu-yếm xác-nhận cho sứ-giả vĩ-đại của Ngài bằng cách kể lại những công-việc quyền-năng mà Ngài đang làm. Giăng đã biết nhiều về những công-cuộc ấy, nhưng đem kể cho ông nghĩ lại chắc đánh tan được sự lo-ngại của ông. Chúa Jêsus luôn thông-cảm với chúng ta trong những giờ-phút đau-khổ, Ngài thương an-ủi chúng ta bằng cách nhắc-nhở cho chúng ta, những điều chúng ta đã biết về quyền-năng, về tình-yêu và sự hiện-diện cùng những lẽ thật trong Lời Ngài.

Tuy-nhiên, Chúa Jêsus không khen-ngợi sự ngờ-vực của chúng ta ; Ngài nhắc đến Giăng một lời trách-nặng, âu-yếm : « Phước cho kẻ không vấp-phạm vì có ta. » Ngài công-bố phước này cho những kẻ mặc dầu đang ở trong bóng tối, lao-tù, đợi-chờ, khắc-khoải, cũng vẫn hết lòng tin-cậy nơi Ngài.

Chính trong lúc Giăng có vẻ như đương thất-bại thì Chúa đã khen-ngợi ông bằng một câu tuyệt-diệu, Ngài tuyên-bố rằng : « Trong những người bởi đàn-bà sanh ra, không có ai lớn hơn Giăng Báp-tít đâu. » Ngài biện-minh cho lời phán-đoán cần-nhắc ấy, và hơn đó chỉ tỏ sự cao-trọng thật nằm ở đâu. Ngài nói đến tánh-tình của

Giăng trước, rồi đến sự nghiệp của người. Ngài ca-tụng con người Giăng rồi đến sứ-giả Giăng. Ngài mô-tả đạo-đức rồi sự cao-trọng chánh-thức của người.

Ngài dùng hai câu hỏi để tả bản-tánh của Giăng, mỗi câu đều hiểu ngầm một câu trả của phủ-định. Câu thứ nhất, « Các người đã đi xem chỉ nơi đồng vắng ? Xem cây sậy bị gió rung chẳng ? » Chắc-chắn sự cao-cả thật không thể nằm trong một sự hèn-nhát về đạo-đức uốn mình theo mọi chiều gió, trái lại Giăng là một tảng đá không bão-tổ nào có thể xô đổ được.

Rồi đến câu hỏi thứ hai : « Lại các người còn đi xem gì ? Xem người ăn-mặc tốt-đẹp chẳng ? » Chắc-chắn sự cao-cả không nằm theo con đường hành-lạc phóng-tung. Giăng chịu-đựng được mọi khổ-nhọc và gác-bỏ những khoái-lạc của con người, vì ông đã hoàn-toàn hiến mình cho công-tác thiên-thượng. Can-đảm và hy-sinh — đó là hai yếu-tố chính trong sự cao-thượng đạo-đức.

Nhưng sự cao-cả thật của Giăng là ở trong chức-vụ của người. Chúa Jê-sus tuyên-bố rằng ông là sứ-giả mà Ma-la-chi đã dự-ngón là sẽ dọn đường cho Chúa. Các tiên-tri khác đã xuất-hiện và dự-ngón về sự hiện-đến của Đấng Mê-si. Còn về phần Giăng, chẳng những tuyên-bố rằng Đấng Christ sẽ đến, mà có thể chỉ vào Ngài mà nói rằng « Kia, Chiên Con của Đức Chúa Trời . . . đây là Con Đức Chúa Trời. » Đối với một hồn người, không còn gì cao-cả hơn nữa ; không có đặc-ân nào cao-cả hơn là đưa-dắt tư-tưởng và lòng người về cùng Chúa Jê-sus-Christ, Cứu-Chúa của thế-gian. Những kẻ theo Chúa ngày nay biết về Đấng Christ nhiều hơn Giăng, Địa-vị của Giăng và họ trong vinh-quang của Nước toàn-vẹn sẽ tùy-thuộc nơi lòng trung-thành khi họ phục-vụ chủ họ.

Lời ngợi-khen Giăng hoàn-toàn trái-ngược với lời kết án các người Pha-ri-si mà Chúa mời chuyên qua. Ngài nói rằng những người tự xưng là lãnh-tụ này giống như những đứa trẻ ngồi trong chợ than-phiền với nhau là không chịu chơi trò chơi giả đám ma hay đám cưới của chúng. Bởi vì khi Giăng đến, họ không chịu theo người vì lập-trường và sứ-điệp của người nghiêm-nghị quá, khi

Đấng Christ đến, họ chỉ-trích Ngài là quá vụ-lạc « bạn-bè với người thu thuế và kẻ có tội. » Những người Pha-ri-si đồ thừa cho cách cư-xử của Giăng và tánh-hạnh của Chúa Jê-sus để từ-chối những điều cần-thiết trong sứ-mệnh và thông-diệp của hai bậc ấy. Họ không chịu ăn-năn theo mệnh-lệnh của Giăng, hoặc đặt lòng tin-cậy nơi Đấng Christ, đáp-ứng lời hứa của Ngài về ân-diên và sự sống. Nhiều người vẫn từ-chối không chịu nhận sự cứu-rỗi ban cho họ vì có vài điểm bề ngoài của Cơ-đốc-giáo, còn nguyên-tổ thật của nó thì họ không thể nhận ra. Nhưng cũng như trong thời Chúa Jê-sus, ngày nay có nhiều người chịu nhận sự kêu-gọi ăn-năn và ơn ban sự sống « Song sự khôn-ngaoan được xưng công-bình nhờ những việc làm của nó. »

6. Nữ tội-nhân được tha tội

7 : 36 - 50

³⁶ Có một người Pha-ri-si mời Đức Chúa Jê-sus ăn tại nhà mình. Vậy, khi đã vào nhà người Pha-ri-si thì Ngài ngồi bàn. ³⁷ Và, có một người đờn-bà xấu nét ở thành đó, nghe nói Đức Chúa Jê-sus đương ngồi bàn tại nhà người Pha-ri-si, bèn đem đến một bình ngọc trắng đựng đầy dầu thơm. ³⁸ Người đứng đằng sau, nơi chơn Đức Chúa Jê-sus, khóc, sa nước mắt trên chơn Ngài, rồi lấy tóc mình mà chùi; lại hôn chơn Ngài, và xức dầu thơm cho. ³⁹ Người Pha-ri-si đã mời Ngài, thấy vậy, tự nghĩ rằng: Nếu người này là đấng tiên-tri, chắc biết người đờn-bà rờ đến mình đó là ai, eùng biết ấy là người đờn-bà xấu nét. ⁴⁰ Đức Chúa Jê-sus bèn cất tiếng phán cùng người rằng: Hỡi Si-môn, ta có vài lời nói cùng ngươi. Người thưa rằng: Thưa thầy, xin cứ nói. — ⁴¹ Một chủ nợ có hai người mắc nợ: Một người mắc năm trăm đơ-ni-ê, một người mắc năm chục. ⁴² Vì hai người đều không có chi mà trả, nên chủ nợ tha cả hai. Trong hai người đó, ai yêu chủ nợ hơn? ⁴³ Si-môn thưa rằng: Tôi tưởng là người mà chủ nợ đã tha nhiều nợ hơn. Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Người đoán phải lắm. ⁴⁴ Đoạn, Ngài xây lại người đờn-

bà mà phán cùng Si-môn rằng : Người thấy đờn-bà này không ? Ta vào nhà người, người không cho nước rửa chơn ; nhưng người đã lấy nước mắt thấm ướt chơn ta, rồi lấy tóc mình mà chùi. ⁴⁵ Người không hôn ta ; nhưng người từ khi vào nhà người, thì hôn chơn ta hoài. ⁴⁶ Người không xúc dầu đầu ta ; nhưng người lấy dầu thơm xúc chơn ta. ⁴⁷ Vậy nên ta nói cùng người, tội-lỗi đờn-bà này nhiều lắm, đã được tha hết, vì người đã yêu-mến nhiều ; song kẻ được tha ít thì yêu-mến ít, ⁴⁸ Ngài bèn phán cùng người đờn-bà rằng : Tội-lỗi người đã được tha rồi. ⁴⁹ Các người ngồi bàn với Ngài nghĩ thầm rằng : Người này là ai, mà cũng tha tội ? ⁵⁰ Nhưng Ngài phán cùng người đờn-bà rằng : Đức-tin của người đã cứu người ; hãy đi cho bình-an. »

Hình như sách Tin-Lành của Lu-ca đặc-biệt nhấn mạnh về ân-diễn và sự tha-thứ do Chúa Jê-sus ban-bổ. Chỉ mình sách này ghi lại lòng từ-ái đối với quả-phụ thành Na-in, và cũng chỉ sách này diễn-tả lại nỗi ưu-ái của Ngài đối với người đàn-bà tội-lỗi đã xúc dầu dưới chơn Ngài trong nhà Si-môn, người Pha-ri-si. Tuy-nhiên, đó không phải chỉ là bức tranh về lòng từ-bi thương-xót của Chúa, mà cũng là bức tranh về lòng biết ơn vô bờ-bến của kẻ nhận biết món quà vô-giá của ơn tha tội.

Vì một lầm-lỗi trong khi giải-thích mà người ta lầm người đàn-bà này với Ma-ri Ma-đơ-len hay Ma-ri ở Bê-tha-ni. Ba người này chắc phải khác-biệt nhau. Thật ra Chúa Jê-sus có đuổi quỷ cho người thứ nhất, và người thứ hai, cũng như người đàn-bà trong câu chuyện này, đã xúc dầu thơm cho chơn Chúa Jê-sus, nhưng có một lý-do khiến ta tin rằng trong ba người chỉ có người này có tiếng là một tội-nhân. Đường như nàng có gặp Chúa vài lần trước đó, đã ăn-năn tội của nàng và đã được Chúa ban lời tha tội.

Nhờ lòng biết ơn, nàng được sự can-đảm đi vào nhà Si-môn mà không được ai mời, Chúa Jê-sus đương là khách tiệc trong nhà này. Nàng đến để xúc dầu thơm cho chơn Chúa Jê-sus, nhưng khi nhìn đến Ngài, nàng nghĩ lại tội-lỗi mình, và nước mắt ăn-năn nóng hổi của nàng đổ ra trên

chơn Chúa Jêsus. Nàng vội-vã tháo tóc ra lau khô chơn Ngài, rồi đổ một chai dầu thơm lên. Đối với nàng không có cách nào hơn để diễn-tả lòng biết ơn và sự hi-sinh nhiệt-thành của mình. Việc Chúa để cho người đàn-bà kém phẩm-hạnh biểu-lộ lòng yêu-mến đối với Ngài khiến Si-môn kết-luận rằng Chúa Jêsus có lẽ không phải là tiên-tri, vì nếu là tiên-tri thì Ngài phải biết sự thật về một người đàn-bà hư-hoại như vậy.

Câu trả lời của Chúa Jêsus tỏ ra rằng Ngài có thể đọc được những tư-tưởng thâm-kín của chủ tiệc. Lời phán của Chúa Jêsus chẳng những đáp lại lời chỉ-trích thâm-lặng của Si-môn, nhưng cũng quở-trách người vì không ăn-năn và thiếu đức-tin. Chúa Jêsus đưa ra ví-dụ về hai người mắc nợ rồi được tha, giải-thích rằng lòng biết ơn nhiều hay ít tùy theo món nợ được tha nhiều hay ít, rồi áp-dụng nguyên-tắc ấy cho Si-môn và người đàn-bà mà Si-môn có ý khinh-rẻ. Chúa Jêsus kể cận-kê Si-môn đã kém thiếu tình yêu đối với Ngài thế nào, rồi đem đối-chiếu với sự ân-cần của người đàn-bà. Khi Ngài vào nhà Si-môn, ông đã quên thông-tục lấy nước cho Ngài rửa chơn, người đàn-bà đã rửa chơn Ngài bằng nước mắt. Si-môn đã bỏ qua cái hôn mà đáng lẽ người chủ phải dùng để đón một vị khách ; người đàn-bà đã hôn chơn Chúa cách nồng-nhiệt. Si-môn chẳng đem dầu thơm mà người chủ tiệc thường dùng xức cho vị khách quý ; người đàn-bà đã đến trong nhà ông với mục-đích duy-nhứt là xức dầu thơm cho chơn Chúa.

Sứ-điệp Chúa thật sáng-tỏ qua thí-dụ đó. «Vậy nên ta nói cùng người, tội-lỗi đờn-bà này nhiều lắm, đã được tha hết, vì người đã yêu-mến nhiều ; song kẻ được tha ít thì yêu-mến ít.» Chúa Jêsus không có ý nói rằng trước đó nàng chưa được tha tội, cũng không có ý rằng sự yêu-thương của nàng là điều-kiện để được tha tội. Ngài có ý nói rằng tình-yêu của nàng là kết-quả của sự tha-thứ, và câu nói của Ngài diễn-giải ra như thế này thì đúng hơn : «Ta nói cùng người, tội-lỗi đầy-dẫy nơi nàng đã được tha, người có thể suy-đoán điều đó có thể căn-cứ vào cách biểu-lộ lòng yêu-thương của nàng.» Phần còn lại trong câu dành cho Si-môn «Song kẻ được tha ít, thì thương-yêu ít.» Những

lời ấy không minh-chứng rằng Si-môn đã được tha-tội ; câu ấy có vẻ chỉ rằng sở dĩ ông thiếu tinh-yêu là vì ông thiếu sự ăn-năn và sự tha-tội. Rồi Chúa Jêsus quay lại người đàn-bà phán một lời chúc phước : « Tội-lỗi người đã được tha. » Như vậy Ngài xác-nhận sự tha tội đã ban cho nàng trước kia, nhưng hơn nữa Ngài cũng biện-minh cho nàng trước mọi khách tiệc để cho họ biết rõ rằng nàng đã bước vào một cuộc sống mới. Họ ngạc-nhiên khi nghe Ngài tuyên-bố sự tha tội. Đó là một chức-vụ thiên-thượng ; nhưng Con Người lý-tưởng mà Lu-ca ghi chép về tấm lòng từ-ái ở đây, đồng-thời cũng là Con Đức Chúa Trời. Cuối-cùng Ngài quay qua người đàn-bà phán cho nàng những lời ân-huệ : « Đức-tin của người đã cứu người ; hãy đi bình-an. » Đây là một câu nói rõ-ràng về việc đức-tin đem lại sự tha-thứ, sự tha-thứ đánh thức lòng biết ơn, và lòng biết ơn được diễn-tả bằng một hành-động yêu-thương tận-tụy. Một kẻ ăn-năn như vậy có thể ra đi trong « bình-an, » nghĩa là hưởng được sự hiện-diện liên-tục của nó.

7. Những người đàn-bà phục-vụ

8 : 1 - 3

¹ Kể đó, Đức Chúa Jêsus đi thành này đến thành kia, làng này đến làng khác, giảng-dạy và rao-truyền tin lành của nước Đức Chúa Trời. Có mười hai sứ-đồ ở với Ngài. ² Cũng có mấy người đờn-bà đi theo Ngài, là những người đã được cứu khỏi quỷ dữ và chữa khỏi bệnh : Ma-ri, gọi là Ma-đo-len, từ người bẫy quỷ dữ đã ra, ³ Gian-nơ vợ Chu-xa, là quan nội-vụ của vua Hê-rốt, Su-xan-nơ và nhiều người khác nữa giúp của-cải cho Ngài.»

Lu-ca viết Tin-lành của phụ-nữ. Chỉ có mình ông ghi lại những việc xảy ra cho cuộc đời của Ê-li-sa-bét, Ma-ri, Anne lên-quan đến thời thơ-ấu của Chúa Jêsus ; chỉ có một mình ông kể cho ta biết câu-chuyện người quả-phụ ở Na-in được Chúa cứu người con trai sống lại ; chuyện người đàn-bà khòm lưng dưới ách của ma-quỉ, nhưng đã được

Chúa giải-cứu ; chuyện nữ tội-nhân xúc dầu cho chơn Ngài ; chuyện người đàn-bà chúc-mừng mẹ Chúa ; quang-cảnh gia-đình ở nhà Ma-ri và Ma-thê ; và chuyện những người đàn-bà than-khóc Ngài trên đường lên thập-tự. Có lẽ, ý-nghĩa hơn hết là câu Lu-ca nói về Chúa Jê-sus lúc Ngài và các sứ-đồ đi quanh vùng Ga-li-lê để giảng Tin-Lành thì có một toán phụ-nữ đi theo, những người này là « kẻ giúp của-cải cho Ngài. »

Trong số này, Lu-ca kể « Ma-ri gọi là Ma-đơ-len » có lẽ để chỉ tên thành Ma-đe-la, nơi nàng ở trước kia. Người ta dùng tên đó để phân-biệt với Ma-ri mẹ Chúa Jê-sus, với Ma-ri Bê-tha-ni, và với tất cả những người đàn-bà khác trùng tên với nàng. Nếu lẫn-lộn nàng với người đàn-bà tội-lỗi mà Lu-ca mới chép thì thật là sự sai-lầm nặng-nề.

Ma-ri từng bị quỉ-ám, như ở đây đã kể, nhưng không có nơi nào trong các sách Tin-Lành chỉ rằng nàng là một người đàn-bà có cuộc sống như-bọn.

Lu-ca cũng đã kể đến Gian-nơ, chồng bà tên Chu-xa, là người quản - lý gia-đình và tài - sản của vua Hê - rốt nghĩa là một người đàn-bà có đôi chút địa-vị xã-hội ; nhưng ta không biết gì hơn về bà và những bạn của bà, ngoại-trừ một điều quan-trọng, ấy là động-cơ thúc-đẩy họ phụng-sự Chúa là lòng biết ơn, họ « là những người được cứu khỏi quỉ dữ và chữa khỏi bệnh. »

Câu này của Lu-ca ngắn-ngủi nhưng rất có ý-nghĩa. Nó hé cho ta một tia sáng để trả lời một câu hỏi tò-mò mà ta không tìm thấy một câu giải-đáp nào trong các sách Tin-Lành. Trong những năm chức-vụ, Chúa Jê-sus và những kẻ theo Ngài đã sống nhờ nguồn tài-chánh nào ? Hẳn-nhiên những kẻ đã nhận nơi Ngài sự cứu-giúp thuộc-linh, rất sung-sướng được cung-ứng cho Ngài những nhu-cầu tạm-thời và phục-vụ cho Ngài khi cần-thiết. Vậy, đoạn này chẳng những cho chúng ta thấy điều gì Chúa đã làm cho phụ-nữ, mà cũng cho biết phụ-nữ đã làm gì cho Ngài. Nó gợi ra một câu hỏi : Ai có thể ước-lượng được những tặng-phẩm và sự hi-sinh mà phụ-nữ trải qua các đời đã đóng-góp cho công-cuộc truyền-bá Tin-Lành ra khắp thế-giới ?

8. *Thí-dụ về người gieo giống*

8 : 4 - 18

«⁴ Khi có đoàn dân đông nhóm lại, và người hết thầy các thành đều đến cùng Ngài, thì Ngài lấy thí-dụ mà phán cùng họ rằng: ⁵ Người gieo đi ra để gieo giống mình. Khi vãi giống, một phần giống rơi ra dọc đường, bị giày-dạp và chim trời xuống ăn hết. ⁶ Một phần khác rơi ra nơi đất đá-sỏi, khi mới mọc lên, liền héo đi, vì không có hơi ẩm. ⁷ Một phần khác rơi vào bụi gai, gai mọc lên với hạt giống, làm cho nghẹt-ngòi. ⁸ Lại có một phần khác rơi xuống nơi đất tốt, thì mọc lên, và kết-quả, một thành trăm. Đương phán mấy lời đó, Ngài kêu lên rằng: Ai có tai mà nghe, hãy nghe!

⁹ Môn-dồ hỏi Ngài thí-dụ ấy có nghĩa gì. ¹⁰ Ngài đáp rằng: Đã ban cho các người được biết những sự màu-nhiệm nước Đức Chúa Trời; song, với kẻ khác thì dùng thí-dụ mà nói, để họ xem mà không thấy, nghe mà không hiểu. ¹¹ Nay, lời thí-dụ đó nghĩa như vậy: Hạt giống là đạo Đức Chúa Trời. ¹² Phần rơi ra dọc đường, là những kẻ đã nghe đạo; nhưng về sau ma-qui đến, cướp lấy đạo từ trong lòng họ, e rằng họ tin mà được cứu chẳng. ¹³ Phần rơi ra đất đá-sỏi là kẻ nghe đạo, bèn vui-mừng chịu lấy; nhưng họ không có rễ, chỉ tin tạm mà thôi; nên khi sự thử-thách xảy đến, thì họ tháo lui. ¹⁴ Phần rơi vào bụi gai, là những kẻ đã nghe đạo, nhưng rồi đi, để cho sự lo-lắng, giàu-sang, sung-sướng dờn này làm cho đạo phải nghẹt-ngòi, đến nỗi không sanh trái nào được chín. ¹⁵ Song phần rơi vào nơi đất tốt, là kẻ có lấy lòng thật-thà từ-tổn nghe đạo, gìn-giữ, và kết-quả một cách bền lòng.

¹⁶ Không ai đã thấp dèn lại lấy thùng úp lại, hay là để dưới giường; nhưng để trên chơn dèn, hầu cho ai vào nhà đều thấy sáng. ¹⁷ Thật không có điều gì kín mà không phải lộ ra, không có điều gì giấu mà

chẳng bị biết và tỏ ra. ¹⁸ Vậy, hãy coi chừng về cách các người nghe; vì kẻ đã có, sẽ cho thêm; kẻ không có, sẽ cất lấy sự họ tưởng mình có.»

Vi dài hơn, gọt-giũa cẩn-thận hơn, đầy-đủ chi-tiết hơn cho nên câu chuyện về người gieo giống có thể xem như là thí-dụ đầu-tiên của Chúa chúng ta, mặc dầu trước đó Ngài cũng đã dùng những chuyện ngắn soi-sáng được chỉ-định bằng cùng một danh-từ. Từ đây, các thí-dụ giữ một vai quan-trọng trong sự giảng-dạy của Ngài, và bây giờ Ngài bắt đầu một phương-pháp giáo-huấn có phần mới lạ, chứng-tỏ là các môn-đồ đã yêu-cầu Ngài giải nghĩa (câu 9), và ở đây Ngài đã đưa ra lý-do để dùng những thí-dụ của Ngài. Lý-do này có hai phương-diện: những câu chuyện độc-đáo giúp kẻ chú-ý và hướng-ứng có thể nhớ dễ-dàng những lời dạy của Thầy; trong khi đó, ý-nghĩa sẽ bị che-khuất đối với những kẻ tâm-trí lơ-là hay hiềm-khích (câu 10). Mục-đích lưỡng diện ấy thỏa-mãn được nhu-cầu của tình-thể khủng-hoảng mới phát-sinh, vì một bên lời dạy của Ngài mỗi ngày một phổ-cập, còn một bên là âm-muru ám-hại của người Pha-ri-si và các văn-sĩ.

Thí-dụ về người gieo giống làm thành một lời giới-thiệu cho tất cả các thí-dụ, bởi vì chúng đều là môi-giới của lẽ thật, và Chúa Jê-sus đã cho ta thấy rõ-ràng công-hiệu của lẽ thật tùy-thuộc ở trạng-thái tâm-linh của người nghe. Thí-dụ này đôi khi được gọi là thí-dụ về các loại đất, vì nó miêu-tả các hạng tâm-hồn mà sứ-điệp Cơ-đốc-giáo được ban-bố.

Trong vài trường-hợp, « lời Đức Chúa Trời » hoặc giảng bởi Đấng Christ hay những kẻ theo Ngài, rơi nhằm những tâm-hồn được tả-vẽ bằng hình-ảnh của đường mòn chai cứng băng ngang qua đồng lúa. Không gì có thể kích-động được. Lời Chúa không có chỗ vào và Sa-tan giật đi ngay như con chim, đến mổ hạt lúa rơi dọc đường. Không thể nào đem lại đức-tin và sự cứu-rỗi.

Có hạng người nghe khác có thể so-sánh với lớp đất mỏng phủ lên trên một tảng đá. Hạt giống rơi trên đó mọc

rất mau vì nhờ có tầng đá ở dưới sườn ẩm, nhưng vì rễ không thể bắt sâu nên chẳng bao lâu cây lúa phải héo dưới ánh nắng mặt trời gay-gắt. Cũng thế có hạng người nghe vui-mừng tiếp-nhận sứ-điệp của sự sống ngay, nhưng khi gặp sự bất-bớ thử-thách mà kể theo Chúa phải chịu, thì họ lạnh chơn đào-ngũ.

Có hạng người nghe có thể sánh với hạt giống rơi nhằm gai-gốc. Hạt giống này mọc lên nhưng không có chỗ phát-triển. Nó bị gai-gốc cướp hết những chất nuôi-dưỡng cần-thiết. Cũng vậy, một số tín-đồ Đấng Christ quá bận-bịu vì những nỗi « lo-lắng, giàu-sang, sung-sướng » nên không thể kết thành quả thuộc-linh được.

Tuy-nhiên, có những người sống như hạt giống rơi nhằm « đất tốt » và « mọc lên, kết-quả một thành trăm », họ tiếp-nhận lẽ-thật với « lòng thật-thà tử-tế. » Một cách kiên-trì chịu-đựng, đời sống của họ sản-xuất một mùa gặt vàng.

Sứ-điệp cao-cả của thí-dụ được tóm-tắt trong câu này của Chúa, « Hãy coi chừng về cách các người nghe » (câu 18). Mục-đích của thí-dụ của Ngài, cũng như tất cả giáo-huấn của Ngài là để đem lại một tia sáng thuộc-linh. Những kẻ yêu Ngài và vâng-phục lời Ngài nhờ đó sẽ mau hiểu và kiến-thức tăng-tiến; nhưng người nào vô-tình hay bất-tuần lẽ thật sẽ mất « sự họ tưởng mình có. » Thật là một đặc-ân được nghe Tin-Lành của Đấng Christ, nhưng nó cũng bao-hàm một trách-nhiệm nữa.

9. Quyển-thuộc của Chúa Jêsus

8 : 19-21

«¹⁹ Mẹ và anh em Đức Chúa Jêsus đến tìm Ngài; song vì người ta đông lắm, nên không đến gần Ngài được. ²⁰ Vậy có kẻ báo cho Ngài biết rằng: Mẹ và anh em thầy ở ngoài, muốn thấy thầy. ²¹ Nhưng Ngài đáp rằng: Mẹ ta và anh em ta là kẻ nghe đạo Đức Chúa Trời và làm theo đạo ấy. »

Duy các sách Tin-Lành khác có cho ta biết tính-cách và mục-đích thăm-viếng Chúa Jêsus của mẹ Ngài và anh em Ngài. Còn Lu-ca không nói rõ về việc Chúa gặp một trường-hợp tế-nhị và khó xử hơn hết đó. Mục-đích chính của những kẻ thân-quyến này là gián-đoạn công-việc của Ngài. Họ sợ rằng tâm-trí Ngài đã mất quân-bình và muốn đem Ngài về nhà. Ngài có nên quở-trách họ không, hay là để cho công-việc của Ngài gián-đoạn cách vô-ích? Lu-ca không mô-tả tâm-trạng ấy, nhưng ông kể lại rõ-ràng sự-diệp cảm-kích mà Chúa Jêsus tìm cơ-hội ban-bổ. Khi người ta bảo Chúa rằng mẹ và anh em Ngài muốn gặp Ngài, thì Ngài chỉ vào các môn-đồ và nói rằng «Mẹ ta và anh em ta là kẻ nghe đạo Đức Chúa Trời và làm theo đạo ấy.» Vậy Chúa Jêsus đã liên-kết việc này với thí-dụ người gieo giống mà Ngài vừa kể. Thí-dụ tỏ ra phải cần-thận chú-ý lẽ thật của Tin-Lành, và câu chuyện như Lu-ca kể lại, cũng nhấn mạnh vào phương-diện đó, tức là các kết-quả phước-hạnh bởi chú-trọng Lời Đức Chúa Trời. Theo lời của Đấng Christ, sự vâng-phục Ngài và làm môn-đồ thật của Ngài sẽ đem lại mối tương-giao với Ngài mật-thiết hơn bất cứ giây liên-lạc trần-gian nào. Sự bà-con thuộc-linh này sống-động hơn bất-cứ mối tương-quan máu-mủ hay bản-tánh nào. Nó đem lại tình thân-hữu cho mọi người cách tức-khắc và lâu-dài. Câu trả lời của Chúa chắc không làm cho anh em Ngài phật lòng mặc dầu nó hàm-chứa một lời quở-trách tế-nhị. Chỉ những người đã đầu-phục Chúa và sẵn-sàng vâng theo ý Ngài mới có quyền cho mình là tương-quan với Ngài.

10. *Chúa Jêsus đẹp yên bão-tổ*

8 : 22 - 25

«²² Một ngày kia, Ngài xuống thuyền với môn-đồ, mà phán rằng: Hãy qua bên kia hồ; rồi đi. ²³ Khi thuyền đương chạy, thì Ngài ngủ. Có cơn bão nổi lên trong hồ, nước vào đầy thuyền, đương nguy-hiêm lắm. ²⁴ Môn-đồ bèn đến thức Ngài dậy, rằng: Thầy ôi, Thầy ôi, chúng ta chết! Nhưng Ngài, vừa thức dậy, khiến gió và sóng phải bình-tĩnh, thì liền bình-tĩnh và yên-lặng như tờ. ²⁵ Ngài bèn phán cùng môn-đồ rằng: Đức-tin

các người ở đâu? Môn-đồ sợ-hãi và bỡ-ngờ, nói với nhau rằng: Người này là ai, khiến đến gió và nước, mà cũng phải vâng lời người?»

Gió bão thường hay thổi qua mặt hồ nhỏ mà Chúa Jêsus và các môn-đồ thường đi qua; và trong cuộc đời của những kẻ theo Ngài vẫn thường có những bão-tố như vậy. Theo Thầy chúng ta, không phải là chúng ta được miễn khỏi tranh-đấu trong bão-tố, trong khoảng trời mù tối và giữa những cơn ba-đào cuồng-nộ. Tuy-nhiên đây không phải là cơn bão thường. Đến những tay ngu-phủ dày-dạn ở Ga-li-lê đã từng quen với những sắc-thái biến-chuyển của chốn biển hồ ấy, cũng điều khiếp-đảm. Chính trong giờ dường như nguy-nan hơn hết đối với kẻ theo Ngài, thì Chúa Jêsus đương nghỉ-ngơi và ngủ.

Sự sợ-hãi của họ có thể là điên-dại, nhưng chính sự khôn-ngoa trong họ đã khiến họ đến với Thầy trong giờ phút nguy-cấp ấy. Họ kêu lên đánh thức Ngài dậy, «Thầy ôi! Thầy ôi! chúng ta chết.» Những kẻ theo Đấng Christ không được miễn-trừ đương-đầu với bão-tố, nhưng trong giờ phút hiểm-nguy họ có thể được an-ủi nhờ sự hiện-diện của Ngài và họ có thể đến cùng Ngài để xin giải-cứ. «Ngài bèn thức dậy, khiến gió và sóng phải bình-tĩnh, thì liền bình-tĩnh và yên-lặng như-tò.» Sau khi Ngài quở-trách nguyên-nhân của sự rối-loạn, thì Ngài quay lại quở những kẻ theo Ngài, «Đức-tin các người ở đâu?» Ngài không vạch lỗi họ đã đánh thức Ngài dậy, hay là kêu-cứ, Ngài chỉ quở-trách sự kém tin-cậy của họ, đáng lẽ họ phải an-tâm trong khi Ngài ở gần như thế và tin Ngài có đủ quyền đề cứu. Một phép lạ như vậy chắc phải khiến đức-tin họ vững mạnh nhưng hiệu-quả đầu-tiên của nó là khiến họ rất ngạc-nhiên và lo-sợ. Mỗi lần Ngài thi-thố quyền-năng lại khiến cho những môn-đồ này ngạc-nhiên, và đây là lần đầu-tiên họ thấy Ngài có quyền kiểm-soát lực-lượng mù-quáng của thiên-nhiên; vậy một lần nữa chẳng những họ cảm biết mình đứng trước một Người hoàn-toàn, mà cũng là Một Đấng thiên-thượng nữa.

11. *Một người bị quỉ ám được chữa lành*

8 : 26 - 39

« 26 Kế đó, ghé vào đất của dân Giê-ra-sê, ngang xứ Ga-li-lê, 27 Khi Đức Chúa Jê-sus lên bờ, có một người ở thành ấy bị nhiều quỉ ám đi gặp Ngài. Đã lâu nay, người không mặc áo, không ở nhà, song ở nơi mồ-mả. 28 Người ấy vừa thấy Đức Chúa Jê-sus, thì la lên inh-ỏi, và đến gieo mình nơi chơn Ngài, nói lớn tiếng rằng: Lạy Đức Chúa Jê-sus, Con Đức Chúa Trời Rất-Cao, tôi với Ngài có sự chi chăng? Tôi cầu-xin Ngài, đừng làm khổ tôi. 29 Vì Đức Chúa Jê-sus đương truyền cho tà-ma phải ra khỏi người đó mà nó ám đã lâu; dầu họ giữ người, xiềng và còng chơn lại, người cứ bẻ xiềng tháo còng, và bị quỉ dữ đem vào nơi đồng vắng. 30 Đức Chúa Jê-sus hỏi người rằng: Mấy tên gì? Người thưa rằng: Quân-đội; vì nhiều quỉ đã ám vào người. 31 Chúng nó bèn cầu-xin Đức Chúa Jê-sus đừng khiến mình xuống vực sâu.

32 Và, ở đó có một bầy heo đồng đương ăn trên núi. Các quỉ xin Đức Chúa Jê-sus cho chúng nó nhập vào những heo ấy, Ngài bèn cho phép. 33 Vậy, các quỉ ra khỏi người đó, nhập vào bầy heo, bầy heo từ trên vực cao đâm đầu xuống hồ và chết chìm. 34 Các kẻ chăn heo thấy vậy, chạy trốn, đồn tin ấy ra trong thành và trong nhà-quê.

35 Thiên-hạ bèn đồn ra xem việc mới xảy ra; khi họ đến cùng Đức Chúa Jê-sus, thấy người mà các quỉ mới ra khỏi ngồi dưới chơn Đức Chúa Jê-sus, mặc áo-quần, bộ tỉnh-táo, thì sợ-hãi lắm. 36 Những người đã xem thấy sự lạ đó, thuật lại cho thiên-hạ biết người bị quỉ ám được cứu khỏi thế nào.

37 Hết thấy dân ở miền người Giê-ra-sê xin Đức Chúa Jê-sus lìa khỏi xứ họ, vì họ sợ-hãi lắm. Ngài bèn xuống thuyền trở về. 38 Người đã khỏi những quỉ ám xin phép ở với Ngài, nhưng Đức Chúa Jê-sus biểu về, mà rằng: 39 Hãy về nhà người, thuật lại mọi điều Đức

Chúa Trời đã làm cho người. Vậy, người ấy đi, đồn khắp cả thành mọi đều Đức Chúa Jê-sus đã làm cho mình. »

Bệnh quỷ ám rất giống với bệnh tâm-trí, nên nhiều người cho hai thứ cũng như nhau. Những người phân-biệt hai chứng ấy lại phải gặp thêm một vấn-đề khác là không biết ngày nay có còn chứng quỷ ám không. Điều quan-trọng hơn hết ta nên đề ý là một sự giống nhau kỳ lạ giữa những người bị quỷ ám chếp trong Kinh-thánh, và những kẻ lúc nào cũng bị dày-vò bởi dục-vọng, buông-tuông, giận-dữ, tham-lam và bao nhiêu tình-dục xấu-xa thống-trị hồn người.

Bên bờ phía đông của hồ Ghê-nê-sa-rét, Chúa Jê-sus gặp một người đau-đớn trần-trụi, hình-ảnh của khổ-não và vô-sĩ của tội-lỗi. Người ta không trị anh ta nổi, anh ta sống ngoài nghĩa-địa, và đây lại là hình-ảnh của bơ-vơ, cô-đơn, tuyệt-vọng do tình-dục xấu-xa đem lại. Ta nên đề ý hơn hết một điều khác thường là trong khi tà-ma kêu lên sợ-hãi, thì người ấy lại tiến đến gần Chúa, mong được cứu-giúp. Trạng-thái này giống trạng-thái của một người bệnh thần-kinh mắc chứng hai bản-ngã. Cũng vậy phần đông chúng ta đương từng-trải cuộc chiến-đấu giữa hai Ước-vọng; chúng ta muốn được tự-do, đồng-thời lại cảm thấy quyền-lực quản-trị của một thứ tình-dục nào đó. Nhiều kẻ bảo chúng ta rằng, chúng ta phải li-a-bỏ tội-lỗi để được Chúa cứu giúp, nhưng bức-tranh Lu-ca vẽ đem cho ta một sứ-điệp hi-vọng hơn. Nó chỉ-tỏ rằng khi chúng ta kêu-cứu, hay ngay trước khi chúng ta nói, Chúa Jê-sus đã nhận thấy tấm lòng và biết niềm ao-irớc của ta để đem sự giải-thoát cho ta.

Chúa Jê-sus hỏi tên người bị quỷ ám. Ngài muốn đánh thức con người thật của anh ta dậy để biết phân-biệt chính mình và tà-linh đương ám-ảnh trong mình. Câu trả lời của người bị quỷ ám thật đáng thương. Anh ta bảo rằng tên mình là « Quân-đội » sờ-dĩ gọi như vậy vì « nhiều quỷ đã ám vào người. » Trường-hợp của anh ta thật tuyệt-vọng; nhưng tà-ma biết chúng đương đứng trước Đấng có quyền-phép

tuyệt-đối. Chắc-chắn thế nào chúng cũng bị đuổi khỏi người bệnh, nên chúng xin phép Ngài cho nhập vào bầy heo đơng ăn gần bên sườn núi. Một câu hỏi nêu lên là tại sao Chúa lại cho phép. Có lẽ một lý-do là để người bệnh thấy điều đã xảy ra cho bầy heo và nhờ đó sẽ biết mình được chữa lành rồi ; một lý-do nữa là đoàn heo bị diệt sẽ đem cho dân trong vùng một sự-diệp kích-động về quyền-năng của Ngài và về sự hủy-diệt của họ. Tuy-nhiên, khi họ « đổ ra xem việc mới xảy ra » thì họ kinh-hãi yêu-cầu Chúa lìa khỏi vùng họ. Rõ-ràng họ chỉ đề ý đến những thú-vật bị mất hơn là một linh-hồn vừa mới được cứu, khi họ thấy người bệnh ăn-mặc đường-hoàng, tâm-trí tỉnh-táo ngồi nơi chơn Chúa như một môn-đồ. Lời yêu-cầu của họ được thỏa-mãn ; Chúa không bao giờ tiếp-tục ban ơn cho người ta khi họ không muốn. Tuy-nhiên, Ngài từ-chối lời yêu-cầu của người vừa được chữa lành. Người này muốn đi theo Chúa khi Ngài xuống thuyền qua bờ hồ bên kia ; nhưng Chúa Jêsus khuyên anh ta ở lại để làm chứng cho Chúa tại nhà mình giữa vòng đồng-bào xung-quanh. Thầy chúng ta muốn rằng những ai biết về quyền-năng Ngài thì trước hết hãy làm chứng lại cho những người họ biết nhiều nhất.

12. Con gái Giải-ru và người đàn-bà đau huyết lậu

8 : 40 - 56

« ⁴⁰ Khi trở về, có đoàn dân đông rước Ngài ; vì ai nấy cũng trông-đợi Ngài. ⁴¹ Có người cai nhà hội tên là Giải-ru đến sắp mình xuống nơi chơn Đức Chúa Jêsus, xin Ngài vào nhà mình. ⁴² Vì người có con gái một, mười hai tuổi, gần chết.

Khi Đức Chúa Jêsus dương đi, dân-chúng lấn-ép Ngài tứ phía. ⁴³ Bấy giờ, có một người đàn-bà đau bệnh mất huyết mười hai năm rồi, cũng đã tốn hết tiền-của về thầy thuốc, không ai chữa lành được, ⁴⁴ đến đứng sau Ngài sờ tròn áo ; tức thì huyết cầm lại. ⁴⁵ Đức Chúa Jêsus bèn phán rằng : Ai sờ đến ta ? Ai nấy đều chối ; Phi-e-rơ và những người đồng-bạn thưa rằng : Thưa thầy, đoàn dân vây lấy và ép thầy. ⁴⁶

Đức Chúa Jêsus phán rằng : Có người đã rờ đến ta, vì ta nhận-biết có quyền-phép từ ta mà ra. ⁴⁷ Người đờn-bà thấy mình không thể giấu được nữa, thì run-sợ, đến sắp mình xuống nơi chơn Ngài, tỏ thật trước mặt dân-chúng vì cơ nào mình đã rờ đến, và liền được lành làm sao. ⁴⁸ Nhưng Đức Chúa Jêsus phán rằng : Hỡi con gái ta, đức-tin người đã chữa lành người ; hãy đi cho bình-an.

⁴⁹ Ngài còn đương phán, có kẻ ở nhà người cai nhà hội đến nói với người rằng : Con gái ông chết rồi ; đừng làm phiền thầy chi nữa. ⁵⁰ Song Đức Chúa Jêsus nghe vậy, phán cùng Giai-ru rằng : Đừng sợ, hãy tin mà thôi, thì con người sẽ được cứu. ⁵¹ Khi đến nhà, Ngài chỉ cho Phi-e-ro, Gia-cơ, Giăng, và cha mẹ con ấy vào cùng Ngài. ⁵² Ai nấy đều khóc-lóc than-vãn về con đó. Nhưng Ngài phán rằng : Đừng khóc, con nầy không phải chết, song nó ngủ. ⁵³ Họ biết nó thật chết rồi, bèn nhạo-báng Ngài. ⁵⁴ Nhưng Đức Chúa Jêsus cầm lấy tay con ấy, gọi lớn tiếng lên rằng : Con ơi, hãy chỗi dậy ! ⁵⁵ Thần-linh bèn hoàn lại, con ấy chỗi dậy liền ; rồi Ngài truyền cho nó ăn. ⁵⁶ Cha mẹ nó lấy làm lạ ; nhưng Ngài cấm nói lại sự xảy ra đó với ai.»

Khi Chúa Jêsus quay về Ca-bê-na-um sau khi chữa lành người bị quỷ ám trên bờ hồ, Ngài được một đoàn dân đông đón-tiếp, trong đó có hai người đau-khổ được Chúa thương-xót, chu-toàn đức-tin và cứu khỏi cảnh tuyệt-vọng. Hai trường-hợp trái nghịch nhau kỳ-lạ, chỉ giống nhau ở điểm tuyệt-vọng. Một người tên là Giai-ru, một nhân-vật hữu-danh trong xã-hội, một « cai nhà hội », một người tương-đối có của-cải, quyền-thế và địa-vị. Mười hai năm qua, cảnh nhà ông tươi-sáng bởi sự hiện-diện của một em gái nhỏ, đứa con duy-nhất của ông, bây giờ đương hấp-hối đợi chết.

Người kia là một người đàn-bà, nghèo-khổ, yếu-đuối, bị luật-pháp xem là kẻ ô-úế, không có bè-bạn, đã mười hai năm, mang một chứng bệnh nan-y và biết rằng không

có một quyền-năng tràn-tục nào có thể kéo dài đời sống của bà.

Khi Chúa đi về nhà Giai-ru, người đàn-bà này theo sau rờ đến bầu áo của Ngài và lập-tức được chữa lành. Đức-tin của bà không trọn-vẹn nhưng đó là đức-tin thật. Bà xem quyền-năng Đấng Christ như một thứ ma-thuật, hoặc máy-móc. Chúa Jê-sus đã chứng-tỏ rằng sự chữa lành ấy không ở ngoài sự hiểu-biết và tình yêu-thương thiên-thượng. Ngài cảm biết cái đụng của những ngón tay run-rẩy. Ngài phân-biệt nó với sự chen-lấn của đoàn dân; rồi vì cơ bà, Ngài buộc bà phải công-nhận sự bình-phục của bà « có cả dân-chúng đều nghe. » Chúa Jê-sus muốn chúng ta biết rằng đức-tin phụ-thuộc nơi thân-vị và mục-đích ân-diên của Ngài, và rằng chỉ sau khi công-khai xưng-nhận đức-tin của mình, ta mới được xác-nhận rằng ta đã được cứu và được nghe lời phước-hạnh của Ngài « đức-tin người đã cứu người; hãy đi bình-an. »

Đức-tin của Giai-ru cũng bất-toàn như vậy. Đức-tin này trí-thức hơn đức-tin của người đàn-bà, nhưng kém hơn đức-tin của viên đội-trưởng cũng ở trong thành này, người cảm thấy Chúa không cần phải đến, chỉ một lời Ngài cũng đã hiệu-lực để chữa lành. Dầu sao đây cũng là đức-tin thành-thật, được Chúa kiệ-n-toàn và ban thưởng. Việc Chúa Jê-sus đi ngay để đến nhà của người cha, khiến ông an lòng, nhưng đức-tin ông bị thử-thách bởi sự chậm-trễ do việc chữa lành người đàn-bà gây nên. Nhưng rồi lại được tăng-cường nhờ bằng chứng của sự khôn-gioan và quyền-năng thiên-thượng ấy. Đức-tin ông lại càng bị thử-thách kinh-khủng hơn nữa khi người nhà nhấn đến ông: « Con gái ông chết rồi; đừng làm phiền thầy chi nữa. » Nhưng một lần nữa, ông lại được lời Chúa xác-nhận: « Đừng sợ, hãy tin mà thôi, thì con người sẽ được cứu. » Khi Chúa Jê-sus vào nhà, Ngài quở những người vô-tín khóc-lóc và làm vui hai cha mẹ đau-khổ: « Đừng khóc, con này không phải chết, song nó ngủ. » Ngài nói rằng trước mặt Ngài và với quyền-năng Ngài, sự chết trở nên vô-nghĩa và bị tước-đoạt sự khả-hoàn. Lời ấy vẫn không mất ý-nghĩa và sự an-ủi cho những kẻ theo Đấng Christ sau này.

Chúa Jêsus minh-chứng lời Ngài nói khi Ngài vào phòng đem theo ba người bạn thân-mến nhất và hai cha mẹ đương run-rẩy, Ngài đến đứng trước đưa bé yên ngủ, « cầm lấy tay con ấy, gọi lớn tiếng lên rằng: Con ơi, hãy chớ dậy! Thần-linh bèn hoàn lại, con ấy chớ-dậy liền; rồi Ngài truyền cho nó ăn.» Câu này tỏ ra sự thận-trọng và lòng tự-ái tột-bực của Chúa, Ngài chỉ đem theo có ba môn-đồ vì Ngài không muốn đưa trẻ khi tỉnh dậy phải kinh-hãi vì thấy quá nhiều người lạ mặt, Khi đã làm xong phép lạ, Ngài bảo đem đồ ăn cho em bé gái; điều này chẳng những giúp em khỏe-khoắn mà cũng để đánh tan vẻ lo-âu kinh-sợ trên cha mẹ em khi đứng trước sự chết; và cũng là bằng-chứng chẳng những em bé sống mà cũng đã bình-phục hẳn. Một mệnh-lệnh nữa được ghi lại: «Ngài cấm nói lại sự xảy ra đó với ai.» Ba môn-đồ là những chứng-nhân có thẩm-quyền của phép lạ ấy. Nhưng tin ấy do cha mẹ và các bạn-bè kể ra đã lan rộng, có thể gây sự nao-động làm gián-đoạn công-tác của Ngài và báo trước một biến-động, trước khi hoàn-thành chức-vụ Ngài trên đất.

D. Thời-kỳ thứ tư

Đoạn 9: 1 - 50

1. Sự-mệnh của mười hai môn-đồ

9: 1-9

«¹ Đức Chúa Jêsus nhóm-hợp mười hai sứ-đồ, ban quyền-năng phép-tác để trị quỷ chữa bệnh. ² Rồi Ngài sai đi rao-giảng về nước Đức Chúa Trời cùng chữa lành kẻ có bệnh. ³ Ngài dạy rằng: Đi đường chớ đem gì theo hết, hoặc gậy, hoặc bao, hoặc bánh, hoặc tiền-bạc; cũng đừng đem hai áo. ⁴ Hễ các người vào nhà nào, hãy ở đó cho đến khi đi. ⁵ Còn ai không tiếp-rước các người, hãy ra khỏi thành họ, và phủ bụi chơn mình để làm chứng nghịch cùng họ. ⁶ Vậy, các sứ-đồ ra đi, từ làng này tới làng kia, rao-giảng Tin-lành khắp nơi và chữa lành người có bệnh.

⁷ Bảy giờ, Hê-rốt là vua chư-hầu, nghe nói về các việc xảy ra, thì không biết nghĩ làm sao; vì kẻ này nói rằng: Giảng đã từ kẻ chết sống lại; ⁸ kẻ khác nói rằng: Ê-li đã hiện ra; và kẻ khác nữa thì rằng: Một trong các đấng tiên-tri đời xưa đã sống lại. ⁹ Song Hê-rốt thì nói: Ta đã truyền chém Giảng rồi; vậy người này là ai, mà ta nghe làm những việc dường ấy? Vua bèn tìm cách thấy Đức Chúa Jê-sus.»

Khi Chúa Jê-sus sai mười hai sứ-đồ đi ra truyền-giáo lần đầu-tiên, thì Ngài bước vào thời-kỳ chót của chức-vụ Ngài tại Ga-li-lê. Từ trước tới đây họ vẫn đồng-bạn với Ngài; từ đây trở đi họ mới là những sứ-giả và đại-diện hân-hoi. Chúa Jê-sus thấy trước sự chối-bỏ và sự chết của Ngài, nhưng trước khi ra đi đến Giê-ru-sa-lem và lên thập-tự, Ngài muốn hiển minh một lần nữa cho dân xứ Ga-li-lê nơi Ngài đã hoạt-động một thời-gian lâu. Với mục-đích ấy Ngài đã sai mười hai sứ-đồ ra đi. Những điều-kiện và huấn-thị do Chúa ban cho họ là đặc-biệt cho thời ấy và cơ-hội ấy. Tuy-nhiên, những mệnh-lệnh này không phải là không thể áp-dụng cho những sứ-giả của Thầy trong mọi thời-đại trong thế-giới. Họ được ban cho « quyền-năng phép-tắc để trị quỷ chữa bệnh. » Những ân-tử làm phép lạ ấy giới-hạn cho thời họ và được dùng như là một ủy-nhiệm-thơ cho công-vụ của họ. Thật ra, những kẻ đại-diện Đấng Christ phải luôn luôn quan-tâm đến tình-trạng tinh-thần và thể-xác của nhân-loại, dầu mục-đích lớn là đem cho họ sứ-điệp có ý-nghĩa thuộc-linh. Mục-đích ấy dĩ-nhiên là mục-đích lớn của sứ-đồ. Họ ra đi để « rao-giảng về nước Đức Chúa Trời » cũng như để « chữa lành kẻ có bệnh. »

Khi Chúa Jê-sus bảo các môn-đồ đừng mang gì theo trong cuộc hành-trình, Ngài không có ý buộc họ lúc nào cũng phải chịu những gian-khổ không cần-thiết, cũng không phải đưa ra một lối ép xác đặc-biệt nào. Trái lại Ngài nêu ra nguyên-tắc rằng các sứ-thần của Ngài không nên chịu ràng-buộc trong những mối lo-âu và những gánh nặng trần-thế, và những người nào đi truyền Tin-Lành có thể mong-đợi sự cung-cấp của những kẻ nghe Tin-Lành.

Khi khuyên các môn-đồ nên ở lại trong nhà đầu-tiên nơi họ được đón-tiếp tử-tế, Ngài tỏ ra rằng lập một trung-tâm cố-định cho công-cuộc truyền-giáo là một điều khôn-ngoa, nên bằng lòng với cách tiếp-đãi cùng những cảnh-vật và người chung-quanh mình, và nên tránh những phiền-phức về xã-giao có thể ngăn-cản công-việc của họ. Họ được lệnh nếu gặp trường-hợp họ không được đón-tiếp như sứ-giả Đấng Christ, để tỏ lòng bất-bình của họ, khi họ lìa nơi đó đi thì phủ bụi nơi chơn, một phong-tục Đông-phương trong trường-hợp này để tỏ dấu xóa-bỏ bất cứ sự liên-lạc nào với kẻ thù-nghịch của Đấng Christ.

«Vây, các sứ-đồ ra đi, từ làng này tới làng kia, rao-giảng Tin-Lành khắp nơi và chữa lành cho người bịnh.» Đây là những vị đại-diện tối-cao của đoàn-thể anh-hùng vĩ-đại đã lưu-truyền công-tác và công-bố sứ-điệp của họ cho các thời-đại trên mọi quốc-gia. Họ được sửa-soạn bằng những huấn-thị của Thầy họ. Người ta bảo rằng có một điều cao-cả hơn việc rao-giảng, ấy là công-cuộc sửa-soạn các nhà truyền-giáo. Dĩ-nhiên, không ai được huấn-luyện như vậy và được thành-công tốt-đẹp như vậy; nhưng mỗi một kẻ theo Đấng Christ đều có thể dự-phần vào việc truyền-bá Tin-Lành về ân-điền Ngài.

Sự thành-công vĩ-đại của các môn-đồ và sự xáo-động lớn-lao do công-tác họ gây nên đã được chứng-tỏ ở chỗ các việc ấy đồn đến tai vua Hê-rốt, khiến vua ngồi run-sợ trên ngai. Chắc không phải là ông sợ Chúa Jê-sus sẽ làm một việc gì, nhưng có một điều trong lời đồn ấy đã khiến lương-tâm đang ngủ-yên của ông vùng dậy với mối kinh-hãi và lo-ngại âm-thầm, vì có kẻ nói «Giăng đã từ kẻ chết sống lại.» Hê-rốt đã chêm đầu Giăng, nhưng ký-ức về công-việc bản-thủ đó không thể nào chôn-vùi được. Bây giờ ông muốn tìm biết thực-sự về các phép lạ mà người ta đang thuật lại là thế nào, và về Con Người đã làm ra phép lạ ấy. «Vua bèn tìm cách thấy Đức Chúa Jê-sus.» Đó chỉ là một việc hiếu-kỳ. Có lẽ ông ta muốn thấy Ngài làm vài phép lạ. Cách đó không lâu vua có dịp tiện đối-diện Đấng với Thần-nhân, ông đã có một cơ-hội thấy Ngài đứng trước mình như một người

tù, là lúc ông có thể đề-nghị bảo-vệ hay phóng-thích Ngài; nhưng đến lúc ấy ông đã thất-vọng vì sự yên-lặng của Chúa, và ông đã để cho Ngài đi lên thập-tự chịu chết. Người đã chém đầu Giăng thì không còn hy-vọng tìm hiểu Chúa Jê-sus nữa. Ngày nay những kẻ bóp nghẹt lương-tâm, từ-chối lời cảnh-cáo long-trọng về sự ăn-năn, không còn mong Đấng Christ được khải-thị cho mình trong vẻ đẹp, ân-diên và quyền-phép cứu-rỗi của Ngài.

2. Cho năm ngàn người ăn bánh

9 : 10 - 17

«¹⁰ Các sứ-đồ trở về trình cùng Đức Chúa Jê-sus mọi việc mình đã làm, Ngài bèn đem các sứ-đồ đi tẻ ra với mình đến gần thành kia gọi là Bết-sai-đa. ¹¹ Nhưng dân-chúng nghe vậy, thì đi theo Ngài. Đức Chúa Jê-sus tiếp-đãi dân-chúng, giảng cho họ về nước Đức Chúa Trời, và chữa cho những kẻ cần được lành bệnh. ¹² Khi gần tối, mười hai sứ-đồ đến gần Ngài mà thưa rằng: Xin truyền cho dân-chúng về, để họ đến các làng các ấp xung-quanh mà trọ và kiếm chi ăn; vì chúng ta ở đây là nơi vắng-vẻ. ¹³ Song Ngài phán rằng: Chính các người hãy cho họ ăn. Các sứ-đồ thưa rằng: Ví thử chính mình chúng tôi không đi mua đồ-ăn cho hết thấy dân này, thì chỉ có năm cái bánh và hai con cá mà thôi. ¹⁴ Và, bấy giờ có độ năm ngàn người nam ở đó. Ngài bèn phán cùng môn-đồ rằng: Hãy biểu chúng ngồi từng hàng năm mươi người. ¹⁵ Môn-đồ làm theo lời; chúng ngồi xuống hết thấy. ¹⁶ Đoạn, Đức Chúa Jê-sus lấy năm cái bánh và hai con cá, ngước mắt lên trời, chúc-tạ, rồi bẻ ra trao cho môn-đồ, đặt phát cho đoàn dân. ¹⁷ Ai nấy ăn no rồi, người ta thâu được mười hai giỏ đầy những miếng thừa.»

Chuyện cho năm ngàn người ăn là một phép lạ được cả bốn tác-giả phước-âm chép lại, thật ra đây là việc duy-nhất trong chức-vụ tại Ga-li-lê có chép trong cả bốn sách. Ở đây chức-vụ đó đã đạt đến tuyệt-điểm. Đây là giờ-phút

Chúa Jêsus lên cao nhất; dân-chúng có thể dâng vương-miền cho Ngài, nhưng Ngài đã thấy trước bóng hình thập-tự.

Mười hai sứ-đồ quay về một-mỗi vì công-việc, nhưng lại phấn-khởi với những thành-quả đạt được. Chúa Jêsus muốn cho họ lui ra, nghỉ-ngơi và học hỏi. Họ lánh về một chỗ hiệt-tịch bên kia Bết-sai-đa trên bờ hồ phía đông; nhưng rồi đoàn dân nao-nức cũng tìm ra họ. Chúa Jêsus tỏ ra lòng từ-ái vô-hạn của Ngài, thân-mật tiếp-đón đoàn dân, mặc dầu họ đã xen vào cuộc sống riêng tư của Ngài và đã làm hỏng chương-trình Ngài dự-trù; Ngài khiến cho lòng họ vui-tươi với sứ-điệp Tin-lành của Ngài và chữa lành bệnh-tật cho họ. Rồi khi chiều đến, Ngài thương-hại những kẻ đói và đã ban cho họ điều nhu-cầu bằng một phép lạ hóa năm cái bánh và hai con cá ra gấp bội cho họ ăn.

Đối với các môn-đồ ngày nay, trong câu chuyện quen-thuộc này có những sứ-điệp nghiêm-trọng. Có lẽ không có gì rõ-ràng hơn là lòng trắc-án không lường được của Đấng Christ. Với phần nào của lòng ưu-ái Ngài, chúng ta hãy nhìn vào đoàn dân đương bị diệt-vong vì thiếu thực-phẩm thuộc-thể cũng như thuộc-linh. Sự kêu-gọi giúp-đỡ của họ không nên xem như là làm gián-đoạn nhưng phải xem như một chỉ-nam cho sự trừ-hoạch chương-trình của chúng ta. Tự chúng ta, chúng ta không thể nào đem lại sự cứu-giúp nào, nhưng nếu chúng ta dâng tất cả cho thầy chúng ta, thì hiệu-quả sẽ được như lên gấp bội bởi quyền-phép lạ-lùng của Ngài. Phép lạ dường như xảy ra khi Chúa Jêsus ngược lên cầu-nguyện. Chúng ta chắc-chắn phải nhìn vào Ngài và tìm ơn-phước của Ngài trong khi chúng ta phục-vụ. Chúng ta không được để cho một mâu nhỏ nào mất đi; có những gia-đình có thể sống nhờ những thứ thừa của gia-đình khác. Cũng vậy, những kẻ theo Đấng Christ phải học-tập tiết-kiệm thì-giờ, tài-năng và của-cải nếu mong đem bánh sự sống cho thế-giới đói-kém.

3. Chúa Jêsus dự-ngôn về sự chết của Ngài

9 : 18 - 27

«¹⁸ Một ngày kia, Đức Chúa Jêsus đang cầu-nguyện riêng, môn-dở nhóm lại xung-quanh Ngài, Ngài hỏi rằng: Trong dân-chúng, họ nói ta là ai? ¹⁹ Thưa rằng: Người này nói là Giảng Báp-tít, người kia nói là Ê-li; kẻ khác nói là một trong các đấng tiên-tri đời xưa sống lại. ²⁰ Ngài lại hỏi rằng: Còn về phần các người thì nói ta là ai? Phi-e-rơ thưa rằng: Thầy là Đấng Christ của Đức Chúa Trời. ²¹ Đức Chúa Jêsus nghiêm-cấm môn-dở nói sự ấy với ai, ²² và phán thêm rằng: Con người phải chịu nhiều đau khổn-khổ, phải bị các trưởng-lão, các thầy tế-lễ cả, và các thầy thông-giáo bỏ ra, phải bị giết, ngày thứ ba phải sống lại.

²³ Đoạn, Ngài phán cùng mọi người rằng: Nếu ai muốn theo ta, phải tự bỏ mình đi, mỗi ngày vác thập-tự-giá mình mà theo ta. ²⁴ Vì ai muốn cứu sự sống mình thì sẽ mất, còn ai vì cố ta mất sự sống, thì sẽ cứu. ²⁵ Nếu ai được cả thiên-hạ, mà chính mình phải mất, hoặc hư đi, thì có ích gì? ²⁶ Vì nếu ai hồ-thẹn về ta và lời ta, thì Con người sẽ hồ-thẹn về họ, khi Ngài ngự trong sự vinh-hiền của mình, của Cha, và của thiên-sứ thánh mà đến. ²⁷ Quả thật, ta nói cùng các người, một vài người trong các người đương đứng đây sẽ không chết trước khi chưa thấy nước Đức Chúa Trời.»

Dự-ngôn này về sự chết của Ngài được Chúa Jêsus phán lần đầu-tiên ngay sau khi nghe lời xưng-nhận phi-thường của Phi-e-rơ. Việc này xảy ra khi Chúa Jêsus đưa ra một câu hỏi, «dân-chúng, họ nói ta là ai?» Câu trả lời của họ cũng không khác gì câu trả lời của quần-chúng ngày nay; «Người này nói là Giảng Báp-tít, người kia nói là Ê-li, kẻ khác nói là một trong các đấng tiên-tri đời xưa sống lại;» có nghĩa là một nhà cải-cách, một nhà đại-truyền-giáo, một sứ-giã của Đức Chúa Trời. Những lời phỏng-đoán ấy không làm Chúa Jêsus hài lòng, Ngài lại

hỏi: « Còn về phần các người thì nói ta là ai? » Phi-e-rơ thưa rằng « Thầy là Đấng Christ của Đức Chúa Trời. » Đây là một xác-định vĩ-đại về Đấng Christ mà thế-giới ngày nay cần nghe; nhưng lúc ấy Chúa Jê-sus răn các môn-đồ « đừng nói sự ấy với ai. » Mệnh-lệnh ấy lúc ấy đã bị hiểu lầm và chính các môn-đồ cần phải biết lẽ thật về sự chết và sự sống lại của Chúa Jê-sus trước hết. Ngày nay không người nào có thể làm chứng về Đấng Christ mà không biết ý-nghĩa về sự chết chuộc tội và « quyền-năng của sự sống lại » của Ngài.

Rồi Chúa Jê-sus cho họ biết sự chết mà Ngài sắp phải chịu là rất cần, và quả-quyết với họ rằng ngày thứ ba Ngài sẽ sống lại. Dự-ngôn về sự chết này làm cho các môn-đồ kinh-ngạc; càng khiến họ ngạc-nhiên hơn là lời tuyên-bố những kẻ theo Ngài cũng phải vác thập-tự-giá mình mỗi ngày, và cây thập-tự không phải chỉ là biểu-hiệu của sự đau-đớn và sỉ-nhục; nó là một khi-cụ của sự chết. Vậy mọi tin-đồ hằng ngày phải chết về bản-ngã và hoàn-toàn dâng mình phục-vụ Đấng Christ. Tinh-thần tuyệt-ngã, hi-sinh, và vàng-phục như vậy sẽ kết-quả thành một kinh-nghiệm xứng-đáng với danh-hiệu « sự sống »; nếu không chịu thì sẽ mất « sự sống », đó là sự hư-mất đòi đời cho những kẻ hồ-thẹn không chịu theo Cứu-Chúa để rồi sẽ bị Ngài loại-bỏ khi Ngài trở lại « trong vinh-hiền của mình, của Cha, và của thiên-sứ thánh. » Để biết qua vinh-quang tương-lai khi Đấng Christ đến, ba môn-đồ sẽ được thấy trước phần nào ánh sáng ấy vào tám ngày sau trên núi Biến-hình, nên Chúa nói thêm: « Một vài người trong các người đứng trước đây sẽ không chết trước khi chưa thấy nước Đức Chúa Trời. »

4. Sự biến-hình

9 : 28 - 36

«²⁸ Độ tám ngày sau khi phán các lời đó, Đức Chúa Jê-sus đem Phi-e-rơ, Giăng và Gia-co đi với mình lên trên núi để cầu-nguyện.²⁹ Đang khi cầu-nguyện, diện-mạo Ngài khác thường, áo Ngài trở nên sắc trắng chói-

lòa. ³⁰ Và này, có hai người nói chuyện cùng Ngài ; ấy là Môi-se và Ê-li, ³¹ hiện ra trong sự vinh-hiền, và nói về sự Ngài qua đời, là sự sẽ phải ứng-nghiệm tại thành Giê-ru-sa-lem. ³² Phi-e-rơ cùng đồng-bạn mình buồn ngủ lắm, nhưng vừa tỉnh-thức ra, thấy vinh-hiền của Đức Chúa Jê-sus và hai đấng ấy đứng gần Ngài. ³³ Lúc hai đấng ấy lìa khỏi Đức Chúa Jê-sus, Phi-e-rơ thưa Ngài rằng : Thưa thầy, chúng ta ở đây tốt lắm, hãy đóng ba trại, một cái cho thầy, một cái cho Môi-se, và một cái cho Ê-li. Vì Phi-e-rơ không biết mình nói chi. ³⁴ Khi người còn đương nói, có một đám mây kéo đến, bao-phủ lấy ; và khi vào trong đám mây, các môn-đồ đều sợ-hãi. ³⁵ Bấy giờ, nghe có tiếng từ trong đám mây phán ra rằng : Này là Con ta, Người được lựa-chọn của ta, hãy nghe Người. ³⁶ Khi tiếng ấy phát ra, thì Đức Chúa Jê-sus ở một mình. Các môn-đồ nín-lặng, không nói cùng ai về sự mình đã thấy.»

Sự biến-hình của Đấng Christ liên-lạc mật-thiết với dự-ngôn về sự chết và sự trở lại trong vinh-quang của Ngài. Nó chuẩn-bị Ngài và các môn-đồ cho sự chết của Ngài và là biểu-hiệu và bóng-hình của sự trở lại vinh-quang sau này. Chúng ta khó đoán được lúc ấy thân-xác biến-hóa ra sao. Đây không phải như Môi-se trên núi Si-nai lúc mặt người phản-chiếu sáng-rực. Trong trường-hợp Đấng Christ, hào-quang phát ra từ bên trong. Tia sáng rực-rỡ thiên-thượng chiếu ra sáng-loáng thân-thể và áo-xống của Chúa.

Lu-ca kể cho chúng ta rằng việc đó xảy ra đương khi Chúa Jê-sus cầu-nguyện. Không phải chỉ là một tu-từ-pháp khi nói rằng hễ những kẻ theo Ngài cầu-nguyện cũng đều được từng-trải phần nào sự biến-hình từ một trình-độ này lên một trình-độ khác của vinh-quang, nhờ Thánh-Linh ngự trong họ.

Tháp-tùng Chúa Jê-sus lên núi chỉ có Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng ; nhưng thành-linh « có hai người nói chuyện cùng Ngài ; ấy là Môi-se và Ê-li, hiện ra trong sự vinh-hiền và nói về sự Ngài qua đời, là sự sẽ phải ứng-nghiệm tại thành Giê-ru-sa-lem. » Đó là mục-đích của biến-cổ, nó

giảng-giải cho Đấng Christ biết một cách toàn-vẹn hơn về sự chết của Ngài, để khieh-lệ Ngài chịu-đựng sự thống-khổ bằng cách hé cho Ngài chút vinh-quang sẽ đến. Rất dễ hiểu, tại sao Môi-se và Ê-li được chọn cho giờ hội-kiến long-trọng này. Một người được xem là tiêu-biểu của luật-pháp, và người kia tiêu-biểu của lời tiên-tri; cả luật-pháp và lời tiên-tri đều chỉ về hướng Can-va-ri (Gô-gô-tha). Lại nữa, cả Môi-se và Ê-li đều nhận được sự khải-thị đặc-biệt của ân-diền Đức Chúa Trời, rồi đây Ngài sẽ chứng-tỏ ân-diền tuyệt-vời của Ngài trong sự chết của Con Ngài.

Ta không lạ gì thấy Phi-e-rơ muốn kéo dài cuộc họp mặt thiên-thượng ấy, ông lưỡng-cưỡng đề-nghị cách vô-lý là dựng trên núi ấy ba trại để cho Chúa Jê-sus, Môi-se và Ê-li trọ. « Khi người còn đang nói, có một đám mây kéo đến, bao-phủ lấy; và khi vào trong đám mây các môn đồ đều sợ-hãi. Bấy giờ có tiếng từ trong đám mây phán ra rằng : Này là Con ta, Người được lựa-chọn của ta, hãy nghe Người. » Không cần phải giữ Môi-se và Ê-li lại; nếu Thầy vẫn ở với môn-đồ Ngài thì là đủ rồi. Thế là từ đây tất cả Luật-pháp, Lời tiên-tri đã dự-ngôn từ xưa sẽ được minh-khải và thành hình trong Chúa Jê-sus-Christ. Một phần của sự khải-thị ấy là ở trong sự chết của Ngài; và sự khải-thị sẽ trọn-vẹn khi Ngài trở lại trong vinh-quang mà Núi Biển-hình đã hé mở cho ta thấy.

5. Cậu bé bị quỷ ám

9 : 37 - 45

« ³⁷ Bữa sau, khi Chúa cùng môn-đồ từ núi xuống, có đoàn dân đông đến đón-rước Ngài. ³⁸ Một người trong đám đông kêu lên rằng : Lạy thầy, xin thầy doái đến con trai tôi, vì là con một tôi. ³⁹ Một quỷ ám nó, thỉnh-linh kêu-la; quỷ vật-vã nó dữ-tợn, làm cho sỏi bọt miếng, mình-mẩy nát hết, rồi mới ra khỏi. ⁴⁰ Tôi đã xin môn-đồ thầy đuổi quỷ đó, nhưng họ đuổi không được. ⁴¹ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Hỡi dòng-dõi không tin và bội-nghịch kia, ta ở với các người và nhìn các người cho đến chừng nào ? Hãy đem con của người lại đây. ⁴² Đưa con trai vừa lại gần, quỷ xô

nó nhào xuống đất, và vật-vã dữ-tợn. Song Đức Chúa Jê-sus quở nặng tà-ma, chữa lành con trẻ ấy, và giao lại cho cha nó.

⁴³ Ai nấy đều lấy làm lạ về quyền-phép cao-trọng của Đức Chúa Trời. Khi mọi người đang khen-lạ các việc Đức Chúa Jê-sus làm, Ngài phán cùng môn-đồ rằng : ⁴⁴ Về phần các người, hãy nghe kỹ đều ta sẽ nói cùng : Con người sẽ bị nộp trong tay người ta. ⁴⁵ Nhưng các môn-đồ không hiểu lời ấy, vì đã che-khuất cho mình để chẳng rõ nghĩa làm sao ; và sợ không dám hỏi Ngài về lời ấy.»

Không thiếu gì họa-sĩ ưa vẽ những cảnh tương-phản như giữa bức tranh Chúa Jê-sus ở trên núi với hào-quang tỏa quanh và bức tranh đứa bé bị qui ám giữa đoàn dân đông trên đồng-bằng ; nhưng vị sử-gia khi chép lại câu chuyện đơn-giản đã không cần đến khung vải màu-sắc cũng làm nổi bật sự tương-phản ấy. Từ lâu, Chúa Jê-sus đã học biết đem sự vinh-hiền của thiên-đường đổi lấy bóng tối và đau-khổ của trần-thế ; lòng từ-bi đã đem Ngài ra khỏi các tầng trời vẫn không hề giảm bớt dầu là trong những lúc Ngài có thể đương bặt-bộ với những ý-nghĩ về sự đau-đớn hầu đến và công-cuộc cứu-rỗi của Ngài. Ngài cảm-động với niềm thương-hại hơn-từ khi nghe tiếng kêu khốn-khổ của người cha và thấy cơn bịnh-hoạn của đứa con. Tuy-nhiên, Ngài càng cảm-xót hơn vì lòng vô-tín, tội-lỗi, khổ-não và sự bất-kinh của cái thế-giới mà Ngài đến để giải-cứ, và cảnh này chỉ là một hình-ảnh biểu-tượng. Ngài kêu lên « Hỡi dòng-đời không tin và bội-ngịch kia, ta ở với các người và nhìn các người cho đến chừng nào ? » Phải chăng ta có thể cung-kính nói rằng cảnh tương-phản trên núi và dưới đồng-bằng đã khiến Ngài nhớ thiên-đường trong giây-lát ? Dầu vậy, Chúa cũng không lưỡng-lự tri-hoãn trên con đường hỗn-phận, trước những nhu-cầu của con người. Ngài « quở nặng tà-ma, chúc lành con trẻ ấy, và giao lại cho cha nó. »

Trong khi mọi người còn kinh-ngạc về quyền-năng thiêng-thượng và công-việc lạ-lùng ấy, Ngài quay qua các môn-đồ nhấn mạnh cho họ biết về một bí-mật thăm-

thăm đưng nằm yên trong linh-hồn Ngài. Ngài bảo họ rằng thi-giờ Ngài bị nộp cho sự đau-đớn và chết-chóc đã đến gần; « nhưng các môn-đồ không hiểu lời ấy. » Đây là một người đã trao thiện-cảm đến mọi người, nhưng có ai đã thương-cảm với Ngài chẳng? Biết bao lần đời kẻ theo Ngài phải mang những gánh nặng buồn-đau thăm-kín, ngay cả giữa đám bạn-bè, giữa đoàn dân hâm-mộ vây quanh!

6. Chúa Jêsus quở-trách sự kiêu-ngạo và cuồng-tin

Đoạn 9 : 46 - 50

« ⁴⁶ Các môn-đồ biện-luận cùng nhau cho biết ai là lớn hơn hết trong hàng mình. ⁴⁷ Nhưng Đức Chúa Jêsus biết ý-tưởng trong lòng môn-đồ, thì lấy một đứa con trẻ để gần mình, ⁴⁸ mà phán rằng : Hễ ai vì danh ta mà tiếp con trẻ này, tức là tiếp ta ; còn ai tiếp ta, tức là tiếp Đấng đã sai ta. Vì kẻ nào hèn-mọn hơn hết trong vòng các người, ấy chính người đó là kẻ cao-trọng.

⁴⁹ Giảng cất tiếng nói rằng : Thừa thầy, chúng tôi từng thấy có kẻ hơn danh thầy mà trừ qui ; chúng tôi đã cấm họ, vì không cùng chúng tôi theo thầy. ⁵⁰ Nhưng Đức Chúa Jêsus phán rằng : Đừng cấm họ, vì ai không nghịch cùng các người, là thuận với các người. »

Đây không phải là cuộc tranh-biện mới của những kẻ theo Chúa. Vấn-đề được bàn-cãi là ai trong vòng họ sẽ là người lớn hơn hết trong nước trời. Có điểm đáng khen trong cuộc tranh-luận, ấy là nó chứng-tỏ họ có đức-tin. Đối với họ, Thầy sẽ trở thành Vua của các vua, Chúa của các chúa, và họ muốn một chỗ nào gần ngôi Ngài nhưt. Quan-niệm của chúng ta về nước trời có lẽ đúng hơn, nhưng nếu đối với chúng ta, vinh-quang của nước ấy cũng thật như đối với họ, nếu chúng ta có đức tin để nhận thấy sự quan-trọng của nước Ngài thì chắc nhiều lúc chúng ta tự hỏi rằng địa-vị tương-quan của chúng ta trong nước trời sẽ ra thế nào?

Tuy-nhiên, Chúa Jêsus quỡ-trách họ, vì không có chỗ nào cho kẻ kiêu-căng giữa vòng những kẻ theo Đấng Christ. Ta được thân-cận Đấng Christ không phải nhờ sức cố-gắng cá-nhân hay do một sắc-lệnh độc-đoán, mà là do một điều-kiện là sự phục-vụ khiêm-nhường chúng ta dâng cho Chúa, Ngài « lấy một đứa con trẻ để gần mình » ; không phải vì đứa trẻ là hình-ảnh của khiêm-nhường, phần nhiều đứa trẻ rất tự-phụ và kiêu-ngạo cách vô-lý nhưng sự săn-sóc trẻ con là biểu-hiệu của sự phục-vụ khiêm-nhu, và Chúa Jêsus ca-ngợi tinh-thần đó. Săn-sóc một đứa bé hay những người lớn giống như trẻ em đương cần chúng ta giúp-đỡ, thông-cảm, nếu hành-động vì có Đấng Christ và nơn danh Ngài, là chúng ta phục-vụ cho chính Đấng Christ và chẳng những chỉ Ngài thôi mà còn Cha Ngài nữa. Sự sẵn lòng đảm-nhiệm những công-tác khiêm-nhường như vậy chính là thước đo sự cao-trọng thật.

Khi nghe nói việc làm nơn danh Chúa, Giảng sức nhớ lại một việc mới xảy ra mà Giảng nghĩ rằng chắc làm Chúa hài lòng; Giảng nói rằng: «Thưa Thầy, chúng tôi từng thấy có kẻ nơn danh Thầy mà trừ qui; chúng tôi đã cấm họ, vì không cùng chúng tôi theo Thầy.» Trong tinh-thần và hành-động của Giảng cũng có chỗ đáng khen. Ông tận-tâm với Đấng Christ đến nỗi ông muốn hễ ai xưng danh Ngài thì phải gia-nhập hàng-ngũ các môn-đồ, sống, hoạt-động và chịu đau-khổ với họ. Trong sự trung-thành với các Giáo-chủ hay giáo-phái luôn luôn có chỗ đáng khen. Nếu có người nào tìm thấy một tổ-chức mà họ cho là hình-thức cao nhất của đời sống và công-vụ của Cơ-đốc-đồ; nếu họ cảm thấy mình đương đi trên con đường chắc-chắn và gần-gũi nhất đến thiên-đường, thì việc người ấy muốn kẻ khác chia-xẻ phước-hạnh cho mình là một điều đáng khen.

Tuy-nhiên, Chúa Jêsus quỡ Giảng rằng: « Đừng cấm họ, vì ai không nghịch cùng các người, là thuận với các người.» Sau hết không có chỗ cho tinh-thần cuồng-tin trong những kẻ theo Chúa. Chúng ta có thể yêu-mến khen-ngợi giáo-phái hay tổ-chức chúng ta, nhưng đừng bao giờ chúng ta ngăn-trở công-việc của anh em chúng ta trong Chúa, dầu họ có khác chúng ta mấy cũng vậy. Có hai câu hỏi cần hỏi: Thứ nhứt: Họ có đuổi được qui hay không?

Nghĩa là họ có thật làm việc lành không? Thứ hai: Có phải họ hơn danh Đấng Christ từ trời, đã bị đóng đinh và sống lại, mà làm việc không? Nếu có, « đừng cấm họ.» Chúng ta đừng mong-đợi tất cả Cơ-đốc-đồ cùng lập một tin-điều, cùng theo một nghi-lễ, cùng thừa-nhận một chính-thể, hay cùng áp-dụng một phương-pháp làm việc. Chúng ta phải nhớ lời Thầy « Ai không nghịch cùng các người, là thuận với các người.»

V. CÁC HÀNH-TRÌNH VỀ HƯƠNG GIÊ-RU-SA-LEM

Đoạn 9 : 51 - 19 : 28

A. Galai - đoạn đầu

Đoạn 9 : 51 - 13 : 21

1. Những người Sa-ma-ri lãnh-đạm

9 : 51 - 56

« ⁵¹ Khi gần đến kỳ Đức Chúa Jê-sus được đem lên khỏi thế-gian, Ngài quyết-định đi thành Giê-ru-sa-lem. ⁵² Ngài sai kẻ đem tin đi trước mình. Họ ra đi, vào một làng của người Sa-ma-ri để sửa-soạn nhà trọ cho Ngài; ⁵³ song người Sa-ma-ri không tiếp-rước Ngài, vì Ngài đi thẳng lên thành Giê-ru-sa-lem. ⁵⁴ Gla-co và Glăng là môn-đồ Ngài, thấy vậy nói rằng: Thưa Chúa, Chúa có muốn chúng tôi khiến lửa từ trên trời xuống thiêu họ chăng? ⁵⁵ Nhưng Đức Chúa Jê-sus xây lại quở hai người, mà rằng: Các người không biết tâm-thần nào xui-giục mình. ⁵⁶ Rồi Ngài cùng môn-đồ đi qua làng khác.»

Đoạn chép về các chặng hành-trình cuối-cùng của Chúa về hương Giê-ru-sa-lem, mang một sắc-thái đặc-biệt trong sách Tin-Lành Lu-ca. Có một vài việc trong số đó cũng có chép trong các sách Tin-lành khác nhưng chúng chỉ chiếm chừng một vài đoạn thôi, còn ở đây chúng choán đến mười đoạn với những biến-cố không có kể lại ở nơi khác,

Hành-trình trước-tiên hướng về phía đông, đi qua các biên-giới Ga-li-lê và Sa-ma-ri, rồi vượt sông Giô-đanh, đi về phía nam mà qua xứ Bê-rê. Xứ này không chỉ-định rõ trong Kinh-thánh, chỉ có một câu đề-mô-tả nó, «bên kia sông Giô-đanh», và vì hầu hết các biến-cố đều xảy ra tại đây, nên thời-kỳ này trong đời sống của Chúa Jê-sus thường được gọi là «Chức-vụ tại Bê-rê.» Ở đây Lu-ca nhấn mạnh tài tiên-kiến thiên-thượng cùng với sự can-đảm của thể-nhân nơi Cứu-Chúa. Ông cho ta biết rằng Chúa Jê-sus đã thấy sự chết sắp đến của Ngài cùng vinh-hiền của sự thăng-thiên, nhưng vẫn không hề nao-sòn, Ngài thẳng-tiến tới những thống-khổ cùng-cực của thập-tự.

Việc đầu-tiên trong hành-trình này xảy ra tại một làng Sa-ma-ri. Vài sứ-giả đi trước để sửa-soạn tiếp-đãi đoàn người đông-đúc đi theo Chúa Jê-sus, nhưng những người Sa-ma-ri không chịu tiếp Ngài. Bởi đó, hai môn-đồ Ngài là Gia-cơ và Giăng đề nghị «khiến lửa từ trên trời xuống thiêu họ.» Có chỗ đáng khen trong sự công-phần của hai môn-đồ đó. Những người Sa-ma-ri này đã lằng-nhục Chúa vô-cớ vì thành-kiến địa-phương hẹp-hòi. Đôi khi dường như lửa phẫn-nộ đã tắt ngấm, nhưng lòng ta lại hừng lên khi thấy người ta cảm-biết động-chạm vì Đấng Christ bị miệt-thị và danh Ngài bị tổn-thương.

Nhưng Chúa Jê-sus trách rầy các môn-đồ «Rồi Ngài cùng môn-đồ đi qua làng khác.» Có thể có chỗ cho sự công-phần chính-đáng, nhưng không có chỗ cho sự giận-dữ, cố-chấp, cừu-oán, giữa vòng những kẻ theo Chúa. Đây không phải là thời-đại phán-xét mà là thời-đại ân-điền. Bồn-phận chúng ta không phải là lập mưu phục-thù mà là truyền Tin-Lành của sự yêu-thương.

2. Chúa Jê-sus quở-trách sự khinh-suất, sự giả-dối và sự bất-kinh

9 : 57 - 62

«⁵⁷ Đang khi đi đường, có kẻ thưa Ngài rằng : Chúa đi đâu tôi sẽ theo đó. ⁵⁸ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Con cáo có hang, chim trời có ổ ; song Con người không có chỗ mà gối đầu.

⁵⁹ Ngài phán cùng kẻ khác rằng : Người hãy theo ta. ⁶⁰ Kẻ ấy thưa rằng : Xin cho phép tôi đi chôn cha tôi trước đã. ⁶⁰ Nhưng Đức Chúa Jêsus phán rằng : Hãy để kẻ chết chôn kẻ chết ; còn người, hãy đi rao-giảng nước Đức Chúa Trời.

⁶¹ Có kẻ khác nữa thưa rằng : Lạy Chúa, tôi sẽ theo Chúa, song xin cho phép tôi trước về từ-giã người trong nhà tôi. ⁶² Đức Chúa Jêsus phán rằng : Ai đã tra tay cầm cày, còn ngó lại đằng sau, thì không xứng-đáng với nước Đức Chúa Trời.»

Ba việc này chứng-tỏ Chúa Jêsus lựa-lọc rất cẩn-thận những kẻ muốn theo Ngài, và Ngài đã cảm-biết cách sâu-xa rằng Ngài đi qua vùng này lần này là lần cuối-cùng. Người thứ nhất nói chuyện với Ngài là kẻ được cảm-động, đã thấy đoàn dân đông theo Thầy, và cho rằng gia-nhập vào đoàn-thê đó là một đặc-ân lớn-lao. Anh ta đã quên rằng để thành môn-đồ của Đấng Christ còn phải chịu sự hi-sinh và đau-đớn nữa. Chính vì thế mà Chúa Jêsus đã đáp lại anh ta một câu bao-hàm ý quở-trách và tỏ ra Ngài nhận thấy sự hấp-tấp khinh-suất trong con người theo Ngài bề ngoài này «Con cáo có hang, chim trời có ổ ; song Con người không có chỗ mà gối đầu.» Dĩ-nhiên, Chúa Jêsus mong-mỏi người ta tỏ lòng trung-thành với Ngài và công-khai nhìn-nhận là môn-đồ Ngài ; nhưng không có chỗ cho sự khinh-suất trong những kẻ theo Chúa. Ngài muốn chúng ta tinh-toán cẩn-thận.

Trường-hợp người thứ hai thì được Chúa gọi theo Ngài, anh ta thoái-thác ; thưa Chúa « Xin cho phép tôi đi chôn cha tôi trước đã. » Đó là một lời xin tự-nhiên, và dường như bồn-phận gia-đình đã khiến anh cần phải từ-chối lời mời của Thầy. Trong câu trả lời của Ngài có một chút nghiêm-khắc : « Hãy để kẻ chết chôn kẻ chết ; còn người, hãy đi rao-giảng nước Đức Chúa Trời. » Rõ-ràng Chúa đã nhìn thẳng vào lòng của người này và thấy rằng anh ta đã viện một bồn-phận thiêng-liêng để thoái-thác cách ích-kỷ. Nếu câu trả lời của anh ta thành-thật, cũng vẫn rất đáng trách, bởi vì có một bồn-phận thiêng-liêng

hơn việc lo cho người chết chắt trên anh do lời mời của Đấng Christ hằng sống. Không có một ràng-buộc nào đâu là cao-đẹp đến đâu, có thể xem như là lý-do chính-đáng để từ-chối đi theo Đấng Christ. Chúa Jêsus đương đi qua đây lần cuối-cùng. Cần phải lập-tức tuân theo lời Ngài. Những kẻ đã chết về phần linh và không nghe lời hiệu-triệu của Đấng Christ có thể lo việc chôn-cất ấy, nhưng những người đã được Đấng Christ kêu-gọi có thể làm một việc thiêng-liêng hơn: khởi-sự rao-giảng Tin-lành về sự cứu-rỗi và sự sống.

Trong trường-hợp của người thứ ba, không có sự khinh-suất, anh ta đã tính-toán cần-thận; anh cũng không có ý-định thoái-thác, anh đã có một ý-định thành-thật và cương-quyết anh ta chỉ muốn tri-hoãn. Anh ta không biết chắc nên mình, lia gia-đình bè-bạn dứt-khoát. Ít ra anh muốn có đủ thì-giờ để từ-giã họ. Nhưng Chúa Jêsus quở-trách anh; « Ai đã tra tay cầm cày, còn ngó lại đằng sau, thì không xứng-đáng với nước Đức Chúa Trời. » Sự chần-chờ ấy tỏ rằng người chưa nhận-thức được cái đặc-ân vinh-hiền trong sự kêu-gọi của Đấng Christ hay vẫn còn cân-nhắc đặc-ân ấy với những hi-sinh mình phải chịu. Người ấy tự lên án chính mình. Không có chỗ cho sự bất-định trong vòng những kẻ kế-thừa nước Đức Chúa Trời.

3. Sứ-mệnh của bảy mươi môn-đồ

10 : 1 - 24

«¹ Kế đó, Chúa chọn bảy mươi môn-đồ khác, sai từng đôi đi trước Ngài, đến các thành các chỗ mà chính Ngài sẽ đi.

² Ngài phán cùng môn-đồ rằng: Mùa gặt thì trúng, song con gặt thì ít. Vậy, hãy xin Chủ mùa gặt sai con gặt đến trong mùa của mình. ³ Hãy đi; này, ta sai các người đi, khác nào như chiên con ở giữa bầy muông-sói. ⁴ Đứng đem túl, bao, giày, và đừng chào ai dọc đường. ⁵ Hễ các người vào nhà nào, trước hết hãy nói rằng: Cầu sự bình-an cho nhà này! ⁶ Nếu nhà đó có người nào đáng được bình-an, sự bình-an của các người sẽ giáng cho họ; bằng không, sẽ trở về các

người. ⁷ Hãy ở nhà đó, ăn uống đồ người ta sẽ cho các người, vì người làm công đáng được tiền lương mình. Đừng đi nhà này sang nhà khác. ⁸ Hễ các người vào thành nào, mà người ta tiếp-rước, hãy ăn đồ họ sẽ dọn cho. ⁹ Hãy chữa kẻ bệnh ở đó, và nói với họ rằng: Nước Đức Chúa Trời đến gần các người. ¹⁰ Song hễ các người vào thành nào, họ không tiếp-rước, hãy đi ra ngoài chợ, mà nói rằng: ¹¹ Đối với các người, chúng ta cũng phải bụi của thành các người đã dính chơn chúng ta; nhưng phải biết nước Đức Chúa Trời đã đến gần các người rồi. ¹² Ta phán cùng các người, đến ngày cuối-cùng, thành Sô-dôm sẽ chịu nhẹ hơn thành này.

¹³ Khốn cho mây, thành Cô-ra-xin! Khốn cho mây, thành Bết-sai-da! Vì nếu các phép lạ đã làm giữa bay, đem làm trong thành Tỳ-rô và thành Si-dôn, thì hai thành ấy đã mặc áo gai và đội tro mà ăn-năn từ lâu rồi. ¹⁴ Vậy, đến ngày phán-xét, thành Tỳ-rô và thành Si-dôn sẽ chịu nhẹ hơn bay. ¹⁵ Còn mây, thành Ca-bê-na-um, mây sẽ được nhắc lên tận trời sao? Không, sẽ bị hạ xuống tới dưới Âm-phủ! ¹⁶ Ai nghe các người, ấy là nghe ta; ai bỏ các người, ấy là bỏ ta; còn ai bỏ ta, ấy là bỏ Đấng đã sai ta.

¹⁷ Bảy mươi môn-đồ trở về cách vui-vẻ, thưa rằng: Lạy Chúa, vì danh Chúa, các quỷ cũng phục chúng tôi. ¹⁸ Đức Chúa Jê-sus bèn phán rằng: Ta đã thấy quỷ Sa-tan từ trời sa xuống như chớp. ¹⁹ Nay, ta đã ban quyền cho các người giầy-đạp rắn, bò-cạp, và mọi quyền của kẻ nghịch dưới chơn; không gì làm hại các người được. ²⁰ Dầu vậy, chớ mừng vì các quỷ phục các người; nhưng hãy mừng vì tên các người đã ghi trên thiên-dàng.

²¹ Cũng giờ đó, Đức Chúa Jê-sus nức lòng bởi Đức Thánh-Linh, bèn nói rằng: Lạy Cha, là Chúa trời đất, tôi ngợi-khen Cha, vì Cha đã giấu những sự này với kẻ khôn-ngoan, người sáng dạ, mà tỏ ra cho trẻ nhỏ hay! Thưa Cha, phải, thật như vậy, vì Cha đã thấy đều đó là tốt-lành. ²² Cha ta đã giao mọi sự cho ta; ngoài Cha không ai biết Con là ai; ngoài Con, và người nào

mà Con muốn tỏ ra cùng, thì cũng không có ai biết Cha là ai.

²³Đoạn, Ngài xây lại cùng môn-đồ mà phán riêng rằng: Phước cho mắt nào được thấy đều các người thấy! ²⁴Vì ta nói cùng các người, có nhiều đấng tiên-trì và vua-chúa ước-ao thấy đều các người thấy, mà chẳng từng thấy, ước-ao nghe đều các người nghe, mà chẳng từng nghe.»

Chỉ có mình Lu-ca chép về sự sai-phái bảy mươi sứ-giã đi trước sửa-soạn cho chức-vụ của Chúa Jê-sus. Điều này phù-hợp với việc Chúa kéo dài những hành-trình trên đường về Giê-ru-sa-lem, trong dịp này Ngài đã sai bảy mươi môn-đồ ra đi, như ta chỉ đọc thấy trong sách Tin-Lành này. Công-tác của họ chỉ trong một thời-gian hạn-định và chức-phận của họ cũng chỉ tạm-thời; nhưng trong lời huấn-thị họ, Chúa Jê-sus đã đưa ra nhiều nguyên-tắc sống có thể áp-dụng cho những kẻ theo Ngài trải qua các đời. Trước hết, Ngài tỏ cho biết lý-do của sự lựa-chọn họ. Đó là vì mùa gặt họ đương gặt thì thật lớn, mà con gặt thì ít. Ngài tỏ rằng trước khi thế-gian chịu nhận sứ-diệp của họ đem đến, họ và những kẻ kế-vị phải thiết-tha cầu-nguyện Chúa mùa gặt sai con gặt đến đồng lúa. Đó là một lời cầu-nguyện mà mọi kẻ phụng-sự Đấng Christ có thể tận-tâm dâng lên bất-cứ lúc nào. Công-việc dường như mới chỉ là bắt đầu. Thiện-cảm của chúng ta đối với Thầy sẽ khiến chúng ta cố-gắng hoàn-thành công-tác mau-chóng hơn, và muốn được vậy, cần phải có một số nhân-công đông-đảo hơn. (câu 2).

Chúa Jê-sus bảo những sứ-giã của Ngài rằng khi ra đi họ phải sẵn-sàng chờ-đợi sự hiềm-nguy. « Ta sai các người đi, khác nào như chiên con ở giữa bầy muông-sói. » Nhưng họ cũng đừng để cho những thứ không thiết-dụng bận-bịu ngăn-trở, hoặc phi thi-giờ vào những nghi-lễ lạt-lẻo vô-vị, họ phải ra đi như những con người chịu thúc-giục bởi một động-lực cao-cả. (câu 3, 4).

Khi họ vào nhà ai, hãy cống-hiến cho nhà ấy sự hòa-bình mà Tin-Lành ban cho, nhưng nếu bị từ-chối, thì hãy tin rằng sự hòa-bình sẽ trở về với họ cách mạnh hơn. Nghĩ là Chúa

nói rằng những lời nhơn danh Ngài nói ra sẽ không bao giờ ưỡng-phí. (câu 5, 6).

Họ sẽ tiếp-tục làm việc nơi nhà nào tiếp-nhận họ, bằng lòng với điều họ có, cứu-giúp những kẻ đau-khổ và dùng mọi cơ-hội để rao-giảng sứ-điệp của ân-điền. (câu 7-19).

Nơi nào người ta từ-chối sứ-điệp của họ, hay thành-phố nào không chịu tiếp họ thì hãy bỏ đi, phủi bụi nơi chơn, một biểu-hiệu Đông-phương để tỏ rằng mình không có liên-lạc gì với thù-nghịch Đấng Christ. Tin-Lành không bao giờ được cả thế-giới tiếp-nhận. Luôn luôn có những người không chịu nhận lời mời ân-điền của nó. (câu 10-12).

Khi suy-nghĩ về những kẻ chắc-chắn từ-chối các sứ-giả của Ngài, Chúa Jê-sus lại nhớ đến những thành-phố đã chối-bỏ Chúa. Ngài ngưng một lúc để nghiêm-trang nói về tội vô-tin của họ. Ngài nói về Cô-ra-xin và Bết-sai-đa, đến ngày phán-xét thành Ty-ro và Si-đôn sẽ nhẹ tội hơn những thành này, bởi vì những bằng-chứng về chức-vụ thiên-thượng mà Chúa Jê-sus đã thi-thố giữa các thành-phố Y-so-ra-ên, nếu đem ra làm giữa thế-giới ngoại-giáo chắc họ đã ăn-năn rồi. Ngài đặc-biệt nói về Ca-bê-na-um, họ đã hưởng những đặc-ân vô-giá, thì rồi sẽ chịu kết án nặng hơn. Chúa Jê-sus đã tuyên-bố cái nguyên-tắc vĩnh-cửu là những cơ-hội phi-thường luôn luôn bao-hàm những trách-nhiệm phi-thường, Ngài nhấn mạnh tánh-cách nghiêm-trọng của sự từ-chối sứ-giả Ngài, bảo rằng khinh-miệt họ tức là khinh-miệt chính Ngài, mà người nào chối-bỏ Chúa Jê-sus tức là chối-bỏ Cha Ngài là Đấng sai Ngài. (câu 13-16).

Lu-ca đã tiếp-tục kể luôn cho xong câu chuyện bảy mươi môn-đồ. Họ trở về vui-mừng khắp-khởi, thuật lại rằng đến các quỷ cũng phải phục họ. Chúa trả lời họ rằng trong việc lật đổ các sứ-giả ấy của Sa-tan, Ngài đã thấy cái tàn cuộc của Vua của bóng tối và tất cả các lực-lượng gian-ác, và Ngài tuyên-bố rằng Ngài đã ban cho các sứ-giả của Ngài quyền-phép để chế-nự tất cả những gì chống-đối, đe-dọa tiêu-diệt họ. Nhưng Ngài thêm rằng họ không nên vui-mừng vì có thể làm được những việc

là ấy, nhưng vui-mừng vì đã được dự-phần trong lý-tưởng khải-hoàn và trong sự cứu-rỗi. (câu 17-20.)

Ngay lúc đó Chúa Jêsus cùng mừng-rỡ với các môn-đồ và dâng lời cảm-tạ Cha vì những điều Ngài đã thực-hiện qua các sứ-giả thấp-thỏi mà Ngài đã chọn-lựa, để đem lại một kết-quả là phổ-diễn quyền-năng thiên-thượng. Ngài tuyên-bố một điều đặc-biệt, ấy là Con Người lý-tưởng đồng-thời cũng là Con Đức Chúa Trời là Đấng duy-nhất có thể minh-khải Cha cho loài người. Rồi cuối-cùng, Ngài quay lại với các môn-đồ chúc-mừng họ về đặc-ân lớn-lao họ đã được, bảo họ rằng « có nhiều tiên-tri và vua chúa » ước-ao được thấy những điều họ đang trông thấy, tức là được làm tối-tờ Ngài và dụng-cụ của quyền-năng Ngài. Ngài cho ta thấy phần nào sự vui-vẻ khoái-hoạt của các môn-đồ trong những năm sau vì họ biết mình được đặc-quyền phục-vụ Cứu-Chúa và phổ-bày Ngài cho người ta. (câu 21-24).

4. Người Sa-ma-ri nhơn-lành

10 : 25 - 37

« ²⁵ Bấy giờ, một thầy dạy luật đứng dậy hỏi đặng thử Đức Chúa Jêsus rằng: Thưa thầy, tôi phải làm gì để được hưởng sự sống đời đời? ²⁶ Ngài phán rằng: Trong luật-pháp có chép đều gì? Người đọc gì trong đó? ²⁷ Thưa rằng: Người phải hết lòng, hết linh-hồn, hết sức, hết trí mà kính-mến Chúa là Đức Chúa Trời người; và yêu người lân-cận như mình. ²⁸ Đức Chúa Jêsus phán rằng: Người đáp phải lắm; hãy làm đều đó, thì được sống.

²⁹ Song thầy ấy muốn xưng mình là công-bình, nên thưa cùng Đức Chúa Jêsus rằng: Ai là người lân-cận tôi? ³⁰ Đức Chúa Jêsus lại cất tiếng phán rằng: Có một người từ thành Giê-ru-sa-lem xuống thành Giê-ri-cô, lâm vào tay kẻ cướp, nó giật-lột hết, đánh cho mình-mẩy bị thương rồi đi, để người đó nửa sống nửa chết. ³¹ Và, gặp một thầy tế-lễ đi xuống đường đó, thấy người ấy, thì đi qua khỏi. ³² Lại có một

người Lê-vi cũng đến nơi, lại gần, thấy, rồi đi ra khỏi. ³³ Song có một người Sa-ma-ri đi đường, đến gần người đó, ngó thấy thì động lòng thương; ³⁴ bèn áp lại, lấy dầu và rượu xức chỗ bị thương, rồi rịt lại; đoạn, cho cỡi con vật mình đem đến nhà quán, mà săn-sóc cho. ³⁵ Đến bữa sau, lấy hai đơ-ni-ê đưa cho chủ quán, dặn rằng: Hãy săn-sóc người này, nếu tốn hơn nữa, khi tôi trở về sẽ trả. ³⁶ Trong ba người đó, người tưởng ai là lân-cận với kẻ bị cướp? ³⁷ Thầy dạy luật thưa rằng: Ấy là người đã lấy lòng thương-xót đãi người. Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy đi, làm theo như vậy.»

Chúa kể thí-dụ về người Sa-ma-ri hơn-lành nhân dịp một luật-sư kia cậy mình hiểu-biết Cựu-Uớc và những lối diễn-dịch khéo-léo của các Ra-bi đến định tranh-luận với Ngài và mong sẽ hạ Ngài trong cuộc tranh-luận. Ông ấy hỏi Chúa Jê-sus câu này, «Thưa thầy, tôi phải làm gì để được hưởng sự sống đời đời.» Chắc ông ta tưởng rằng Chúa sẽ kể ra một lô những nghi-lễ, qui-tắc mới lạ và sẽ làm giảm giá-trị của luật-pháp. Nhưng ông ta giật mình thấy Chúa hỏi ngược lại, «Trong luật-pháp có chép điều gì?» Câu trả lời này tước mất khí-giới của kẻ nghịch. Tuy-nhiên, ông ta cũng khôn-khéo trả lời rằng Luật-pháp tóm-tắt lại trong sự đòi-hỏi yêu Đức Chúa Trời và loài người. Chúa Jê-sus lại trả lời, «Người đáp phải lắm; hãy làm điều đó, thì được sống.» Không có gì tối-tâm, né tránh hay lường-gạt trong câu nói của Chúa Jê-sus. Lòng yêu toàn-vẹn đến Đức Chúa Trời và loài người nhất-định là con đường của sự sống. Nhưng ai có thể tỏ ra tình-yêu toàn-vẹn ấy? Chúa Jê-sus đến không phải để phá-hủy điều-răn ấy mà để làm ứng-nghiệm trọn-vẹn, đem lại sự tha tội cho những kẻ phạm-nghịch luật-pháp và ban quyền-năng cho những kẻ cảm thấy cần-thiết.

Câu trả lời của Chúa chẳng những đánh hạ luật-sư, nó còn đung đến lương-tâm của ông nữa. Ông ấy biết rằng ông không hề làm trọn điều đòi-hỏi của Luật-pháp mà ông biết rất rõ. Bởi vậy ông cố tự biện-minh bằng cách thâu hẹp địa-hạt mà luật tình-yêu áp-dụng. Đó luôn luôn là kinh-nghiệm của những kẻ tìm cách tự cứu mình

mà từ-chối sự cứu-rỗi của Đấng Christ. Không ai có thể dùng sức mình để làm trọn những đòi-hỏi của luật-pháp toàn-vẹn; hoặc là chúng ta phải tìm-kiếm sự giúp-đỡ bên ngoài mà tin-cậy Cứu-Chúa từ-ái, hoặc là chúng ta phải tìm cách giảm những đòi-hỏi của luật-pháp xuống. Ý của luật-su là không thể nào yêu tất cả mọi người, dầu điều-răn là phải yêu kẻ lân-cận. Để tự biện-minh, ông ta hỏi một câu, « Ai là người lân-cận tôi » Chúa Jê-sus đáp lại bằng một câu chuyện về một người Do-thái, đi từ Giê-ru-sa-lem xuống Giê-ri-cô trên một con đường giốc hiểm-trở, khi anh ta qua một cái đèo hẹp thì bị bọn cướp chặn đánh lột hết quần-áo của-cải rồi bỏ lại dờ sống dờ chết. Người thứ nhất đến gần nạn-nhân đáng thương là một thầy tế-lễ, người mà nghề-nghiệp và nhiệm-vụ trọn đời ắt phải giục ông ta làm một nghĩa-cử, nhưng vì sợ trộm-cướp hay vì không để ý đến sự đau-khổ của người bị thương ông tránh qua bên kia đường rồi bỏ đi. Rồi đến một người Lê-vi, một người mà chức-vụ là giúp-đỡ thầy tế-lễ, một người nhẹ bõn-phận hơn chắc phải có nhiều thì-giờ hơn để ra tay cứu-trợ ; nhưng rồi ông ta cũng đi qua luôn. Cuối-cùng, một người Sa-ma-ri đi tới, một người thuộc một chủng-tộc ngoại-quốc, thuộc một tôn-giáo bị rẽ-rúng, nhưng ông ta lại tỏ lòng trắc-ân ; ông băng-bó vết thương của nạn-nhân rồi cho cỡi con vật của mình, chở nạn-nhân về một cái quán rồi trả hết mọi phí-khoản. Ông tỏ ra tinh-thần yêu-thương. Như vậy, Chúa Jê-sus ám-chỉ rằng người lân-cận không phải chỉ là kẻ « ở gần » mà là kẻ cần ta giúp-đỡ, hoặc là kẻ giúp-đỡ ta. Ngài chứng-minh cái chân-lý rằng luật của tinh-yêu không hề bị giới-hạn trong đẳng-cấp hay địa-vị, chủng-tộc hay tin-ngưỡng. Nó cũng không giới-hạn riêng cho loài người. Người ta phải hết lòng yêu Đức Chúa Trời, nếu vậy chắc sẽ yêu và phục-vụ Đức Chúa Con, trong Ngài tinh-yêu Đức Chúa Trời trở thành toàn-vẹn.

5. Ma-thê và Ma-ri

10 : 38 - 42

« ³⁸ Khi Đức Chúa Jê-sus cùng môn-dồ đi đường, đến một làng kia, có người đồn-bà tên là Ma-thê, rước Ngài vào nhà mình. ³⁹ Người có một em gái tên là Ma-ri,

ngồi dưới chơn Chúa mà nghe lời Ngài. ⁴⁰ Và, Ma-thê mắng lo về việc vật, đến thưa Đức Chúa Jê-sus rằng : Lạy Chúa, em tôi để một mình tôi hầu việc, Chúa há không nghĩ đến sao ? Xin biểu nó giúp tôi. ⁴¹ Chúa đáp rằng : Hỡi Ma-thê, Ma-thê, người chịu khó và bối-rối về nhiều việc ; ⁴² nhưng có một việc cần mà thôi. Ma-ri đã lựa phần tốt, là phần không có ai cất lấy được.»

Không có nơi nào tinh-cách nhân-loại chủ-trương trong Lu-ca được diễn-tả trọn-vẹn bằng quang-cảnh âm-cúng trong gia-đình ở Bê-tha-ni. Đáng tiếc là nó thành có cơ-hội cho cuộc bàn-cãi bất-tận về những đức-tính của Ma-thê và Ma-ri. Có người tưởng-tượng rằng Ma-thê là người khô-khan nhưng cương-ngạnh và đặc-lực, còn Ma-ri thì đôn-hậu, nhưng đa-cảm và lười. Thật ra cả hai chị em đều có những đức-tính đáng khen ; cả hai đều yêu-kính Thầy và ao-ước là vui lòng Thầy ; nhưng trong dịp này vì tinh-thần sốt-sắng phục-vụ, Ma-thê đã làm việc quá nhiều để sửa-soan một bữa ăn cho ngon-lành, còn Ma-ri vì trực-giác hơn được điều Chúa Jê-sus muốn nên «ngồi dưới chơn Chúa mà nghe lời Ngài.» Nàng biết Ngài mong-muốn khải-thị chính mình Ngài và ban cho họ sứ-điệp thiên-thượng, không phải vì cơ Ngài, mà là vì họ, bởi vậy theo nghệ-thuật tiếp khách, nàng phải để ý đến ý muốn của vị khách trước. Trong việc tiếp-đãi Thầy, nàng đã làm được việc lớn hơn chị nàng.

« Ma-thê mắng lo về việc vật » (Ma-thê bận-rộn về nỗi phục-sự bề-bộn theo bản nhuận-chánh) nàng bù-đầu với nhiều công-việc mình muốn làm. Một kẻ theo Chúa có thể cố-gắng thái-quá đôi khi điều đó do cảm-giác tự-tôn và kiêu-hãnh dẫn đến. Điều đó đã khiến cho người ta căm-kỉnh như Ma-thê khi nàng chỉ-trích em mình, trách-móc làm giảm giá nàng trước mặt vị Khách của hai người, câu của nàng nói với Chúa cũng ngụ-ý trách Ngài nữa, « Lạy Chúa, em tôi để một mình tôi hầu việc, Chúa há không nghĩ đến sao ? Xin biểu nó giúp tôi. » Đáp lại Chúa Jê-sus tỏ lòng ưu-ái của Ngài bằng cách dịu-dàng kêu tên nàng, nhưng lại quở-trách tinh-thần của nàng và bày-tỏ nguồn-gốc của tinh-thần ấy : « Hỡi Ma-thê, Ma-thê,

ngươi chịu khó và bối-rối về nhiều việc ; nhưng có một việc cần mà thôi. Ma-ri đã lựa phần tốt, là phần không có ai cất lấy được. » Không cần phải có một bữa ăn thịnh-soạn, một vài món cũng đủ rồi ; nhưng có một điều cần-thiết, điều ấy Ma-ri đã chọn. Dầu Thầy chúng ta không hề quên những điều chúng ta làm vì Ngài, Ngài vẫn biết rằng điều cần cho chúng ta hơn hết là ngồi dưới chơn Ngài để học-tập ý-muốn Ngài, rồi trong công-tác, chúng ta sẽ được bình-tĩnh, yên-ổn, có lòng tốt, để cuối-cùng sự phục-vụ của chúng ta có thể thoát đến bực toàn-hảo như Ma-ri về sau trong cảnh ngẩng đầu lên chơn Chúa, hương thơm của dầu ấy ngày nay vẫn còn tỏa ngát thế-gian.

6. Chúa Jêsus dạy về sự cầu-nguyện

11 : 1 - 13

«¹ Có một ngày, Đức Chúa Jêsus cầu-nguyện ở nơi kia. Khi cầu-nguyện xong, một môn-đồ thưa Ngài rằng : Lạy Chúa, xin dạy chúng tôi cầu-nguyện, cũng như Giảng đã dạy môn-đồ mình. ² Ngài phán rằng : Khi các người cầu-nguyện, hãy nói : Lạy Cha ! danh Cha được thánh ; nước Cha được đến ; ³ xin cho chúng tôi ngày nào đủ bánh ngày ấy ; ⁴ xin tha tội chúng tôi, vì chúng tôi cũng tha kẻ miết lòng mình ; và xin chớ đem chúng tôi vào sự cám-dỗ !

⁵ Đoạn, Ngài phán cùng môn-đồ rằng : Nếu một người trong các người có bạn-hữu, nửa đêm đến nói rằng : Bạn ơi cho tôi mượn ba cái bánh, ⁶ vì người bạn tôi đi đường mới tới, tôi không có chi đãi người. ⁷ Nếu người kia ở trong nhà trả lời rằng : Đứng khuây-rối tôi, cửa đóng rồi, con-cái và tôi đã đi ngủ, không dậy được mà lấy bánh cho anh ; — ⁸ ta nói cùng các người, dầu người ấy không chịu dậy cho bánh vì là bạn mình, nhưng vì có người kia làm rộn, sẽ dậy và cho người đủ sự cần-dùng. ⁹ Ta lại nói cùng các người : Hãy xin, sẽ ban cho ; hãy tìm, sẽ gặp ; hãy gõ cửa, sẽ mở cho. ¹⁰ Vì hễ ai xin thì được, ai tìm thì gặp, và sẽ mở cửa cho ai gõ.

11 Trong các người có ai làm cha, khi con mình xin bánh mà cho đá chẳng ? Hay là xin cá, mà cho rắn thay vì cá chẳng ? **12** Hay là xin trứng, mà cho bò-cạp chẳng ? **13** Vậy nếu các người là người xấu, còn biết cho con-cái mình vật tốt thay, huống chi Cha các người ở trên trời lại chẳng ban Đức Thánh-Linh cho người xin Ngài !»

Khi các môn-đồ đến với Thầy với lời yêu-cầu, « Lạy Chúa, xin dạy chúng tôi cầu-nguyện » thì họ đã được ở với Đấng Christ trong trường cầu-nguyện một thời-gian rồi, và họ đã cảm-kích vì những bài học cụ-thể giá-trị nhất, ấy là tâm-gương của chính Đấng Christ. Nếu tâm-trí chúng ta đã từng nổi lên nhiều hoài-nghi về thực-tế và hiệu-năng của lời cầu-nguyện, chúng ta chỉ cần quay về sách Tin-Lành Lu-ca để được nhắc-nhở rằng Chúa chúng ta đã dành nhiều thì-giờ để cầu thay, và Ngài cầu-nguyện ở mỗi một biến-động của đời sống Ngài. Chắc-chắn chúng ta không thể lạc đường nếu chúng ta bước theo chơn Ngài !

Tuy-nhiên, điều các môn-đồ muốn có là một công-thức cầu-nguyện đặc-biệt, như Giăng Báp-tít hình như có cho các người theo ông. Chúa Jêsus nhậm lời cầu-xin ấy, ban cho họ một kiểu-mẫu độc-nhất vô-nhị, rồi khịch-lệ với lời hứa chắc rằng lời cầu-nguyện sẽ được nghe. Lời « Cầu-nguyện của Chúa » được Ma-thi-ơ chép đầy-đủ hơn, không phải là một bài mẫu để đọc nguyên-văn trong trường-hợp cầu-nguyện, mà chỉ là một khuôn-mẫu để ta rập các lời cầu-nguyện, dầu lời cầu-nguyện có tự-do, biến-đổi bất-gờ mảy đi nữa.

Chữ đầu « Lạy Cha » gọi lên tình-nghĩa phụ-tử, bởi vậy mỗi người tin nên đến gần Đức Chúa Trời, chữ ấy nói lên rất nhiều sự khịch-lệ mà Chúa Jêsus ban cho các môn-đồ trong những câu tiếp liền sau.

Bài cầu-nguyện có năm điều cầu-xin, hai điều liên-hệ đến chính-nghĩa của Đức Chúa Trời trên thế-gian, và ba điều liên-hệ đến những nhu-cầu cá-nhân người thỉnh-cầu. Điều thứ nhất là xin cho « danh » của Đức Chúa Trời, sự khải-thị của Ngài, hay là quan-niệm của chúng ta về Ngài,

được kính-trọng, được tôn-đại, dưới đất cũng như trên trời. Điều thứ hai là một lời cầu-xin song song với lời cầu-xin trên, ấy là nước Ngài được đến. Nước này sẽ có hình-thức bề ngoài, sẽ là nước hữu-hình, vinh-hiến; nó phụ-thuộc vào sự biến-hóa bề trong của các cá-nhân, nhưng rồi nó sẽ xuất-hiện trong một trật-tự xã-hội toàn-mỹ và trong sự cai-trị phổ-thông của Đấng Christ. Điều khẩn-cầu tiếp theo là « xin cho chúng tôi ngày nào đủ bánh xin những thứ quan-hệ cho cuộc sống thể-xác của chúng ta. Rồi chúng ta được dạy cầu-xin sự tha tội, trong khi chúng ta đến cùng Đức Chúa Trời với tinh-thần sẵn-sàng tha-tội cho kẻ khác. Và cuối-cùng xin một sự bảo-vệ liên-tục để thoát khỏi bẫy lưới của kẻ thù và khỏi mọi quyền-lực của tội-ác.

Để khích-lệ các môn-đồ Ngài trong những lời khẩn-cầu ấy, Chúa Jêsus kể cho họ câu chuyện của một người kêu-xin không ngừng, hầu như là li-lợm nên đã được ban cho bánh người đương cần. Nhưng trong đó Chúa ngụ-ý rằng, về phần Đức Chúa Trời thì không có sự miễn-cưỡng như thế, như vậy những kẻ «xin» Ngài sẽ nhận được mọi điều họ cần; nếu họ «tìm» sự cứu-trợ thì Ngài sẽ ban cho họ, nếu họ «gõ» đầu là «nửa đêm» Ngài sẽ mở cửa không chậm-trễ.

Chúa Jêsus lại khuyến-khích họ cầu-nguyện bằng cách nhắc-nhở họ rằng họ đương cầu-nguyện với Cha. Người làm cha mẹ thương-nhân đáp lời xin của con-cái, còn không gạt chúng bằng cách cho chúng những món quà tai-hại, như cho đá thay bánh, cho rắn thay cá, cho bò cạp thay trứng. Nếu với tất cả những bất-toàn và hạn-chế, ta còn biết ban quà tốt cho con-cái, thì chúng ta càng có thể mong-đợi Cha thiên-thượng ban Thánh-Linh của Ngài và tất cả những ân-huệ tốt-lành khác tuy ít giá-trị hơn cho những kẻ xin Ngài. Lại một lần nữa ta thấy danh «Cha» phước-hạnh là chìa khóa của bài học. Nếu chúng ta đến với Ngài như con-cái thì phải đến chẳng những với lòng tin-cậy mà còn thuận-phục nữa, vì chúng biết rằng đầu Ngài ban cho hay rút đi, sự trả lời của Ngài vẫn luôn luôn điều-lộ lòng thương-xót vô-hạn và tình-yêu phụ-tử của Ngài.

7. Chúa Jêsus quở-trách sự lộng-ngôn và vô-lin

11 : 14 - 36

¹⁴ Đức Chúa Jêsus đuổi một quỷ câm ; khi quỷ ra khỏi, người câm liền nói được. Dân-chúng đều lấy làm lạ ; ¹⁵ song có mấy kẻ nói rằng : Người này nhờ Bê-ên-xê-bun là chúa quỷ mà trừ quỷ. ¹⁶ Kẻ khác muốn thử Ngài, thì xin Ngài một dấu lạ từ trời xuống.

¹⁷ Đức Chúa Jêsus biết ý-tưởng họ, bèn phán rằng : Nước nào tự chia-rẽ nhau thì tan-hoang, nhà nào tự chia-rẽ nhau thì đổ xuống. ¹⁸ Vậy, nếu quỷ Sa-tan tự chia-rẽ nhau, thì nước nó còn sao được, vì các người nói ta nhờ Bê-ên-xê-bun mà trừ quỷ ? ¹⁹ Nếu ta nhờ Bê-ên-xê-bun mà trừ quỷ, thì con các người nhờ ai mà trừ quỷ ? Bởi vậy, chính con các người sẽ làm quan án các người. ²⁰ Nhưng nếu ta cậy ngôn tay Đức Chúa Trời mà trừ quỷ, thì nước Đức Chúa Trời đã đến nơi các người rồi. ²¹ Khi một người mạnh sức cầm khí-giói giữ cửa nhà mình, thì cửa-cái nó vững-vàng. ²² Nhưng có người khác mạnh hơn đến thắng được, thì cướp lấy khí-giói người kia đã nhờ-cậy, và phán-phát sạch cửa-cái.

²³ Phàm ai không theo ta, thì nghịch cùng ta, ai không thâu-hiệp với ta, thì tan-lạc. ²⁴ Khi tà-ma đã ra khỏi một người, thì đi dòng-dài các nơi khô-khan để kiếm chỗ nghỉ. Kiếm không được, thì nó nói rằng : Ta sẽ trở về nhà ta là nơi ta mới ra khỏi. ²⁵ Nó trở về, thấy nhà quét sạch và dọn-dẹp tử-tổ, ²⁶ bèn đi rủ bảy quỷ khác dữ hơn mình vào nhà mà ở ; vậy, số-phận người này lại khốn-khổ hơn phen trước.

²⁷ Đức Chúa Jêsus đương phán những điều ấy, có một người đờn-bà ở giữa dân-chúng cất tiếng thưa rằng : Phước cho dạ đã mang Ngài và vú đã cho Ngài bú ! ²⁸ Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Những kẻ nghe và giữ lời Đức Chúa Trời còn có phước hơn !

²⁹ Khi dân-chúng nhóm lại dòng-lắm, Đức Chúa Jêsus phán rằng : Dòng-dôi này là dòng-dôi độc-ác ;

họ xin một dấu lạ, song sẽ không cho dấu lạ nào khác hơn dấu lạ của Giô-na. ³⁰ Vì Giô-na là dấu lạ cho dân thành Ni-ni-ve, thì cũng một thể ấy, Con người sẽ là dấu lạ cho dòng-dôi này. ³¹ Đến ngày phán-xét, nữ-hoàng Nam-phương sẽ đứng dậy với người của dòng-dôi này và lên án họ, vì người từ nơi dấu cùng đất đến nghe lời khôn-ngoan vua Sa-lô-môn, mà này, ở đây có Đấng hơn vua Sa-lô-môn! ³² Đến ngày phán-xét, dân thành Ni-ni-ve sẽ đứng dậy với người của dòng-dôi này và lên án họ, vì dân ấy đã nghe lời Giô-na giảng-dạy và ăn-năn; mà này, ở đây có Đấng hơn Giô-na!

³³ Không ai thấp đèn mà để chỗ khuất hay là dưới thùng, nhưng để trên chơn đèn, hầu cho kẻ vào được thấy sáng. ³⁴ Mắt là đèn của thân-thể; nếu mắt người soi-sáng, cả thân-thể người được sáng-láng; song nếu mắt người xấu, thân-thể người phải tối-tăm. ³⁵ Ấy vậy, hãy coi chừng kéo sự sáng trong mình người hóa ra sự tối chẳng. ³⁶ Nếu cả thân-thể người sáng-láng, không có phần nào tối-tăm, thì sẽ được sáng hết thấy, cũng như khi có cái đèn soi sáng cho người vậy.»

Phần đầu trong hai khúc luận-đàm trên đây, từ câu 14-26, là Chúa Jêsus đáp lại lời tố-cáo Ngài dùng quyền-năng của quỷ Sa-tan để làm phép lạ, (câu 15). Phần thứ hai, câu 29-36, Ngài trả lời yêu-sách đòi Ngài cho « một dấu lạ từ trời » (câu 16), để thuyết-phục kẻ nghịch tin theo Ngài.

Chúa Jêsus vừa mới đuổi một quỷ, thù-nghịch với Ngài không chối rằng Ngài đã làm một phép lạ; nhưng để làm mất giá-trị của Ngài trước công-chúng, họ giải-thích rằng Ngài liên-kết với ma-quỉ để làm phép lạ ấy. Đáp lại, Ngài chứng tỏ sự vô-lý của ý-kiến cho rằng chính ma-quỉ đã đuổi ma-quỉ, vì nếu vậy thì lực-lượng của nó sẽ như một nước « tự chia-rẽ » và chắc-chắn sẽ bị « tan-hoang », hay như « một nhà chia-rẽ nhau thì đổ xuống » (câu 17-18). Rồi Ngài quay lại tố-cáo họ : vài đồng-bào của họ xưng rang mình có quyền-phép đuổi quỷ, Chúa

Jésus không hàn đến vấn-đề ấy có thật hay không, Ngài chỉ nhân đó hỏi rằng họ làm được như vậy là nhờ quyền nào ; cũng là quyền ma-quỉ chăng ? (câu 19). Rồi Chúa Jésus tuyên-bố quả-quyết rằng Ngài đã làm phép lạ của Ngài bằng quyền-phép thiên-thượng, và tính-chất của những phép lạ ấy là bằng-chứng chắc-chắn rằng Ngài không phải là đại-diện của nước ma-quỉ mà là của «Nước Đức Chúa Trời» (câu 20). Ngài tiêu-diệt ma-quỉ chớ không phải giúp-đỡ nó. Ngài tả-vẽ ma-quỉ như một đấng-sĩ, võ-trang đầy-đủ, canh-giữ của-cái mình, nhưng Chúa Jésus là «kẻ mạnh hơn» đến trước hết khi-giới rồi thu-lượm chiến-lợi-phần nhờ những phép lạ của ân-điền, (câu 21-22). Trong cuộc tranh-đấu này không thể có trung-lập, ta phải ở hẳn một bên, hoặc là với ma-quỉ, hay là với Đấng Christ, (câu 23).

Rồi Chúa Jésus quở-trách thù-địch của Ngài bằng một thí-dụ về uế-linh. Quỷ vô-tin đã từng ám vào người Do-thái, và xuất-hiện dưới hình-thức thờ thần-tượng, nó đã bị đuổi đi, nhưng nó đã quay lại với những bộ mặt khủng-khiếp hơn như giả-hình, tham-lam, ghen-ghét, cuồng-tin, và kiêu-căng. Đó là số-phận của dân-tộc Do-thái và cũng là kinh-nghiệm của một cá-nhân đã lia-bỏ tội-lỗi, chống-ngịch Sa-tan, nhưng không chịu tiếp-nhận Đấng Christ làm Cứu-Chúa mình. Tấm lòng trống-rỗng sẽ rước lấy tai-họa. Cải-thiện không phải là cải-sinh. Ta phải coi chừng con quỷ vô-tin, (câu 24-26).

Đến điểm này, thì có « một người đàn-bà ở giữa dân-chúng » cất ngang lời Ngài bằng một câu chúc-mừng mẹ Ngài. Chúa Jésus trả lời ngỏ-ý rằng mẹ Ngài có thể được gọi là kẻ có phước, nhưng người đàn-bà đã lạc mất điểm tối-trọng ; ấy là được liên-quan với Ngài về phần xác là một đặc-ân, thì được liên-quan với Ngài về phần linh, tức là tận-cậy vàng-phục Đức Chúa Trời, lại là một đặc-ân quý-báu hơn nhiều, (câu 27-28).

Chúa Jésus lại tiếp-tục quở-trách sự vô-tin của người Do-thái, và quay lại trả lời trực-tiếp cho yêu-sách « xin một dấu lạ từ trời » Ngài bảo rằng dấu lạ ấy sẽ được ban-bổ trong sự sống lại từ kẻ chết của Ngài. Phép lạ này

không có bàn tay loài người xen vào ; đó là một hành-động trực-tiếp của Đức Chúa Trời để làm trọn những điều-kiện của một « dấu lạ từ trời »; đó sẽ là một hình-ảnh trung-đồng với phép lạ giải-cứu Giô-na khỏi biển. Tuy-nhiên, lời yêu-cầu làm dấu lạ ấy chính là một hành-vi ngạo-mạn, nhục-mạ, nó biểu-lộ sự hoài-nghi tinh-cách thiên-thượng của những phép lạ mà Chúa Jêsus đã làm. Nó phủ-nhận tinh-cách của giáo-huấn Ngài, giáo-huấn ấy vượt xa sự khôn-ngoaan của Sa-lô-môn và sự-điệp kích-động của Giô-na. Sự khao-khát muốn nghe của vị nữ-hoàng ngoại-giáo, sự sẵn lòng ăn-năn của người Ni-ni-ve, là lời quở-trách sự vô-tin cứng-cỏi của người Do-thái đã không chịu nhận « một Đấng lớn hơn Sa-lô-môn, » « một Đấng lớn hơn Giô-na » (câu 29-32).

Sau hết, Chúa Jêsus chứng-tỏ rằng họ vô-tin không phải vì thiếu bằng-chứng hiển-hiện, hay cần phải có một « dấu lạ mới » nhưng tại vì họ lo-là không chịu ăn-năn. Như các đèn dùng để chiếu sáng căn nhà, con mắt dùng để soi sáng cho thân-thể, thì cũng vậy linh-hồn nào công-nghĩa trước mặt Đức Chúa Trời sẽ có khả-năng thị-giác thuộc-linh. Thị-giác này bị tội-lỗi phá-hủy làm cho mờ đi. Người Do-thái không thể tin, không phải họ thiếu « dấu lạ » hay bằng-cớ, nhưng vì thiếu thị-giác. Không có một luồng ánh-sáng nào có thể giúp người mù thấy được. Những kẻ trở lại cùng Đấng Christ trong sự ăn-năn, đức-tin và yêu-thương sẽ tìm thấy ở Ngài Ánh sáng của thế-giới, và cả linh-hồn họ sẽ rực-rỡ với những tia thiên-thượng; (câu 33-36).

8. Chủ-nghĩa Pha-ri-si bị lột trần và đả-kích

11 : 37 - 54

«³⁷ Đức Chúa Jêsus đương phán, có một người Pha-ri-si mời Ngài về nhà dùng bữa. Ngài vào ngồi bàn. ³⁸ Người Pha-ri-si thấy Ngài không rửa trước bữa ăn, thì lấy làm lạ. ³⁹ Nhưng Chúa phán rằng: Hỡi các người là người Pha-ri-si, các người rửa sạch bề ngoài chén và mâm, song bề trong đầy sự trộm-cướp

và đều dữ. ⁴⁰ Hỡi kẻ dại-dột ! Đấng đã làm nên bề ngoài, há không làm nên bề trong nữa sao ? ⁴¹ Thà các người lấy của mình có mà bố-thí, thì mọi đều sẽ sạch cho các người. ⁴² Song khốn cho các người; người Pha-ri-si, vì các người nộp một phần mười về bạc-hà, hồi-hương, cùng mọi thứ rau, còn sự công-bình và sự kính-mến Đức Chúa Trời, thì các người bỏ qua! Ấy là các việc phải làm, mà cũng không nên bỏ qua các việc khác. ⁴³ Khốn cho các người, người Pha-ri-si, vì các người ưa ngồi cao như trong nhà hội, và thích người ta chào mình giữa chợ ! ⁴⁴ Khốn cho các người, vì các người giống như mả-loạn, người ta bước lên trên mà không biết !

⁴⁵ Một thầy dạy luật bèn cất tiếng nói rằng : Thưa thầy, thầy nói vậy cũng làm sỉ-nhục chúng tôi. ⁴⁶ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Khốn cho các người nữa, là thầy dạy luật; vì các người chắt cho người ta gánh nặng khó mang, mà tự mình thì không động ngón tay đến ! ⁴⁷ Khốn cho các người, vì các người xây mồ-mả các đấng tiên-tri mà tổ-phụ mình đã giết ! ⁴⁸ Như vậy, các người làm chứng và ưng-thuận việc tổ-phụ mình đã làm ; vì họ đã giết các đấng tiên-tri, còn các người lại xây mồ cho. ⁴⁹ Vậy nên, sự khôn-ngao của Đức Chúa Trời đã phán rằng : Ta sẽ sai đấng tiên-tri và sứ-dõ đến cùng chúng nó ; chúng nó sẽ giết kẻ này, bắt-bớ kẻ kia, ⁵⁰ hầu cho huyết mọi đấng tiên-tri đổ ra từ khi sáng thế, cứ dòng-dõi này mà dò, ⁵¹ là từ huyết A-bên cho đến huyết Xa-cha-ri đã bị giết giữa khoảng bàn-thờ và đèn-thờ ; phải, ta nói cùng các người, sẽ cứ dòng-dõi này mà dò huyết ấy. ⁵² Khốn cho các người, là thầy dạy luật, vì các người đã đoạt lấy chìa khóa của sự biết, chính mình không vào, mà người khác muốn vào, lại ngăn-cấm không cho !

⁵³ Khi Đức Chúa Jê-sus ra khỏi đó rồi, các thầy thông-giáo và người Pha-ri-si bèn ra sức ép Ngài dữ-tợn, lấy nhiều câu hỏi khêu-chọc Ngài, ⁵⁴ và lập-muru để bắt-bẻ lời nào từ miệng Ngài nói ra,»

Cuộc xung-đột giữa Chúa Jê-sus và thù-địch đã lên tới cực độ ở đây. Ngài quở-trách sự giả-hình của họ và tuyên-bố trên họ sáu điều khốn-nạn nghiêm-trọng. Lời Ngài đầy những cảnh-cáo cho những kẻ theo Ngài trải qua các đời. Tôn-giáo thường có khuynh-hướng trở thành một việc hình-thức và nghi-lễ; kẻ giả-ngụy thường không tự biết, và nơi nào cũng có những hạng người như vậy.

Một người Pha-ri-si với một tâm-hồn thối-tha vì những tư-trưởng tội-lỗi đã lấy làm lạ tại sao trước khi ăn, Chúa không rửa tay theo nghi-lễ Do-thái. Luật-pháp không hề đòi-hỏi nghi-thức đó, chẳng qua chỉ là khẩu-truyền được người Pha-ri-si coi trọng tới mực ấy. Chúa Jê-sus tuyên-bố rằng trong khi tắm lòng như-ước mà chỉ lo rửa bề ngoài thân-thể thì cũng vô-lý như chỉ lo chùi-rửa bên ngoài những chén và mâm dĩa. Ngài nói rằng Đức Chúa Trời là Đấng làm ra thân-thể, cũng đã tạo ra linh-hồn, và Ngài chú-trọng về linh-hồn hơn là thân-thể. Ngài nhấn mạnh rằng việc rửa tay là tốt, nhưng tốt hơn là chuẩn-bị bữa ăn bằng tình-yêu đầy-dẫy trong lòng, biểu-lộ bằng sự bố-thí cho kẻ nghèo. Việc người Pha-ri-si phải từ-bỏ sự ghen-gét trong lòng họ quan-trọng hơn việc Chúa phải rửa tay rất nhiều, (câu 37-41).

Tuy-nhiên sự giả-hình chỉ chú-trọng đến hình-thức bên ngoài mà bỏ qua những thật-sự ở bên trong. Bởi vậy, Chúa Jê-sus rao-báo sự khốn-nạn trên những người Pha-ri-si, lo dăng phần mười về rau-cỏ mà lại bỏ qua sự công-bình đối với người và lòng yêu-thương đối với Đức Chúa Trời, lo tuân-giữ những lễ-nghi chi-li mà lại phạm vào Mười Giới-Răn. Nhưng Ngài không lên án họ về việc lo những chuyện tiêu-tiết ấy, mà chỉ lên án vì họ bỏ qua những điều cần-yếu, « Ấy là các việc phải làm, mà cũng không nên bỏ qua các việc khác » (câu 42). Chúa Jê-sus còn quở-trách sự kiêu-căng và óc háo-thắng, háo-danh vốn là huy-hiệu và cái áo choàng của sự nguy-thiện, (câu 43). Ngài lại so-sánh ảnh-hưởng xấu-xa của những kẻ giả-đạo-đức với việc ô-ước vì tiếp-xúc với mờ-mả, những mờ-mả này bị san bằng, người ta đi lên trên mà không biết, bởi đó người ấy đã bị ô-ước về phương-diện nghi-lễ. Người ta thường không

đề-phòng khi tiếp-xúc với những kẻ khoe-khoang về đạo-đức tôn-giáo (câu 44).

Ngài nói điều đó thì bị một luật-sư ngắt lời, vì những lời tố-cáo nghiêm-khắc ấy dường như cũng gồm cả ông ta cùng đồng-bạn nữa. Thật ra hầu hết các luật-sư đều là người Pha-ri-si, nhưng họ là những giáo-sư chuyên-nghiệp của giáo-phái này, và là những lãnh-tụ được họ nhìn-nhận; nên khi vạch chân-trông của toàn-thể người Pha-ri-si, hình như Chúa cũng gồm cả những người giải-thích luật kiêu-hãnh này nữa. Chúa Jê-sus trả lời rằng những giáo-sư về tôn-giáo mà không thành-thật, để cho tôn-giáo họ trở thành một mô hình-thức, là những kẻ đáng quở-trách hơn hết. Ngài rao cho họ ba điều khốn-nan: thứ nhất, trích từ luật-pháp những điều đòi-hỏi nhỏ-nhất nặng-nhọc mà chính họ cũng chẳng để ý tuân-giữ. Những sinh-viên, học-giả nào làm cho tôn-giáo thành một thứ mỗi-một buồn-chán thay vì khoái-hoạt cho mọi người, là đã phạm một lỗi đáng buồn (câu 45-46).

Thứ hai, Chúa Jê-sus quở-trách lòng tàn-bạo, cuồng-tin vô-lương-tâm của họ. Những giáo-sư về tôn-giáo đã từng bị cám-dỗ trở thành những đảng-đồ cay-đắng, đến nỗi đã nhúng tay vào việc giết các tiên-tri và sứ-đồ của Đức Chúa Trời. Sự ghen-ghét trong kẻ thù-địch Do-thái của Ngài cũng giống như sự ghen-ghét của tổ-phụ họ ngày xưa, những người giết các sứ-giả của Đức Chúa Trời. Huyết của những kẻ tuận-đạo này từ người đầu đến người cuối ghi trong Kinh-Thánh Hê-bơ-rơ rồi đây sẽ đòi lại nơi dân-tộc, và những người nào chối-bỏ Chúa Jê-sus sẽ chung chịu phán-xét cũng như họ đã chung phần tội-ác vậy (câu 47-51).

Sau hết, các luật-sư bị quở-trách vì đã giữ lại sự hiểu-biết về Đức Chúa Trời, bằng các diễn-dịch Kinh-thánh cách giả-trá và không để ý đến những nhu-cầu thuộc-linh thật-sự của nhân-dân. Những giáo-sư như thế cũng như những người giữ chìa khoá của đền-thánh, chính họ không vào mà kẻ khác muốn vào cũng bị họ giữ lại. Người xưng là giáo-sư chuyên-nghiệp của chân-lý thiên-

thượng mang một trách-nhiệm trọng-đại; nếu là «luật-sư» lại là kẻ «đạo-đức giả» nữa thì đáng nhận lấy những rủa-sả ra từ miệng Đấng Christ. Những kẻ nghe Ngài giận vô-cùng, dọa sẽ làm hại Ngài. Kẻ giả-hình không muốn lộ chân-tướng. Nhưng kẻ khôn-ngoaan thì vui lòng chịu cảnh-cáo đề ăn-năn trước khi quá trễ. Đấng đã nói những lời quở-trách cay-đắng ấy lại là kẻ sẵn-sàng tha-thứ, tẩy sạch và hướng-dẫn những kẻ theo Ngài trên lối đi của nghĩa-vụ và hòa-bình (câu 52-54).

9. Khuyến-khích làm chứng trung-thành

12 : 1 - 12

«¹ Khi ấy, dân-chúng nhóm lại kẻ hàng ngàn người, đến nỗi giày-đạp nhau, Đức Chúa Jêsus mới trước hết phán cùng môn-đồ rằng: Hãy giữ mình về men của người Pha-ri-si, là sự giả-hình.»² Chẳng có sự gì giấu mà không phải lộ ra, chẳng có sự gì kín mà không được biết.³ Vậy nên mọi điều mà các người đã nói nơi tối, sẽ nghe ra nơi sáng; mọi điều mà các người đã nói vào lỗ tai trong buồng kín, sẽ giảng ra trên mái nhà.⁴ Ta nói cùng các người, là bạn-hữu ta: Đừng sợ kẻ giết xác rồi sau không làm gì được nữa.⁵ Song ta chỉ cho các người biết phải sợ ai: phải sợ Đấng khi đã giết rồi, có quyền bỏ xuống địa-ngục; phải, ta nói cùng các người, ấy là Đấng các người phải sợ!⁶ Người ta há chẳng bán năm con chim sẽ giá hai đồng tiền sao? Nhưng Đức Chúa Trời không quên một con nào hết.⁷ Dầu đến tóc trên đầu các người cũng đã đếm cả rồi. Đừng sợ chi, vì các người trọng hơn nhiều chim sẻ.

⁸ Ta nói cùng các người, ai sẽ xưng ta trước mặt thiên-hạ, thì Con người cũng sẽ xưng họ trước mặt thiên-sứ của Đức Chúa Trời.⁹ Nhưng ai chối ta trước mặt thiên-hạ, thì họ sẽ bị chối trước mặt thiên-sứ của Đức Chúa Trời.¹⁰ Ai nói nghịch cùng Con người, thì sẽ được tha; song kẻ nói lộng-ngôn phạm đến Đức Thánh-Linh, thì không được tha đâu.¹¹ Khi người

ta đem các người đến nhà hội, trước mặt quan án và quan cai-trị, thì chớ lo về nói cách nào để bình-vực mình, hoặc nói lời gì; ¹² bởi vì chính giờ đó Đức Thánh-Linh sẽ dạy các người những lời phải nói.»

Sau khi quở-trách nặng-nề những giáo-sư tôn-giáo của thời Ngài, Chúa Jêsus quay lại với các môn-đồ phán cho họ những lời giục-giã để tăng-cường sức mạnh cho những kẻ theo Ngài trải qua các đời. Sự khích-lệ ấy rất cần-thiết; lòng thù-hận cay-đắng của thù-địch đương đe-dọa mạng sống Ngài, cho môn-đồ Ngài thấy rõ rằng đừng mong-đợi sự đối-xử tử-tế hơn Chúa họ. Chúa Jêsus đã tỏ ra cái tội đặc-biệt của những kẻ tự xưng là người hướng-dẫn trong các vấn-đề tôn-giáo; do đó môn-đồ của Ngài cần phải có can-đảm đề tiếp-tục làm chứng công-khai, một phần vì trách-nhiệm vĩ-đại đương đề nặng trên họ, một phần vì việc ấy sẽ khiến họ bị ghen-ghét. Ngài khuyến-khích họ, trước hết bởi cam-đoan rằng ảnh-hưởng hủ-hóa của bọn Pha-ri-si rồi đây sẽ không còn nữa; sự nguy-thiện của họ rồi sẽ bị lột-trần cách tàn-nhẫn; thế-lực của họ sẽ hết; một mặt khác, lời làm chứng của các môn-đồ sẽ không bị giam-hãm luôn trong chỗ tối-tám, mà sẽ được cả thế-giới nghe thấy (câu 1-3).

Lời tiên-tri ấy đã được ứng-nghiệm dường nào. Hãy thử so-sánh ảnh-hưởng của Hin-len và Ga-ma-li-ên với Phi-e-rơ và Giăng ngày nay. Không ai lường được quyền-năng của điều thiện, tiềm-tàng trong những chứng-nhân hèn-mọn của Đấng Christ.

Ngài lại khuyến-khích họ bằng cách hứa chắc với họ về sự săn-sóc từ-ái của Đức Chúa Trời. Họ nên nhìn Ngài với một niềm tin-cậy kính-cần, nhờ đó họ nhận được niềm tự-tin, sức mạnh và không còn sợ-hãi loài người nữa. Địch-thủ của họ chỉ có thể hại thân-thể họ thôi, Đức Chúa Trời kiểm-soát số-phận đời đời của hồn người, thân-thể đối với Ngài cũng rất quý-báu, Ngài quan-tâm đến những chi-tiết nhỏ-nhất nhất của cuộc sống chúng ta. Nếu Ngài đã để ý đến một con chim sẽ rơi, chắc Ngài phải biết những hiểm-họa và nhu-cầu của những kẻ đương làm chứng cho Con Ngài. (câu 4-7).

Những chứng-nhân trung-tin sẽ được dành cho những phần thưởng lớn, dầu hiện nay họ đương bị loài người hành-hạ. Bởi vì bây giờ họ thừa-nhận Jê-sus-Christ là Cứu-Chúa của họ, nên trong vinh-quang của thiên-đường Ngài sẽ nhìn-nhận họ là những chiến-sĩ chân-thành trung-ngĩa xứng-đáng dự-phần phước-hạnh của cuộc tề-trị khải-hoàn của Ngài (câu 8, 9). Mặt khác những kẻ phạm đến danh Ngài, cho quyền-năng của Ngài là đến từ Sa-tan, đoạn 11 : 15, sẽ bị xem như là đã phạm một tội không thể tha-thứ. Điều này không áp-dụng cho những kẻ chối-bỏ Chúa vì không hiểu-biết, nhưng chỉ cho những kẻ có đầy-đủ cơ-hội để biết Ngài, mà lại chế-nhạo những lời Ngài phán, nhục-mạ hiểm-độc Thân-vị thiên-thượng của Ngài, và cho Ngài chỉ là kẻ lường-gạt giả-mạo, liên-kết Ngài với những quyền-lực xấu-xa (câu 10).

Sau hết, mặc cho sự chống đối đe-dọa của mọi quyền-lực trần-thế, dầu phải đứng trước những tòa-án trang-nghiêm nhất, các chứng-nhân của Chúa Jê-sus không hề phải sợ-hãi, đứng bao giờ để cho mình bị khép miệng. Thánh-Linh mà quân thù chống-báng và lộng-ngôn, sẽ nói qua họ, Ngài sẽ dạy họ nói cách nào và nói những gì, câu 11, 12. Lời hứa này không phải để khuyến-kích sự lười-nhác, bỏ-bê công-việc chuẩn-bị, nhưng là để bảo-đảm cho những chứng-nhân Cơ-đốc rằng Hiện-diện thiên-thượng sẵn-sàng ban cho họ sự khôn-ngoa, sức-mạnh và ân-điền cần-thiết.

Làm chứng cho Đấng Christ là một trách-vụ nặng-nề, nhưng đó là bổn-phận của mọi kẻ mang danh Ngài. Trong sự phục-vụ này ta nên biết chắc rằng sẽ có một ảnh-hưởng không lường được, một sự bảo-vệ không hề suy-yếu, một phần thưởng từ thiên-đàng và ân-điền nâng-đỡ từ nơi Đức Chúa Trời.

10. Cảnh-cáo sự tham-lam

12 : 13 - 21

«¹³ Bây giờ, một người giữa dân-chúng thưa rằng :
Thưa thầy, xin biếu anh tôi chia gia-tài cho tôi.
¹⁴ Nhưng Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Hỡi người kia,

ai đặt ta làm quan xử kiện hay là chia của cho các người? ¹⁵ Đuạn, Ngài phán cùng chúng rằng: Hãy giữ cẩn-thận chớ hà-tiện gì hết; vì sự sống của người ta không phải cốt tại của-cải mình dư-dật đâu.

¹⁶ Ngài lại phán cùng chúng lời ví-dụ này: Ruộng của một người giàu kia sinh lợi nhiều lắm, ¹⁷ người bèn tự nghĩ rằng: Ta phải làm thế nào? Vì không có đủ chỗ chứa hết sản-vật. ¹⁸ Lại nói: Này, việc ta sẽ làm: ta phá cả kho-tàng và cất cái khác lớn hơn, thâu-trữ sản-vật và gia-tài vào đó; ¹⁹ rồi sẽ nói với linh-hồn ta rằng: Linh-hồn ơi, mày đã được nhiều của để dành dùng lâu năm; thôi, hãy nghỉ, ăn uống, và vui-vẻ. ²⁰ Song Đức Chúa Trời phán cùng người rằng: Hỡi kẻ dại! Chính đêm nay linh-hồn người sẽ bị đòi lại; vậy những của-cải người đã sắm-sẵn sẽ thuộc về ai? ²¹ Hễ ai thâu-trữ của cho mình mà không giàu-có nơi Đức Chúa Trời thì cũng như vậy.»

Thí-dụ về lão phú-hộ dại do Chúa Jêsus kể lại để dạy rằng tiền của không tạo nên nội-dung thật của sự sống mà cũng chẳng bảo-đảm được tinh-cách vĩnh-cửu của sự sống, cho nên mắng lo tìm-kiếm vàng-bạc mà quên Đức Chúa Trời là một điều khờ-dại.

Một người kia đến với Chúa Jêsus với lời yêu-cầu, «Thưa thầy, xin biểu anh tôi chia gia-tài cho tôi?» Câu trả lời của Chúa Jêsus ngụ-ý rằng Ngài chỉ chú-trọng đến công-việc thuộc-linh, và Ngài không muốn xâm-phạm vào địa-hạt luật-pháp dân-sự hay chiếm-đoạt địa-vị của những kẻ cầm-quyền, «Hỡi người kia, ai đặt ta làm quan xử kiện hay là chia của cho các người?»

Có thể câu trả lời này chứa-đựng một thông-diệp cho thời-đại chúng ta, cảnh-cáo chúng ta đừng lẫn-lộn những nhiệm-vụ của Hội-thánh và Nhà-nước. Địa-hạt của Hội-Thánh là thuộc-linh, thăm-quyền của Hội-Thánh không phải là để quyết-định những vấn-đề thương-mãi và chánh-trị. Tuy-nhiên, Hội-thánh quả có công-hiến và ghi-khắc những nguyên-tắc liên-quan đến các vấn-đề luân-lý, và quyết-định về sự công-bình và lẽ phải trong mọi lãnh-vực

nhân-sinh. Chúa Jê-sus đã từ-chối « chia gia-tài » nhưng Ngài đã nhìn sâu vào căn-nguyên của lời yêu-cầu và thấy rằng người ấy đã bỏ qua luật-lệ dân-sự đề đến nhờ một giáo-sư tôn-giáo giúp-đỡ, là vì do lòng tham-lam thúc-đẩy ; và chính « lòng tham tiền » này là căn-nguyên của mọi bất-công bất-nghĩa, bạc-ác chất đầy thế-giới ngày nay.

Bởi vậy Chúa Jê-sus quay lại quần-chúng cảnh-cáo họ « Hãy giữ cẩn-thận chớ hà-tiện gì hết ; vì sự sống của người ta không phải cốt tại của-cải dư-dật đâu. » Đề tăng-cường cho sự-điệp của Ngài, Chúa Jê-sus kể lại câu chuyện về một lão phú-hộ lo tom-góp của-cải để yên-hưởng những năm về sau, nhưng rồi tình-linh phải đối-diện với sự thật không thể trốn-tránh được là khi chết phải bỏ lại cho kẻ khác hưởng những thứ mình đã tích-trữ. Cái dai của ông ta, là quên rằng của-cải và sự sống đều tùy-thuộc ý-chỉ của Đức Chúa Trời, con người thật ra không làm chủ một thứ gì cả mà đã nhận mọi sự từ Đức Chúa Trời, giá-trị thật của đời sống nằm trong chỗ biết sử-dụng cách vị-tha những của-cải và cơ-hội theo ý-muốn của Đức Chúa Trời. Những lời kêu-càng của anh ta « hoa-lợi ta » « kho-tàng ta » « sản-vật ta » « gia-tài ta » « linh-hồn ta » thật là tương-phản dương nào với lời tuyên-bố long-trọng : « Chính đêm nay linh-hồn ngươi sẽ bị đòi lại. »

Chúa Jê-sus tiếp « Hễ ai thù-trữ của-cải cho mình mà không giàu-có nơi Đức Chúa Trời thì cũng như vậy. » Quên cái sự-kiện tiền của không tạo nên được cái nội-dung thật của sự sống mà cũng chẳng bảo-đảm được tinh-cách vĩnh-cửu của sự sống là một sự ngu-dại ; lo tom-góp của-cải mà lãng quên Đức Chúa Trời là điều điên-khùng.

11. Phương thuốc chữa lo-áu .

12 : 22-34

«²² Đức Chúa Jê-sus bèn phán cùng môn-đồ rằng : Ấy vậy, ta nói cùng các ngươi, đừng vì sự sống mà lo đồ mình ăn, cũng đừng vì thân-thể mà lo đồ mình mặc. ²³ Sự sống trọng hơn đồ-ăn, thân-thể trọng

hơn đồ-mặc. ²⁴ Hãy xem con quạ : nó không gieo, không gặt, cũng không có hầm-vựa kho-tàng chi, mà Đức Chúa Trời còn nuôi nó ; hưởng chi các người qui hơn chim-chóc là dường nào ! ²⁵ Có ai trong các người lo-lắng mà làm cho đời mình dài thêm một khắc không ? ²⁶ Vậy nếu đến việc rất nhỏ các người cũng không có thể được, sao các người lo việc khác ? ²⁷ Hãy xem hoa huệ mọc lên thế nào : nó chẳng làm khó-nhọc, cũng không kéo chỉ ; song ta phán cùng các người, dầu vua Sa-lô-môn sang-trọng đến đâu, cũng không được mặc áo như một hoa nào trong giống ấy. ²⁸ Hỡi kẻ ít đức-tin, nếu loài cỏ ngoài đồng là loài nay sống mai bỏ vào lò, mà Đức Chúa Trời còn cho mặc thế ấy, hưởng chi là các người ! ²⁹ Vậy các người đừng kiếm đồ-ăn đồ-uống, cũng đừng có lòng lo-lắng. ³⁰ Vì mọi sự đó, các dân-ngoại ở thế-gian vẫn thường tìm, và Cha các người biết các người cần-dùng mọi sự đó rồi. ³¹ Nhưng thả các người hãy tìm-kiếm nước Đức Chúa Trời, rồi mọi sự đó sẽ được cho thêm.

³² Hỡi bầy nhỏ, đừng sợ chi ; vì Cha các người đã bằng lòng cho các người nước thiên-đàng. ³³ Hãy bán gia-tài mình mà bố-thí. Hãy sắm cho mình túi không hư, và của báu không hề hao-kém ở trên trời, là nơi kẻ trộm không đến gần, sâu mọt không làm hư-nát. ³⁴ Vì của báu các người ở đâu, thì lòng cũng ở đó.»

Khi nói cùng toàn dân, Chúa Jêsus đã dùng một thí-dụ về Lão phú-hộ đại để cảnh-cáo họ đừng tham-lam chỉ biết trông vào của-cải mà quên Đức Chúa Trời ; bây-giờ Ngài quay qua cùng các môn-đồ khuyên họ tin-cậy Đức Chúa Trời mà quên hết các điều lo-nghĩ đi. Người tin-đồ Đấng Christ chẳng những không được ích-kỷ vui đầu vào việc tích-trữ của-cải, mà cũng không cần phải lo-lắng gì về những nhu-cầu của đời sống. Lý-do là «sự sống trọng hơn đồ ăn, thân-thể trọng hơn đồ-mặc,» bởi đó Đức Chúa Trời là Đấng ban sự sống và tạo nên thân-thể chắc-chắn sẽ cung-cấp đồ-ăn và đồ-mặc cho ta, Ngài đã làm được điều lớn hơn, ắt Ngài sẽ làm được điều nhỏ hơn.

Chúa đã chỉ loài chim làm ví-dụ về sự săn-sóc thần-hựu, con quạ chẳng có « kho-tàng » « không gieo » « không gặt », những thứ ấy cũng không làm cho người phú-hộ sống lâu thêm, thế mà con quạ vẫn cứ sống như thường ; « Đức Chúa Trời còn nuôi nó ; hưởng chỉ các người quí hơn chim-chóc là dường nào. » Dĩ-nhiên, chúng ta phải cần-mẫn tháo-vác, phải tiết-kiệm và lo xa ; nhưng ta đừng bao giờ lo-lắng. Sự lo-âu không làm cho đời sống dài thêm ; mặt khác, chính sự lo-âu làm cho ta chết chứ không phải công-việc. Vậy nếu sự lo-âu thu ngắn đời sống, ắt nó không thể nào cung-cấp những nhu-cầu cho đời sống ; hãy nhờ cậy Đức Chúa Trời. (câu 24-26)

Về quần-áo cũng vậy, nếu Đức Chúa Trời có thể mặc những sắc màu tươi-đẹp cho những cánh hoa chóng tàn trên đồng-nội, thì Ngài lại không dự-bị quần-áo cho con-cái Ngài sao ? Lo-lắng về những nhu-cầu đó là bất-chước người ngoại mà không biết sự săn-sóc thần-hựu của Đức Chúa Trời. Chúng ta tự tỏ ra là con-cái của Ngài bằng cách tin-cậy Ngài (câu 27-30).

Tuy-nhiên, nếu chúng ta không có mắng lo tìm-kiếm của-cải như người phú-hộ đại, hoặc lo-lắng về đồ ăn, thức mặc như thế-nhân thường tình, ta vẫn có một điều phải đặc-biệt quan-tâm, ấy là Nước Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta tìm-kiếm Nước Đức Chúa Trời và cố-gắng công-tác cho sự xuất-hiện của nước ấy thì chắc-chắn Cha của chúng ta sẽ cung-cấp mọi nhu-cầu vật-chất của chúng ta. Dầu cho chúng ta gặp nghịch-cảnh hoặc thiếu-thốn chúng ta cũng có thể quả-quyết rằng đến cuối-cùng chúng ta sẽ được hưởng sự phước-hạnh của Nước ấy. (Câu 31-32).

Như vậy, chúng ta không nên mài-miệt tích-trữ của-cải chóng hư-hoại, nhưng bởi những hành-động hi-sinh, bác-ái đo lòng kính Chúa yêu người thúc-đẩy, chúng ta chứa « kho-tàng trên trời », không bao-giờ bị trộm-cắp hay hư-hoại. Trong khi lòng ta luôn luôn theo dõi kho-tàng ấy, tư-tưởng chúng ta sẽ hướng về Đức Chúa Trời. Lòng tin-cậy nơi quyền-năng và tình-yêu Ngài sẽ đánh tan sự âu-sầu và giải-thoát chúng ta khỏi điều lo-lắng (câu 33, 34).

12. *Khuyến-giục nên thức canh*

12 : 35-48

«³⁵ Lưng các người phải thắt lại, đèn các người phải thấp lên. ³⁶ Hãy làm như người chờ-dợi chủ mình ở tiệc cưới về, để lúc chủ đến gõ cửa thì liền mở. ³⁷ Phước cho những đầy-tớ ấy, khi chủ về thấy họ thức canh! Quả thật, ta nói cùng các người, chủ sẽ thắt lưng mình, cho đầy-tớ ngồi bàn mình, và đến hầu việc họ. ³⁸ Hoặc canh hai, canh ba, chủ trở về, nếu thấy đầy-tớ như vậy thì phước cho họ! ³⁹ Hãy biết rõ, nếu chủ nhà hay kẻ trộm đến giờ nào, thì sẽ tỉnh-thức, chẳng để cho nó đào ngạch nhà dáu. ⁴⁰ Các người cũng vậy, hãy chực cho sẵn-sàng, vì Con người sẽ đến trong giờ các người không ngờ.

⁴¹ Phi-e-rơ bèn thưa Ngài rằng: Lạy Chúa, thí-dụ này Chúa phán cho chúng tôi, hay là cũng cho mọi người? ⁴² Chúa đáp rằng: Ai là người quản-gia ngay-thật khôn-ngoan, chủ nhà đặt coi cả người nhà mình, để đến dịp-tiền, phát lương-phần cho họ? ⁴³ Phước cho đầy-tớ ấy khi chủ nhà về, thấy làm như vậy! ⁴⁴ Quả thật, ta nói cùng các người, chủ sẽ cho nó quản-lý cả gia-tài mình. ⁴⁵ Nhưng nếu đầy-tớ ấy tự nghĩ rằng: Chủ ta chậm đến; rồi cứ đánh-đập đầy-tớ trai và gái, ăn uống say-sưa, ⁴⁶ thì chủ nó sẽ đến trong ngày nó không dè, và giờ nó không biết; lấy roi đánh xé da nó, và để cho nó đồng số-phận với kẻ bất-trung. ⁴⁷ Đầy-tớ này đã biết ý chủ mình, mà không sửa-soạn sẵn và không theo ý ấy, thì sẽ bị đòn nhiều. ⁴⁸ Song đầy-tớ không biết ý chủ, mà làm việc đáng phạt, thì bị đòn ít. Vì ai đã được ban cho nhiều, thì sẽ bị đòi lại nhiều; và ai đã được giao cho nhiều, thì sẽ bị đòi lại nhiều hơn.»

Chúa chúng ta đã cảnh-cáo các môn-đồ Ngài đừng để cho tâm-trí bận-bịu với việc lo làm giàu cách ích-kỷ, cũng đừng lo-lắng về đồ-ăn, thức mặc cần-thiết; nhưng họ phải hết sức quan-tâm về Nước Đức Chúa Trời sẽ hiện ra trong vinh-hiền khi Ngài trở lại. Về những biến-cố trước khi

Ngài trở lại, cùng những tình-hình và hậu-quả của sự trở lại ấy, Ngài sẽ dạy họ rõ-ràng hơn trước khi Ngài qua đời; ở đây Ngài chỉ truyền cho họ giữ thái-độ thức canh, ngụ ý rằng nếu lúc nào tư-tưởng của họ cũng nghĩ về sự trở lại của Chúa, thì họ sẽ ở ngoài vòng cương-tỏa của trần-thế, của lo-âu mà cần-mẫn phục-vụ Ngài.

Ngài giải-thích thái-độ của lòng và trí ấy bằng hai thí-dụ, một thí-dụ Chúa Trở Lại và một thí-dụ Kẻ Trộm. Trong thí-dụ đầu, ông chủ đi dự tiệc cưới, tới-tở ở nhà ăn-mặc tươm-tất, thức đợi, chong đèn, sẵn-sàng tiếp-đón người về. Khi về đến nơi ông sẽ hân-hoan thấy họ kiên-tâm như vậy, người sẵn-sàng biểu-lộ lòng vui-mừng của mình; người sẽ cho họ ngồi bàn, và cùng dự với người bữa tiệc mà họ sửa-soạn cho người.

Thí-dụ thứ hai minh-biêu cái chân-lý rằng, giờ kẻ trộm đến không biết trước được, nên chỉ có một cách là lúc nào cũng sẵn-sàng chực nó đến; nên Chúa đã nói thêm, « Các người cũng vậy, hay chực cho sẵn-sàng, vì Con người sẽ đến trong giờ các người không ngờ. »

Tại đây cũng như nhiều chỗ khác, Chúa tỏ ra rằng còn lâu nữa Ngài mới trở lại; thời-gian Ngài vắng mặt sẽ như một đêm dài; còn nhiều điều cần được phát-lộ, còn nhiều điều cần trước khi Ngài tái-làm và những kẻ theo Ngài phải luôn luôn chuẩn-bị cho Ngài trở lại. Thế không có nghĩa là họ phải trông-đợi bồn-chồn; cũng không có thể nói rằng ngày đến của Ngài đã tới nơi, nhưng họ chỉ cần đứng tại vị-trí của bồn-phận, trung-thành thi-hành công-tác, tận-tụy với công-việc mà Chúa đã giao-phó.

Ta có thể nhìn vào thái-độ thức canh, chú-tâm đến sự tái-làm của Chúa, mà đoán-định tư-cách của các giáo-sư và những người lãnh-đạo. Đó là động-lực của câu hỏi Phi-e-rơ nêu ra. Ông hỏi rằng mọi người sẽ cùng hưởng phước-hạnh về sự tái-làm của Chúa ngang nhau, hay những người như các sứ-đồ, đã phục-vụ Chúa tội hơn sẽ được lãnh phần thưởng lớn hơn? Chúa Jê-sus trả lời rằng đặc-quyền lớn hơn bao-hàm sự thử-thách nặng hơn và những trách-nhiệm nặng hơn. Nếu một Mục-sư Tin-Lành trung-tin nuôi người của ông bằng những món ăn

thuộc-linh, ông sẽ được ban cho những cơ-hội lớn hơn để phục-vụ; nhưng nếu vì chờ-đợi Chúa quá lâu mà ông quên lãng đi, không còn để ý đến thực-sự đó nữa, nếu ông dùng địa-vị mình cho mục-đích ích-kỷ, hay dùng quyền-lực của mình cách bất-chính thì khi chủ trở về, ông sẽ bị phạt hết sức nghiêm-khắc.

Lợi-điểm chính của một lãnh-tụ tôn-giáo là có cơ-hội biết đầy-đủ hơn về giáo-lý Đấng Christ; thì chính sự hiểu biết cao hơn đó sẽ là lý-do khiến họ bị phạt càng khùng-khiếp hơn, nếu họ bất-trung; nguyên-tắc ấy áp-dụng ở mọi địa-hạt và mọi thời-đại. « Ai đã được giao cho nhiều, thì sẽ bị đòi lại nhiều hơn. »

Vậy Đấng Christ dạy rằng trong tương-lai sẽ có nhiều mục-độ thưởng cũng như phạt.

13. Ảnh-hưởng chia-rẽ của Đấng Christ

12 : 49 - 59

«⁴⁹ Ta đã đến quăng lửa xuống đất; nếu cháy lên rồi; ta còn ước-ao chi nữa! ⁵⁰ Có một phép báp-têm mà ta phải chịu, ta đau-đớn biết bao cho đến chừng nào phép ấy được hoàn-thành! ⁵¹ Các người tưởng ta đến đem sự bình-an cho thế-gian sao? Ta nói cùng các người, không, nhưng thả đem sự phân-rẽ. ⁵² Vì từ nay về sau, nếu năm người ở chung một nhà, thì sẽ phân-li nhau, ba người nghịch cùng hai, hai người nghịch cùng ba; ⁵³ cha nghịch cùng con trai, con trai nghịch cùng cha; mẹ nghịch cùng con gái, con gái nghịch cùng mẹ; bà gia nghịch cùng cháu, cháu nghịch cùng bà gia.

⁵⁴ Ngài lại phán cùng đoàn dân rằng: Khi các người thấy đám mây nổi lên phương tây, liền nói rằng: Sẽ có mưa; thì quả có vậy. ⁵⁵ Lại khi gió nam thổi, các người nói rằng: Sẽ nóng-nực; thì quả có vậy. ⁵⁶ Hỡi kẻ giả-hình! các người biết phân-biệt khí-sắc của trời đất; vậy sao không biết phân-biệt thời này? ⁵⁷ Lại sao

các người cũng không tự mình xét-đoán điều gì là công-bình ?

⁵⁸ Vậy, khi người đi với kẻ kiện mình đến trước mặt quan tòa, dọc đường hãy gắng sức giải-hòa cùng họ, e họ kéo người đến trước mặt quan án, quan án giao cho thầy đối, rồi bỏ tù người chẳng. ⁵⁹ Ta nói cùng người, người trả còn thiếu một đồng tiền, thì không ra khỏi tù được.»

Chúa Jêsus đã cảnh-cáo đoàn dân về hiểm-họa của sự hưởng-thụ ích-kỷ rồi khuyên các môn-đồ Ngài nên thức canh và hoạt-động cho nước Ngài và sự tái-lâm của Ngài. Nhưng Ngài không muốn họ bị làm-lạc mà cho rằng nước ấy sẽ thiết-lập ngay không cần phải tranh-đấu hoặc chờ-đợi. Thời hiện-đại là một thời-đại tranh-giành chia-xé. Mà nguyên-nhân vô-thường vô-phạt của sự chia-rẽ ấy chính là Chúa. Một ngày kia Ngài sẽ trở lại, đem sự công-bình, thánh-khiết, minh-chính đến chỗ toàn-thắng, và lúc ấy Ngài sẽ là Thái-tử của hòa-bình.

Còn bây giờ Ngài đến thế-gian quặng lên nó một đóm lửa chia-rẽ, xung-đốt. Điều đó không thể tránh được, nên Chúa Jêsus không ân-hận gì khi thấy lửa ngum cháy, nhưng cho đến khi Chúa Jêsus bị đóng đinh trên thập-tự lửa ấy mới bùng lên thành hỏa-hoạn, Ngài cảm thấy bồn-chồn mong cho mau xong cái kỳ-hạn khủng-khiếp ấy. Khi Chúa Jêsus bước ra khỏi lễ báp-têm bằng lửa ấy, Ngài sẽ là cây đuốc châm vào thế-gian, ngọn lửa hừng của xung-đốt và phân-cách. Sự chia-rẽ sẽ xảy ra đầu trong một gia-đình năm người : cha và mẹ phân-tranh với con trai, con gái, nàng dâu.

Như vậy, Đấng Christ, đặc-biệt là thập-tự Ngài, đang chia-rẽ thế-gian. Sung-sương thay cho kẻ nào hiểu-biết sir-điệp của Ngài, quay lại cùng Ngài với lòng ăn-năn tin-cậy.

Thế mà đoàn dân vẫn không tin, Chúa Jêsus bèn quở-trách sự ngu-dốt của họ. Ngài bảo rằng họ có thể giải-đoán được dấu-hiệu của thời-tiết, đoán được mưa nắng, thế mà họ không thể nào thấy được những bằng-chứng

Ngài là Đấng Christ, Cứu-Chúa thế-gian, trong những lời Ngài phán và việc Ngài làm. Nhưng Ngài vẫn kêu-gọi họ ăn-năn trước khi quá trễ. Họ đủ khôn-ngoaan làm hòa với kẻ nghịch mình trên đường đến tòa-án, trước khi họ bị kết-án, họ lại càng phải khôn-ngoaan càng hơn tìm-kiếm sự hòa-bình với Đức Chúa Trời trước khi thời-giờ thương-xót và ân-điền qua đi.

14. Sự kêu-gọi ăn-năn

13 : 1 - 9

¹ Cũng lúc ấy, có mấy người ở đó thuật cho Đức Chúa Jê-sus nghe về việc Phi-lát giết mấy người Ga-li-lê, lấy huyết trộn lộn với cửa-lễ họ. ² Đức Chúa Jê-sus cất tiếng đáp rằng : Các người tưởng mấy người đó vì chịu khổn-nạn dường ấy, có tội-lỗi trọng hơn mọi người Ga-li-lê khác sao ? ³ Ta nói cùng các người, không phải ; song nếu các người chẳng ăn-năn, thì hết thấy sẽ bị hư-mất như vậy. ⁴ Hay là mười tám người bị tháp Si-lô-ê ngã xuống đè chết kia, các người tưởng họ có tội-lỗi trọng hơn mọi kẻ khác ở thành Giê-ru-sa-lem sao ? ⁵ Ta nói cùng các người, không phải ; nhưng nếu các người chẳng ăn-năn, thì hết thấy cũng sẽ bị hư-mất như vậy.

⁶ Ngài lại phán thí-dụ này : Người kia có một cây vả trồng trong vườn nho mình, đến hái trái mà không thấy ; ⁷ bèn nói cùng kẻ trồng nho rằng : Kia đã ba năm nay ta đến hái trái nơi cây vả này mà không thấy ; hãy đốn nó đi ; có sao nó choán đất vô-ích ? ⁸ Kẻ trồng nho rằng : Thưa chúa, xin để lại năm này nữa, tôi sẽ đào đất xung-quanh nó rồi đổ phân vào. ⁹ Có lẽ về sau nó sẽ ra trái ; bằng không, chúa sẽ đốn. »

Đương khi Chúa Jê-sus khuyên các thánh-giả ăn-năn, thì có người thuật với Chúa chuyện rừng-rợn về vụ Phi-lát giết những người Ga-li-lê. Chắc người ta tưởng Chúa sẽ tuyên-bố rằng số-phận của những người bị tàn-sát ấy rất đáng, và Ngài cũng rơi vào lối nguy-biện thường-tình, là

người nào bị hành-hạ nhiều chứng-tỏ họ đã phạm tội nặng. Nhưng Chúa Jêsus trả lời rằng người ta khỏi bị đau-đớn trong một thời-gian tạm là dấu-hiệu của ân-huệ đặc-biệt của Đức Chúa Trời. Tất cả những kẻ không ăn-năn chắc-chắn sẽ phải chịu đau-đớn và xứng-đáng với sự đau-đớn ấy. Nếu sự phán-xét chưa đến, thì sự diên-trì ấy là cơ-hội ân-điễn cho người ta ăn-năn.

Chúa Jêsus nhấn mạnh chân-lý ấy bằng cách nói thêm một tai-họa về mười tám người bị đè chết dưới tháp đồ. Không nên xem số-phận của họ, như là dấu-hiệu họ đã phạm trọng tội, mà như là lời cảnh-cáo kẻ khác nếu không ăn-năn thì cũng phải chịu một số-phận như vậy.

Trong trí Chúa Jêsus hiện ra hình-ảnh của toàn-thể dân-tộc Do-thái, Ngài lại nhấn mạnh lời kêu-gọi ăn-năn bằng thí-dụ về Cây Vả Đưng. Đó là biểu-hiệu thật của dân Y-sơ-ra-ên, nhưng cũng là tượng-trung cho mọi linh-hồn không ăn-năn. Đức Chúa Trời luôn thương-xót bảo-toàn, ban phước và gia-hạn, nhưng rồi ngày ân-điễn sẽ chấm dứt. Quốc-gia cũng như cá-nhân, không sinh ra trái của sự ăn-năn và minh-chính thì chắc-chắn sẽ bị đốn-hạ. Trong khi đưng còn cơ-hội, cần-phải tỏ ra lời ăn-năn, «Hiện nay là ngày thuận-tiện, . . . hiện nay là ngày cứu-rỗi.»

15. Sự chữa bệnh trong ngày Sa-bát

13 : 10 - 21

«¹⁰ Một ngày Sa-bát, Đức Chúa Jêsus giảng-dạy trong nhà hội kia. ¹¹ Vả, tại đó, có người đòn-bà mắc quỉ ám, phải đau liệt đã mười tám năm; cong lưng chẳng đứng thẳng được. ¹² Đức Chúa Jêsus vừa thấy, gọi mà phán rằng: Hỡi đòn-bà kia, người đã được cứu khỏi bệnh; ¹³ Ngài bèn đặt tay trên mình người. Tức thì, người đứng thẳng lên được, và ngợi-khen Đức Chúa Trời. ¹⁴ Bấy giờ người cai nhà hội nhơn Đức Chúa Jêsus đã chữa bệnh trong ngày Sa-bát, thì giận mà cất tiếng nói cùng đoàn dân rằng: Có sáu ngày phải làm việc, vậy hãy đến trong những

ngày ấy để được chữa cho, đừng đến trong ngày Sa-bát. ¹⁵ Nhưng Chúa đáp rằng: Hỡi kẻ giả-hình, mỗi người trong các người, đang ngày Sa-bát, há không mở bò hoặc lừa mình ra khỏi máng cỏ, dắt đi uống nước hay sao? ¹⁶ Con gái của Áp-ra-ham này, quỉ Sa-tan đã cầm-buộc mười tám năm, há chẳng nên mở trời cho nó trong ngày Sa-bát sao? ¹⁷ Ngài phán như vậy, thì các kẻ thù-nghịch cùng Ngài đều hổ-thẹn, và cả dân-chúng vui-mừng về mọi việc vinh-hiến Ngài đã làm.

¹⁸ Vậy, Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Nước Đức Chúa Trời giống như gì, ta lấy chi mà sánh với? ¹⁹ Nước ấy giống như một hạt cải, người kia lấy gieo trong vườn; nó mọc lên trở nên cây-cối, và chim trời làm ổ trên nhánh.

²⁰ Ngài lại phán rằng: Ta sẽ sánh nước Đức Chúa Trời với gì? ²¹ Nước ấy giống như men, người đờn-bà kia lấy trộn vào ba đấu bột, cho đến chừng bột dậy cả lên.»

Một kẻ thật lòng theo Đấng Christ sẽ thờ-phượng nơi công-cộng vào ngày Sa-bát, vì đây là thói quen của Chúa chúng ta. Một ngày Sa-bát kia Chúa được dịp tỏ ra lòng ưu-ái và quyền-năng của Ngài trong sự giải-thoát người đờn-bà đau-khổ đã bị « quỉ ám đau liệt mười tám năm.» Ngày nay cũng nhờ những dịp-tiện như thế mà lời Chúa đem sự giải-phóng cho những linh-hồn bị quyền-năng tội-lỗi trói-buộc.

Chính lòng ưu-ái của Ngài đã khiến Ngài ra tay hành-động rồi khiến Ngài giải-thoát lương-tâm của thính-giả khỏi gánh nặng tập-tục đè trên họ do những lời giải-đoán Luật-pháp sai-lầm. Người chủ nhà hội chỉ-trích Chúa Jê-sus bằng cách nói với những người đau-yếu mà người đờn-bà đó là đại-diện, ngụ-ý rằng chữa bệnh như thế là phạm luật yên-ngỉ trong ngày Sa-bát. Chúa Jê-sus trả lời, lột mặt nạ giả-hình của ông ta và đồng bọn, cho họ thấy rằng vì tư-lợi họ đã giải-thích Luật-pháp cách tự-do, tự cho phép mở bày súc-vật mình ra trong ngày

Sa-bát, sau khi cột chúng mấy tiếng đồng-hồ, mà họ lại không chịu để cho Chúa Jêsus giải-phóng một con gái của Áp-ra-ham bị San-tan trói-buộc hằng bao nhiêu năm trời. Họ giả sốt-sắng về Luật-pháp trong khi chối-bỏ nguyên-tắc thiết-yếu của lòng yêu-thương. Họ đã tự-tổ ra là phạm Luật vì thiếu từ-tâm đối với người đàn-bà, và ghen-ghét Đấng Christ. Sự giải-thích Luật-pháp của họ tỏ ra vô-lý, vì ngăn-trở trong ngày Sa-bát, một hành-động thương-xót chẳng những là có phép làm mà lại cần-thiết nữa. Chúa Jêsus không hề có ý nói rằng Ngài sẽ hủy-bỏ ngày Sa-bát; công-việc Ngài là khôi-phục lại tinh-thần thờ-phượng chân-chính, sự yêu-thương, sự tự-do và vui-vẻ.

Vì thấy công-việc quyền-phép ân-điễn ấy, quần-chúng đều vui-mừng; Chúa Jêsus bèn kể thí-dụ về Hột cải và Men. Hột cải ám-chỉ rằng quyền-phép của Ngài rời đây sẽ phát-triển ra khắp thế-giới, và men chỉ rằng quyền-phép ấy biến-cải đời sống con người. Có vài độc-giả giải-thích thí-dụ đầu là những hình-thức không vững giả-tạo mà đôi lúc Cơ-đốc-giáo đã mắc lấy, và thí-dụ thứ hai là tà-giáo đã từng xen vào Hội-thánh. Dầu công-nhận bất-kỳ lối giải-thích nào, cũng không nên căn-cứ vào đó để lập những lý-thuyết về thứ-tự của sự hiện đến của Đấng Christ. Tất cả đều sẽ đồng ý rằng những kẻ theo Đấng Christ không nên khinh-thường, bỏ qua những bước khởi đầu nhỏ bé và những lực-lượng vô-hình, một ngày kia Ngài sẽ giải-phóng muôn vật đau-khổ « khỏi ách tội-mọi của sự hư-nát, để vào sự tự-do vinh-hiễn của con-cái Đức Chúa Trời.»

B. Giải-đoạn thứ hai

Đoạn 13 : 22 - 17 : 10

1. Cửa hẹp

13 : 22 - 30

«²² Đức Chúa Jêsus trải qua các thành các làng, vừa dạy-dỗ vừa đi thẳng tới thành Giê-ru-sa-lem. ²³ Có

người thưa Ngài rằng : Lạy Chúa, có phải chỉ ít kẻ được cứu chăng ? ²⁴ Ngài đáp rằng : Hãy gắng sức vào cửa hẹp, vì, ta nói cùng các người, nhiều người sẽ tìm cách vào mà không vào được. ²⁵ Khi chủ nhà chờ dậy, đóng cửa lại rồi, các người ở ngoài gõ cửa kêu rằng : Lạy Chúa, xin mở cho chúng tôi ! Chủ sẽ trả lời rằng : Ta không biết các người đến từ đâu. ²⁶ Bấy giờ các người sẽ thưa rằng : Chúng tôi đã ăn uống trước mặt Chúa, và Chúa đã dạy-dỗ trong các chợ chúng tôi. ²⁷ Chủ lại sẽ trả lời rằng : Ta nói cùng các người, không biết các người đến từ đâu ; hết thấy những kẻ làm dữ kia, hãy lui ra khỏi ta ! ²⁸ Khi ấy, các người thấy Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, cùng hết thấy các đấng tiên-tri đều ở trong nước Đức Chúa Trời, còn các người sẽ bị quăng ra ngoài, là nơi có khốc-lóc và nghiền rã. ²⁹ Lại từ Đàng Tây Nam Bắc, người ta sẽ đến mà ngồi bàn ở trong nước Đức Chúa Trời. ³⁰ Nay, khi ấy có kẻ tốt sẽ nên đau, kẻ đau sẽ là tốt.»

Đây là biến-cố đầu-tiên trong một loạt biến-cố mời trong những chặng hành-trình cuối-cùng của Chúa Jê-sus về hướng Giê-ru-sa-lem. Ngài biết tình-hình đã đến lúc nghiêm-trọng. Ngài biết đây là lần cuối-cùng Ngài đi rao sự cứu-rỗi cho dân-tộc, bởi vậy Ngài cố-gắng để có thể thông-đạt sứ-điệp của Ngài đến cho mỗi thành mỗi làng.

Trong đám thính-giả có người hỏi Chúa một câu « Lạy Chúa, có phải chỉ ít kẻ được cứu chăng ? » Ngài không trả lời trực-tiếp, nhưng câu đáp của Ngài ngụ-ý rằng nhiều người Do-thái tưởng mình được cứu thì lại bị hư-mất, còn nhiều người Ngoại-bang mà người Do-thái cho là hư-mất thì lại được cứu. Chúa Jê-sus vì những phước-hạnh của Nước Ngài như một tiệc cưới dọn trong tòa lâu-đài. Cửa vào lâu-đài này hẹp, nên nhiều người được mời từ-chối không chịu đi qua ; sau một thời-gian cửa này đóng, rồi những người không chịu vào kia lại nài-nỉ chủ nhà mở lại, nhưng vô-hiệu, họ đã bị loại-bỏ vĩnh-viễn, lòng tràn-ngập hối-hận buồn-khổ. Cửa hẹp là cánh cửa của sự ăn-năn và đức-tin trong Đấng Christ ; cơ-hội vào rất sẵn-sàng nhưng không phải là vô-thời-hạn ; những kẻ chối-bỏ

Đấng Christ sẽ bị loại bỏ khỏi nước Ngài, rồi những người này mới thấy họ là đại-dội. Trong thí-dụ, họ khản-khoản xin được vào, chính điều này là lý-do buộc tội họ. Đây là hạng người đã biết Chúa nhiều, họ đã từng ăn với Ngài và được Ngài dạy-dỗ trong các đường phố. Thế thì tại sao họ không nhận Ngài? Những đặc-ân ấy chỉ làm tăng tội-trạng của họ. Chúa từ-chối không nhận họ thuộc về Ngài. Như vậy Chúa Jê-sus mô-tả cảnh nhiều người Do-Thái bị loại-bỏ, rồi thêm một câu không kém kích-động về sự tiếp-nhận dân Ngoại « từ Đông Tây Nam Bắc, người ta sẽ đến mà ngồi bàn ở trong nước Đức Chúa Trời. »

Như vậy Chúa Jê-sus đã ứng-dụng cách thực-tế cầu hỏi mà người ta chỉ hỏi vì tò-mò. Điều quan-trọng không phải là biết có bao nhiêu người được cứu, mà đặt mình vào số được cứu ấy với bất cứ giá nào sau khi đã nghe Tin-Lành. Sống trong xứ Co-đốc-giáo, sinh trong gia-đình tin-đồ, hiểu-biết chân-lý cứu-rỗi chưa đủ, mỗi người cần phải ăn-năn và nhận Đấng Christ cho chính mình. Một sự thật đáng buồn là có nhiều người giống như người Do-thái, có rất nhiều cơ-hội để biết về đạo lại là kẻ xa-cách sự cứu-rỗi nhất : « Có kẻ rót sẽ nên đầu, kẻ đầu sẽ là rót. »

2. Lời nhắn cho Hê-rốt và sự than-văn về Giê-ru-sa-lem

13 : 31 - 35

«³¹ Cũng trong lúc đó, có mấy người Pha-ri-si đến thưa Ngài rằng : Thầy nên bỏ chỗ này mà đi, vì vua Hê-rốt muốn giết thầy. ³² Ngài đáp rằng : Hãy đi nói với con chồn-cáo ấy rằng : Ngày nay, ngày mai, ta đuổi quỉ chữa bịnh, đến ngày thứ ba, thì đời ta sẽ xong rồi. ³³ Nhưng ngày nay, ngày mai, và ngày kia ta phải đi, vì không có lẽ một đấng tiên-tri phải chết ngoài thành Giê-ru-sa-lem.

³⁴ Hỡi Giê-ru-sa-lem, Giê-ru-sa-lem, người giết các tiên-tri, và quăng đá các đấng chịu sai đến cùng người, ghe phen ta muốn nhóm-họp con-cái người, như gà mái túc và ấp con mình dưới cánh, mà các người

chẳng muốn ! ⁵⁵ **Này, nhà các ngươi sẽ bỏ hoang. Ta nói cùng các ngươi, các ngươi không còn thấy ta nữa chớ đến chừng nào sẽ nói rằng : Phước cho Đấng hơn danh Chúa mà đến ! »**

Có người đến báo với Chúa Jê-sus rằng Hê-rốt đương hăm giết Ngài. Tin này do người Pha-ri-si báo lại mục-dịch khủng-bố tinh-thần những kẻ theo Chúa để giục Ngài trốn về Giê-ru-sa-lem, tại đây Ngài sẽ sa vào tay bọn cầm quyền Do-thái.

Trái lại, Chúa Jê-sus đã nhấn lại cho Hê-rốt một câu đầy thách-đố, châm-chọc, không phải để tỏ thái-độ trịch-thượng xác-láo, nhưng để bày-tỏ sự can-đảm và lòng bất-bình của một con người thật « Hãy đi nói với con chồn-cáo ấy » — Chúa Jê-sus nói về Hê-rốt như vậy vì Ngài thấy sự **qui-quyết** của ông vua này. Hê-rốt không muốn mang tiếng giết một tiên-tri nữa ngay sau cái chết của Giăng; ông ta chỉ muốn loại một kẻ mà ông ta cho là một thủ-lãnh nguy-hiểm; bởi vậy ông ta không muốn bắt Ngài nhưng chỉ tìm cách làm cho Ngài trốn đi thôi. Ngài đã bảo các người Pha-ri-si kia đem lời ấy về cho vua, vì nhìn vào cách **trường-thuật** xảo-trá của họ, Ngài đã thấy họ với vua chỉ là một.

« Ngày nay; ngày mai, ta đuổi quỷ chữa bệnh, đến ngày thứ ba, thì đời ta xong rồi. » Nghĩa là Chúa nói rằng thời-gian và công-tác của Ngài đã được Đức Chúa Trời định trước; không vua nào có thể **thâu ngắn** thời-gian của Ngài lại trước khi công-tác chưa làm xong. Khi công-việc Ngài hoàn-thành, thì sự chết và sự sống lại của Ngài sẽ làm cho vinh-hiễn, ân-điền, quyền-năng của Ngài được trọn-vẹn. « Nhưng ngày nay, ngày mai, và ngày kia ta phải đi » (Dầu vậy ta cần phải tiến lên). Chúa Jê-sus sẽ lìa Ga-li-lê, Bê-rê là lãnh-địa của Hê-rốt, không phải Ngài sợ vua ấy, nhưng để làm trọn công-tác, Ngài phải đi đến Giê-ru-sa-lem. Giê-ru-sa-lem đã được nhắc đến với một giọng mai-mỉa trang-trọng : « vì không có lẽ một đấng tiên-tri phải chết ngoài thành Giê-ru-sa-lem »; thành này đã giữ độc-quyền về việc sát-hại các tiên-tri, nên Chúa Jê-sus bị giết ở nơi khác là việc không thích-hợp.

Tuy-nhiên, khi nhắc đến Giê-ru-sa-lem, Chúa Jêsus đã than lên những lời cảm-động về thành-phố mà Ngài thành-thật yêu-đấu. Ngài thấy rằng sự chối-bỏ Ngài và sự chết của Ngài sẽ khiến cho thành bị phá-hủy sớm hơn. Ngài thấy bóng của sự phán-xét đã phủ trên nó như con chim săn mồi. Ngài vui lòng ban sự bảo-vệ và cứu-rỗi thiên-thượng nhưng dân Ngài không chịu nhận. Bây giờ họ sẽ bị bỏ mặc để tự bảo-vệ lấy. Nghĩa là để chịu sự tàn-phá mà chỉ một mình Ngài có thể ngăn-ngừa được. Từ đây trở đi, họ sẽ không thấy Ngài trong quyền-năng cứu-rỗi nữa, cuối-cùng trong đau-khổ ăn-năn họ đón-tiếp Ngài trở lại làm Cứu-Chúa và Chúa của dân-tộc. Chúa Jêsus mong-muốn ban phước, giải-cứu biết chừng nào, nhưng biết bao lần những kẻ cần Ngài hơn hết lại xua-đuổi từ-chối Ngài !

3. Chúa Jêsus vị khách trong ngày Sa-bát

14 : 1 - 24

«¹ Một ngày Sa-bát, Đức Chúa Jêsus vào nhà một người kẻ cả dòng Pha-ri-si để dùng bữa, nhưng người ở đó dòm-hành Ngài. ² Sở là có một người mắc bệnh thủy-thũng ở trước mặt Ngài. ³ Đức Chúa Jêsus cất tiếng hỏi thầy dạy luật và người Pha-ri-si rằng : Trong ngày Sa-bát, có nên chữa bệnh hay không ? ⁴ Họ đều làm thinh. Ngài bèn đem người bệnh chữa lành, rồi cho về. ⁵ Đoạn, Ngài phán cùng họ rằng : Nào có ai trong các người, đương ngày Sa-bát, nếu có con trai hay là bò mình té xuống giếng mà không kéo liền lên sao ? ⁶ Họ không đối-đáp gì về điều đó được.

⁷ Ngài thấy những kẻ được mời đều lựa chỗ ngồi trên, nên phán cùng họ thí-dụ này : ⁸ Khi người ta mời người dự tiệc cưới, chớ ngồi chỗ cao nhất, vì e rằng trong những khách mời có ai tôn-trọng hơn người, ⁹ người đứng mời sẽ đến nói cùng người rằng : Hãy nhường chỗ cho người này ngồi, mà người xấu-hổ vì phải xuống chỗ chót chắng. ¹⁰ Nhưng khi người

được mời, hãy ngồi chỗ chót, người đứng mời sẽ đến nói cùng người rằng : Hỡi bạn, xin ngồi lên cao hơn. Vậy thì điều đó sẽ làm cho người được kính-trọng trước mặt những người đồng bàn với mình. ¹¹ Bởi vì ai tự nhắc mình lên, sẽ phải hạ xuống, còn ai tự hạ mình xuống, sẽ được nhắc lên.

¹² Ngài cũng phán với người mời Ngài rằng : Khi người đãi bữa trưa hoặc bữa tối, đừng mời bạn hữu, anh em, bà-con và láng-giềng giàu, e rằng họ cũng mời lại mà trả cho người chẳng. ¹³ Song khi người đãi tiệc, hãy mời những kẻ nghèo-khó, tàn-tật, què, dui, ¹⁴ thì người sẽ được phước, vì họ không có thể trả lại cho người; đến kỳ kẻ công-bình sống lại, người sẽ được trả.

¹⁵ Một người đồng-tiệc nghe lời đó, thì thưa Ngài rằng : Phước cho kẻ sẽ được ăn bánh trong nước Đức Chúa Trời ! ¹⁶ Nhưng Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Có người kia dọn tiệc lớn, mời nhiều người ăn. ¹⁷ Khi đến giờ ăn, sai đầy-tớ mình đi nói với những kẻ được mời rằng : Hãy đến, mọi sự đã sẵn rồi. ¹⁸ Song họ đồng-tình xin kiếu hết. Người thứ nhứt nói rằng : Tôi có mua một đám ruộng, cần phải đi coi; xin cho tôi kiếu. ¹⁹ Kẻ khác rằng : Tôi có mua năm cặp bò, phải đi xem thử; xin cho tôi kiếu. ²⁰ Kẻ khác nữa rằng : Tôi mới cưới vợ, vậy tôi đi không được. ²¹ Đầy-tớ trở về, trình việc đó cho chủ mình. Chủ bèn nổi giận, biểu đầy-tớ rằng : Hãy đi mau ra ngoài chợ, và các đường phố, đem những kẻ nghèo-khó, tàn-tật, dui, què vào đây. ²² Sau lại đầy-tớ trình rằng : Thưa chủ, đều chủ dạy, đã làm rồi, mà hãy còn thừa chỗ. ²³ Chủ nhà lại biểu rằng : Hãy ra ngoài đường và dọc hàng rào, gặp ai thì ép mời vào, cho được đầy nhà ta. ²⁴ Vì, ta nói cùng các người, trong những kẻ đã mời trước, không có ai được nếm bữa tiệc của ta đâu.»

Lu-ca không tả-vẽ Chúa như một nhà khổ-tu nghiêm-nhật mà như một người với những tình-cảm nhân-bản, những khuynh-hướng đoàn-thể, Ngài sống chung với những người khác cách tự-nhiên, thờ-phượng với họ trong nhà

hội, ăn vói họ trong gia-đình. Không có một cảnh thân-mật nào trong đời sống Chúa được Lu-ca phác-họa tỉ-mỉ bằng một bữa tiệc Sa-bát tại nhà của một Pha-ri-si. Ông tả Chúa Jêsus tiến vào nhà cùng vói các khách tiệc, để ý thấy những giai-cấp xã-hội của họ, và Ngài dẫn đầu trong một cuộc đàm-luận. Nhưng Ngài không lúc nào quên sứ-mệnh của Ngài, Ngài nắm lấy mọi cơ-hội để ban-bố những sứ-điệp cần-thiết. Giọng-điệu của Ngài ở đây nghiêm-khắc khác thường, bởi vì Ngài đương ở giữa những kẻ mà bên ngoài thì tỏ vẻ lịch-sự, còn trong lòng thì thù-ghét Ngài, nhưng Ngài đã tỏ cho mọi người ân-huệ không suy-giảm của Ngài và lòng Ngài ước-muốn cho họ nhận được phước tốt nhất.

Đương khi mọi người tụ-tập lại Chúa Jêsus thấy một người bị bệnh. Ngài biết người Pha-ri-si đương trông chừng Ngài và sẽ phản-đối nếu Ngài chữa bệnh trong ngày Sa-bát, bởi vậy Ngài cất tiếng hỏi rằng một sự chữa bệnh như thế có hợp-pháp hay không. Trong khi họ chưa biết trả lời làm sao, thì Ngài chữa lành người bệnh và quở-trách sự giả-hình của họ, và cảnh-cáo sự giả-dối của họ, nhắc cho đồ-đệ của chủ-nghĩa hình-thức ấy rằng trong ngày Sa-bát họ không ngăn-ngại để cứu súc-vật của họ, thì tại sao họ lại cho việc cứu một người ra khỏi bệnh-tật là một tội-lỗi? Chúa Jêsus không hề khuyến-khích phạm luật Sa-bát, nhưng Ngài dạy rằng luật ấy phải được giải-thích bằng tinh yêu.

Khi các khách tiệc ngồi lại, Chúa Jêsus thấy họ chọn những chỗ tốt nhất, Ngài như dấp ấy mà quở-trách về những dục-vọng ích-kỷ và ban một bài học về sự khiêm-nhường. Khi Chúa Jêsus khuyên khách tiệc «hãy ngồi chỗ chót, người đứng mời sẽ đến nói cùng người rằng: Hỡi bạn, xin ngồi lên cao hơn,» thì không phải Ngài chỉ dạy họ giữ phong-thái tốt-đẹp hay sự khôn-ngoaan trần-thế, cũng không phải khuyên nên nguy-trang sự kiêu-hãnh bằng về khiêm-nhường. Ngài đã đưa ra cái luật cao-cả rằng trong vòng những kẻ theo Ngài, sự hạ mình và sự cảm biết mình vô-giá-trị trước mặt Đức Chúa Trời là điều-kiện cốt-yếu để được cất-nhắc và danh-dự «Bởi vì ai tự nhắc

minh lên, sẽ phải hạ xuống, còn ai tự hạ mình xuống sẽ được nhắc lên.»

Rồi lúc Chúa Jêsus nhìn quanh bàn tiệc, Ngài lại tìm được cơ-hội để dạy một bài học về lòng bác-ái. Ngài nói với chủ tiệc—trong giọng Ngài có đượm khí-vị hoạt-kê—rằng khi mời khách thì đừng chỉ mời người giàu, kẻo «rủi-ro» (trong câu nói của Chúa, bản tiếng Anh có chữ «Haply» xui-xẻo) lại được người ta mời lại, nhưng cũng hãy mời cả người nghèo, là kẻ không thể mời trả được. Lại một lần nữa, không phải Chúa chỉ dạy về những luật thù-tiếp trong xã-hội, Ngài minh-định cái nguyên-tắc thuộc linh cao-cả về những động-lực vô-kỷ cho những hành-vi thiện-đức. Đừng bao giờ ban ơn cho người ta với những ý-tưởng là sẽ nhận ơn lại.

Tuy-nhiên, Chúa Jêsus không có ý cấm ta mời khách-khừa giàu đến nhà hay buộc đãi tiệc chỉ giới-hạn cho những người nghèo, nhưng Ngài dạy rằng đừng bao giờ phục-vụ với hi-vọng kiếm lợi cho mình. Đãi-dăng «bạn-hữu», «anh em», «bà-con» «láng-giềng giàu» thì rất lịch-sự, vui-vẻ và có lợi nữa, nhưng không có trường-hợp đãi-dăng nào như thế có thể được xem là công-đức vì họ có thể «mời lại mà trả»; nhưng nếu cư-xử tử-tế đối với những người nghèo hay giàu mà chỉ vì muốn giúp ích họ, không có một ý-nghĩ tư-lợi nào hoặc hiện-tại hay tương-lai, thì hành-vi đó chắc sẽ không mất phần-thưởng «đến kỳ kẻ công-đình sống lại, người sẽ được trả.»

Có thể là những lời này đã gợi lên một hình-ảnh, khiến cho một người trong những khách tiệc nói lên «Phước cho kẻ sẽ được ăn bánh trong nước Đức Chúa Trời,» Chúa nhân cơ-hội đó mà kể một thí-dụ về Tiệc Tối Lớn để vi với cái ngu-dại tội-lỗi của kẻ từ-chối không chịu nhận lời mời cứu-rỗi. Trong câu chuyện này những kẻ được mời đến dự tiệc, trước-tiên giả-bộ muốn đi, nhưng cuối-cùng họ lại từ-chối, những lời thoái-thác vô-nghĩa ấy chứng-tỏ họ hoàn-toàn mê-mải với những vấn-đề tư-riêng mà coi thường chủ tiệc. Nhưng chỗ của họ đã được thay thế bằng những khách khác, người thì nghèo khổ, bơ-vơ ở

trong thành-phố, kẻ thì lang-thang trên các đường cái, hàng rào xung-quanh. Chúa Jê-sus đã vẽ ra bức tranh về sự cứu-rỗi Ngài đem đến bị người Pha-ri-si từ-chối, và đã được những kẻ thù thuế, tội-nhân, Dân-ngoại bị khinh-rẻ tiếp-nhận trước.

Tuy-nhiên, có một sứ-điệp cho những người ngồi bàn lúc ấy, và có một sứ-điệp cho mọi kẻ chối-bỏ Đấng Christ ngày nay. Những người Pha-ri-si mời Chúa đến dự-tiệc là giả bày-tỏ thiện-cảm đối với Ngài là Đấng tiên-tri, trong khi lòng họ thì ghét Ngài; và chính con người đã đưa ra nhận-xét có vẻ đạo-hạnh về «nước Đức Chúa Trời» để mở đầu cho thí-dụ, lại không chịu nhận lời mời đến «ăn bánh trong nước Đức Chúa Trời» mà Chúa Jê-sus đem tới.

Cũng vậy, ngày nay có nhiều kẻ tỏ lòng tôn-kính bề ngoài đối với chân-lý Cơ-đốc-giáo, và nói về Nước Đức Chúa Trời cách thiện-cảm, nhưng họ lại mãi-mê trong tự-lợi và không có lòng yêu-thương Đức Chúa Trời bao nhiêu, nên họ từ-chối sự cứu-rỗi, trong khi đó những thành-phần căn-bã của xã-hội và những dân ngoại-giáo bị khinh-rẻ đã vui-mừng tiếp-nhận lời mời đến sự sống, sự giao-thông thiên-thượng và sự vui-về đời đời.

4. Tính giá

14 : 25 - 35

«²⁵ Có đoàn dân đông cùng đi với Đức Chúa Jê-sus; Ngài xây lại cùng họ mà phán rằng: ²⁶ Nếu có ai đến theo ta mà không ghét cha mẹ, vợ con, anh em, chị em mình, và chính sự sống mình nữa, thì không được làm môn-đồ ta. ²⁷ Còn ai không vác thập-tự giá mình mà theo ta, cũng không được làm môn-đồ ta.

²⁸ Và, trong các người có ai là người muốn xây một cái tháp, mà trước không ngồi tính phí-tồn cho biết mình có đủ của dựng làm xong việc cùng chăng sao? ²⁹ e khi đã xây nền rồi, không làm xong được, thì mọi người thấy liền chê-cười, ³⁰ và rằng: Người!

này khờ-l-ông xây, mà không thể làm xong được !
³¹ Hay là có vua nào đi đánh trận cùng vua khác, mà trước không ngồi bàn-luận xem mình đem đi một muôn lính có thể địch nổi vua kia đem hai muôn cùng chăng sao ? ³² Bằng chẳng nổi, khi vua kia còn ở xa, sai sứ đi xin hòa. ³³ Như vậy, nếu ai trong các người không bỏ mọi sự mình có; thì không được làm môn-đồ ta.

³⁴ Muối là giống tốt; nhưng nếu muối mất mặn thì lấy chi làm cho nó mặn lại được ? ³⁵ Không dùng chi được cho ruộng hoặc cho phân; người ta phải bỏ nó ra ngoài. Ai có tai mà nghe, hãy nghe ! »

Trong khi Chúa Jêsus đi về hướng thành Giê-ru-sa-lem, đoàn dân đi theo càng đông và càng náo-nhiệt thêm. Dân-chúng tưởng rằng Ngài sắp lập một nước trong vinh-quang, tráng-lệ và quyền-năng, họ mong được dự-phần trong vinh-hiền ấy. Để đánh tan sự hiểu lầm, Chúa Jêsus quay lại phán cùng họ những điều-kiện chính-yếu để làm môn-đồ Ngài. Những kẻ theo Ngài phải sẵn-sàng hi-sinh, chịu khổ và phân-phát của mình có cả đến mạng sống của mình nữa. Khi Ngài bảo rằng họ phải ghét thân-thuộc và chính mạng sống mình thì Ngài có ý nói rằng họ phải yêu Ngài hơn những cái đó, và chỉ xem những kẻ đó như là chướng-ngại, khi họ chống-ngịch Ngài và ngăn-trở ta phục-vụ Ngài. Làm môn-đồ của Ngài thì phải sẵn-sàng «vác thập-tự-giá mình», trọng-trưng của sự đau-khổ và sự chết, phải luôn tuân-phục ý-chỉ của Đấng Christ, dầu phải chịu khổ-nhọc thiệt-thời bao nhiêu cũng vậy.

Chúa Jêsus không muốn làm nản lòng những kẻ theo Ngài, nhưng bảo họ phải tính-toán trước. Ngài minh-giải điều đó bằng ví-dụ về kẻ đại-dột lo đặt nền xây nhà mà không tính toán-thể chi-phi và khả-năng mình có, hoặc diên-khung kéo quân ra trận mà không tính-toán trước mình phải hi-sinh bao nhiêu để thắng trận. Chúa Jêsus có ý nói rằng chẳng thà đừng bước vào đời sống tín-đồ còn hơn là bước vào rồi thất-bại Ngài chỉ muốn người ta trước khi bước vào cuộc sống ấy đã sẵn-sàng từ-hở mọi sự là điều đòi-hỏi trong khi phục-vụ Chúa. «Như vậy nếu ai trong

các người không bỏ mọi sự mình có, thì không được làm môn-đồ ta.»

Không gì vô-dụng bằng kẻ theo Đấng Christ mà còn có óc thế-tục, ích-kỷ, cứng-cỏi. Người ấy cũng như muối mất vị mặn, người ấy thiếu cái bản-chất tin-đồ; người không còn có thể phục-vụ Chúa nữa.

5. Con trai phóng-dăng

Đoạn 15

« 1 Hết thấy các người thâu thuế và người có tội đến gần Đức Chúa Jê-sus lắng nghe Ngài giảng. 2 Các người Pha-ri-si và các thầy thông-giáo lắm-bầm mà nói rằng: Người này tiếp những kẻ tội-lỗi, và cùng ăn với họ!

3 Ngài bèn phán cho họ lời thí-dụ này: 4 Trong các người ai là người có một trăm con chiên, nếu mất một con, mà không để chín-mười-chín con nơi đồng-vắng, đứng đi tìm con đã mất cho kỳ được sao? 5 Khi đã kiếm được, thì vui-mừng vác nó lên vai; 6 đoạn, về đến nhà, kêu bạn-hữu và kẻ lân-cận, mà rằng: Hãy chung vui với ta, vì ta đã tìm được con chiên bị mất. 7 Ta nói cùng các người, trên trời cũng như vậy, sẽ vui-mừng cho một kẻ có tội ăn-năn hơn là chín-mười-chín kẻ công-bình không cần phải ăn-năn.

8 Hay là, có người đờn-bà nào có mười đồng bạc, mất một đồng, mà không thấp đèn, quét nhà, kiểm kỹ-càng cho kỳ được sao? 9 Khi tìm được rồi, gọi bầu-bạn và người lân-cận mình, mà rằng: Hãy chung vui với ta, vì ta đã tìm được đồng bạc bị mất. 10 Ta nói cùng các người, trước mặt thiên-sứ của Đức Chúa Trời cũng như vậy, sẽ mừng-rỡ cho một kẻ có tội ăn-năn.

11 Ngài lại phán rằng: Một người kia có hai con trai. 12 Người em nói với cha rằng: Thưa cha, xin

chia cho tôi phần của mà tôi sẽ được. Người cha liền chia của mình cho hai con. ¹³ Cách ít ngày, người em tóm thâu hết, di phương xa, ở đó, ăn chơi hoang-dàng, tiêu sạch gia-tài mình. ¹⁴ Khi đã xài hết của rồi, trong xứ xảy có cơn đói lớn; nó mới bị nghèo-thiếu, ¹⁵ bèn đi làm mướn cho một người bôn-xứ, thì họ sai ra đồng chăn heo. ¹⁶ Nó muốn lấy vỏ đậu của heo ăn mà ăn cho no, nhưng chẳng ai cho.

¹⁷ Vậy, nó mới tỉnh-ngộ, mà rằng: Tại nhà cha ta, biết bao người làm mướn được bánh ăn dư-dật, mà ta đây phải chết đói! ¹⁸ Ta sẽ đứng dậy trở về cùng cha, mà rằng: Thưa cha, tôi đã phạm tội với trời và với cha, ¹⁹ không đáng gọi là con của cha nữa; xin cha đãi tôi như đừa làm mướn của cha vậy.

²⁰ Nó bèn đứng dậy mà về cùng cha mình. Khi còn ở đàng xa, cha nó thấy thì động lòng thương-xót, chạy ra ôm lấy cổ mà hôn. ²¹ Con thưa cùng cha rằng: Cha ơi, tôi đã phạm tội với trời và với cha, chẳng còn đáng gọi là con của cha nữa. ²² Nhưng người cha bảo đầy-tớ rằng: Hãy mau mau lấy áo tốt nhất mặc cho nó; đeo nhẫn vào ngón tay, mang giày vào chơn, ²³ Hãy bắt bò con mập làm thịt đi. Chúng ta hãy ăn mừng, ²⁴ vì con ta đây đã chết mà bây giờ lại sống, đã mất mà bây giờ lại thấy được. Đoạn, họ khởi-sự vui-mừng.

²⁵ Và, con trai cả đương ở ngoài đồng. Khi trở về gần đến nhà, nghe tiếng đàn ca nhảy múa, ²⁶ bèn gọi một đầy-tớ mà hỏi có gì. ²⁷ Đầy-tớ thưa rằng: Em cậu bây giờ trở về, nên cha cậu đã làm thịt bò con mập, vì thấy em về được mạnh-khoẻ. ²⁸ Con cả liền nổi giận, không muốn vào nhà. Vậy cha nó ra khuyên nó vào. ²⁹ Nhưng nó thưa cha rằng: Này, tôi giúp việc cha đã bấy nhiêu năm, chưa từng trái phép, mà cha chẳng hề cho tôi một con dê con đực ăn chơi với bạn-hữu tôi. ³⁰ Nhưng nay con của cha kia, là đừa đã ăn hết gia-tài cha với phường điếm-đĩ rồi trở về, thì

cha vì nó làm thịt bò con mập !³¹ Người cha nói rằng : Con ơi, con ở cùng cha luôn, hết thấy của cha là của con.³² Nhưng thật nên dọn tiệc và vui-mừng, vì em con đây đã chết mà lại sống, đã mất mà lại thấy được.»

Thí-dụ « Con Trai Hoang-đàng » qui-báu, có một không hai này chỉ có mình Lu-ca chép. Tất cả những gì trong đó như văn-chương hoa-mỹ, nhân-tình sâu-đậm, cảm-tình rộng lớn, bức tranh toàn-bích về ân-điền và tình-yêu Đức Chúa Trời, đều đặc-biệt phù-hợp với mục-đích và tinh-thần của sách Tin-Lành này.

Thí-dụ này nối tiếp với hai thí-dụ khác, để gồm tóm và hoàn-thành sự dạy-dỗ của nó : thí-dụ về Chiên Lạc và Đồng Bạc Mất. Sớ-dĩ Chúa kể ra ba thí-dụ đó là vì người Pha-ri-si hàn-tán chỉ-trích Ngài giao-du với những kẻ căn-bã xã-hội, thân-mặt tiếp-rước những tội-nhân ăn-năn. Chúa Jê-sus quở-trách kẻ nghịch cùng Ngài bằng cách tỏ ra rằng việc vui-mừng vì tìm được một con chiên lạc hay đồng bạc mất là một điều tự-nhiên ; thì khi Đức Chúa Trời tìm được một linh-hồn lạc mất dĩ-nhiên Ngài càng vui-mừng hơn nhiều. Rõ-ràng, những kẻ không chung phần vui-vẻ với Ngài là những kẻ ở ngoài tình yêu và sự giao-thông với Ngài.

Thí-dụ thứ nhứt minh-khải tình yêu của Đức Chúa Trời, chỉ tỏ lòng trắc-ân của Ngài đối với những nỗi khốn-khổ bơ-vơ của tội-nhân.

Thí-dụ thứ hai chỉ tỏ một linh-hồn lạc mất qui giá chừng nào trước mặt Đức Chúa Trời từ-ái. Cả hai thí-dụ ấy mô-tả lòng sốt-sắng và kiên-nhẫn của Ngài trong việc tìm-kiểm tội-nhân, và sự vui-mừng vô-hạn của Ngài khi phục-hồi những kẻ hư-mất. Câu « Trên trời cũng như vậy, sẽ vui-mừng cho một kẻ có tội ăn-năn hơn là chín-mươi chín kẻ công-bình không cần phải ăn-năn », không nên diễn-giải một cách theo nghĩa đen. Nó không có nghĩa là Đức Chúa Trời thỏa-mãn thấy một người có tội ăn-năn hơn là thấy một người thánh không phạm tội. Ở đây Chúa muốn nói đặc-biệt về những người thâm thuế ăn-năn và

những người Pha-ri-si tự-xưng nghĩa. Đức Chúa Trời không vui vì tội-lỗi của kẻ thù, cũng không xem người Pha-ri-si là hoàn-thiện, hoặc coi họ và những gì tốt nhất của họ là trung-thành với luật-pháp Đức Chúa Trời. Dầu sao đi nữa, thì tinh-thần đạo-đức vẫn tốt hơn là sự bại-hoại và sự vô-luật-lệ. Tuy-nhiên, một tội-nhân ăn-năn hiểu-biết ân-điền và sự thương-xót của Đức Chúa Trời luôn luôn được đẹp lòng Chúa hơn là người Pha-ri-si, kiêu-hãnh, ưa chỉ-trích, tàn-nhẫn dầu cách cư-xử đạo-đức của anh ta có đúng bao nhiêu đi nữa.

Chân-lý ấy sẽ được sáng-tỏ hơn trong thí-dụ Con Trai Hoang-Đàng. Ở đây chúng ta thấy mô-tả trọn-vẹn kinh-nghiệm của tội-nhân ăn-năn và thái-độ vô-tình-nghĩa của người Pha-ri-si khinh-thị. Đưa con đi hoang biểu-hiện cho tội-nhân và cách cư-xử của người anh nó biểu-hiện cho người Pha-ri-si.

Trong khi mô-tả của sự hoang-đàng của người con nhỏ, Chúa Jê-sus cũng cho ta một hình-ảnh đầy-đủ về tính-chất và hậu-quả của tội-lỗi. Có người tưởng rằng thí-dụ về Chiên Đi Lạc chỉ rằng tội-lỗi, theo một phương-diện, do sự ngu-dốt mù-quáng dẫn đến, còn thí-dụ về Đồng Bạc Mất ám-chỉ vì rủi-ro bất-ngờ mà phạm. Tuy-nhiên, thí-dụ về Con Trai Hoang-Đàng tỏ rằng tội-lỗi thường do sự lựa-chọn tự-y và do lòng muốn hưởng-lạc của con người. Kết-quả của nó được tô bằng những màu-sắc bi-thảm. Ta được trình-bày cho thấy ảo-ảnh của nó, nổi khổ, ách nô-lệ, niềm thất-vọng do nó đem lại cho con người. Về phương-diện mô-tả hậu-quả của tội-lỗi, ta không thể thêm gì hơn vào cái cảnh người con trai ở xứ xa, sau khi tiêu-xài hết, nạn đói-kém đến, chàng ta bán thân đi giữ heo, phải ăn cả những món khó nuốt dùng cho heo ăn mà cũng chẳng được no.

Chẳng có một bức tranh nào về sự ăn-năn đẹp như khi Thầy tả lúc người con hoang-đàng «tình-ngộ». Tội-lỗi của chàng ta chẳng những là đại-dột mà còn là điên-khùng. Chàng ta nhớ lại thuở vui-sướng sung-túc tại gia-đình khi xưa. Chàng nhận biết nhu-cầu tuyệt-vọng hiện-tại của chàng, chàng quyết-định đứng dậy trở về cùng

cha. Hơn nữa, chàng thấy mình đã xúc-phạm chẳng những là cha trần-gian từ-ái mà cả Đức Chúa Trời nữa, và thấy rằng chàng không xứng-đáng trở lại thân-mật với cha nữa. Ăn-năn không phải chỉ là đau-buồn về tội-lỗi, mà còn là thừa-nhận rằng mình đã phạm tội nghịch cùng Đức Chúa Trời thánh; là sự thay đổi của tấm lòng đối với Ngài, và quyết-định sống một đời sống mới tự biểu-lộ bằng hành-động dứt-khoát. « Nó bèn đứng dậy mà về cùng cha mình. »

Nói cho đúng, câu chuyện Con Trai Hoang-Đàng đến đó là kết-thúc. Nhưng với một ý-nghĩa khác, phần đẹp-đẽ hơn hết đã được kể tiếp theo. Đó là phần mô-tả tình yêu vô-biên của Đức Chúa Trời đối với mọi linh-hồn ăn-năn. Ông cha chẳng hề thôi thương-yêu đứa con đi hoang hoặc thôi hi-vọng hay trông-đợi nó trở về. Ngày đêm ông mong-ngóng đứa con hoang-bạt. Nên vừa khi thấy mặt đứa con thì lòng đầy thương-hại « chạy ra ôm lấy cổ mà hôn. » Người con hoang-đàng sẵn-sàng xưng-lỗi, nhưng cha chàng hầu như không nghe gì cả, lo ra lệnh cho đầy-tớ, « mau mau lấy áo tốt nhứt mặc cho nó ; đeo nhẫn vào ngón tay, mang giày vào chơn » rồi « hãy bắt con bò mập mà làm thịt đi. Chúng ta hãy ăn mừng ». Đó chẳng những là hình-ảnh của sự tha tội mà còn là của sự khôi-phục toàn-vẹn nữa. Nó bảo-đảm cho tội-nhân rằng khi người quay về cùng Đức Chúa Trời thì sẽ nhận được mối liên-lạc mật-thiết của một người con thừa-tự và sự trở lại của người sẽ đem lại niềm vui-mừng cho lòng Đức Chúa Trời, là Đấng xem người như « đã chết mà lại sống, đã mất mà lại thấy được. »

Hình-ảnh của người con lớn cũng được phác-họa cách khéo-léo. Rõ-ràng hình-ảnh này mô-tả những người Pha-ri-si vô-tình-nghĩa đã ganh-ghét sự vui-mừng của những người thâu-thuế và tội-nhân ăn-năn. Ngoài ra nó cũng đem tới một sự-điệp cho mọi người ở các thời-đại, hạng người mà tôn-giáo đối với họ, chỉ là việc vâng-phục cách miễn-cưỡng hay trung-thành cách khô-khan những luật-lệ của Đức Chúa Trời. Nó chỉ vào những linh-hồn không tìm thấy sự thích-thú nào trong sự phục-vụ và giao-thông

vời Đức Chúa Trời, và không chịu chia-xẻ niềm vui của những linh-hồn lạc mất được cứu-rỗi.

Người con lớn không biết gì về kinh-nghiệm của một người con thật. Chàng ta chỉ là một nô-lệ. Khi người em trở về, chàng không đứng đó trông-chờ với cha, mà «ở ngoài đồng.» Khi hay em mình được đón rước vào nhà, thì chàng giận cãnh hông. Chàng không chịu vào, rồi khi cha ra khuyên vào, thì chàng trách ông thiên-vị, bạc-tình. Những lời của chàng mô-tả rất đúng tâm-trạng tự xưng-nghĩa của người Pha-ri-si: «chưa từng trái phép... cha» lại tỏ ra chàng ta ít nhận được đặc-ân của mình, «cha chẳng hề cho tôi một con dê con.» Câu trả lời của ông cha đã chỉ ra những cơ-hội mà anh ta không chịu nhận biết và những đặc-quyền mà anh ta không chịu hưởng: «Con ơi, con ở cùng cha luôn, hết thủy của cha là của con.» Người Pha-ri-si lúc nào cũng có thể hưởng được ân-điền, sự thương-xót và tình yêu của Đức Chúa Trời, nhưng đối với họ đạo Chúa đã trở thành một gánh nặng nghi-thức và nhiệm-vụ. Vì nó không đem lại cho lòng họ sự thỏa-mãn, vui-vẻ nào. Có đôi điều trong kinh-nghiệm của họ giống với nhiều tin-đồ Đấng Christ ngày nay. Không nhận chân ơn tha tội của Đức Chúa Trời và sự sẵn lòng cung-cấp những nhu-cầu thuộc-linh, quên mất cái cơ-hội sống hằng ngày trong sự cảm-thông và thân-hữu với Ngài. Không biết đến niềm vui của những kẻ hư-mất ăn-năn và được cứu-rỗi, vì cơ đó họ nhờ sức-lực riêng của mình, mệt-mỏi buồn-nản mà cố-gắng làm những điều họ tin là đúng vâng-phục mệnh-lệnh của Đức Chúa Trời, nhưng cuộc sống của họ chỉ như tội-tờ, chớ không như địa-vị tự-do, vui-vẻ, yêu-dấu của những đứa con thật.

Điềm nghệ-thuật cao nhất của thí-dụ này là chấm dứt đột-ngột. Chúng ta không biết người con lớn có chịu nghe lời cha không. Đó là một lời kêu-gọi những người Pha-ri-si, họ sẽ tiếp-nhận ân-điền của Đức Chúa Trời và đem kế-hoạch cứu-rỗi của Ngài đến cho kẻ hư-mất chẳng, hay họ chỉ tiếp-tục chỉ-trích và ganh-ghét những tội-nhân ăn-năn? Chúng ta sẽ sống như tội-tờ hay như con-cái.

6. *Quản-gia bắt-trung*

16 : 1 - 13

¹ Đức Chúa Jê-sus lại phán cùng môn-đồ rằng : Người giàu kia có một quản-gia, bị cáo với chủ rằng người tiêu phá của chủ. ² Vậy, chủ đòi người đó mà nói rằng : Ta nghe nói về người nổi chi ? Hãy khai ra việc quản-trị của người, vì từ nay người không được cai-quản gia-tài ta nữa. ³ Người quản-gia tự nghĩ rằng : Chủ cách chức ta, ta sẽ làm gì ? Làm ruộng thì ta không có sức làm nổi, còn đi ăn-mày thì hổ-người. ⁴ Ta biết đều ta sẽ làm, để khi bị cách chức, có kẻ tiếp-rước ta về nhà. ⁵ Người ấy bèn gọi riêng từng người mắc nợ chủ mình đến, và hỏi người thứ nhứt rằng : Người mắc nợ chủ ta bao nhiêu ? ⁶ Trả lời rằng : Một trăm thùng dầu. Quản-gia nói rằng : Hãy cầm lấy tờ khế, ngồi xuống đó, viết mau : Năm chục. ⁷ Rồi hỏi người kia rằng : Còn người, mắc bao nhiêu ? Trả lời rằng : Một trăm hộc lúa mì. Quản-gia rằng : Hãy cầm lấy tờ khế và viết : Tám chục. ⁸ Chủ bèn khen quản-gia bất-nghĩa ấy về việc người đã làm khôn-khéo như vậy. Vì con đời này trong việc thông-công với người đồng-đời mình thì khôn-khéo hơn con sáng-láng. ⁹ Còn ta nói cho các người : Hãy dùng của bất-nghĩa mà kết bạn, để khi của ấy hết đi, họ tiếp các người vào nhà đời đời.

¹⁰ Ai trung-tín trong việc rất nhỏ, cũng trung-tín trong việc lớn ; ai bất-nghĩa trong việc rất nhỏ, cũng bất-nghĩa trong việc lớn. ¹¹ Vậy nếu các người không trung-tín về của bất-nghĩa, có ai đem của thật giao cho các người ? ¹² Nếu các người không trung-tín về của người khác, ai sẽ cho các người được của riêng mình ? ¹³ Không có đầy-tớ nào làm tội hai chủ được ; vì sẽ ghét chủ này mà yêu chủ kia, hay là hiệp với chủ này mà khinh-dễ chủ kia. Các người không có thể đã làm tội Đức Chúa Trời, lại làm tội Ma-môn nữa.»

Thường thường người ta cho rằng thí-dụ về Quản-gia bất-trung là một thí-dụ khó hiểu nhất của Chúa. Đường như Chúa khen-ngợi một người đi ăn-cướp chủ mình và dùng người ấy làm gương cho những kẻ theo Ngài, lại dường như có ý rằng người ta có thể dùng tiền để mua chỗ ở trong thiên-đàng. Nhưng nếu đọc kỹ-càng ta sẽ thấy Chúa không phải khen-ngợi sự xảo-trá, mà là khen-ngợi sự cần-trọng, lo xa của người ấy, và Ngài muốn những kẻ theo Ngài bắt-chước những đức-tinh này trong một người xấu, hơn nữa cho ta thấy có thể dùng tiền-của cách hào-phóng để được sự vui-thỏa lâu dài.

Đây là câu chuyện của một quản-gia được quyền quản-trị tài-sản của một địa-chủ giàu-có. Người ta thuật lại cho ông chủ hay về sự hoang-phi và gian-lận của kẻ nô-bộc này. Chủ truyền xét sổ-sách và hẳn ta chắc sẽ bị mất việc. Tuy-nhiên, anh ta đã nắm lấy cơ-hội đương còn mà sử-dụng của-cải giao cho anh ta để kết bạn hầu sau này anh ta có thể đến ở nhờ khi không còn chức quản-lý nữa.

Câu chuyện này dùng để minh-giải ý-nghĩa quản-lý tài-sản. Không có tiền-của nào là thuộc riêng về một kẻ theo Chúa; tiền-của ấy được giao-phó cho người để sử-dụng cách khôn-ngoan theo ý-muốn của Chủ. Một ngày kia sẽ có một cuộc tính sổ gắt-gao về cách sử-dụng ấy. Bởi vậy, ngày nay chúng ta phải khôn-ngoan thận-trọng sử-dụng của-cải giao-phó cho ta thế nào để trong cõi đời đời hầu đến, chúng ta sẽ không hối-tiếc mà chỉ vui-mừng. Trong thí-dụ người quản-gia phạm lỗi gian-lận khi anh ta trừ nợ cho những kẻ mắc nợ chủ mình. Anh ta đã dùng của-cải không phải của mình để ích-lợi về sau. Dĩ-nhiên, người tin-đó Đấng Christ phải hành-động hết sức chân-thật, tuy-nhiên khi người ban-phát của-cải cho người khác cách rộng-rãi, thì thật ra người đương dùng tiền-bạc của Chúa, và dĩ-nhiên, dùng theo ý-muốn của Chủ mình.

Về phương-diện ứng-dụng, Chúa Jê-sus minh-định sự sử-dụng tiền-bạc để giúp-đỡ cho sự an-lạc của kẻ khác, chẳng những áp-dụng cho người giàu mà cũng cho những người nghèo nữa. « Ai trung-tin trong việc nhỏ hơn hết, cũng trung-tin trong việc lớn. »

Chúa Jêsus lại tỏ rằng chức-vụ quản-lý hiện-tại của tin-đồ Đấng Christ chỉ là công-cuộc đào-tạo cho một chức-vụ lớn hơn trong đời sau. «Vậy nếu các người không trung-tin về của bất nghĩa, có ai đem của thật giao cho các người.»

Tình yêu là động-lực của lòng trung-nghĩa trong những người quản-lý. Cái khó-khăn của người đầy-tờ bất-lương là anh ta không trung-thành với chủ mà chỉ lo phục-vụ cho mình. Người nào thật lòng yêu Chúa sẽ trung-tin trong việc sử-dụng những của-cái giao-phó cho mình. Cái hiểm-họa của kẻ làm quản-lý là tinh-thần trung-thành nước đôi. «Không có đầy-tờ nào làm tôi hai chủ được; vì sẽ ghét chủ này mà yêu chủ kia, hay là hiệp với chủ này mà khinh-dễ chủ kia. Các người không có thể đã làm tôi cho Đức Chúa Trời, lại làm tôi Ma-môn nữa.»

7. Phú-hộ và La-xa-rơ

16 : 14 - 31

«¹⁴Người Pha-ri-si là kẻ ham tiền-tài, nghe mọi điều đó, bèn chê-cười Ngài. ¹⁵Ngài phán cùng họ rằng: Các người làm bộ công-bình qua mặt người ta, song Đức Chúa Trời biết lòng các người; vì sự người ta tôn-trọng là sự góm-ghiếc trước mặt Đức Chúa Trời. ¹⁶Luật-pháp và các lời tiên-tri có đến đời Giăng mà thôi; từ đó, tin lành của nước Đức Chúa Trời được truyền ra, và ai nấy dùng sức mạnh mà vào đó. ¹⁷Trời đất qua đi còn để hơn một nét chữ trong luật-pháp phải bỏ đi. ¹⁸ Ai bỏ vợ mình mà cưới vợ khác, thì phạm tội tà-dâm, ai cưới dờn-bà bị chồng để, thì cũng phạm tội tà-dâm.»

¹⁹ Có một người giàu mặc áo tía và áo bằng vải gai mịn, hằng ngày ăn-ở rất là sung-sướng. ²⁰ Lại có một người nghèo, tên là La-xa-rơ, nằm ngoài cửa người giàu đó, mình đầy những ghẻ. ²¹ Người ước-ao được ăn những đồ ở trên bàn người giàu rớt xuống; cũng có chó đến liếm ghẻ người.

²² Và, người nghèo chết, thiên-sứ đem về vào lòng Áp-ra-ham; người giàu cũng chết, người ta đem chôn. ²³ Người giàu ở nơi Âm-phủ đang bị đau-đớn, ngược mắt lên, xa thấy Áp-ra-ham, và La-xa-rô trong lòng người; ²⁴ bèn kêu lên rằng: Hỡi Áp-ra-ham tử tôi, xin thương lấy tôi, sai La-xa-rô nhúng dầu ngón tay vào nước dặng làm cho mát lưỡi tôi; vì tôi bị khổ trong lửa này quá đỗi. ²⁵ Nhưng Áp-ra-ham trả lời rằng: Con ơi, hãy nhớ lại lúc người còn sống đã được hưởng những sự lành của mình rồi, còn La-xa-rô phải những sự dữ; bây giờ, nó ở đây được yên-ủ, còn người phải bị khổ-hình. ²⁶ Và lại, có một vựa sâu ở giữa chúng ta với người, đến nỗi ai muốn từ đây qua đó không được, mà ai muốn từ đó qua đây cũng không được. ²⁷ Người giàu nói rằng: Tổ tôi ơi! vậy thì xin sai La-xa-rô đến nhà cha tôi, — ²⁸ vì tôi có năm anh em, — dặng người làm chứng cho họ về những điều này, kéo họ cũng xuống nơi đau-đớn này chăng. ²⁹ Áp-ra-ham trả lời rằng: Chúng nó đã có Môi-se và các đấng tiên-tri; chúng nó phải nghe lời các đấng ấy! ³⁰ Người giàu nói rằng: Thưa Áp-ra-ham tử tôi, không phải vậy đâu; nhưng nếu có kẻ chết sống lại đến cùng họ, thì họ sẽ ăn-năn. ³¹ Song Áp-ra-ham rằng: Nếu không nghe Môi-se và các đấng tiên-tri, thì dầu có ai từ kẻ chết sống lại, chúng nó cũng chẳng tin vậy. »

Thí-dụ về người quản-gia bất-trung dạy cho ta cách sử-dụng của-cải cách hợp-lý. Thí-dụ về phú-hộ và La-xa-rô được Chúa dùng để cảnh-cáo những người nghe của Ngài khỏi lạm-dụng của-cải. Giữa hai thí-dụ, Lu-ca có ghi lại mấy câu nói, chúng ta không thể phán-đoán cả-quyết sự liên-lạc giữa những câu đó, nhưng hình như chúng ta được Lu-ca trích lại để làm lời giới-thiệu cho thí-dụ thứ hai, câu 14-18. Trong đó có một lời quở-trách người Phari-si về tật tham-lam vẩn-vương họ, và một câu nói về thâm-quyền tuyệt-đối của Luật-pháp. Họ chỉ biết giữ những chữ của luật-pháp, để rồi sẽ bị tinh-thần của nó lên án.

Người Pha-ri-si chê-cười Chúa Jê-sus vì Ngài dạy nhất-thiết phải có lòng hào-hiệp, từ-thiện và phải dùng của-cải các vô-kỷ. Chúa trả lời rằng những kẻ thù-nghịch đó có thể được loài người tôn-trọng, nhưng Đức Chúa Trời đọc thấu tấm lòng, cho nên có người được loài người khen-ngợi mà trước mặt Chúa chỉ là kẻ góm-ghe. Chúa Jê-sus giải-bày rằng sử-điệp của Tin-Lành đâu có khác Luật-pháp và dấu nhiều người sốt-sắng tiếp-nhận đặc-ân phước-hạnh của nó, Tin-Lành vẫn không loại Luật-pháp ra nhưng chứng-tỏ những đòi-hỏi của Luật-pháp có thể được đáp-ứng ra sao. Khi Ngài nói về một nét trong Luật-pháp không thể qua đi, là Ngài nói về những nét li-ti trong những chữ Hê-bơ-rơ có thể phân-biệt chữ này với chữ khác, và ý Ngài nói rằng sự đòi-hỏi nhỏ bé nhất của Luật-pháp cũng là thiêng-liêng và trường-tồn. Ngài minh-hiễn những chân-lý đó bằng cách nhắc lại Điều-răn thứ bảy, nhấn mạnh rằng không thể giải-thích Luật-pháp bằng những lý-thuyết mơ-hồ về sự ly-dị mà sự ngoại-tình mất tính-cách tội-lỗi đi đâu. Dầu có những sắc-luật khác biện-giải, nó cũng vẫn là tội như thường. Chúa Jê-sus có ý nhắc-nhở người Pha-ri-si rằng Luật-pháp cứ trường-tồn và thiêng-liêng dầu cho những kẻ theo chủ-nghĩa luật-pháp chỉ biết giữ những chữ của nó cũng đã bị kết-án.

Trong thí-dụ về phú-hộ và La-xa-rơ, Chúa Jê-sus không dạy rằng làm giàu là tội-lỗi hoặc tất cả kẻ nghèo đều được cứu. Ngài muốn nói đến cái hiểm-họa nghiêm-trọng của sự sử-dụng tiền-bạc cách ích-kỷ. Tội của người phú-hộ không phải ở trong cách làm giàu hay trong sự giàu-có của người, cũng chẳng phải trong nếp sống kém đạo-đức của người, mà ở một điều đã được mô-tả minh-bạch là trong khi ông ta sống ích-kỷ xa-xỉ thì có một người thiếu-thốn khổ-sở ngồi ngay trước cửa nhà ông mà không được giúp-đỡ. Lão phú-hộ ấy thường được gọi là Dives, tên La-tinh có nghĩa là « người giàu-có. » La-xa-rơ chỉ là một nhân-vật trong thí-dụ của Chúa, ở đây được đặt cho một tên đặc-biệt. Rất có thể tên La-xa-rơ được dùng để chỉ đức-tin tin-cậy nơi Đức Chúa Trời của người. Câu chuyện tỏ ra rằng chẳng những cuộc sống hiện nay của hai người

trương-phản nhau, mà cuộc sống hầu đến của họ lại càng trương-phản nhau hơn. Hình-ảnh của thí-dụ không nên đem diễn-dịch theo nghĩa đen một cách vô-lý, nhưng trong đó có hàm-chứa một lời cảnh-cáo nghiêm-nghị, và phía sau những tu-từ pháp ấy là những thật-sự nghiêm-trọng. Nó ám-chỉ sự hối-hận khốn-khở luôn luôn dày-vò những kẻ đã dùng của-cải, địa-vị, cơ-hội của mình trên trần-thế cách ích-kỷ. Hậu-quả của nó thật là đau-buồn vô-tận. Thời-kỳ biến-chuyển phải đến, đó là thời-kỳ phán-xét và báo-phục.

Ta thấy Chúa Jêsus đương cảnh-cáo người Pha-ri-si; lão phú-hộ là đại-diện của hạng này, hạng người chỉ biết giữ luật-pháp cách chi-ly, sống cuộc đời xa-xỉ phóng-túng cách ích-kỷ. Người giàu ấy gọi Áp-ra-ham bằng cha và Áp-ra-ham gọi lại bằng con. Điều này ám-chỉ rằng hầu hết những người Do-thái chính-thống có thể bị hư-mất và cuối-cùng sẽ đến chỗ đau-đớn.

Khi người giàu yêu-cầu cảnh-cáo đặc-biệt cho anh em người, thì có thể là người vì tình thương mà xin, cũng rất có thể là người có ý bào-chữa rằng nếu được soi-sáng nhiều hơn chắc người đã không phạm tội cách đáng buồn như vậy. Tuy-nhiên, câu trả lời rất ý-nghĩa « Nếu không nghe Môi-se và các đấng tiên-tri, thì đâu có ai từ kẻ chết sống lại, chúng nó cũng chẳng tin vậy. » Đó là câu trả lời cho người Pha-ri-si về điều họ luôn luôn yêu-cầu, họ muốn Ngài ban cho họ một phép lạ hiển-nhiên nhờ đó họ sẽ biết được sứ-mệnh thiên-thượng của Ngài. Chúa tỏ-bày rằng một dấu-hiệu trong phép lạ phi-thường cũng chẳng bao giờ thuyết-phục được những tấm lòng sai-lạc trước mặt Đức Chúa Trời. Ngài còn tuyên-bố rằng Luật-pháp và Lời Tiên-tri nêu ra một cách minh-bạch cái điều-luật thiên-thượng về tình-yêu. Kẻ nào không giữ luật tối-thượng này trong khi sử-dụng của-cải cùng tất cả những cơ-hội và đặc-quyền của mình là đương bị kết án và rước lấy nguy-cơ phải chịu đau-đớn vĩnh-viễn.

8. Cảnh-cáo các môn-đồ

17 : 1 - 10

«¹ Đức Chúa Jêsus lại phán cùng môn-đồ rằng : Không có thể khỏi xảy đến sự gậy nên phạm tội được ; song khốn thay cho ai là kẻ làm ra sự ấy !² Nếu ai gậy cho chỉ một kẻ nhỏ này phạm tội, thì thà rằng buộc cối đá vào cổ nó mà quăng xuống biển còn hơn.³ Các người hãy giữ lấy mình. Nếu anh em người đã phạm tội, hãy quở-trách họ ; và nếu họ ăn-năn, thì hãy tha-thứ. ⁴ Dầu trong một ngày, họ phạm tội cùng người bảy lần, và bảy lần trở lại cùng người mà nói rằng : Tôi ăn-năn, thì hãy tha tội cho họ.

⁵ Các sứ-đồ thưa Chúa rằng : Xin thêm đức-tin cho chúng tôi ! ⁶ Chúa đáp rằng : Nếu các người có đức-tin trọng bằng hạt cải, các người khiến cây dầu này rằng : Hãy nhổ đi mà trồng dưới biển, thì nó sẽ vàng lờ-lờ.

⁷ Ai trong các người có đầy-tớ đi cày hoặc đi chăn, khi ở ngoài đồng về biểu nó rằng : Hãy đến ngay mà ngồi ăn, hay sao ? ⁸ Trái lại, há không biểu nó rằng : Hãy dọn cho ta ăn, thất lưng hầu ta, cho đến chừng nào ta ăn uống xong, rồi sau người sẽ ăn uống sao ? ⁹ Đầy-tớ vắng lệnh mà làm, thì chủ có biết ơn gì nó chẳng ? ¹⁰ Các người cũng vậy, khi làm xong việc truyền phải làm, thì hãy nói rằng : Chúng tôi là đầy-tớ vô-ích ; đều chúng tôi đã làm là đều chắc phải làm.»

Sau những lời Chúa quở-trách người Pha-ri-si về sự lạm-dụng của-cải cho những mục-tiêu ích-kỷ, Lu-ca ghi lại bốn điều cảnh-cáo khác nhau cho các môn-đồ. Điều thứ nhất, câu 1, 2, cảnh-cáo về hiềm-họa gậy cho kẻ khác phạm tội. Chúa nói rằng, trong thế-giới của ích-kỷ và đục-vọng gian-tà này, việc gậy cơ vấp-phạm không thể nào tránh được, nhưng Ngài nghiêm-nghị công-bố sự khốn-nạn cho những kẻ nào phạm lỗi ghê-gớm ấy. Ngài bảo rằng một người như thế chẳng thà chết chìm dưới biển còn

hơn là để phạm một tội như vậy. Sự chết của thân-thể vẫn hơn sự chết của linh-hồn nhiều. Như vậy, Chúa Jê-sus cảnh-cáo những kẻ theo Ngài để họ đừng dẫn dắt kẻ khác đi lạc hay gây cho kẻ khác vấp-ngã, nhất là đối với những người chưa trưởng-thành bằng họ, hoặc về thời-gian hay về kinh-nghiệm. Không có thời nào mà Hội-Thánh không nó những tấn bị-kịch trong đó quyền-thế, ảnh-hưởng bị sử-dụng cách ích-kỷ để hướng-dẫn sai-lạc những linh-hồn trong trắng. Không có đời sống nào là không có cơ-hội để đặt những tảng đá vấp-ngã trên lối đi của kẻ khác, hoặc vô-tình gây những ảnh-tưởng tai-hại khiến kẻ khác phạm tội.

Điều cảnh-cáo thứ hai, Lu-ca ghi lại trong câu 3,4, Chúa Jê-sus răn môn-đồ không nên thiếu lòng bác-ái. Ngài khuyên họ lúc nào cũng phải sẵn-sàng tha-thứ. Ngài không khuyến-khích sự yếu-đuối hay lo-là đối với tội-lỗi; Ngài cho rằng khi một người anh em phạm tội thì người ấy đáng nhận và nên nhận một lời quở-trách. Phải làm thế nào cho người ấy cảm-biết và nhìn-nhận tội-lỗi mình. Tuy-nhiên, cần phải đối-xử với người cách nhơn-từ, và nếu người thành-thật ăn-năn, hãy nên tha-thứ người cách dễ-dãi. Dầu là người tái-phạm nhiều lần cũng không nên nuôi-dưỡng căm-thù đối với người. Khi Chúa nói người có thể phạm « một ngày bảy lần », là ý Ngài nói rằng dầu lỗi đó có bị tái-phạm bao nhiêu lần đi nữa, mà nếu người đó ăn-năn thành-thật thì cũng không được từ-chối tha-thứ.

Mười hai sứ-đồ có lẽ vì cảm thấy trách-nhiệm nặng-nề đè trên họ, nên đã cầu-xin Chúa rằng « Xin thêm đức-tin cho chúng tôi. » Câu trả lời của Chúa hàm-chứa một lời cảnh-cáo long-trọng, rằng điều họ xin thêm đó là cần-thiết, cần-thiết hơn họ tưởng nhiều lắm. Tuy-nhiên, trong câu trả lời cũng có một lời hứa nhơn-từ. Ngài từ-ái quở-trách họ vì họ thiếu đức-tin, nhưng rồi lại làm cho họ vững-tinh-thần lại bày-tỏ cho họ quyền-năng vô-hạn của đức-tin. Chúa chúng ta quá-quyết rằng nếu họ có đức-tin thật, dầu rằng nhỏ như một vật nhỏ nhất trong thiên-nhiên, tức là « một hạt cải, » thì họ có thể chỉ dùng một tiếng nói mà làm nên một việc phi-thường, nói cách tượng-trung là khiến cho một cây dầu nhỏ gốc lên mà trở

xuống biển. Những kẻ theo Chúa ngày nay cần được nhắc-nhở về những thực-sự ấy, đó là những giới-hạn hẹp-hòi thường giam-giữ đức-tin, và những khả-năng vô-tận mà họ có thể đạt được nếu họ tin-cậy nơi Đấng Christ cách đơn-sơ, vô-điều-kiện và thực-tế. (Câu 5, 6).

Lời cảnh-cáo thứ tư ghi ở đây là quở-trách sự kiêu-căng, tự-mãn, thích ca-tụng khen-thưởng, thường thấy trong những kẻ theo Đấng Christ. Chúa Jêsus dạy rằng những công-tác của loài người dầu có hoàn-hảo đến đâu, cũng không thể khoe-khoang trước mặt Đức Chúa Trời, đó chẳng qua là bồn-phận mà thôi. Chân-lý này được nêu ra trong thí-dụ về « Đầy-tờ vô-ích » câu 7-10. Chữ « vô-ích » không có nghĩa là vô-giá-trị, mà để chỉ một kẻ không hề đi quá bồn-phận của mình. Đây là hình-ảnh một tổi-mọi đã làm đầy-đu công-việc ở ngoài đồng cách trung-tin rồi, tổi về lại tiếp-tục làm những bồn-phận khác nữa. Chủ của nó không tỏ ý cảm-ơn về những điều nó phải làm. Ông cũng chẳng khen-ngợi đầy-tờ vì đã làm theo lệnh ông.

Đối với mọi người cũng vậy, một cuộc đời thánh-khiết yêu-thương chẳng qua chỉ là điều Đức Chúa Trời đòi-hỏi. Không có lý-do gì để đòi-hỏi phần thưởng cho cuộc sống đó. Không có cơ-gi để mong được ca-ngợi, thăng-tiến. Làm ít hơn tức là lo-định một bồn-phận hiển-nhiên mà làm nhiều hơn bồn-phận là điều không thể được. Dầu trong thí-dụ này Chúa quở-trách sự kiêu-hãnh, cất bỏ tất cả công-đức của việc làm thì trong nhiều thí-dụ khác Chúa lại dạy một cách quả-quyết về những phần thưởng Ngài sẽ ban cho những tổi-tờ trung-thành không phải Ngài bắt-buộc phải làm, bèn là để chứng-tỏ ân-điền từ-ái của Ngài.

C. Giai-đoạn cuối-cùng

Đoạn 17 : 11 - 19 : 28

1. Người Sa-ma-ri phung

17 : 11 - 19

«¹¹ Đức Chúa Jêsus đương lên thành Giê-ru-sa-lem, trải qua bờ-cõi xứ Sa-ma-ri và Ga-li-lê. ¹² Nhằm khi vào làng kia, có mười người phung đến đón-rước Ngài, đứng đàng xa, ¹³ lên tiếng rằng: Lạy Jêsus, lạy Thầy, xin thương-xót chúng tôi cùng! ¹⁴ Khi Ngài thấy họ, liền phán rằng: Hãy đi, tỏ mình cùng thầy tế-lễ. Họ đương đi thì phung lành hết thầy. ¹⁵ Có một người trong bọn họ thấy mình đã được sạch, bèn trở lại, lớn tiếng khen-ngợi Đức Chúa Trời; ¹⁶ lại đến sắp mặt xuống đất, nơi chơn Đức Chúa Jêsus, mà tạ ơn Ngài. Vả, người đó là người Sa-ma-ri. ¹⁷ Đức Chúa Jêsus bèn cất tiếng phán rằng: Không phải mười người đều được sạch cả sao? Còn chín người kia ở đâu? ¹⁸ Chỉ có người ngoại-quốc này trở lại ngợi-khen Đức Chúa Trời ư! ¹⁹ Ngài lại phán rằng: Đứng dậy, đi, đức-tin người đã cứu người.»

Sự chữa lành mười người phung bắt đầu chu-kỳ biến-cổ cuối-cùng đánh dấu những chặng đường chói của Chúa Jêsus về hướng Giê-ru-sa-lem. Lu-ca ghi lại phép lạ này rất thích-hợp, vì đặc-điểm chính của câu chuyện là lòng biết ơn và phước lành của một người Sa-ma-ri, mà Lu-ca luôn luôn mô-tả Chúa Jêsus là Cứu-Chúa chẳng phải riêng cho người Do-thái mà cho cả nhân-loại.

Tuy-nhiên, trong phép lạ này còn có một đặc-điểm khác; những người phung được truyền lệnh đi khai cho các thầy tế-lễ rằng họ đã khoẻ-mạnh trước khi họ được chữa lành. «Họ đương đi thì phung lành hết thầy.» Không cần phải có một đức-tin nhỏ nào mới đi được như vậy; song khi họ đi thì đức-tin của họ đã được tưởng-thưởng. Ngày nay cũng vậy, người ta đến với Đấng Christ xin Ngài giải-phóng khỏi tội-lỗi. Ngài truyền lệnh

cho họ hành-động như đã nhận được lời cầu-xin ấy, rồi cùng với hành-động đức-tin, lời cầu-nguyện được nhậm. Mệnh-lệnh của Đấng Christ bao-hàm một lời hứa, và đối với mọi lời hứa của Ngài, chúng ta có thể luôn luôn tin-cậy trong sự an-toàn tuyệt-đối.

Một người trong bọn họ « thấy mình đã được sạch, bèn trở lại lớn tiếng ngợi-khen Đức Chúa Trời; lại đến sắp mặt xuống đất, nơi chơn Đức Chúa Jê-sus mà tạ ơn Ngài. Và, người đó là người Sa-ma-ri. » Có một chút ngạc-nhiên và buồn-bã trong câu hỏi của Chúa Jê-sus khi Ngài thấy người phung được lành nằm dưới chơn Ngài: « Không phải mười người đều được sạch cả sao? Còn chín người kia ở đâu? Chỉ có người ngoại-quốc này trở lại ngợi-khen Đức Chúa Trời ư? » Ta đang ngạc-nhiên vì lòng vô-ơn rất thường thấy trong loài người. Có lẽ đến chín phần mười sẽ quên hết những ân-huệ họ nhận được. Hiếm có người nhìn-biết mình mang ơn kẻ khác. Càng đáng buồn hơn khi ta thấy chỉ có một số ít người trong vòng những kẻ nhận được sự cứu-rỗi của Chúa biết tỏ lòng tri-ân đối với Ngài bằng một cuộc sống vui-vẻ phục-vụ, tuyên-bố rằng họ phải sống cho Đấng đã chết vì họ.

Với người Sa-ma-ri thì đã có một lời hứa và bảo-đảm: « Đứng dậy, đi; đức-tin ngươi đã cứu ngươi. » Có thể Chúa Jê-sus định lưu-ý người được chữa lành là nhờ đức-tin trong chính Chúa. Ngài muốn nuôi-dưỡng những hạt giống của cuộc sống mới người, hầu người tin-cậy trọn- vẹn hơn nơi thân-vị Ngài. Cũng có thể Ngài định nói rằng đức-tin đã chữa lành thân-thể người, đức-tin biểu-lộ trong sự trở lại và lòng biết ơn của người đã đem lại cho người sự cứu-rỗi của linh-hồn. Dầu là trường-hợp nào ta cũng được nhắc-nhở rằng lòng biết ơn của người thấy ở những nơi ta ít để ý nhất; rằng điều đó luôn luôn làm vui lòng Chúa và đó là điều-kiện tiên-quyết để được thưởng thêm sự vui-mừng phước-hạnh.

2. Sự hiện đến của nước Trời

17 : 20 - 37

«²⁰ Người Pha-ri-si hỏi Đức Chúa Jê-sus nước Đức Chúa Trời chừng nào đến, thì Ngài đáp rằng: Nước Đức Chúa Trời không đến cách rõ-ràng,²¹ và người ta sẽ không nói: Ở đây, hay là: Ở đó; vì này, nước Đức Chúa Trời ở trong các người.

²² Ngài lại phán cùng môn-đồ rằng: Sẽ có kỳ các người ước-ao thấy chỉ một ngày của Con người, mà không thấy được.²³ Người ta sẽ nói cùng các người rằng: Ngài ở đây, hay là: Ngài ở đó; nhưng đừng đi, đừng theo họ.²⁴ Vì như chớp nháng loè từ dưới phương trời này đến dưới phương trời kia, thì Con người trong ngày Ngài cũng như vậy.²⁵ Nhưng Ngài trước phải chịu đau-dớn nhiều, và bị đòng-dối này bỏ ra.²⁶ Việc đã xảy đến trong đời Nô-ê, thì cũng sẽ xảy đến trong ngày Con người: ²⁷ người ta ăn, uống, cưới, gả, cho đến ngày Nô-ê vào tàu, và nước lụt đến hủy-diệt thiên-hạ hết.²⁸ Việc đã xảy ra trong đời Lót cũng vậy, người ta ăn, uống, mua, bán, trồng-trí, cất-dựng; ²⁹ đến ngày Lót ra khỏi thành Sô-dôm, thì trời mưa lửa và diêm-sinh, giết hết dân thành ấy.³⁰ Ngày Con người hiện ra cũng một thế này.³¹ Trong ngày đó, ai ở trên mái nhà, có của để trong nhà, đừng xuống mà chuyên đi; ai ở ngoài đồng, cũng đừng trở về nữa.³² Hãy nhớ lại vợ của Lót.³³ Ai kiếm cách cứu sự sống mình, thì sẽ được lại.³⁴ Ta phán cùng các người, trong đêm đó, hai người nằm chung giường, một người sẽ được rước đi, còn một bị để lại.³⁵ Hai người đòn-bà xay chung cối, một người được rước đi, còn một bị để lại.³⁷ Các môn-đồ bèn thưa Ngài rằng: Thưa Chúa, sự ấy sẽ ở tại đâu? Ngài đáp rằng: Xác chết ở đâu, chím ở nhóm tạt đó. »

Hoặc vì hiệu-ký hay vì muốn tranh-luận, Người Pha-ri-si đã đến hỏi Chúa khi nào nước Đức Chúa Trời đến. Chúa Jê-sus trả lời rằng nước ấy không đến như cách người ta mong-đợi, hoặc hiện ra như một sự-vật hữu-hình để họ có thể nói: nước đó « ở đây, hay là ở đó » bởi vì chính vị Vua đã « ở giữa » họ mà họ chẳng nhận-biết. Bởi vậy, khi Chúa Jê-sus phán « Nước Đức Chúa Trời ở trong các ngươi » chắc Ngài không có ý nói nước ấy ở trong tấm lòng thù-nghịch và bất-kính của người Pha-ri-si; cũng không phải là nói về cái quan-niệm đẹp-đẽ quen - thuộc cho Nước Trời là « sự trị-vi của Đức Chúa Trời trong tâm-hồn người » như đã diễn-tả trong Tân-Uớc. Có lẽ Chúa Jê-sus có ý nói rằng Nước Trời hiện-diện trong thân-vị của Ngài. Bản-chất của Nước Trời luôn luôn là thuộc-linh và gồm trong « sự công-nghĩa, bình-an và vui-mừng. » Tuy-nhiên, trong tương-lai nước ấy sẽ xuất-hiện hữu-hình khi Vua hiện ra. Câu hỏi về thời-gian và cách hiện đến của nước ấy không thể hỏi để thỏa trí tò-mò hoặc để gây tranh-luận. Đối với những người trần-thế như hạng Pha-ri-si, thì điều quan-trọng là Đấng Christ, Đấng thiêng-liêng đến từ trời, phải được nhận làm Chủ và Chúa, rồi nhiên-hậu khi phục-vụ Ngài họ sẽ được ban cho một cuộc sống tươi-mới phước-hạnh.

Đối với các môn-đồ là những kẻ đã tin-cậy Ngài, Chúa Jê-sus có thể trả lời đầy-đủ hơn là Nước ấy sẽ khánh-thành trong vinh-quang lúc Ngài trở lại. Ngài phán cùng họ rằng họ phải trông-đợi trong một thời-gian lâu-dài đến nỗi mọi lòng mòn-mỏi mong cho ngày vinh-quang đến ngay, và có nhiều kẻ lừa-gạt sẽ bảo là Ngài đến nơi này, lúc kia. Tuy-nhiên, Ngài sẽ hiện ra thình-linh trong vinh-quang chói-lói, cũng như chớp-nhoáng chỉ là một luồng sáng lờn ngang qua bầu trời.

Song trước khi đến trị-vi, Vua phải chịu đau-khổ và chết; và cái thế-giới đã chối-bỏ Ngài sẽ không ngờ Ngài trở lại. Khi Ngài tái-hiện, nhân-loại cũng vô-tình, lơ-đĩnh và miệt-mài trong những sự thường-thức của đời sống, giống như người đời đại-hồng-thủy hay dân-cư Sô-đôm trong thời phán-xét của nó.

Ngược lại, những người nào có dự phần vĩnh-viễn trong Nước Trời chắc phải trông-đợi Chúa trở lại. Thái-độ thích-hợp của họ lúc ấy được phô-diễn bằng những hình-ảnh sau : kẻ ở trên mái nhà đừng xuống lấy cửa-cái, kẻ ở ngoài đồng đừng chạy về nhà, họ không được nhìn lui, nhưng cứ hăng-hái tiến-tới để gặp mặt Chủ, vì chỉ trong Ngài mới có an-toàn và hi-vọng.

Đó là lúc chia-ly cả đến người đương gần-gũi mật-thiết. Ví-dụ, hai người ngủ chung một giường ; một người được đem đi, một người bị để lại ; hai người đàn-bà làm chung một việc ; một được đem đi, một bị để lại. Chữ « đem đi » cùng một ý-nghĩa đẹp-đẽ với lời Chúa hứa trong Tin-lành Giảng, « Ta sẽ đem các ngươi đi với Ta. » Nó nói về sự bình-an vui-mừng phước-hạnh của những kẻ hôn-hở hoan-ngheñh sự trở lại của Vua.

Về câu môn-đồ hỏi sự ấy sẽ xảy ra ở đâu thì Chúa trả lời rằng ở khắp mọi nơi. Nơi nào có xác chết thì có chim ó tụ-hợp, nơi nào có sự hư-hoại và tội-lỗi thì sự phán-xét sẽ giáng xuống. Nhưng tiếp theo sự phán-xét này là vinh-quang của Nước mà những kẻ theo Đấng Christ đương cầu-nguyện, hoạt-động và thức-canh chờ-đợi.

3. Quan án bất-công

18 : 1 - 8

«¹ Đức Chúa Jê-sus phán cùng môn-đồ một thí-dụ, để tỏ ra rằng phải cầu-nguyện luôn, chớ hề mỗi-một :
² Trong thành kia, có một quan án không kính-sợ Đức Chúa Trời, không vị-nể ai hết. ³ Trong thành đó cũng có một người đồn-bà góa, đến thưa quan rằng : Xin xét lẽ công-bình cho tôi về kẻ nghịch cùng tôi. ⁴ Quan ấy từ-chối đã lâu. Nhưng kẻ đó, người tự nghĩ rằng : Dầu ta không kính-sợ Đức Chúa Trời, không vị-nể ai hết, ⁵ song vì đồn-bà góa này khuấy-rầy ta, ta sẽ xét lẽ công-bình cho nó, để nó không tới luôn làm nhưc đầu ta. ⁶ Đoạn, Chúa phán thêm rằng : Các người có nghe lời quan án không công-bình đó đã nói chằng ?

7 Vậy, có lẽ nào Đức Chúa Trời chẳng xét lẽ công-bình cho những người đã được chọn, là kẻ đêm ngày kêu-xin Ngài, mà lại chậm-chạp đến cứu họ sao ! 8 Ta nói cùng các người, Ngài sẽ vội-vàng xét lẽ công-bình cho họ. Song khi Con người đến, há sẽ thấy đức-tin trên mặt đất chăng ? »

Thí-dụ về quan án bắt-công được Chúa kể liên-hệ trực-tiếp đến sự giảng-dạy cho họ về sự trở lại của Ngài. Bởi vậy, nó không phải chỉ khuyên-giục cầu-nguyện tổng-quát, mà cầu-nguyện cho sự đến của Đấng Christ và đặc-biệt hơn là cho sự trông-đợi tin-cậy biến-cổ ấy và những phước-hạnh do đó mà ra.

Tuy-nhiên, nó quả có khích-lệ cho sự cầu-nguyện của các tin-đồ Đấng Christ trải qua các đời. Lý-luận là thế này: Nếu một quan án bắt-công, coi Trời cũng như người, không ai ra vì mà còn phải nghe lời một bà góa vô-danh co vật-nài, bởi vì ông ta sợ bà cứ kêu-ca mãi, sẽ làm phiền ông, thì huống chi Đức Chúa Trời công-bình lại càng không sẵn-sàng nghe những lời khẩn-cầu kiên-nhân của những kẻ Ngài yêu luôn kêu-nài với Ngài sao !

Mặc dầu có những điều huyền-nhiệm, những kẻ theo Đấng Christ vẫn cứ nên cầu-nguyện không ngớt. Họ nên trịnh-cao Ngài những điều khan-cầu với tất cả khuấy-động giục-giã, biết chắc rằng Đức Chúa Trời đương nghe và đền-lúc Ngài sẽ trả lời.

Tuy-nhiên, sức mạnh của thí-dụ là ở chỗ kể lại cho Hội-Thanh sự yêu-đuoi và có-đơn của họ trong khoảng thời-gian từ khi Đấng Christ bị đóng đinh đến khi Ngài tái-làm. Chúa Jêsus vừa mô-tả tình-trạng thế-giới lúc Ngài trở lại. Ngài đã chụp hình thái-độ vô-tình, lơ-là và miệt-mài vào những chuyện trần-tục, rồi bây giờ Ngài muốn thúc-giục kẻ theo Ngài hãy kiên-nhân và hướng lòng về Ngài trong sự trông-đợi cầu-nguyện. Góa-phụ trong thí-dụ nay không nhân mạnh xin quan án hình-phạt kẻ thù của bà và xin ban lại cho bà quyền sở-hữu. Đó là hình-ảnh của Hội-thánh, chẳng những kêu-cầu báo-trả những kẻ bất-bơ, lại còn cầu-xin cho được những ơn-phước đã hứa và chắc sẽ nhận được khi Chúa trở lại.

Sau khi kể xong thí-dụ, Chúa Jêsus hỏi một câu đượm vẻ đau-buồn « Song khi Con người đến, há sẽ thấy đức-tin trên mặt đất chẳng? » Lẽ còn những kẻ thật lòng với Đấng Christ, yêu Ngài và trông-mong sự trở lại của Ngài chẳng? Câu hỏi đó chính là lời cảnh-cáo long-trọng về hiềm-họa của tinh-thần thế-tục và vô-tín sẽ thịnh-hành. Tuy vậy, câu trả lời không nên đáp với một tinh-thần thất-vọng, bi-quan, tuyệt-vọng. Hội-thánh lúc nào cũng có kẻ thù-nghịch, Hội-thánh phải luôn luôn canh-giữ những ảnh-hưởng thế-tục đương vây quanh.

Sẽ luôn luôn có những kẻ thật lòng với Chúa, được lựa-chọn khỏi thế-gian, rồi sau những ngày dài chờ-đợi mòn-mỏi, họ sẽ mừng-rỡ vì thịnh-linh vị chánh-án công-bình hiện ra với vinh-quang rực-rỡ hơn cả điều họ ước-mong cầu-xin.

4. Người Pha-ri-si và người thu thuế

18 : 9 - 14

«9 Ngài lại phán thí-dụ này về kẻ cậy mình là người công-bình và khinh-dễ kẻ khác: 10 Có hai người lên đền-thờ cầu-nguyện: một người Pha-ri-si và một người thu thuế. 11 Người Pha-ri-si đứng cầu-nguyện thăm như vậy: Lạy Đức Chúa Trời, tôi tạ ơn Ngài, vì tôi không phải như người khác, tham-lam, bất-nghĩa, gian-dâm, cũng không phải như người thu thuế này. 12 Tôi kiêng ăn một tuần-lễ hai lần, và nộp một phần mười về mọi món lợi của tôi. 13 Người thu thuế đứng xa xa, không dám ngước mắt lên trời, dấm ngực mà rằng: Lạy Đức Chúa Trời, xin thương-xót lấy tôi, vì tôi là kẻ có tội! 14 Ta nói cùng các người, người này trở về nhà mình, được xưng công-bình hơn người kia; vì ai tự nhắc mình lên sẽ phải hạ xuống, ai tự hạ mình xuống sẽ được nhắc lên.»

Thí-dụ về người Pha-ri-si và người thu thuế dùng để dạy sự khiêm-nhường chẳng những trong sự cầu-nguyện

mà cả trong mọi cách đánh giá bản-thân và trong mỗi lúc đến cùng Đức Chúa Trời. Nó đối-chiếu sự tương-phản giữa tôn-giáo hình-thức và tôn-giáo của tâm-hồn. Nó minh-định rằng chỉ có ăn-năn là con đường duy-nhất đến sự tha tội và bình-an.

Thí-dụ ấy không phải kể cho người Pha-ri-si dầu nó vạch trần sự giả-nguy và sự tự lừa-dối của mọi thứ chủ-nghĩa Pha-ri-si. Hình như khi kể, Chúa Jê-sus đã nghĩ đến mấy người trong số đã theo Ngài ; nhưng dầu là thuộc giai-cấp nào hay nghề-nghiệp nào, thì bất-cứ ở nơi nào, thời nào, bọn Pha-ri-si cũng có đại-diện trong đó. Đó là hạng người « chỉ cho mình là công-nghĩa, và coi kẻ khác không ra gì. »

Người Pha-ri-si ở đây được mô-tả theo cách đó. Người ấy lên đền-thờ để cầu-nguyện. Người đứng giữa đền-thờ nói với Đức Chúa Trời, nhưng đó không phải là lời cầu-nguyện thật. Người bắt đầu bằng chữ « Tôi tạ ơn Ngài, » nhưng thật ra người chỉ nói với chính mình. Người vui-mừng vì so với kẻ khác thì người thuộc một giai-cấp riêng. Người cho mọi kẻ khác là « tham-lam, bất-nghĩa, gian-dâm » vì điển-hình cho bọn tội-nhân ấy là bọn thầy thuốc khốn-khổ. Thay vì nhìn vào Đức Chúa Trời, người đã nhìn vào người thầy thuốc. Người khoe-khoang rằng người đã giữ mình thoát khỏi tội-lỗi của kẻ khác, lại làm nhiều việc lành hơn điều luật-pháp đòi-hỏi. Môi-se không bắt-buộc kiêng ăn, nhưng người Pha-ri-si kiêng ăn một tuần hai lần. Môi-se miễn cho vài thứ khỏi dâng phần mười; người Pha-ri-si dâng phần mười tất cả mọi lợi-tức của mình. Nói cách khác, người tốt hơn điều Đức Chúa Trời đòi-hỏi. Người làm như là Đức Chúa Trời cần biết ơn người. Con người như vậy đâu có hiểu gì về sự thánh-khiết của Đức Chúa Trời, về tinh-túy của những đòi-hỏi luật-pháp là tinh-yêu !

Trái hẳn lại, người thầy thuốc cung-kính đứng cách xa con người có vẻ thánh-thiện ấy, vì công-tác từ-thiện của người ấy được mọi người cảm-phục. Người cũng chẳng dám ngược nhìn lên trời. Người đấm ngực, dấu-hiệu của than-khóc, kêu lên cách buồn-thảm « Lạy Đức Chúa Trời, xin thương-xót lấy tôi, vì tôi là kẻ có tội ! » Những chữ trên hình như có hàm-ý rằng người tự coi mình là

cách xa mọi người khác. Người cảm - biết và xưng-nhận mình là « kẻ có tội ; » nhưng khi nhìn-nhận lỗi-lầm và quay về Đức Chúa Trời, thì người được nhận là kẻ công-nghĩa trước mặt Đức Chúa Trời và nhận được sự tha tội và bình-an.

Không thể nào hiểu lầm được bài học mà Chúa Jêsus muốn nhấn mạnh « Người này trở về nhà mình, được xưng công-bình hơn người kia. » Một cảm-giác tội-lỗi, một sự tìm-kiếm ơn tha tội, và một tiếng kêu-cầu ơn thương-xót của Đức Chúa Trời, đó chính là khởi-điểm của cuộc sống mới, rồi muốn tiến-bộ trên đường thánh-khiết đến bực nào đi nữa, cũng cần phải có sự khiêm-nhường như vậy. Hễ càng gần Đức Chúa Trời thì càng cảm thấy mình tội-lỗi, và càng không thể khoe-khoang về những thành-tích đạo-đức của mình. Hễ càng biết mình không ra gì, thì càng xứng-đáng để phục-vụ Đức Chúa Trời và đồng-loại. Đứng về phương-diện quốc-gia cũng như trong đời sống của cá-nhân, sự khiêm-ngạo của chủ-nghĩa Pha-ri-si ngăn-trở tinh-cách đặc-lực, tình huynh-đệ và ân-huệ của Đức Chúa Trời. Điều cần-thiết ngày nay là mọi người phải ăn-năn, phải biểu-lộ tấm lòng khiêm-cung, sám-hối : « Vì ai tự nhắc mình lên sẽ phải hạ xuống, ai tự hạ mình xuống sẽ được nhắc lên. »

5. Chúa Jêsus tiếp các nhi-đồng

18 : 15 - 17

« ¹⁵ Người ta cũng đem con trẻ đến cùng Đức Chúa Jêsus, cho được Ngài rờ đến chúng nó. Mòn-dồ thấy vậy, trách những người đem đến. ¹⁶ Nhưng Đức Chúa Jêsus gọi họ mà phán rằng : Hãy để con trẻ đến cùng ta, đừng ngăn-cấm ; vì nước Đức Chúa Trời thuộc về những người giống như con trẻ ấy. ¹⁷ Quả thật, ta nói cùng các ngươi, ai không nhận-lãnh nước Đức Chúa Trời như một đứa trẻ, thì sẽ không được vào đó. »

Cả Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca đều vẽ lại bức tranh khả-ái về Chúa Jêsus chúc phước cho các em bé. « Về quyền-rũ của cảnh ấy đã khiến nó được nhiều nghệ-sĩ đưa lên khung vải. Ý-nghĩa tượng-trưng trong cảnh ấy đã được

Hội-thánh ngày nay công-nhận « Họ cũng đem con trẻ đến cùng Đức Chúa Jêsus. » Có lẽ cha mẹ bồng chúng trên tay mà đem đến. Họ biết rằng không phải chỉ kẻ phung cùi, người tàn-tật mới cầu Chúa rờ đến, mà quyền của Ngài cũng đem phước-hạnh lại cho trẻ em nữa.

Sự đặt tay đó là mối liên-lạc cá-nhân, là sự tiếp-xúc thuộc-linh mà ngày nay các bậc cha mẹ nên hết sức tìm-kiểm cho con-cái. « Môn-đồ thấy vậy, trách những người đem đến. » Dường như họ cảm thấy rằng nhi-đồng không có nghĩa-lý gì, không nên để can-thiệp vào công-việc của Chúa, hoặc đáng cho Ngài lưu-ý tới. Ngày nay cũng có nhiều điều ngăn-trở các bậc cha mẹ đem con đến cùng Đấng Christ. Thói quen, sự thờ-ơ lãnh-đam, sự sợ-sệt, rụt-rè; cả đến bè-bạn dường như cũng đóng vai « các môn-đồ » xưa mà ngăn-trở, trách-mắng những kẻ thật lòng muốn đem con-cái mình đến mối giao-hữu thánh-khiết với Chúa. Ngày nay không có điều gì quan-trọng hơn việc cất-bỏ những hàng rào chướng-ngại đó. Nuôi-nấng thiếu-nhi bằng giáo-lý Cơ-đốc là điều tối-cần trong mọi thời-đại. « Nhưng Đức Chúa Jêsus gọi họ mà phán rằng : Hãy để con trẻ đến cùng ta, đừng ngăn-cấm. » Câu trả lời của Thầy như vòng hào-quang xung-quanh mọi gương mặt thiếu-nhi. Sự trong-trắng và nhu-cầu của chúng đã khiến Thầy đặc-biệt lưu-ý. Điều ấy há không cảm-động chúng ta sao, chúng ta há không cảm thấy giống như Đấng Christ và cảm thấy hân-hạnh được săn-sóc những kẻ nhỏ bé mà Chúa thật lòng yêu ấy sao ? Chúng ta chỉ là đầy-tớ thật của Thầy khi chúng ta nghe thấy tiếng kêu-gọi của tuổi thơ mà cung-cấp cho chúng những nhu-cầu về thân-thể, tâm-trí cũng như thuộc-linh.

« Vì nước Đức Chúa Trời thuộc về những người giống như con trẻ ấy. » Thuộc về chúng nó vì đó là quyền-lợi của chúng. Không phải nước ấy chỉ thuộc về những nhi-đồng mà Chúa chúc phước hoặc tất cả nhi-đồng nói chung, nhưng tất cả mọi hạng tuổi, những kẻ nào có lòng tin-tưởng, nhờ-cậy và trong-trắng như trẻ em. Tất cả những người tin-cậy sự săn-sóc của Chúa và nhận ân-điền cứu-rỗi của Ngài sẽ tìm được một chỗ trong Nước Trời.

Trong lúc đoàn dân nhìn chăm chăm cách ngạc-nhiên và cảm-động cái cảnh âu-yếm ấy, thì Cúu-Chúa của chúng ta nói thêm lời khuyên-cáo này : « Quả thật, ta nói cùng các người, ai không nhận-lãnh nước Đức Chúa Trời như một đứa trẻ thì sẽ không được vào đó. »

6. Vị quan giàu-có

18 : 18 - 30

« 18 Bấy giờ có một quan hỏi Đức Chúa Jê-sus rằng : Thưa thầy nhơn-lành, tôi phải làm gì cho được hưởng sự sống đời đời ? 19 Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Sao người gọi ta là nhơn-lành ? Chỉ có một Đấng nhơn-lành, là Đức Chúa Trời. 20 Người đã biết các điều-răn này : Người chớ phạm tội tà-dâm ; chớ giết người ; chớ trộm-cướp ; chớ nói chứng dối ; hãy hiếu-kính cha mẹ. 21 Người ấy thưa rằng : Tôi đã giữ các điều ấy từ thuở nhỏ. 22 Đức Chúa Jê-sus nghe vậy, bèn phán rằng : Còn thiếu cho người một điều ; hãy bán hết gia-tài mình, phân-phát cho kẻ nghèo, thì người sẽ có của-cải ở trên trời ; bấy giờ hãy đến mà theo ta. 23 Nhưng người ấy nghe mấy lời thì trở nên buồn-rầu, vì giàu-có lắm. 24 Đức Chúa Jê-sus thấy người buồn-rầu, bèn phán rằng : Kẻ giàu vào nước Đức Chúa Trời là khó biết dường nào ! 25 Lạc-đá chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào nước Đức Chúa Trời ! Nhưng người nghe đều đó, nói rằng : Vậy thì ai được cứu ? 27 Ngài đáp rằng : Sự chi người ta không làm được, thì Đức Chúa Trời làm được. »

28 Phi-e-rơ bèn thưa rằng : Nay, chúng tôi đã bỏ sự mình có mà theo thầy. 29 Đức Chúa Jê-sus phán rằng : Quả thật, ta nói cùng các người, người nào vì cơ nước Đức Chúa Trời mà bỏ nhà-cửa, cha mẹ, anh em, vợ con, 30 thì trong đời này được lãnh nhiều hơn, và đời sau được sự sống đời đời. »

Trái với người thâu thuế ăn-năn và những trẻ em khả-ái mà Lu-ca mới mô-tả, ở đây ta bước tới cảnh một người trẻ tuổi, giàu-có, thanh-liêm, có ý-hướng đạo-đức,

nhưng vô-tình không biết đến tội tham-lam đe-dọa linh-hồn mình, tin-cậy vào cửa-cải có thể ngăn-trở mình vào Nước Đức Chúa Trời. Mặc dầu có cửa-cải, tuổi trẻ, địa-vị, thế-lực, nhưng lòng người ấy vẫn không thỏa-mãn. Người đến cùng Đức Chúa Jê-sus hỏi Ngài : « Thưa thầy nhơn-lành, tôi phải làm gì cho được sự sống đời đời ? » Lập-tức Chúa Jê-sus rầy người : « Sao người gọi ta là nhơn-lành ? Chỉ có một Đấng nhơn-lành là Đức Chúa Trời. » Câu quở-trách của Chúa không phải là để biện-hộ cho thân-tánh của Ngài cũng chẳng phải chối-từ sự vô-tội của Ngài, Ngài muốn cho người thanh-niên ấy nhận-biết nhu-cầu đạo-đức của mình. Ý Ngài nói rằng dùng chữ «nhơn-lành» cách vô-ý-thức để chỉ một người mà chàng xem là một giáo-sư trần-gian, là dấu-hiệu chứng-tỏ chàng có một ý-niệm nông-cạn về thiện-đức. Nếu phán-đoán theo tiêu-chuẩn thiên-thượng, chàng thanh-niên không thể cho mình là thiện (nhơn-lành), cũng chẳng ai có thể cho mình là công-nghĩa trong ánh sáng thánh-khiết thiên-đường.

Đề đánh thức lương-tâm và quấy-động sự tự-phụ về công-nghĩa riêng của người hỏi đạo trẻ tuổi, Chúa Jê-sus đã trải-nghiệm người bằng ánh sáng của những điều-răn trong đó Đức Chúa Trời phát-biểu ý-muốn của Ngài. Chàng thanh-niên lập-tức trả lời : « Tôi đã giữ mọi điều ấy từ thuở nhỏ » Chúa Jê-sus dò vào sâu hơn đề tỏ rằng người ấy chưa hề giữ tinh-thần của luật-pháp mà chỉ giữ những chữ của luật-pháp ấy. Chúa Jê-sus đã phát-giác lòng ích-kỷ của lòng người khi Ngài đưa ra trải-nghiệm tối-hậu. « Còn thiếu cho người một điều ; hãy bán hết gia-tài mình, phân-phát cho kẻ nghèo, thì người sẽ có cửa-cải ở trên trời ; bấy giờ hãy đến mà theo ta. » Trong câu nói đó Chúa Jê-sus lên án người thanh-niên đã phạm luật-pháp, vì điều đòi-hỏi căn-bản của nó là yêu đồng-loại như mình.

Chúa Jê-sus hứa sẽ có phần thưởng đời đời cho sự hi-sinh, và Ngài hứa ban ảnh-hưởng quyền-năng qua sự giao-hữu trực-tiếp với Ngài, hầu có thể giữ luật-pháp cách đầy-đủ. Nếu phán-đoán bằng những điều-răn theo sự minh-giải của Đấng Christ, thì không ai có thể cho mình là công-nghĩa được. Hi-vọng duy-nhất của chúng ta là đến cùng

Ngài sẽ được hướng-dẫn và giúp-đỡ. Ngài sẽ phơi trần sự ích-kỷ bí-mật trong lòng ta, và phát-huy tinh-thần yêu-thương và phục-vụ vốn là bản-chất của cuộc sống đời đời, và ở thiên-đàng Ngài sẽ đền-đáp tất cả những thiệt-hại cho những kẻ theo Ngài.

Chúa Jêsus không đòi-hỏi những kẻ vàng-phục Ngài phải bỏ tất cả những của-cải trần-gian. Ngài đang ở trong một trường-hợp đặc-biệt khi Ngài phán lệnh trên cho vị quan giàu. Dầu vậy, Ngài thật có đòi-hỏi mọi người từ-bỏ tất cả những gì ngăn-trở ta theo Chúa và sự giao-kết cởi-mở thành-thật với Ngài. Trong trường-hợp của người đòi-hỏi đạo này, chương-ngại-vật là của-cải người. Chàng không thể nào còn giữ nó mà có thể theo Đấng Christ được. Chúa vạch rõ cho chàng thấy thiện-đức của chàng cạn-cột và không đủ chút nào. Ngài cho chàng thấy rằng lòng yêu tiền-bạc là ung-nhọt ẩn-giấu trong linh-hồn chàng. Ngài đặt trước mặt chàng hai điều để lựa-chọn : của-cải hay sự sống đời đời mà chỉ mình Chúa Jêsus có thể ban cho. Ta không lạ gì khi thấy ông quan thanh-niên kia lần đầu-tiên cảm-biết mình bị tiền-bạc trói-buộc khi phải nghe đến những điều-luật nghiêm-khắc : « Nhưng người ấy nghe mấy lời thì trở nên buồn-rầu, vì giàu-có lắm. » Người đã giữ của-cải và bỏ Chúa. Người đã thấy cơ-hội để được sự sống đời đời nhưng người không muốn trả giá. Người giữ được của-cải nhưng đã mất linh-hồn mình.

Chúa Jêsus lấy làm thương-xót, nhìn xem người, bèn phán cùng các môn-đệ một chân-lý khiến họ kinh-ngạc, chân-lý mà cảnh-tượng trên vừa diễn-tả : « Kẻ giàu vào nước Đức Chúa Trời là khó biết đường nào ! » Điều này thật là lạ-lùng đối với người Do-thái. Họ cho rằng của-cải là bằng-chứng cụ-thể về ơn Đức Chúa Trời. Vậy ý Chúa Jêsus nói gì ? Ngài không định dạy rằng của-cải là tội-lỗi hay tài-sản tư-hữu là một lỗi-làm của xã-hội. Ý Ngài muốn nói của-cải có thể giữ không cho chủ-nhân nó đến làm môn-đồ Đấng Christ và những kẻ chỉ lo mưu-lợi để toại-thân, tự ngăn-trở mình không đến cùng Đấng Christ sẽ chẳng bao giờ được vào nước Thiên-đàng. Đến nỗi Chúa Jêsus lại nói thêm một câu có tính-cách khoa-đại : « Lạc-đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào nước Đức Chúa Trời. »

Kẻ nào muốn vào Nước Trời phải trở nên giống như đứa bé, phải từ-bỏ sự tự-thị sẵn-sàng hi-sinh tất cả những gì ngăn-trở mình trở thành đầy-tớ biết vâng lời của Đấng Christ. Khi các môn-đồ nghe vậy, họ ngạc-nhiên hỏi : « Vậy thì ai được cứu ? » Chúa trả lời : « Sự chỉ người ta không làm được, thì Đức Chúa Trời làm được. » Cần phải quyết-định và hi-sinh, nhưng Đức Chúa Trời sẵn-sàng cung-cấp ân-huệ cần-thiết. Thánh-Linh của Ngài sẽ thêm sức cho những kẻ quay lại cùng Ngài và muốn sống một cuộc sống cao hơn.

Khi người giàu bỏ đi âu-sầu trong bộ áo đất tiền, Phi-e-rơ nhìn theo người có vẻ chế-giễu, rồi quay lại nói với Chúa có vẻ tự-đắc : « Này, chúng tôi đã bỏ sự mình có mà theo thầy. » Câu trả lời của Chúa không có ý khuyến-khích người ta theo Ngài để mưu-lợi. Sự cứu-rỗi của Ngài chỉ là công-việc của ân-diễn. Chúng ta đừng nên nghĩ rằng nhờ hi-sinh một vài thứ trần-tục mà có thể mua được sự sống đời đời. Tuy-nhiên, những lời dụ-dàng của Đấng Christ hứa cho chúng ta một phần thưởng phong-phú để bù-đắp lại những điều chúng ta phải nhượng-bỏ khi thành môn-đệ Ngài. Ngay bây giờ chúng ta cũng được phần thưởng gấp trăm lần không phải bằng hiện-vật mà bằng những kinh-nghiệm làm thỏa-mãn linh-hồn ta, và « đời sau được sự sống đời đời. »

7. Chúa Jêsus lại dự-ngôn về sự chết của Ngài

18 : 31 - 34

« ³¹ Kế đó, Đức Chúa Jêsus đem mười hai sứ-đồ riêng ra mà phán rằng : Này, chúng ta lên thành Giê-ru-sa-lem, mọi điều mà các đấng tiên-tri đã chép về Con người sẽ ứng-nghiệm. ³² Vì Ngài sẽ bị nộp cho dân ngoại ; họ sẽ nhạo-báng Ngài, mắng-nhiếc Ngài, nhổ trên Ngài, ³³ sau khi đánh đòn rồi, thì giết Ngài đi ; đến ngày thứ ba, Ngài sẽ sống lại. ³⁴ Song các môn-đồ không hiểu chi hết ; vì nghĩa những lời đó kín-giấu cho môn-đồ, nên không rõ ý Đức Chúa Jêsus nói là gì. »

Khi Chúa Jêsus tiến về miền nam ngang qua Bê-rê-gan hết chặng đường cuối-cùng về Giê-ru-sa-lem, có một đoàn người hâm-mộ kéo theo, nhưng lòng Ngài nặng-nề vì biết rằng sự đau-khổ đương chờ-đợi Ngài, và Ngài đã trông thấy rõ-ràng hình-ảnh của thập-tự-giá ở trước mặt Ngài. Nhiều kẻ theo Ngài ngày nay cũng có một kinh-nghiệm tương-tự, trong khi được thiên-hạ hâm-mộ, ai thấy cũng phải thêm-muốn, thế mà lòng họ đương bị mối sầu-não ngấm-ngấm dày-vò vì họ biết khổ-đau sắp đến với họ.

Những kẻ gần Ngài nhất bấy giờ cũng hoàn-toàn không biết gì về những ý-nghĩ của Ngài và Ngài rất cần được thông-cảm. Bởi vậy đây là lần thứ ba Chúa nói trước rõ-ràng sự chết sắp đến của Ngài. Ngài tuyên-bố rằng sự đau-khổ Ngài chịu là phù-hợp với những lời tiên-tri và ở đây Ngài còn mô-tả tỉ-mỉ hơn những nơi khác về những nỗi khổ Ngài phải chịu. «Ngài sẽ bị nộp cho dân ngoại» để bị thập-hình, sau khi đã chịu chế-giễu, sỉ-nhỏ, đánh-đập, Ngài sẽ bị giết.

Vì chúng ta thấy rõ những điều Ngài phải đối-phó nên chúng ta mới hiểu rõ ý-chí quả-cảm vô-song của Ngài khi Ngài tiến lên không hề chần bực, để lại tấm gương cảm-kích cho những kẻ phải vác thập-tự-giá mình mà theo Ngài.

Sự hiểu-biết như thế tỏ ra một Đấng tự biết mình có nhân-cách cao hơn người thường. Ngài tin-tưởng rằng Ngài đương làm ứng-nghiệm những lời tiên-tri trong Kinh-Thánh. Điều đó chứng-tỏ rằng Ngài tự xem mình là Cứu-Chúa của thế-gian. Ý-chi sẵn-sàng chịu khổ như thế chứng-minh rằng Ngài tin sự chết chuộc tội của Ngài đóng vai-trò tối-yếu trong công-cuộc cứu-rỗi.

Tuy-nhiên, phần-mộ không phải là đích cuối-cùng của Ngài. Với nhiều quả-quyết tuyệt-đối, Ngài tuyên-bố rằng đến ngày thứ ba Ngài sẽ sống lại. Viên-tượng về cuộc khải-hoàn ấy là một phần lý-do của sự can-đảm của Ngài. Chính nhờ sự sống lại về-vang đó mà Ngài có thể trở thành Cứu-Chúa của nhân-loại.

Dầu vậy, các môn-đồ vẫn không hiểu chi cả; Lu-ca nhấn mạnh sự tối-tầm của họ khi diễn-tả bằng ba lần điệp-y. Họ không tin rằng Ngài cần phải chết, và sự sống lại đối với họ chỉ là một giấc mơ. Bởi vì họ không hề ngờ đến, nên khi Ngài sống lại thì lời chứng của họ lại càng đáng tin. Tuy-nhiên, có phải nếu họ trông thấy rõ-ràng hơn, không bị thành-kiến che khuất, thì đã đem cho Thầy một chút niềm vui trong linh-hồn cô-đơn của Ngài không? Và Ngài đã chẳng muốn cho mọi kẻ theo Ngài tin vào lời dự-ngôn của Ngài với một đức-tin yên-lặng và nghĩ-ngoi trên lời hứa của Ngài với mỗi hi-vọng khải-hoàn đó sao?

3. Người mù thành Giê-ri-cô

18: 35 - 43

«³⁵Đức Chúa Jê-sus đến gần thành Giê-ri-cô, có một người dui ngồi xin ở bên đường, ³⁶nghe đoàn dân đi qua, bèn hỏi việc gì đó. ³⁷Người ta trả lời rằng: Ấy là Jê-sus, người Na-xa-rét đi qua. ³⁸Người dui bèn kêu lên rằng: Lạy Jê-sus, con vua Đa-vít, xin thương-xót tôi cùng! ³⁹Những kẻ đi trước rầy người cho nín đi; song người càng kêu lớn hơn nữa rằng: Lạy con vua Đa-vít, xin thương-xót tôi cùng! ⁴⁰Đức Chúa Jê-sus dừng lại, truyền đem người đến. Khi người dui lại gần, thì Ngài hỏi rằng: ⁴¹Người muốn ta làm gì cho? Thưa rằng: Lạy Chúa, xin cho tôi được sáng mắt lại. ⁴²Đức Chúa Jê-sus phán rằng: Hãy sáng mắt lại; đức-tin của người đã chữa lành người. ⁴³Tức thì, người sáng mắt, đi theo Đức Chúa Jê-sus, ngợi-khen Đức Chúa Trời. Hết thấy dân-chúng thấy vậy, đều ngợi-khen Đức Chúa Trời.»

Đây là lần cuối-cùng Chúa Jê-sus đi ngang qua thành Giê-ri-cô, Ngài chữa lành một người mù mà Mác ghi là Ba-ti-mê. Phép lạ này là chứng-cớ của quyền-phép thiên-thượng và là dấu-hiệu của tình-cảm thể-nhân, nhưng cũng là một thí-dụ tỏ rằng chỉ mình Chúa Jê-sus có khả-năng để ban thị-giác lại cho những kẻ đui-mù về đạo-

đức, cùng ban thị-quan thiêng-liêng rất cần-thiết nếu loài người muốn cư-xử với nhau và với Đức Chúa Trời cách phải lẽ. Trong chuyện Lu-ca kể có vài tiêu-tiết khác với Ma-thi-ơ và Mác. Ma-thi-ơ nói tới hai người mù và cũng như Mác, kể rằng phép lạ xảy ra khi Chúa Jê-sus lia thành. Có thể Mác và Lu-ca chỉ nói về người mù được nhiều người biết nhất trong hai người đó, còn thành Giê-ri-cô mà Lu-ca nói chắc chỉ vào thành cổ hơn trong số hai thành cùng mang tên như nhau. Nhưng cả ba đều hợp nhau chỉ tả-vẽ tình-cảnh đáng thương của con người bọ-vọ, vì mù-lòa mà phải đi ăn-xin, và đó là biểu-hiệu chân-thật của kẻ thiếu thị-giác thuộc-linh.

Rồi lại có hình-ảnh của những trở-ngại phải vượt qua, những điều hoài-nghi, những khó-khăn nằm trên đường những kẻ tìm-kiếm quyền chữa lành của Cứu-Chúa. « Những kẻ đi trước rầy người cho nín đi. » Biết bao lần những kẻ tìm-kiếm ánh sáng và ơn chữa lành đã phải nghe những lời làm nhụt chí hoặc những ý-kiến dẫn đến chán-nản tuyệt-vọng!

Lại có hình-ảnh của lòng cương-quyết khăng khăng và đức-tin không lay-động. Song người càng kêu lớn hơn nữa rằng : « Lạy con vua Đa-vít, xin thương-xót tôi cùng. » Người ta đã cho hay rằng : « Ấy là Jê-sus, người Na-xa-rét đi qua. » Người nhận-biết Đấng Tiên-tri ở Na-xa-rét là Đấng Mê-si đã hứa, là Cứu-Chúa của thế-gian, nên khi bị rầy vì đã kêu-xin thương-xót, thì người cứ kiên-trì trong đức-tin và tin-cậy rằng Chúa Jê-sus sẽ thương-xót và chữa lành.

Cuối-cùng là hình-ảnh của một sự cứu-chữa toàn-vẹn. Người mù không thất-vọng. Chúa Jê-sus nói cùng người « Hãy sáng mắt lại ; đức-tin của ngươi đã chữa lành ngươi. » Có biết bao người như người này đã thấy Đấng Christ sẵn lòng và có quyền ban cho họ sự sáng thuộc-linh. Mắt họ mở ra thấy những sự-vật vĩnh-tại vô-hình, và họ có thể đi theo Thầy từng bước vui-vẻ trong cuộc hành-trình về thành thánh, tại đây họ sẽ thấy Vua trong vẻ đẹp của Ngài, họ sẽ trở nên giống như Ngài và sẽ « thấy Ngài như vốn có thật vậy. »

Những phép lạ như thế chẳng những chỉ khiến cho những kẻ được chữa lành vui-mừng; chúng còn khiến cho vô-số người khác mừng-rỡ vì đã minh-xác cho họ về lòng tru-ái, ân-diễn và quyền-năng thiên-thượng của Cứu-Chúa. Như Lu-ca đã mô-tả: « Hết thấy dân-chúng thấy vậy đều ngợi-khen Đức Chúa Trời. »

9. Sự qui-đạo của Xa-chê

19 : 1 - 10

« ¹ Đức Chúa Jê-sus vào thành Giê-ri-cô, đi ngang qua phố. ² Tại đó, có một người tên là Xa-chê, làm đầu bọn thu thuế, và giàu-có. ³ Người đó tìm xem Đức Chúa Jê-sus là ai, nhưng không thấy được, vì đoàn dân đông lắm, mà mình lại thấp. ⁴ Vậy, Xa-chê chạy trước, trèo lên cây sung, để ngó thấy Đức Chúa Jê-sus, vì Ngài phải đi qua đó. ⁵ Đức Chúa Jê-sus đến chỗ ấy, ngước mắt lên mà phán rằng: Hỡi Xa-chê hãy xuống cho mau, vì hôm nay ta phải ở nhà ngươi. ⁶ Xa-chê vội-vàng xuống và mừng rước Ngài. ⁷ Ai nấy thấy vậy, đều lầm-bầm rằng: Người này vào nhà kẻ có tội mà trọ! ⁸ Song Xa-chê đứng trước mặt Chúa, thưa rằng: Lạy Chúa, này, tôi lấy nửa gia-tài mình mà cho kẻ nghèo, và nếu có làm thiệt-hại ai, bất-kỳ việc gì, tôi sẽ đền gấp tư. ⁹ Đức Chúa Jê-sus bèn phán rằng: Hôm nay sự cứu đã vào nhà này, vì người này cũng là con cháu Áp-ra-ham. ¹⁰ Bởi Con người đã đến tìm và cứu kẻ bị mất. »

Khi « Đức Chúa Jê-sus vào thành Giê-ri-cô, » một thành-phố có tiếng về đức-tin cũng như vô-tin. « Bởi đức-tin các trưởng-thành Giê-ri-cô đổ xuống », rồi bởi sự vô-tin mà-quang những tường-thành ấy đã được xây lại và sự rửa-sả đã giáng trên người xây ương-ngạnh. Khi Chúa Jê-sus đi qua thành này Ngài cũng phải chứng-kiến cả đức-tin lẫn sự vô-tin: sự vô-tin của dân-chúng và đức-tin của một người tên là Xa-chê. Tên này có nghĩa là « sự thánh-khiết », nhưng dùng nó để chỉ con người này thật là không đúng. Những kẻ biết người rõ hơn hết thì gọi người là « tội-nhân »,

và có lẽ họ đúng. Người « làm đầu bọn thu thuế, và giàu-có. » Có thể có người làm thu thuế mà chân-thật, nhưng nếu vậy có lẽ người phải nghèo. Công-việc của Xa-chê là thu thuế, và nếu ta nhớ rằng những chức-việc này thường làm giàu bằng phương-kế tống-tiền và bắt-lương, thì một người thu thuế giàu, ít ra cũng là điều đáng ngờ.

« Người đó tìm xem Đức Chúa Jê-sus là ai. » Có thể là tánh hiếu-kỳ, nhưng ý-muốn của người có vẻ thiết-tha. Có thể người đã nghe về vị Đại Tiên-tri đối-xử tử-tế với những người thu thuế và tội-nhân. Dầu vậy, người không thấy Chúa Jê-sus được « vì đoàn dân đông lắm, mà mình lại thấp. » Trở-ngại thường hay dựng lên trên đường những kẻ mới bắt đầu chú-ý đến Đấng Christ. Tuy-nhiên, nếu ước-vọng họ thiết-tha thì họ sẽ được biết hơn về Ngài.

Xa-chê chứng-tỏ sự thiết-tha của ông, khi ông « chạy trước, trèo lên lên cây sung, để ngó thấy Đức Chúa Jê-sus. » Hành-động của người lùn giàu-có này có vẻ trẻ con, nhưng lòng thiết-tha của ông đã được đền-đáp bất-ngờ, vì khi « Đức Chúa Jê-sus đến chỗ ấy, ngước mắt lên mà phán rằng: Hỡi Xa-chê, hãy xuống cho mau, vì hôm nay ta phải ở nhà ngươi. » Đây là lần duy-nhất ta thấy Chúa Jê-sus tự mời Ngài làm khách, nhưng chúng ta biết chắc rằng Ngài luôn luôn sẵn-sàng trú-ngụ trong những tấm lòng mở rộng để tiếp-nhận Ngài. Người ta bảo rằng Xa-chê qui-đạo trước khi ông xuống tới đất. Chắc-chắn đã có một sự thay-đổi lớn-lao trong lòng ông khi ông biết rằng Chúa Jê-sus đã biết ông tưng-tận, và ông đoán được Chúa sẽ làm gì cho mình. Rồi ông biểu-lộ đức-tin và hi-vọng của mình. « Xa-chê vội-vàng xuống và mừng rước Ngài. »

Đoàn dân đã nói gì? Y như những điều mà thế-gian thường nói mỗi khi có người trở lại cùng Đấng Christ tìm-kiếm sự sống mới. Loài người luôn luôn nhớ lại cái quá-khứ đen-đối mà người được cứu đương từ-bỏ. « Ai nấy thấy vậy, đều lắm-bầm-rằng: Người này vào nhà kẻ có tội mà trọ! »

Xa-chê đã nói gì? Y như điều mọi người nói khi họ tìm thấy ân-điễn do Đấng Christ ban và nhìn biết rằng cuộc sống mới chỉ khởi-sự sau khi đã ăn-năn và quyết-định. « Lay Chúa, này, tôi lấy nửa gia-tài mình mà cho kẻ nghèo. » Để làm một Cơ-đốc-đồ người đã quyết-định làm hơn điều luật-

pháp Do-thái đòi-hỏi. Luật-pháp ấy chỉ đòi một phần mười thỏi, mà Xa-chê hứa dành phần nửa lợi-tức của mình mà phục-vụ Chúa. «Và nếu có làm thiệt-hại ai, bất-kỳ việc gì, tôi sẽ đền gấp tư.» Hiên-nhiên một người thầu thuế có cơ-hội đề bồi-hoàn lại như thế, và không có gì chứng-tỏ lòng ăn-năn dứt-khoát bằng ước-vọng muốn sửa-chữa lại quá-khứ.

Chúa Jêsus nói gì? Đây là điều quan-trọng hơn hết : «Hôm nay sự cứu-rỗi đã vào nhà này, vì người này cũng là con cháu Áp-ra-ham» Bởi đức-tin, thầu thuế thành Giê-ri-cô đã chứng-tỏ mình là con cháu thật của Áp-ra-ham, «cha của những kẻ tin.» Lòng tin-cậy nơi Đấng Christ đem cho người sự cứu-rỗi dành cho mọi người, cả cho những kẻ thấp-hèn, tuyệt-vọng và bị khinh-miệt nhất, «Bởi Con người đã đến tìm và cứu những kẻ bị mất.»

10. Thí-dụ mười nén bạc

19 : 11 - 28

¹¹ Họ nghe những lời ấy, thì Đức Chúa Jêsus thêm một thí-dụ nữa, vì Ngài gần đến thành Giê-ru-sa-lem, và người ta tưởng rằng nước Đức Chúa Trời sẽ hiện ra ngay. ¹² Vậy, Ngài phán rằng : Có một vị thế-tử đi phương xa, đặt chịu phong chức làm vua rồi trở về; ¹³ bèn gọi mười người trong đám đầy-tớ mình, giao cho mười nén bạc, và dạy rằng : Hãy dùng bạc này sanh lợi cho đến khi ta trở về. ¹⁴ Song dân xứ ấy ghét người, thì sai sứ theo dạng nói rằng : Chúng tôi không muốn người này cai-trị chúng tôi !

¹⁵ Khi người đã chịu phong chức làm vua rồi, trở về, đòi các đầy-tớ đã lãnh bạc đến, dạy cho biết mỗi người làm lợi được bao nhiêu. ¹⁶ Đầy-tớ thứ nhất đến trình rằng : Lạy chúa, nén bạc của chúa sanh lợi ra được mười nén. ¹⁷ Chủ rằng : Hỡi đầy-tớ ngay-lành kia, được lắm; vì người trung-tín trong sự nhỏ-mọn, người sẽ được cai-trị mười thành. ¹⁸ Người thứ hai đến thưa rằng : Lạy chúa, nén bạc của chúa

sanh lợi ra được năm nén. ¹⁹ Chủ rằng: Người được cai-trị năm thành. ²⁰ Người khác đến thưa rằng: Lạy chúa, đây này, nén bạc của chúa tôi đã gói giữ trong khăn; ²¹ bởi tôi sợ chúa, vì chúa là người nghiêm-nhặt, hay lấy trong nơi không dễ, gặt trong chỗ không gieo. ²² Chủ rằng: Hỡi đầy-tớ ngoan-ác kia, ta cứ lời người nói ra mà xét người. Người đã biết ta là người nghiêm-nhặt, hay lấy trong nơi không dễ, gặt trong chỗ không gieo; ²³ có sao người không giao bạc ta cho hàng bạc? Khi ta về, sẽ lấy lại vốn và lời. ²⁴ Chủ lại nói cùng các người đứng đó rằng: Hãy lấy nén bạc nó đi, cho người có mười nén. ²⁵ Họ bèn thưa rằng: Lạy chúa, người ấy có mười nén rồi. — ²⁶ Ta nói cùng các người, ai có, thì sẽ cho thêm; song ai không có, thì sẽ cất luôn của họ đã có nữa. ²⁷ Còn như những kẻ nghịch cùng ta, không muốn ta cai-trị họ, hãy kéo họ đến đây, và chém đi trước mặt ta.

²⁸ Sau khi Đức Chúa Jêsus phán đều đó, thì đi trước mặt dân-chúng lên thành Giê-ru-sa-lem.»

Chúa Jêsus cảm thấy cần phải kể thí-dụ về các Nén bạc, vì cơ sự tin-trởng sai-lầm của dân-chúng rằng khi đến Giê-ru-sa-lem Ngài sẽ thiết-lập nước Ngài. Ngài biết rõ rằng mình sẽ bị chối-bỏ và chịu thập-hình, rồi sau một khoảng thời-gian dài Ngài mới sẽ trở lại trong khải-hoàn. Trong thí-dụ này Chúa nói trước cách quả-quyết về sự chối-bỏ đó và cảnh-cáo người Do-thái vô-tin về những hiểm-họa của họ. Mặt khác ngài khích-lệ các môn-đồ kiên-nhẫn đợi-chờ Ngài trở lại, trông-mong sự hiện đến của Ngài, Ngài hứa ban cho những kẻ trung-thành ân-huệ dồi-dào.

Thí-dụ về các nén bạc nên nghiên-cứu chung với các thí-dụ Đầy-tớ Vô-ích, 17 : 7-10. Những lao-công trong vườn nho, Mat. 20 : 1-16, và các ta-lâng, Mat. 25 : 14-30. Thí-dụ đầu dạy rằng không có phần thưởng nào có thể xem như là xứng-đáng. So với những điều Chúa ban cho chúng ta đến nỗi đổi cả chính mạng sống của Ngài để cứu chúng ta, chúng ta chẳng bao giờ có thể bảo là bắt đầu trả nợ Ngài,

dầu là với sự phục-vụ trung-thành hơn hết. Dầu cho là đã tận-tụy chung-thủy hơn hết, ta vẫn chẳng có lý-do gì để đòi phần thưởng được.

Thí-dụ về các lao-công trong vườn nho cũng vậy, cảnh cáo chúng ta về tinh-thần làm mướn, vì chúng ta có thể làm việc cho Chúa chỉ để được phần thưởng, mặc cả chừng này công đề lấy chừng kia lương, ganh-tị những kẻ khác vì họ được lãnh bằng mình mà theo ta thì họ không xứng được như thế.

Tuy-nhiên, dầu ta không xứng-đáng được thưởng, dầu không nên lấy hi-vọng được thưởng làm động-lực phục-vụ, Chúa vẫn hứa chắc với chúng ta rằng Ngài sẽ ban thưởng cho những kẻ trung-thành trong ân-điền tuyệt-đối và công-bình toàn-vẹn khi Ngài trở lại. Thí-dụ về các ta-lâng dạy rằng dầu cơ-hội và khả-năng phục-vụ Chúa có thể khác nhau, những người trung-thành như nhau sẽ được thưởng bằng nhau. Thí-dụ về nén bạc cho ta thấy rằng nếu cơ-hội cũng như nhau, ai trung-thành hơn thì sẽ được phần thưởng lớn hơn.

Theo Lu-ca thì Chúa Jê-sus kể chuyện ngụ-ngôn đó « vì Ngài gần đến thành Giê-ru-sa-lem, và người ta tưởng rằng nước Đức Chúa Trời sẽ hiện ra ngay. » Bởi vậy Chúa Jê-sus sánh Ngài với một nhà quý-tộc đi đến xứ xa « đang chịu phong chức làm vua rồi trở về » Chúa Jê-sus luôn luôn minh-định rằng sau khi Ngài thăng-thiên phải đợi-chờ một thời-gian dài rồi Ngài mới trở lại. Trong thời-gian ấy mọi kẻ theo Ngài phải trung-tin khai-thác những cơ-hội ban cho để phục-vụ Chủ. Trong thí-dụ này Chúa Jê-sus vẽ lại những cơ-hội ấy trong hình-ảnh những nén bạc, đó là một số tiền giá khoản 16 đồng Mỹ-kim một nén. So với một « ta-lâng » thì đây là một số tiền vô-nghĩa. Chúa Jê-sus muốn dạy rằng bất-cứ kẻ nào theo Ngài cũng đều được giao-phó cho một cái gì có thể làm lợi cho chính-nghĩa của Ngài.

Chúa Jê-sus biết rằng người Do-thái chẳng những sẽ chối-bỏ Ngài mà còn cứ tiếp-tục vô-tin sau khi Ngài ra đi. Bởi vậy Ngài tả trong thí-dụ rằng « Dân xứ ấy ghét người, thì sai sứ theo đặng nói rằng: Chúng tôi không muốn người này cai-trị chúng tôi » Tuy-nhiên phần chính của bức tranh tả cảnh nhà quý-tộc trở lại và ban thưởng

cho đầy-tờ. Phần thưởng này phân chia theo tỷ-lệ sự trung-tín của họ trong khi ông vắng mặt. Theo cách nói vi-von, kẻ làm lợi nén bạc của ông ra thành mười nén, thì được cho cai-trị mười thành, kẻ làm lợi được năm nén thì cai-trị năm thành. Điều đó chứng-tỏ rằng phần thưởng cho sự phục-vụ là được phục-vụ nhiều hơn. Trung-tín trong việc rất nhỏ là cách chuẩn-bị cho những trách-nhiệm lớn hơn và những công-tác vinh-hiến hơn. Đó là qui-tắc làm việc hiện-tại và cả tương-lai nữa.

Nhưng trong đám đó có một người không sử-dụng đến nén bạc của mình. Anh ta giữ nén bạc ấy bằng cách «gói trong khăn.» Anh ta viện cớ rằng anh ta sợ ông chủ và nói một cách hầu như khoe-khoang rằng anh không làm mất những gì đã giao cho mình. Anh ta trả lại những gì đã giao cho anh ta. Vị qui-tộc bèn trách-mắng người đầy-tờ bất-trung bằng chính những lời mà hần ta đã dùng. Nếu biết ông chủ là nghiêm-nhật, người đầy-tờ ắt phải lo thế nào cho có kết-quả để báo-cáo về chức-vụ quản-lý của mình. Có một điều hiển-nhiên là sự bất-trung sinh ra từ chỗ không biết về bản-tính của Chúa. Nhiều người e-sợ không dám đảm-đương những công-việc phục-vụ Đấng Christ vì họ không biết một điều mà thí-dụ này không ám-chỉ được, ấy là Đấng giao-phó cho ta những cơ-hội và khả-năng sẽ ban cho ta ân-điền nếu chúng ta cố-gắng hết sức mình và thật lòng muốn làm lợi cho Chúa, cố sử-dụng điều ít-oi mà mình đương có. Trên đây nhà qui-tộc trách-mắng người đầy-tờ bất-trung vì hần ta không làm cái điều tối-thiểu mà hần có thể làm được. Hần có thể gửi bạc vào Ngân-hàng, rồi nếu không được hơn, người cũng có thể lấy được tiền lời của số bạc ấy. Mỗi đầy-tờ của Đấng Christ đều có cách để phục-vụ Ngài. Không bao giờ có một lý-do chính-đáng cho tình-trạng lười-nhác, ngưng-trệ, bất-lực trong khi ta hoạt-động vì chính-ngĩa Đấng Christ.

Tên đầy-tờ bất-trung bị lấy mất nén bạc để đưa cho người có mười nén, vì Chúa chúng ta muốn minh-giải cái chân-lý rằng với những cơ-hội, đặc-quyền, và ân-tử cho ta, nguyên-tắc cái gì không dùng thì bị mất vẫn luôn luôn được áp-dụng. Biết sử-dụng đúng cách những ân-

từ dầu nhỏ bé thì sẽ khiến cho nó thành lớn hơn, nhưng nếu không nhận-biết và sử-dụng điều ta có thì kết-cục sẽ mất luôn, « Ai có, thì sẽ cho thêm; song ai không có, thì sẽ cất luôn của họ đã có nữa. »

Thí-dụ kết-thúc với lời cảnh-cáo long-trọng cho những kẻ chối-bỏ Đấng Christ. Bất-trung trong sự phục-vụ Đấng Christ là điều nguy-hiểm rồi, mà ở trong số người từ-chối không nhận Ngài lại càng đáng thương hơn. Những lời cuối-cùng đó Chúa mô-tả chẳng những sự tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem, mà cả sự hình-phạt của những kẻ tham-dự trong sự chối-bỏ quyền cai-trị của Ngài.

Giờ ra đi của Ngài sắp đến. Dân-tộc Ngài sắp-sửa chối-bỏ Ngài. Vị qui-tộc chỉ mới bắt đầu đi đến một xứ xa, vì Ngài « phán điều đó, thì đi trước mặt dân-chúng lên thành Giê-ru-sa-lem. »

VI. CHỨC-VỤ KẾT-THỨC

Đoạn 19 : 29 - 21 : 38

A. Sự vào thành khải-hoàn

19 : 29 - 48

«²⁹ Đức Chúa Jê-sus gần đến thành Bê-pha-giê và Bê-tha-ni, ngang núi gọi là Ô-li-ve, sai hai môn-đồ đi, ³⁰ và dặn rằng: Hãy đi đến làng trước mặt các người; khi vào làng, sẽ thấy một lừa con buộc đó, chưa hề có ai cỡi; hãy mở và dắt về cho ta. ³¹ Hoặc có ai hỏi sao các người mở nó ra, hãy trả lời rằng: Chúa cần-dùng lừa này. ³² Hai người được sai ra đi, quả gặp mọi điều y như Đức Chúa Jê-sus đã phán. ³³ Đang mở lừa con, các chủ lừa hỏi rằng: Sao mở lừa con này ra? ³⁴ Hai người trả lời rằng: Chúa cần-dùng nó. ³⁵ Hai người bèn dắt lừa về cho Đức Chúa Jê-sus; rồi lấy áo mình trải trên con lừa, nâng Ngài lên cỡi.

³⁶ Khi Đức Chúa Jêsus đang đi tới, có nhiều kẻ trải áo trên đường. ³⁷ Lúc đến gần dốc núi Ô-li-ve, cả đám môn-đồ lấy làm mừng-rỡ, và cả tiếng ngợi-khen Đức Chúa Trời về những phép lạ mình đã thấy, ³⁸ mà nói rằng : Đáng ngợi-khen Vua hơn danh Chúa mà đến ! Bình-an ở trên trời, và vinh-hiển trên các nơi rất cao ! ³⁹ Bấy giờ, có mấy người Pha-ri-si ở trong đám dân đông nói cùng Ngài rằng : Thưa thầy, xin quở-trách môn-đồ thầy ! ⁴⁰ Ngài đáp rằng : Ta phán cùng các người, nếu họ nín-lặng thì đá sẽ kêu lên.

⁴¹ Khi Đức Chúa Jêsus gần đến thành, thấy thì khóc về thành, và phán rằng : ⁴² Ước gì, ít nữa là ngày nay mây đã hiểu-biết sự làm cho mây được bình-an ! Song hiện nay những sự ấy kín-giấu nơi mắt mây. ⁴³ Vì sẽ có ngày xảy đến cho mây, khi quân nghịch đào hố xung-quanh mây, vây mây chặt bốn bề. ⁴⁴ Họ sẽ hủy hết thấy, mây và con-cái ở giữa mây nữa. Không để cho mây hòn đá này trên hòn đá kia, vì mây không biết lúc mình đã được thăm-viếng.

⁴⁵ Đức Chúa Jêsus vào đền-thờ rồi, bèn đuổi những kẻ bán ở đó ra, ⁴⁶ mà phán rằng : Có lời chép rằng : Nhà ta sẽ là nhà cầu-nguyện ; song các người làm thành ra một cái hang trộm-cướp.

⁴⁷ Hằng ngày Ngài giảng-dạy trong đền-thờ. Các thầy tế-lễ cả, các thầy thông-giáo, cùng người tôn-trưởng trong dân tìm phương giết Ngài ; ⁴⁸ nhưng họ không biết dùng chước chi, vì dân-sự đều chăm-chỉ mà nghe Ngài nói. »

Chuyện-tích Lu-ca kể không bao giờ thiếu khuynh-hướng nhân-loại, nhưng không có quang-cảnh nào chứa-chan tinh-cảm, không có bức tranh nào màu sắc linh-động bằng cảnh Chúa Jêsus vào thành Giê-ru-sa-lem trong khải-hoàn. Ta thấy Chúa Jêsus ngồi uy-vệ như một vị Vua, chung-quanh Ngài là đám thần-dân hoan-hô, họ kéo qua đồi Ô-li-ve, trong khi đó các môn-đồ theo Ngài trải áo trên đường và tung-hó Ngài là Đấng Mê-si. Ta thấy Ngài than-vãn về ngày điêu-tàn của thành, Ngài đã nghe những

âm-thanh ghé-rợn của âm-muru giết Ngài do các kẻ cầm quyền chủ-xương. Với tất cả những tiếng kêu vui-vẻ, nức-nở, sàu-khồ, những tiếng thăm-thì gian-ngoan, thật không có cảnh nào có đầy-đủ tình-cảm đến thế, và không nơi nào có thể diễn-tả sâu-sắc hơn mối tương-quan giữa những cảm-xúc bông-bột trong tôn-giáo với đức-tin trong tôn-giáo như vậy.

Ấn-tượng vào đôi mắt, lỗ tai và trái tim có thể đánh-thức tình-cảm và dọn đường cho sự hàn-phục của ý-chí. Ngày nay, âm-nhạc, kiến-trúc và hùng-biến có một chỗ xứng-đáng trong việc phụ-trợ cho sự dâng mình. Trong cuộc nhập thành này, Chúa Jê-sus đã hoạch-định mọi chi-tiết. Ngài sai hai môn-đồ ra tìm một con lừa con đê Ngài cỡi; Ngài để cho các môn-đồ trải áo lên lưng lừa, rồi khi đi Ngài đã đón nhận sự hoan-hô của quần-chúng. Khi người Pha-ri-si chỉ-trích Chúa Jê-sus rằng Ngài để cho họ ca-tụng như vậy là làm cho nao-động, thì Ngài đáp rằng sự ngưỡng-mộ họ dâng cho Ngài chẳng những thích-hợp mà còn cần-thiết nữa, và rằng nếu quần-chúng nin-lặng thì đó sẽ « kêu lên » để hoan-nghinh và tôn-vinh Ngài. Đây là lần cuối-cùng Chúa Jê-sus tự tỏ mình là Vua, nên sự tự bỏ mình phải bằng một phương-thức kích-động. Ngài kêu-gọi trí tưởng-tượng. Ngài kích-động cảm-tình. Ngài không có ý bảo rằng Ngài sẽ làm Vua như cách người ta tưởng. Con lừa mượn, những bộ áo nông-dân, những biểu-ngữ bằng cành lá không phải là phạm-phục thường-xuyên của triều-đình. Ngài muốn được thấy họ hàng-phục ý-chí, hàng-phục trọn đời sống họ, bởi vậy Ngài đem cho quần-chúng một ấn-tượng kích-động, gợi cảm. Ngài biết rằng cảm-xúc tôn-giáo trợ-lực cho đức-tin tôn-giáo.

Tuy-nhiên, không nên làm-lấn cảm-xúc tôn-giáo với đức-tin tôn-giáo. Cảm-xúc không thể nào thay-thế cho sự xác-tin. Chúa Jê-sus không thể bị lừa. Khi Ngài vừa thấy thành thánh và nghe những lời dị-nghị cay-đắng của người Pha-ri-si, Ngài đã thấy mình phải đương-đầu với một tinh-thần vô-tin ương-ngạnh. Ngài thấy trước sự chối-bỏ sự chết và tiếp theo là sự tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem, và Ngài đã thốt ra lời than-vãn nào-nùng « Ước gì, ít nữa

là ngày nay, mà đã hiểu biết sự làm sao cho mà được bình-an ! » Ngài dự-ngôn về cảnh khủng-khiếp trong cuộc bao-vây và cô-lập Si-ôn, và tuyên-bố rằng điều đó xảy ra là vì họ không nhìn-biết Ngài đến với họ làm Cứu-Chúa không biết rằng chức-vụ của cuộc viếng-thăm ân-huệ này là để khiến cho dân-tộc ăn-năn và tồn-tại. Đó là lời than buồn-thảm, Ngài tiếc vì biết địa-vị đáng lẽ Giê-ru-sa-lem phải có.

Chúa Jê-sus vào đền-thờ quở-trách những kẻ cảm quyền vì họ để cho nhà Đức Chúa Trời thành ô-úế vì người ta ra vào buôn-bán tự-do. Cuối câu-chuyện ta thấy Chúa Jê-sus đứng giữa khung-cảnh, một bên là các kẻ cảm quyền âm-muru hại Ngài, còn bên kia là quần-chúng ngưỡng-mộ Ngài. Chỉ một thời-gian ngắn-ngủi sau, các kẻ cảm-quyền đã lôi-cuốn được quần-chúng la lên yêu-cầu đóng đinh Ngài, và chúng ta lại được nhắc-nhở rằng tình-cảm bỗng-bột mà không đi với lòng xác-tin thì chẳng bao lâu sẽ nguội lạnh đến độ lãnh-đạm ghen-ghét.

Tuy-nhiên, có những người như các sử-đồ, chẳng bao giờ quên được quang-cảnh khải-hoàn. Họ càng nhận-thức ý-nghĩa cảnh ấy đầy-đủ hơn trong những năm sau khi lòng tin-cậy của họ đã được vững-lập. Họ đã nhìn lại những kinh-nghiệm của ngày lịch-sử này với những cảm-giác thấm-thía hơn, bởi vì cảm-xúc tôn-giáo ấy đã phát-xuất từ đức-tin tôn-giáo.

B. Câu hỏi về quyền-phép

20 : 1 - 8

«¹ Một ngày trong những ngày đó, Đức Chúa Jê-sus đương dạy-dỗ dân-chúng trong đền-thờ và rao-truyền Tin-lành, thì các thầy tế-lễ cả, các thầy thông-giáo, và các trưởng-lão đến thỉnh-linh, ² Hỏi Ngài như vậy: Hãy nói cho chúng tôi, bởi quyền-phép nào mà thầy làm những điều này, hay là ai đã ban cho thầy quyền-phép ấy? ³ Ngài đáp rằng: Ta cũng hỏi các người một câu. Hãy nói cho ta: ⁴ Phép báp-têm của Giảng đến bởi trên trời, hay là bởi người

ta? ⁵ Và, những người ấy bàn cùng nhau rằng: Nếu chúng ta nói: Bời trời, thì người sẽ nói với ta rằng: Vậy sao các người không tin lời người? ⁶ Lại nếu chúng ta nói: Bời người ta, thì cả dân-sự sẽ ném đá chúng ta; vì họ đã tin chắc Giăng là một đáng tiên-tri. ⁷ Vậy nên họ trả lời rằng không biết phép ấy bởi đâu mà đến. ⁸ Đức Chúa Jê-sus bèn phán rằng: Ta cũng không nói cho các người bởi quyền-phép nào ta làm những điều này.»

Sau cuộc nhập thành khải-hoàn, Chúa Jê-sus vẫn cứ là một thần-tượng được tin-nhiệm của đám dân chen-chúc về Giê-ru-sa-lem trong mùa Vượt-qua. Chính và danh-tiếng ấy mà mưu-toan của các kẻ cầm quyền phải chậm lại, vì họ đã quyết-định sát-hại Chúa. Trước hết họ phải hạ uy-tin của Ngài trước công-chúng. Nghĩ vậy họ bèn phái một đoàn đại-diện trong tòa thượng-thẩm tức là công-hội, đến để bầy cho Ngài vấp trong lời nói để khiến Ngài thành đối-thủ của người Do-thái hay nhà cầm quyền La-mã. Họ thách Ngài nói cho họ biết; Ngài đã dùng quyền-phép gì để nhận những danh-dự của Đấng Mê-si, hoặc đuổi những kẻ buôn-bán khối đền-thờ hay để làm phép lạ. Câu hỏi của họ rất khôn-khéo «Bời quyền-phép nào mà thầy làm những điều này? hay là ai đã ban cho thầy quyền-phép ấy?» Họ đặt Chúa Jê-sus trước tình-trạng tiến-thối lưỡng-nan; nếu Ngài tuyên-bố rằng quyền ấy đã được ủy-thác cho Ngài, thì Ngài sẽ bị tố-cáo về tội phản-nghịch và ly-giáo, vì đã tranh-giành quyền-hành được công-nhận của những nhà cầm quyền Do-thái; nếu Ngài bảo rằng quyền đó đến từ trời, thì Ngài sẽ bị lên án là phạm-thượng, vì coi mình ngang với Đức Chúa Trời.

Chúa Jê-sus bịt miệng bọn thù-nghịch bằng câu hỏi phản-công, đặt họ vào ngõ-bì «Phép báp-têm của Giăng đến bởi trên trời, hay là bởi người ta?» Họ không thể trả lời «bởi trời» vì họ đã chối-bỏ Giăng; họ lại không dám nói «bởi người» vì họ sợ dân-chúng, bởi dân-chúng xem Giăng là đáng tiên-tri. Nên họ thoái-thác bằng cách hèn-nhát trả lời rằng họ không biết.

Chủ-thuyết bất-khả-tri là một chủ-thuyết hèn-nhát và không đáng được tôn-trọng.

Nhưng Chúa Jêsus không phải chỉ làm cho họ cứng họng, mà trong đó cũng bao-hàm lời đáp cho họ nữa. Câu hỏi của Ngài không phải là câu đố không ăn-nhập gì cốt để thoát nguy và tri-hoãn việc trả lời. Chắc-chắn Ngài ngụ-ý rằng quyền-hành của Giăng là từ trời và quyền-hành của Ngài cũng vậy; nhưng nếu họ đã sợ không dám chối-bỏ quyền thiên-thượng của Giăng, thì họ cũng vô-phương chối-bỏ quyền của Ngài. Ngài lại còn ngụ-ý rằng nếu họ tiếp-nhận sứ-điệp của Giăng, ắt họ đã sẵn-sàng tiếp-nhận Ngài. Thật ra nếu chúng ta sợ không dám công-nhận những kết-luận hợp-lý của những điều chúng ta hoài-nghi và bác-bỏ thì chúng ta chẳng bao giờ mong khám-phá ra chân-lý.

Chúa Jêsus lại quở-trách và vạch-trần kẻ nghịch của Ngài. Khi họ bảo rằng họ không biết thì Chúa biết họ biết và đoàn dân cũng biết rằng họ không thành-thật. Ngài đã lột trần sự giả-hình của họ. Ngài muốn làm sáng-tỏ rằng vấn-đề bàn-cãi ở đây không phải là quyền-hành mà là sự vâng-phục. Kẻ nghịch của Chúa Jêsus giả-đồ muốn biết nhiều hơn về ủy-nhiệm-trạng của Ngài, nhưng thật ra họ chỉ muốn gài bẫy làm hạ uy-tin Ngài. Những kẻ nghịch của Đấng Christ ngày nay đòi thêm bằng-chứng, nhưng thật ra điều họ thiếu là tình-yêu Đức Chúa Trời và đầu-phục ý-chỉ Ngài. Những kẻ không ăn-năn khi nghe Giăng giảng, cũng sẽ không tin-nhận sự cứu-rỗi của Chúa Jêsus. Điều mà thế-giới ngày nay đương cần, không phải là thêm bằng-chứng về quyền thiên-thượng mà thêm sự vâng-phục ý-chỉ thiên-thượng.

Chúa Jêsus quả đã làm cho kẻ thù Ngài mất uy-tin trước công-chúng. Họ là những kẻ có thẩm-quyền trong các vấn-đề dân-sự và tôn-giáo, thế mà trước mặt công-chúng họ đã phải nhìn-nhận mình bất-lực, trong việc giải-quyết một vấn-đề quen-thuộc, rõ-ràng và quan-trọng liên-quan đến thẩm-quyền tôn-giáo. Thật họ đã làm mất địa-vị của họ. Do đó họ không có khả-năng định-đoạt một trường-hợp tương-tợ về quyền của Chúa Jêsus. Chúa Jêsus

đã đánh bại họ bằng chính khi-giới họ. Thảo nào sau này bị xét-xử trước mặt những thẩm-phán ấy, Ngài không chịu hờ môi trả lời cho họ. Họ đã chứng-tỏ bất-lực, vô-tin, không thành-thật. Những kẻ hoài-nghi thành-thật đáng được cảm-tình; nhưng những kẻ chuyên tìm-kiếm chân-lý mà không chịu nhìn-nhận những qui-kết của đức-tin thì sẽ không mong nhận thêm ánh-sáng nữa. Điều-kiện để nhận-biết thêm về những thực-sự thiên-thượng là tâm-hồn và ý-chí phải thuận-phục cách khiêm-nhường những gì đã được minh-khải.

C. Thí-dụ về người trồng nho

20 : 9 - 18

«⁹ Đức Chúa Jêsus phán cùng dân-chúng lời thí-dụ này: Người kia trồng một vườn nho, đã cho kẻ trồng nho mướn, rồi bỏ xứ đi lâu ngày. ¹⁰ Đến mùa nho, chủ sai một đầy-tớ tới cùng những kẻ trồng nho đặng nhận một phần hoa-lợi; song bọn trồng nho đánh đầy-tớ, đuổi về tay không. ¹¹ Chủ lại sai một đầy-tớ khác nữa; song họ cũng đánh, chưởi, và đuổi về tay không. ¹² Chủ lại sai đầy-tớ thứ ba; song họ cũng đánh cho bị thương và đuổi đi. ¹³ Chủ vườn nho bèn nói rằng: Ta làm thế nào? Ta sẽ sai con trai yêu-dấu ta đến; có lẽ chúng nó sẽ kính-nể! ¹⁴ Song khi bọn trồng nho thấy con trai ấy, thì bàn với nhau như vậy: Kia, ấy là con kế-tự; hãy giết nó, hầu cho gia-tài nó sẽ về chúng ta. ¹⁵ Họ bèn lộng con trai ấy ra ngoài vườn nho, và giết đi. Vậy chủ vườn sẽ xử họ làm sao? ¹⁶ Chủ ấy chắc sẽ đến diệt những kẻ trồng nho này, rồi lấy vườn giao cho người khác.

AI nấy nghe những lời đó, thì nói rằng: Đức Chúa Trời nào nở vậy! ¹⁷ Đức Chúa Jêsus bèn ngó họ mà rằng: Vậy thì lời chép:

Hòn đá thợ xây nhà bỏ ra,

Trở nên đá góc nhà.

nghĩa là gì? ¹⁸ Hễ ai ngã nhằm đá này, thì sẽ bị giập-nát, còn đá này ngã nhằm ai, thì sẽ giập người ấy.»

Để trả lời sự thách-đố xảo-quyệt của kẻ thù, Chúa Jê-sus tuyên-bố Ngài có thẩm-quyền thiên-thượng và kết-án những kẻ cai-trị vì lòng vô-tin của họ. Ngài kể thêm một thí-dụ, nói rõ hơn về lời tuyên-bố của Ngài, nghiêm-trang quở-trách những kẻ hiềm-khích và công-bố sự phán xét trên quốc-gia mà họ là đại-diện. Ngài kể chuyện một địa-chủ xây-dựng và sửa-soan vườn nho cho tá-điền thuê. Ông đi đến ở một nơi xa để đợi thâu một phần hoa-lợi của vườn nho. Nhưng khi người sai sứ-giả đến thâu hoa-lợi thì họ bị nhục-mạ và giết-hại; cuối-cùng ông đã sai con trai mình đến nhưng người cũng bị giết luôn. Ông bèn quyết-định đến đoán-phạt công-minh rồi giao vườn nho cho những tá-điền xứng-đáng hơn.

Thí-dụ này rõ-ràng đến nỗi kẻ thù-nghịch của Chúa Jê-sus hiểu ngay ý-nghĩa của nó. Người địa-chủ là Đức Chúa Cha, vườn là dân Y-sơ-ra-ên; những kẻ làm vườn là nhà cầm-quyền nắm vận-mệnh của quốc-gia; các đầy-tớ là những tiên-tri đến kêu-gọi dân-tộc ăn-năn và đem lại Đức Chúa Trời những quả công-nghĩa; con trai chính là Chúa Jê-sus, là Đấng có tương-quan duy-nhất với Đức Chúa Trời, khác với các tiên-tri và các sứ-giả thường-nhân; sự chết của kẻ kế-tự là sự đóng đinh sắp tới của Chúa; sự trở lại của người địa-chủ là cuộc phán-xét thiên-thượng sắp đến, sự chối-bỏ của dân Y-sơ-ra-ên và sự kêu-gọi Dân Ngoại. Vì mục-đích cấp-thời lúc ấy nên Chúa Jê-sus không đề-cập đến những dân Do-thái nhận Chúa và sự qui-đạo của cả dân-tộc trong tương-lai như Phao-lô có chép. Lúc ấy Ngài chỉ muốn nhấn mạnh về sự chối-bỏ Ngài và sự phạm-tội cùng sự hình-phạt dân-tộc ấy. Dầu vậy, Ngài tuyên-bố rằng sự chết ấy sẽ đem lại vinh-hiến và khải-hoàn, rằng Ngài là « Viên đá mà thợ xây nhà loại ra » và « trở nên đầu góc nhà. » Ngài cũng cảnh-cáo kẻ thù Ngài rằng tất cả những kẻ vô-tin sẽ vấp-ngã trên đá ấy, tất cả kẻ chối-bỏ Ngài sẽ « bị giập-nát » và những kẻ cố triệt-hạ đá ấy sẽ bị nghiền-tán ra như bụi.

D. Câu hỏi về nạp thuế

20 : 19 - 26

«¹⁹ Chính giờ đó, các thầy tế-lễ cả và các thầy thông-giáo tìm cách giết Ngài, vì hiểu Ngài phán thí-dụ ấy chỉ về mình ; nhưng lại sợ dân-chúng.

²⁰ Họ bèn dòm-hành Ngài, sai mấy kẻ do-thám giả làm người hiền-lành, để bắt-bẻ Ngài trong lời nói, hầu để nộp Ngài cho kẻ cầm-quyền và trong tay quan tổng-đốc.

²¹ Những người đó hỏi Đức Chúa Jê-sus câu này : Thưa thầy, chúng tôi biết thầy nói và dạy-dỗ theo lẽ ngay-thắng, không tư-vị ai, lấy lẽ thật mà dạy đạo Đức Chúa Trời. ²² Chúng tôi có nên nộp thuế cho Sê-sa hay không ? ²³ Song Đức Chúa Jê-sus biết mưu họ, thì đáp rằng : ²⁴ Hãy cho ta xem một đơ-ni-ê. Đơ-ni-ê này mang hình và hiệu của ai ? Họ thưa rằng : Của Sê-sa. ²⁵ Ngài bèn phán rằng : Vậy thì của Sê-sa hãy trả lại cho Sê-sa, của Đức Chúa Trời hãy trả lại cho Đức Chúa Trời. ²⁶ Trước mặt dân-chúng, họ không bắt lỗi lời Ngài phán chỉ được ; và lấy lời đáp của Ngài làm lạ, thì nín-lặng.»

Những kẻ cầm-quyền đã bị thua, bị mất uy-tin, bị hổ-nhục nhưng họ chưa nản-chí. Họ đã thất-bại trong lần chất-vấn trước, không đầy được Chúa Jê-sus vào thế đối-lập bất-hợp-pháp với tòa-án tôn-giáo. Bây giờ họ thử hỏi Chúa một câu hỏi khác để Ngài trả lời một câu có thể tự làm giảm giá mình trước công-chúng, hay sẽ bị nhà cầm quyền dân-sự lên án. Họ hỏi Ngài một câu liên-quan đến việc nạp thuế cho chính-phủ La-mã. Những người Do-thái dè-dặt chủ-trương rằng Đức Chúa Trời là Đấng cai-trị Y-sơ-ra-ên; nên việc nạp-thuế để ủng-hộ một nước ngoại-giáo là một điều sai-lầm. Những kẻ tự-do hơn thì đứng về phía đảng Hê-rốt, là những người nhận quyền-hành của La-mã. Bởi vậy, thù-nghịch của Chúa Jê-sus phải đại-diện của cả hai đảng Pha-ri-si và Hê-rốt đến cùng Chúa Jê-sus, để nếu Ngài tránh làm phật lòng bên này

thì cũng làm bất-mãn bên kia. Họ đến cùng Chúa Jê-sus nói những lời tâng-bốc nào là Ngài chính-trực, can-trường nào là Ngài không bao giờ lưỡng-lự nói ra những nhận-xét chính-đáng của mình, rồi họ hỏi Ngài một câu rất qui-quyết « Chúng tôi có nên nộp thuế cho Sê-sa hay không ? » Nếu Ngài trả lời « Có » thì Ngài lật đật sự sùng-kính Ngài vì nhân-dân rất gớm sự áp-bức đáng ghét của người La-mã. Nếu Ngài trả lời « Không », kẻ thù sẽ lập-tức tố tụng Ngài đến viên Tổng-đốc La-mã để lãnh án thập-hình vì tội phản-loạn. Ngõ bí coi vẻ khó thoát được, thế mà Chúa Jê-sus chẳng những thoát được cam-bẫy mà trong câu trả lời, Ngài cũng phát-biểu được một qui-luật cho mọi thời-đại, « Vậy thì của Sê-sa hãy trả lại cho Sê-sa, của Đức Chúa Trời hãy trả lại cho Đức Chúa Trời. »

Đề làm sáng-tỏ ý-nghĩa, trước-tiên Chúa Jê-sus gọi đem lại một đồng tiền La-mã và hỏi nó mang hình và hiệu của ai. Dĩ-nhiên, câu trả lời là « Của Sê-sa. » Chúa Jê-sus nhân đó nói rằng những kẻ nhận sự bảo-vệ và những đặc-quyền của chính-phủ thì có bổn-phận ủng-hộ chính-phủ đó. Cơ-đốc-giáo không bao giờ nên liên-lạc với một đảng-phái chính-trị nào hoặc một lý-thuyết xã-hội nào, nhưng Cơ-đốc-đồ nên giữ lập-trường trung-thành trong trật-tự, trong luật-pháp.

Tuy-nhiên, cả sự sống không phải chỉ gồm trong sự-kiện nộp vật gì của Sê-sa cho Sê-sa mà thôi, nhưng ta cũng phải nộp vật gì của Đức Chúa Trời cho Đức Chúa Trời.

Trong bổn-phận cao-cả sau có bao-gồm cả bổn-phận trước nữa. Thù-nghịch của Chúa Jê-sus cho rằng có sự xung-đột giữa các bổn-phận, nhưng Ngài chứng-tỏ rằng có sự hòa-hợp toàn-vẹn. Ngài cũng nêu lên cái mối nguy của sự quên-lãng Đức Chúa Trời cùng những phận-sự chúng ta đối với Ngài như tin - cậy, phục - vụ, thờ-phượng, yêu-thương. Quyền công-dân của ta căn-cứ vào lòng tận-trung với Đức Chúa Trời, không có bổn-phận đối với lý-thuyết hay đảng-phái chính-trị nào có thể thay-thế được lòng trung-thành đối với Ngài.

Chúa Jêsus vừa trả lời vừa quở-trách kẻ nghịch Ngài, đồng-thời ban cho những kẻ theo Ngài sự hướng-dẫn trong những năm đến.

E. Câu hỏi về sự sống lại

20 : 27 - 40

«²⁷ Có mấy người Sa-đu-sê, là người vẫn quyết rằng không có sự sống lại, đến gần Đức Chúa Jêsus, mà hỏi rằng : ²⁸ Thưa thầy, Môi-se đã truyền lại luật này cho chúng tôi : Nếu người kia có anh, cưới vợ rồi chết, không con, thì người phải cưới lấy vợ góa đó để nối dòng cho anh mình. ²⁹ Vậy, có bảy anh em. Người thứ nhất cưới vợ, rồi chết, không con. ³⁰ Người thứ hai cũng lấy vợ đó, ³¹ rồi đến người thứ ba ; hết thấy bảy người cũng vậy, đều chết đi không có con. ³² Rốt lại, người đồn-bà cũng chết. ³² Vậy thì đến ngày sống lại, đồn-bà đó sẽ là vợ ai ? vì bảy người đều đã lấy làm vợ. ³⁴ Đức Chúa Jêsus phán rằng : Con-cái của đời này lấy vợ gả chồng ; ³⁵ song những kẻ đã được kẻ đáng dự phần đời sau và đáng từ kẻ chết sống lại, thì không lấy vợ gả chồng. ³⁶ Bởi họ sẽ không chết được nữa, vì giống như các thiên-sứ, và là con của Đức Chúa Trời, tức là con của sự sống lại. ³⁷ Còn về sự kẻ chết sống lại, Môi-se đã cho biết trong câu chuyện về Bụi gai, khi người gọi Chúa là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, và Đức Chúa Trời của Gia-cốp. ³⁸ Vậy, Đức Chúa Trời không phải là Đức Chúa Trời của kẻ chết, nhưng của kẻ sống ; vì ai nấy đều sống cho Ngài. ³⁹ Có mấy thầy thông-giáo cất tiếng thưa Ngài rằng : Lạy thầy, thầy nói phải lắm. ⁴⁰ Họ không dám hỏi Ngài câu nào nữa.»

Chúa Jêsus đã đánh bại các văn-sĩ và những thầy tế-lễ cả khi họ dự-tính làm cho Ngài sập-bẫy về học-thuyết Ngài trước mặt công-chúng. Bây giờ đến lượt người Sa-đu-sê, một đảng thế-lực trong những thầy tế-lễ Do-thái, tấn-công Ngài. Họ không tin sự bất-diệt của linh-hồn cũng

chẳng tin có thiên-sứ hoặc quỷ-thần ; bọn này đại-diện cho phái duy-vật hiện-đại. Nên đề ý rằng câu hỏi họ hỏi Chúa Jêsus không những chỉ nói về sự bất-diệt mà đặc-biệt là sự sống lại của thân-thể. Họ đưa ra trường-hợp của một người đàn-bà kết-hôn liên-tiếp với bảy anh em vì tất cả đều chết sớm, rồi họ hỏi « Đến ngày sống lại, đờn-bà đó sẽ là vợ ai ? Vì bảy người đều đã lấy làm vợ. » Họ hi-vọng rằng Chúa Jêsus sẽ chối tín-lý cổ-truyền về sự sống lại hay sẽ nói một câu mâu-thuẫn với Luật-pháp Môi-se qui-định về luật hôn-phối kế-tục. Họ ngụ-ý rằng luật đó không thể nào đi song song với niềm tin về sự sống lại.

Trong câu trả lời Chúa Jêsus tuyên-bố rằng cuộc sống phục-sinh sẽ được điều-hành bởi những qui-luật rộng-rãi hơn những luật hiện nay. Những kẻ dự-phần vinh-hiền trong thời-đại đó, từng kinh-nghiệm các phước-hạnh của « Sự sống lại từ kẻ chết » sẽ trở nên bất-diệt về linh-hồn lẫn thân-thể. Hôn-nhân cần-thiết cho sự lưu-truyền dòng-giống ngày nay, lúc ấy sẽ không còn tồn-tại nữa. Những tương-quan trong cuộc sống ấy sẽ cao hơn cả những tương-quan thiêng-liêng nhất của cuộc sống hiện-tại. Những kẻ có phần trong sự sống lại này sẽ « giống như các thiên-sứ » không phải về mọi phương-diện mà về trạng-thái bất-tử của họ. Trong một ý-nghĩa rộng-rãi hơn, họ sẽ là « con của Đức Chúa Trời » và « con của sự sống lại » vì sự chết đã mất uy-lực trên họ rồi.

Những kẻ hiện nay không tin phép lạ, sự sống lại và sự bất-tử nên cần-thận cân-nhắc lại câu trả lời ấy. Nhiều tín-lý ngày nay có vẻ khô-hài vì mâu-thuẫn với những qui-luật chính-xác của khoa-học, một ngày kia sẽ trở nên sáng tỏ nhờ khám-phá ra những qui-luật cao hơn những qui-luật hiện nay.

Trong khi trả lời, Chúa Jêsus đã quở-trách người Sa-đu-sê vì họ không nhận sự thực-hữu của thiên-sứ. Ngài lại xác-định thực-sự phục-sinh bằng cách trưng-dẫn Luật-pháp mà họ mới vừa dùng để chứng-tỏ rằng không thể nào có sự sống lại. Ngài nhắc lại những lời của Môi-se chép khi nói về « Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, và Đức Chúa Trời của Gia-cốp. » Rồi Ngài thêm rằng « Đức Chúa Trời không phải là Đức Chúa

Trời của kẻ chết, nhưng của kẻ sống.» Ý Ngài muốn xác-định sự trường-tồn của kẻ chết, nhưng chẳng phải chỉ có bấy nhiêu đó, Ngài còn chứng-minh được sự sống lại của kẻ chết. Đó chính là vấn-đề đương bàn-cãi. Chữ «kẻ sống» của Chúa dùng, là chỉ những kẻ sống một cuộc sống thường, không phải của những linh-hồn không có thân-thể, mà của những linh-hồn bất-tử được khoác bằng một thân-thể bất-tử. Do đó Chúa Jêsus thêm rằng «vì ai nấy đều sống cho Ngài» ý muốn và mục-đích của Đức Chúa Trời là đem mọi người ra từ kẻ chết để hưởng đầy-đủ những phước-hạnh của sự sống lại. Căn-cứ vào tương-quan giữa ta và Đức Chúa Trời hiện nay mà ta có thể biết mình sẽ đến tương-lai đó hay không. Nếu Ngài thật là Đức Chúa Trời ta, và ta là dân Ngài, thì sự chết sẽ không thắng ta lâu, một ngày kia ta sẽ đến sự bất-tử vinh-quang của thân-thể lãn linh-hồn.

F. Câu hỏi về Chúa Jêsus

20 : 41 - 44

⁴¹ Đức Chúa Jêsus hỏi họ rằng : Làm sao người ta nói được rằng Đấng Christ là con vua Đa-vít ? ⁴² Vì chính vua Đa-vít đã nói trong sách Thi-thiên rằng :

Chúa phán cùng Chúa tôi rằng :

Hãy ngồi bên hữu ta,

⁴³ Cho đến khi ta bắt kẻ nghịch người làm bệ-chơn người.

⁴⁴ Vậy, vua Đa-vít gọi Ngài bằng Chúa ; có lẽ nào Ngài là con vua ấy được ?»

Chúa Jêsus đã đánh bại kẻ thù Ngài trong cuộc tranh-luận. Họ đến cùng Ngài với một lô câu hỏi mưu-mẹo để làm nhục Ngài trước công-chúng và để bới-móc vài lý-do hầu có thể bắt Ngài. Với mỗi câu hỏi, Chúa Jêsus đã trả lời một câu đồng-thời lột mặt nạ và lên án kẻ thù. Rồi

Ngài hỏi lại họ một câu. Câu hỏi ấy không phải chỉ để khiến kẻ thù ngậm miệng mãi mãi, mặc dầu đã được kết-quả như vậy, vì chẳng còn ai dám công-khai biện-luận với Ngài nữa; cũng không phải Chúa Jê-sus muốn hạ kẻ thù của Ngài. Trước mặt công-chúng Ngài đã chứng-tỏ họ lỗ-bịch, hèn-hạ bất-lực, và không thành-thực. Động-cơ chính khi Ngài hỏi câu hỏi ấy là để có một câu trả lời thể-hiện được nét chính-yếu của các lời tuyên-bố của Ngài, tức là tuyên-bố rằng Ngài là Đấng đến từ trời. Đó là một điều tối-trọng nên cần phải được phát-biểu ngay lúc ấy. Ngài biết rằng các kẻ cầm quyền không thể tìm được một cáo-trạng nào để đưa Ngài ra tòa-án tôn-giáo hay dân-sự. Ngài biết rằng họ sẽ không dám mưu-toan làm gì trước công-chúng nữa, nhưng Ngài đã thấy trước rõ rằng, do sự phản-bội của Giu-đa, Ngài sẽ bị và cáo về tội lộng-ngôn trước cả hai tòa-án đó. Kẻ thù sẽ kiện Ngài về tội tự xưng chẳng những là Đấng Mê-si mà còn là Đấng đến từ trời nữa. Bởi vậy, nhân dịp có cả kẻ cầm quyền và dân-chúng, Ngài bèn biện-hộ bằng cách chứng-minh từ Kinh-Thánh rằng các văn-sĩ được thần-cảm đã mô-tả Đấng Mê-si là Đấng đến từ trời, đó là lời biện-hộ không thể đánh đổ và quên-lãng được. Những điều Chúa Jê-sus tuyên-bố về chính mình chép trong Tin-Lành Giảng, đều gồm tóm trong lời đáp ần-chứa trong câu hỏi mà Ngài hỏi ở đây. Cho đến ngày nay, nó vẫn bao-hàm một vấn-đề tối-yếu trong địa-hạt triết-học và tôn-giáo. Vấn-đề này liên-quan đến thân-vị của Đấng Christ. Nên xem Ngài là Đức Chúa Trời hay Người, hoặc vừa là Đức Chúa Trời, vừa là Người? Nên đặt Ngài vào hiện-hữu nào, hay nói theo cách Chúa phát-biểu vấn-đề, tại sao Đa-vít có thể gọi Đấng Mê-si sắp đến, vừa là con vừa là Chúa của người? Chỉ có một cách trả lời: Sự hóa-thân của Đấng Christ là giải-pháp duy-nhất cho những khó-khăn trên-trọng nhất trong địa-hạt tin-ngưỡng Cơ-đốc-giáo. Nhờ câu hỏi đó, Chúa Jê-sus chẳng những bịt miệng được kẻ thù, mà còn phơi-bày sự giả-trá của họ trong việc kết-án tử-hình Ngài cùng chứng-tỏ họ bác-bỏ lời Kinh-Thánh được thần-cảm vì họ không muốn tin những lời chứng về thân-vị của Đấng Mê-si. Chúa Jê-sus đương-nhiên xưng mình là Đấng Cứu-thế đến từ trời. Con người lý-trởng cũng là Đức Chúa Trời hóa-thân.

G. Lời cảnh-cáo các văn-sĩ

20 : 45 - 47

«⁴⁵ Khi dân-chúng đương nghe, thì Ngài phán cùng môn-đồ rằng : ⁴⁶ Hãy giữ mình về các thầy thông-giáo, là người ưa mặc áo dài đi dạo, và thích những sự chào-hỏi giữa chợ, muốn ngồi cao trong nhà hội, ngồi đầu trong tiệc lớn, ⁴⁷ làm bộ đọc lời cầu-nguyện dài, mà nuốt gia-tài của đờn-bà góa. Họ sẽ bị đoán-phạt nặng hơn.»

Sau một ngày dài tranh-luận công-khai. Ta không la khi thấy Chúa Jêsus quay qua cảnh-cáo những người đi theo Ngài về những kẻ thù đương tìm cách triệt-hạ Ngài và cố-quyết sát-hại Ngài. Những hường-đạo-viên nhà nghề đó không thể dẫn người ta đến chỗ an-toàn? Những kẻ cầm quyền đó chứng-tỏ họ không xứng với địa-vị và quyền-lực của họ. Dân-chúng phải tìm những giáo-sư thật ở nơi khác. Họ phải nhờ những người khác diễn-giải cho họ biết ý-muốn của Đức Chúa Trời.

Các văn-sĩ là những giáo-sư chuyên-nghiệp đương-thời, những nhà giảng luật có học. Phần lớn trong họ là người Pha-ri-si. Trong mọi hạng người họ là những kẻ thù-nghịch cay-đắng hơn hết của Đấng Christ, họ ganh-tị quyền-lực của Ngài, họ tức-giận những đặc-quyền mà Ngài tự cho Ngài, cuối-cùng họ lại bị Ngài đánh hạ, không còn chỗ chống-đỡ. Chúa Jêsus đã lên án hạng người này rất nghiêm-khắc. Ma-thi-ơ ghi lại những lời đó đầy-đủ hơn. Trong những câu tóm-tắt của Mác và Lu-ca ta thấy phác-họa ba đặc-điểm của tư-cách ươn-hèn của đám lãnh-tụ tư-tướng tôn-giáo ấy. Đặc-điểm thứ nhất là óc khoe-khoang thích biểu-diễn, thích địa-vị cao và ưa xu-nịnh. Đặc-điểm thứ hai là lòng tham vô-độ của họ, Chúa đã diễn-tả bằng một câu sắc-cạnh «nuốt gia-tài của đờn-bà góa.» Đặc-điểm thứ ba là tinh-thần đạo-đức giả vô-liêm-sĩ, họ là những kẻ «làm bộ đọc lời cầu-nguyện dài.» Điểm đáng ghi là những lời tố-cáo gay-gắt nhất của Chúa Jêsus đều hướng về những người mà cuộc sống hèn

ngoài có vẻ đáng kính nhất, và có những lời tự xưng về tôn-giáo khoe-khoang nhất. Tuy-nhiên, như vậy không có nghĩa là những nét xấu công-khai, tội-lỗi tỏ-tường tốt hơn tinh-thần đạo-đức kiêu-căng tự-phụ. Điều đó chỉ nhắc-nhở ta rằng có những đặc-quyền tôn-giáo và được mặc-khải chân-lý thì đồng-thời cũng mang những trách-nhiệm long-trọng, rằng óc nguy-thiện và giả-dối là đáng gớm-ghe trước mặt Đức Chúa Trời.

H. Những đồng tiền của người góa-phụ

21 : 1 - 4

«¹ Đức Chúa Jêsus vừa ngó lên, thấy những kẻ giàu bỏ tiền lẻ vào rương, ² lại thấy một mụ góa nghèo bỏ vào hai đồng tiền. ³ Ngài phán rằng: Quả thật, ta nói cùng các ngươi, mụ góa nghèo này đã bỏ vào nhiều hơn hết mọi người khác. ⁴ Vì mọi người kia đều lấy của dư mình mà làm của dâng; nhưng mụ này thiếu-thốn, mà đã dâng hết của mình có để nuôi mình.»

Bức tranh khả-ái này tương-phản với bức tranh Chúa họa về người Pha-ri-si là dường nào ! Trong con mắt của thế-gian, sự đóng-góp của người góa-phụ nghèo-khó thật là ít-oi, vô-nghĩa, trong khi những kẻ giả-hình dâng những món đắt giá, to-tát; nhưng trong mắt của Đức Chúa Trời, những món dâng của họ chẳng nghĩa-lý gì và Ngài thấy bà dâng nhiều hơn họ. Thật ra bà chỉ dâng có hai đồng tiền, giá chưa bằng một đồng bạc, nhưng bà chỉ có bao nhiêu đấy thôi. Theo đó, ta nên cần-thận khi gọi của dâng của chúng ta là «những đồng tiền» nhỏ-mọn, vì những «đồng tiền» ấy chỉ có nghĩa đó là tất cả điều chúng ta có. Tuy-nhiên, chúng ta nên an lòng biết rằng Chúa chúng ta nhìn vào tấm lòng và đánh giá của dâng theo lý-do, tình-yêu và tinh-thần hi-sinh của chúng ta. Trên hết, chúng ta nên biết rằng chúng ta có thể đo-lường những của dâng của chúng ta, không phải bằng cách xem thử ta đã dâng bao nhiêu, mà là xem ta còn giữ lại bao nhiêu, ảnh-hưởng của người đờn-bà vẫn còn khiến cho đoàn dân tiến đến kho-tàng của Đức Chúa Trời.

I. Sự tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem và

sự hiện đến của Đấng Christ

21 : 5 - 38

Trong thời-gian chức-vụ Chúa Jê-sus thường hay dự-nghôn về sự chết của Ngài và sự trở lại trong vinh-hiền. Ngài đã thấy rõ trước mắt Ngài là thập-tự-giá, nhưng ở phía chân trời xa là ngai trị-vị. Chúa Jê-sus luôn luôn cảnh-cáo người Do-thái rằng họ sẽ chối-bỏ Ngài cùng Ngài kêu-gọi họ ăn-năn, và điều này sẽ khiến cho thành Giê-ru-sa-lem bị tàn-phá. Chúng-tộc Do-thái sẽ chịu một thời-kỳ đau-buồn, nhưng như Chúa đã bảo các môn-đồ Ngài, mặc dầu Ngài sẽ chịu chết rồi sống lại, sau một thời-gian lâu, Ngài sẽ trở lại trong vinh-hiền để thiết-lập nước Ngài. Ngài giảng bài giảng vĩ-đại cuối-cùng về tương-lai lúc Ngài sắp chấm-dứt công-cuộc giảng-day biện-luận nơi công-cộng. Khi Chúa Jê-sus ngồi với các môn-đồ trên sườn núi Ô-li-ve, Ngài nhìn về phía tây và thấy ánh dương khuất lặn sau các tòa nhà hùng-tráng của thành thánh. Ngài biết rằng trên thực-tế, đêm-tối đang phủ xuống trên quốc-gia, chức-vụ của Ngài trên đất đã mãn và thế-giới sẽ không thấy rạng đông cho đến chừng Mặt Trời công-nghĩa hiện ra trong vinh-quang thật cho đến khi Ngài trở lại và trút vào trái đất sự hòa-bình an-lạc vinh-diệu của sự trị-vị đại-đồng của Ngài. Do đó, Ngài đã kể lại cho các môn-đồ một cách khá tỉ-mỉ về sự tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem sắp đến, sự trở lại của Ngài sau những năm dài chờ-đợi và phục-vụ trung-tin đã định cho những kẻ theo Ngài.

Bài giảng tiên-tri này của Chúa Jê-sus rất khó giải-thích ; trước hết vì nó được lồng trong những từ-ngữ bóng-bẩy ; nghĩa xác-thật của nó không phải lúc nào cũng thấy rõ-ràng. Thứ hai là hình như ở đây chỉ ghi lại có một phần những lời tiên-tri Chúa phán lúc bấy giờ ; cần phải so-sánh những lời Ma-thi-ơ và Mác chép với những câu do Lu-ca chép ở đây, và phải nhớ rằng chúng ta chỉ có một phần của cả bài giảng. Thứ ba, rõ-ràng Chúa chẳng phải

chỉ mô-tả một biến-cố mà là hai. Ngài nói tiên-tri về thành thánh bị quân-đội La-mã lật đổ; nhưng Ngài đã dùng những màu-sắc của bối-cảnh hi-đất này để tỏ tên bức tranh về sự tái-làm vinh-quang của Ngài. Những dự-ngôn này đan nhau chặt-chẽ đến nỗi không thể thấy rõ được là chúng ám-chỉ những biến-cố gần hay xa. Dầu rằng, ta có thể ghi lại một cánh khá-quyết cái bố-cục tổng-quát của lời tiên-tri, dầu không còn có đôi chút nghi-ngờ về hai đặc-điểm chính-yếu của nó là sự tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem và sự trở lại của Đấng Christ, ta vẫn phải nghiên-cứu đoạn này với tấm lòng khiêm-cung, những kết-luận của ta cần phải cân-thận, dè-dặt. Kết-quả không cần là hoang-mang thất-vọng mà phải là sự khích-lệ trông-mong tin-cậy hơn nơi sự hiện đến của Đấng Christ và sự khải-hoàn tối-hậu của chính-nghe Ngài.

1. Thời hiện-dại

21 : 5 - 19

«⁵ Có mấy người nói về đền-thờ; về đá đẹp và đồ dáng làm rực-rỡ trong đền-thờ. Đức Chúa Jê-sus phán rằng: ⁶ Những ngày sẽ đến, mọi điều các người ngó thấy đây, sẽ không còn một hòn đá nào chống trên hòn khác mà không đổ xuống. ⁷ Họ bèn hỏi Ngài rằng: Lạy thầy, vậy việc đó chừng nào sẽ xảy đến, và có điểm gì cho người ta biết rằng việc gần xảy đến không? ⁸ Ngài đáp rằng: Các người hãy giữ, kéo bị cấm-dỗ; vì có nhiều người sẽ mạo danh ta mà đến, và nói rằng: Ấy chính ta là Đấng Christ, thì-giờ đã đến gần. Các người đừng theo họ. ⁹ Lại khi các người nghe nói về giặc-giã loạn-lạc, thì đừng kinh-khiếp, vì các điều đó phải đến trước; nhưng chưa phải cuối-cùng liền đâu.

¹⁰ Ngài cũng phán cùng họ rằng: Dân này sẽ dấy lên nghịch cùng dân khác, nước nọ nghịch cùng nước kia; ¹¹ sẽ có sự động đất lớn, có đói-kém và dịch-lệ trong nhiều nơi, có những điềm lạ kinh-khiếp và dấu lớn ở trên trời. ¹² Song trước những

đều đó, thiên-hạ sẽ vì có danh ta mà tra tay bắt-bớ các người, nộp tại các nhà hội, bỏ vào ngục, kéo đến trước mặt các vua, và các quan tổng-đốc. ¹³ Đều ấy xảy ra cho các người để làm chứng-cớ. ¹⁴ Vậy các người hãy nhớ kỹ trong trí, đừng lo trước về sự bình-vực mình thế nào. ¹⁵ Vì ta sẽ ban cho các người lời-lẽ và sự khôn-ngoa, mà kẻ nghịch không chống-cự và bẻ-bác được. ¹⁶ Các người cũng sẽ bị cha, mẹ, anh, em, bà-con, bạn-hữu mình nộp mình; và họ sẽ làm cho nhiều người trong các người phải chết. ¹⁷ Các người sẽ vì có danh ta bị mọi người ghen-ghét. ¹⁸ Nhưng một sợi tóc trên đầu các người cũng không mất đâu. ¹⁹ Nhờ sự nhịn-nhục của các người mà giữ được linh-hồn mình. »

Nhân các môn-đồ nhìn vào vẻ lộng-lẫy của đền-thờ và hỏi Ngài một câu hỏi nên Chúa Jêsus đã phán cho họ cái sứ-điệp tiên-tri về sự tàn-phá thành theo lời Chúa kể thì trong những ngày hầu đến « sẽ không còn một hòn đá nào chông trên hòn đá khác mà không đổ xuống. » Họ bèn hỏi Ngài rằng: Lạy thầy, vậy việc đó chừng nào sẽ xảy đến, và có điềm gì cho người ta biết rằng việc gần xảy đến không? » Trong Ma-thi-ơ họ còn hỏi: « Có điềm gì chỉ về sự Chúa đến và tận-thế? »

Trước hết Chúa Jêsus phác-họa cho các môn-đồ Ngài thấy đặc-tính của thời-đại này cho đến chung cuộc, và mô-tả những điều mà kẻ theo Ngài phải chịu, thúc-giục họ trung-tin với Ngài giữa mọi cám-dỗ thử-thách trong những năm hầu đến cho tới khi Ngài trở lại. Theo lời Ngài tả-về đặc-tính của thời-đại này là có nhiều kẻ lường-gạt đến kêu-gọi người ta theo mình và tự nhận thay-thế địa-vị Đấng Christ. Lại có chiến-tranh và náo-loạn, nhưng những người tin Ngài không nên khủng-khiếp vì những việc đó. Luôn luôn có một cám-dỗ cho những tâm-hồn nóng-cạn là đem giải-thích một biến-cổ bất-thường ra thành một dấu-hiệu ngay tận-thế đã đến. Nhưng Ngài bảo cho họ biết chắc rằng những biến-cổ đó sẽ xảy ra trong nhiều năm nhưng không nhất-thiết phải kết-luận rằng biến-cổ vĩ-đại đã đến gần. Như Ngài đã phán « chưa phải cuối-cùng liền đâu; » còn phải có một thời-gian

chờ-đợi lâu, còn phải có những hỗn-loạn chính-trị « Dân này sẽ dấy lên nghịch cùng dân khác, nước nọ nghịch cùng nước kia. » Lại cũng có động đất, đói-kém, dịch-lệ và những « dấu lớn ở trên trời. » Nhưng những điều đó chẳng qua là đặc-tính của thời hiện-đại, chớ chưa phải là những dấu-hiệu của tận-thế.

Lại nữa, những kẻ theo Đấng Christ phải chịu sự bắt-bớ, bị bắt nộp cho các vua, các tông-đốc vì danh Ngài. Nhưng họ phải kiên-trì trong nhiệm-vụ làm chứng. Họ không cần phải bối-rối để biết làm chứng cách nào cho đúng, nhưng họ phải tin-cậy vị chủ vô-hình sẽ ban cho họ sự khôn-ngoaan cần-thiết để mạnh-dạn nói chò danh Ngài.

Đau-đớn hơn hết, là họ sẽ bị « cha, mẹ, anh, em, bà-con, bạn-hữu » phản-bội và một số trong họ phải uống chén đắng của sự tuận-đạo, họ sẽ bị mọi người ghen-ghét, nhưng linh-hồn họ sẽ không bị hư-mất. Nhờ sự chịu-đựng trung-kiên họ sẽ dành được sự cứu-rỗi đời đời.

Bức tranh đó quả thật là bức tranh của khổ-cực đau-buồn, nhưng sứ-điệp của nó thật khích-lệ cho những người trong mọi thời-đại đã trung-tin chịu khổ làm chứng và tìm được sự an-ủi khích-lệ dành cho mọi kẻ trông-đợi sự hiện đến và Nước của Đấng Christ.

2. Sự tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem

21 : 20 - 24

«²⁰ Và, khi các người sẽ thấy quân-lính vây thành Giê-ru-sa-lem, hãy biết sự tàn-phá thành ấy gần đến, ²¹ Lúc đó, ai ở trong xứ Giu-đê hãy trốn lên núi; ai ở trong thành phải đi ra ngoài, ai ở ngoài đồng đừng đứng trở vào thành. ²² Vì những ngày đó là ngày báo thù, hầu cho mọi lời đã chép được ứng-nghịem ²³ Trong những ngày ấy, khôn cho đờn-bà có thai, và đờn-bà cho con bú! Vì sẽ có tai-nạn lớn trong xứ, và cơn thịnh-nộ nghịch cùng dân này. ²⁴ Họ sẽ bị ngã dưới

lưỡi gươm, sẽ bị đem đi làm phu-tù giữa các dân ngoại, thành Giê-ru-sa-lem sẽ bị dân ngoại giày-đạp, cho đến chừng nào các kỳ dân ngoại được trọn. »

Trong khi Chúa Jêsus phóng tầm mắt vào tương-lai, trước hết Ngài đã dừng lại trên một biến-cố khủng-khiếp, một vài đặc-điểm của biến-cố này đã là hình-bóng cho cái chung-cuộc của thời-đại mà Ngài vừa mô-tả. Hơn một lần Ngài đã dự-ngôn về sự tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem. Bây giờ Ngài nói rõ dấu-hiệu của biến-cố sụp-đổ ấy là cuộc bao vây thành « khi các người sẽ thấy quân-lính vây thành Giê-ru-sa-lem, hãy biết sự tàn-phá thành ấy gần đến ! » Ngài cảnh-cáo những người trong thành-phố hãy trốn lên núi và bảo những người ở ngoài đồng đừng trở vào thành để được an-toàn, vì ngày báo-ứng đã đến, và các lời tiên-tri về sự hình-phạt dân-tộc phạm tội này sắp được ứng-nghiệm. Đó là thời-kỳ khủng-khiếp đau-đớn tột-độ, như Chúa Jêsus nói « Họ sẽ bị ngã dưới lưỡi gươm, sẽ bị đem đi làm phu-tù giữa các dân ngoại. » Lời của Ngài đã ứng-nghiệm từng chữ và trở thành một sự-kiện lịch-sử. Khó có thể nhắc lại một cảnh tàn-sát rừng-rợn nào hơn thế. Người ta phỏng-đoán có chừng một triệu người Do-thái bị giết trong cơn tàn-sát cuồng-nộ của đạo quân Titus, và hàng bao nhiêu ngàn người bị bắt làm phu-tù tại Ai-cập và các xứ khác.

Cuối-cùng Chúa lại dự-ngôn rằng thành Giê-ru-sa-lem sẽ « bị người ngoại-bang giày-đạp cho đến chừng nào các kỳ dân Ngoại được trọn. » Mấy chữ đầu nói đến một cái gì còn hơn sự đô-hộ của người Ngoại-bang ; nó ám-chỉ sự lãng-mạ, si-nhục thành thánh và tình-trạng đó sẽ kéo dài cho đến « các thời-kỳ dân Ngoại được trọn » nghĩa là suốt thời-đại dân Ngoại cai-trị, xa hơn nữa, là suốt mùa ân-diễn lúc Tin-lành được giảng cho thế-giới Ngoại-bang, cho đến khi Chúa trở lại. « Dân Ngoại » tương-phản với dân Do-thái, chứ không tương-phản với Cơ-đốc-đồ. Việc thành thánh được ở dưới quyền quản-trị của các lực-lượng Cơ-đốc-giáo không phải là bằng-chứng là thời-đại sắp chấm dứt ; chung-cuộc này sẽ có những dấu-hiệu rõ-ràng như Chúa sẽ kể tiếp sau. Tuy-nhiên, khi ta quay

khỏi bức tranh ghê-rợn của cuộc tàn-phá thành-phố lịch-sử này và nhớ rằng lời tiên-tri ấy đã xảy ra đúng-dẫn thế nào, thì ta lại càng tin-tưởng những dự-ngôn về những biến-cố ý-nghĩa hơn mà Chúa sắp nói đến chắc-chắn cũng xảy ra trong vinh-quang không sai mấy-may.

3. Sự hiện đến của Đấng Christ

21 : 25 - 28

«²⁵ Sẽ có các điềm lạ trong mặt trời, mặt trăng, cùng các ngôi sao ; còn dưới đất, dân các nước sầu-não rối-loạn vì biển nổi tiếng om-sòm và sóng-đào. ²⁶ Người ta nhơn trong khi đợi việc hung-dữ xảy ra cho thế-gian, thì thất-kinh mất vía, vì các thế-lực trên trời sẽ rung-động. ²⁷ Bây giờ thiên-hạ sẽ thấy Con người dùng đại-quyền đại-vinh mà ngự đến trên đám mây.

²⁸ Chẳng nào các việc đó khởi xảy đến, hãy đứng thẳng lên, ngược đầu lên, vì sự giải-cứu của các người gần tới. »

Ngay đến khi Đấng Christ trở lại, khi thời-đại gần kết-thúc, chắc-chắn sẽ có những dấu-hiệu rõ-ràng, đột-ngột, kinh-khủng, khiến không ai có thể nghi-ngờ biến-cố đã dự-ngôn sẽ không xảy ra lập-tức. Tuy-nhiên, những dấu-hiệu này được mô-tả bằng những từ-ngữ rất bóng-bẩy: « các điềm lạ trong mặt trời, mặt trăng cùng các ngôi sao ; còn dưới đất dân các nước sầu-não rối-loạn vì biển nổi tiếng om-sòm và sóng-đào. Người ta nhơn trong khi đợi việc hung-dữ... vì cả thế-lực trên trời sẽ rung-động » ; rồi sẽ tới một biến-cố mà các thời-đại đương tiến đến, thế-giới mệt-mỏi đương chờ-đợi, lúc mà công-tác Hội-Thánh đạt đến tột-bực, các hi-vọng được thành-tựu ; biến-cố ấy là sự hiện ra vinh-hiến của Cứu-Chúa đã bị đóng đinh, đã sống lại và thăng-thiên. Đó là lúc đau-đớn cho kẻ cứng-cỏi, nhưng đối với kẻ tin, thì lại là thời-kỳ hi-vọng và mong-đợi. Khi những dấu-hiệu Chúa nói « khởi xảy đến » thì theo lời Ngài, những kẻ

theo Ngài hãy mừng-rỡ, ngược đầu lên tiếp-đón Đấng giải-phóng, vì sự cứu-chuộc của họ đã đến gần. Thế-gian không mong-đợi sự hiện đến của Đấng Christ, nhưng tin-đồ Đấng Christ đã được báo trước cách quả-quyết nên họ có thể trông-đợi sự giải-cứu và vinh-quang đã hứa.

4. Khuyến-giục hi-vọng và tỉnh-thức

21 : 29 - 36

« 29 Đoạn, Ngài phán cùng họ một lời thí-dụ rằng : Hãy xem cây vả và các cây khác ; 30 khi nó mới nứt lộc, các người thấy thì tự biết rằng mùa hạ đã gần đến. 31 Cũng vậy, khi các người thấy những dấu ấy xảy ra, hãy biết nước Đức Chúa Trời gần đến. 32 Quả thật, ta nói cùng các người, dòng-dõi này chẳng qua trước khi mọi sự kia chưa xảy đến. 33 Trời đất sẽ qua, song lời ta nói sẽ không qua đâu.

34 Vậy, hãy tự giữ lấy mình, e rằng vì sự ăn uống quá-độ, sự say-sưa và sự lo-lắng đời này làm cho lòng các người mê-mẩn chẳng, và e ngày ấy đến thịnh-linh trên các người như lưới bủa ; 35 vì ngày đó sẽ đến cho mọi người ở khắp trên mặt đất cũng vậy. 36 Vậy, hãy tỉnh-thức luôn và cầu-nguyện, để các người được tránh khỏi các tai-nạn sẽ xảy ra, và đứng trước mặt Con người. »

Khi nói về sự trở lại vinh-hiền của Ngài, Chúa Jê-sus có nói đến những dấu-hiệu để các môn-đồ Ngài biết Ngài đã gần đến. Để giải nghĩa rõ hơn mục-đích của những «điềm» này, Chúa Jê-sus kể một thí-dụ ngắn, so-sánh điềm ấy với việc lá chồi nảy-nở vào mùa xuân là điềm báo mùa hạ đến. Nhiều người cho rằng Chúa dùng « cây vả » để chỉ về dân Y-sơ-ra-ên, và kết-luận rằng sự phục-hưng của Do-thái giáo và sự hồi-hương của dân Do-thái là điều chứng-tỏ chắc-chắn rằng thời hiện-đại sắp mãn. Dầu có dự-ngôn gì về người Do-thái thì ở đây cũng không ám-chỉ như thế,

vì Chúa không phải chỉ nói « Hãy xem cây vả » mà cũng thêm « và các cây khác ». Ý của Ngài hết sức rõ-ràng. Ngài không dùng hình-bóng của các cây để chỉ dân-tộc, nhưng Ngài bảo rằng như chồi lộc là dấu-hiệu báo trước mùa hạ thì những dấu-hiệu Ngài kể cũng báo trước chắc-chắn sự hiện đến của Ngài. « Cũng vậy khi các người thấy những điều ấy xảy ra, hãy biết nước Đức Chúa Trời gần đến », nước ấy sẽ thiết-lập trong vinh-quang khi Cứu-Chúa hiện ra.

Chúa Jêsus lại đánh-thức sự mong-đợi của những kẻ nghe Ngài bằng câu « Dòng-dõi này chẳng qua trước khi mọi sự kia chưa xảy đến. » Không chắc Chúa dùng chữ « dòng-dõi này » để chỉ chủng-tộc Hê-bơ-rơ như nhiều người bảo. Những chữ đó chắc có thể giải-thích theo nghĩa thông-thường và chữ « mọi sự » sẽ « chưa xảy đến » chỉ về sự tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem, được xem tiêu-biểu cho sự trở lại của Đấng Christ. Hai biến-cố ấy liên-quan với nhau rất mật-thiết trong bài giảng tiên-tri này. Sự ừng-nghiệm hiển-nhiên của biến-cố trước khiến cho các tín-đồ tin-tưởng vững-vàng rằng biến-cố sau chắc-chắn cũng sẽ xảy ra. « Trời đất sẽ qua, song lời ta nói sẽ không qua đâu. » Hi-vọng Chúa đến không phải căn-cứ vào những ước-đoán của phạm-nhân mà căn-cứ trên dự-ngôn không bao giờ sai của Ngài. Những gì thuộc vật-chất tạm-thời sẽ có ngày không tồn-tại nữa, nhưng lời Ngài sẽ còn vĩnh-viễn.

Nhìn vào những lời tiên-tri sáng-rõ ấy, tâm-hồn của Cơ-đốc nhân vững yên trên những thực-sự liên-quan đến sự hiện ra của Thầy. Những kẻ theo Đấng Christ phải tự giữ mình kẻo họ bị lôi-cuốn theo những ảnh-hưởng mà Chúa đã kể khi Ngài tả về thời-kỳ trước khi Ngài trở lại. Họ sẽ bị cám-đổ sống phóng-túng, xao-lãng miệt-mải trong những mối lo của trần-thế. Những kẻ tin đều được nhắc-nhở phải thức-canh kẻo Ngày Chúa đến bủa trên họ bất-ngờ, như đối với mọi người khác. Họ được thúc-giục thức-canh cầu-nguyện để có thể thoát khỏi sự phán-xét giáng xuống thế-gian tội-ác, và xứng-đáng chiếm-chỗ trong nước vinh-hiến của Chúa.

5. Câu tường-thuyết lịch-sử

21 : 37 - 38

«³⁷ Và, ban ngày, Đức Chúa Jê-sus dạy-dỗ trong đền-thờ ; còn đến chiều, Ngài đi lên núi, gọi là núi Ô-li-ve, mà ở đêm tại đó. ³⁸ Vừa tảng sáng, cả dân-sự đến cùng Ngài trong đền-thờ, đặng nghe Ngài dạy. »

Lu-ca chấm dứt bài giảng về sự trở lại của Chúa bằng một câu tóm-tắt tình-hình tổng-quát đánh dấu những biến-cổ cuối-cùng của chức-vụ Chúa Jê-sus dưới trần-thế. Ông kể rằng ban ngày Chúa Jê-sus giảng-dạy trong đền-thờ, ban đêm Ngài nghỉ ngoài trời, trên sườn núi Ô-li-ve, và dân-chúng nao-nức muốn nghe Ngài nên mỗi buổi sáng họ kéo đến đền-thờ rất sớm. Câu này hơi có tinh-cách ôn-lược. Nó là phần chuyển đoạn. Thật ra, hình như Chúa Jê-sus chỉ trở về thành có một lần, lần này Ngài bị bắt và dẫn đến chỗ chết. Lu-ca chuẩn-bị chúng ta những biến-cổ cuối-cùng. Chúng ta đã đến hồi then-chốt của câu chuyện.

VII. SỰ CHẾT VÀ SỐNG LẠI

Đoạn 22 - 24

A. Sự phản-bội của Giu-đa

22 : 1 - 6

«¹ Ngày lễ ăn bánh không men tức là lễ Vượt-qua đến gần. ² Các thầy tế-lễ cả cùng các thầy thông-giáo tìm phương đặng giết Đức Chúa Jê-sus ; vì họ sợ dân.

³ Và, quí Sa-tan ám vào Giu-đa, gọi là Iêh-ca-ri-ốt, là người trong số mười hai sứ-dõ, ⁴ nó đi kiếm các thầy tế-lễ cả và các thầy đội, để đồng mưu dùng cách nào nộp Ngài cho họ. ⁵ Các người kia mừng lắm, hứa sẽ cho nó tiền-bạc. ⁶ Nó đã ưng-thuận với họ, bèn kiếm dịp-tiện đặng nộp Đức Chúa Jê-sus trong khi dân-chúng không biết.

Câu « Ngày lễ ăn bánh không men tức là lễ Vượt-qua đến gần » làm thành một lời tựa thích-hợp cho câu chuyện cảm-động này vì người Hê-bơ-ơ hành-lễ này để nhớ lại sự giải-cứu dân Y-sơ-ra-ên khi thiên-sứ sát-hại vượt khỏi các nhà có bôì huyết. Bây giờ thì huyết Đấng Christ đem lại sự cứu-chuộc lớn hơn, và những kẻ tiếp-nhận sự cứu-rỗi đó phải lia-bỏ tội-lỗi trong cuộc sống cũng như người Hê-bơ-ơ loại bỏ men trong nhà họ trong thời-kỳ hành-lễ.

Những kẻ cầm quyền Do-thái quyết-định sát-hại Chúa Jê-sus. Nhưng điều khó-khăn cho họ là Ngài được dân-chúng hâm-mộ quá. Họ quyết-định nán lại sau kỳ lễ, để cho đoàn dân đi về bôt, thì lúc ấy thỉnh-linh có một trợ-lực từ một nơi hết sức bất-ngờ. Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, một trong mười hai Sứ-đồ của Chúa Jê-sus, đến đề-nghị nộp Thầy cho các nhà cầm quyền đúng vào lúc và chỗ mà họ mong-ước, tức là « khi dân-chúng không biết. » Dĩ-nhiên, những thầy tế-lễ cả và nhân-viên trong đền-thờ rất « mừng lắm » và chịu trả tiền theo lời yêu-cầu của tên phản-bội. Lu-ca nói rằng Giu-đa hành-động dưới sự điều-khiến của Sa-tan. Chúng ta không nên kết-luận rằng ông ta bị quỷ ám hay đã mất trí khôn. Hành-động của hắn đã có tinh-toán, tự-động, không thể nào dung-thứ được. Có thể giải-thích là vì từ lâu hắn vẫn nuôi-dưỡng lòng tham vàng bạc. Hắn đã nghe theo đề-nghị của Sa-tan và dâng mình cho nó để làm một việc thối-tha. Thực sự đáng kinh-hãi đây là sự phản-bội của Giu-đa không phải là hành-động của một quái-vật mà chỉ là một trường-hợp điển-hình của bất-cứ kẻ nào đã từng được sống với Chúa Jê-sus mà không chịu bỏ một tội-lỗi hay vấn-vương của mình. Tiếp-tục kháng-cự ảnh-hưởng ân-huệ của Cứu-Chúa là rơi ngay vào quyền-lực của Sa-tan.

B. Bữa ăn tối cuối-cùng

22 : 7 - 33

« 7 Đến ngày lễ ăn bánh không men, là ngày người ta phải giết con sinh làm lễ Vượt-qua, 8 Đức Chúa Jê-sus sai Phi-e-rơ và Giăng đí, mà phán rằng: Hãy đi dọn lễ Vượt-qua cho chúng ta ăn. 9 Hai người

thưa rằng: Thầy muốn chúng tôi dọn lễ ấy tại đâu?
 10 Ngài đáp rằng: Khi các người vào thành, sẽ gặp một người mang vò nước; hãy theo người vào nhà,
 11 và nói cùng chủ nhà rằng: Thầy phán cùng người rằng: Phòng khách là chỗ ta sẽ ăn lễ Vượt-quá với môn-dồ ta ở đâu? 12 Chủ nhà sẽ chỉ cho một cái phòng rộng và cao, đồ-đạc sẵn-sàng; các người hãy dọn ở đó. 13 Hai môn-dồ đi, quả gặp những điều như Ngài đã phán, bèn dọn lễ Vượt-quá.

14 Đến giờ, Ngài ngồi bàn ăn, các sứ-dồ cùng ngồi với Ngài. 15 Ngài phán rằng: Ta rất muốn ăn lễ Vượt-quá này với các người trước khi ta chịu đau-dớn. 16 Vì, ta nói cùng các người, ta sẽ không ăn lễ này nữa cho đến khi lễ ấy được trọn trong nước Đức Chúa Trời. 17 Ngài bèn cầm chén, tạ ơn, rồi phán rằng: Hãy lấy cái này phân-phát cho nhau. 18 Vì, ta nói cùng các người, từ nay ta sẽ không uống trái nho nữa, cho tới khi nước Đức Chúa Trời đến rồi. 19 Đoạn, Ngài cầm lấy bánh, tạ ơn xong, bẻ ra phân-phát cho môn-dồ, mà phán rằng: Đây là thân-thể ta, đã vì các người mà phó cho; hãy làm sự này để nhớ đến ta. 20 Khi ăn xong, Ngài cũng làm như vậy, lấy chén đưa cho môn-dồ, mà phán rằng: Chén này là giao-ước mới trong huyết ta vì các người mà đổ ra.... 21 Và lại, này, bàn tay kẻ phản ta ở gần ta, nơi bàn này. 22 Con Người đi, theo như điều đã chỉ-định; nhưng khốn cho người này phản Ngài! 23 Môn-dồ bèn hỏi nhau trong bọn mình ai là người sẽ làm điều đó.

24 Môn-dồ lại cãi-lấy nhau, cho biết ai sẽ được tôn là lớn hơn hết trong đám mình. 25 Nhưng Ngài phán cùng môn-dồ rằng: Các vua của các dân ngoại lấy phép riêng mình mà cai-trị, những người cầm quyền cai-trị được xưng là người làm ơn. 26 Về phần các người, đừng làm như vậy; song ai lớn hơn trong các người phải như kẻ rất nhỏ, và ai cai-trị phải như kẻ hầu việc. 27 Vì một người ngồi ăn với một người hầu việc, ai là lớn hơn? Có phải là kẻ ngồi ăn không? Nhưng ta ở giữa các người như

kẻ hầu việc vậy. ²⁸ Còn như các người, đã bèn lòng theo ta trong mọi sự thử-thách ta, ²⁹ nên ta ban nước cho các người, cũng như Cha ta đã ban cho ta vậy, ³⁰ để các người được ăn uống chung bàn trong nước ta, và được ngồi ngai để xét-đoán mười hai chi-phái Y-sơ-ra-ên.

³¹ Hỡi Si-môn, Si-môn, này, qui Sa-tan đã đòi sàng-sảy người như lúa mì. ³² Song ta đã cầu-nguyện cho người, hầu cho đức-tin người không thiếu-thốn. Vậy, đến khi người đã hối-eái, hãy làm cho vững chí anh em mình. ³³ Phi-e-rơ thưa rằng : Thưa Chúa, tôi sẵn lòng đi theo Chúa, đồng tù đồng chết. ³⁴ Đức Chúa Jê-sus đáp rằng : Hỡi Phi-e-rơ, ta nói cùng người, hôm nay khi gà chưa gáy, người sẽ ba lần chối không biết ta.

³⁵ Đoạn, Ngài lại phán rằng : Khi ta đã sai các người đi, không đem túi, bao, giày chỉ hết, các người có thiếu gì không ? Môn-đô thưa rằng : Không thiếu chi hết. ³⁶ Ngài phán rằng : Nhưng bây giờ, ai có túi bạc, hãy lấy đi, ai có bao, cũng vậy ; ai không có gươm, hãy bán áo ngoài đi mà mua. ³⁷ Vì ta rao cho các người, có lời chép rằng : Ngài đã bị kẻ vào hàng kẻ dữ. Lời ấy phải ứng-nghiệm về chính mình ta. Thật vậy, sự đã chỉ về ta hầu được trọn. ³⁸ Các sứ-đồ thưa rằng : Thưa Chúa, có hai thanh gươm đây. Ngài phán rằng : Ấy là đủ.»

Bữa ăn cuối-cùng Chúa Jê-sus dự với các môn-đồ Ngài là lễ Vượt-qua, đó là khởi đầu của thánh-lễ mà ngày nay người ta gọi là Tiệc-Thánh. Lễ Vượt-qua nhắc lại sự giải-phóng dân-tộc trong quá-khứ và chỉ về một cuộc giải-phóng lớn hơn sẽ đến, vì cuộc giải-phóng này mà Đấng Christ phải chết. Tiệc-Thánh hướng về sự cứu-chuộc cao cả mà Chúa đã hoàn-thành trong sự chết chuộc tội của Ngài, và hướng ta tới sự cứu-chuộc đầy-đủ hơn mà Ngài sẽ hoàn-thành khi Ngài trở lại. «Bữa ăn tối cuối-cùng» có thể nên ôn lại đồng-thời với vấn-đề Tiệc-Thánh. Câu chuyện chép đây có thể cho ta thấy việc giữ thánh-lễ này rất ích-lợi.

1. Đây phải là lúc rút lui. Ta phải gắng hết sức để loại-trừ những tư-tưởng làm ta xao-lãng phải chú-tâm vào Đấng Christ và tình yêu cứu-chuộc của Ngài. Chúa Jê-sus đã dự-bị đều đó cho môn-đồ Ngài. Ngài sai Phi-e-rơ và Giăng vào thành-phố để sửa-soạn chỗ cho Ngài dự tiệc Vượt-qua với các môn-đồ. Nhưng Ngài cũng cẩn-thận ngăn-ngừa những điều làm gián-đoạn. Ngài không cho môn-đồ biết chỗ nơi họp. Nếu Ngài làm vậy chắc Giu-đa đã tiết-lộ cho kẻ thù biết để đến bắt Chúa giữa bữa tiệc. Chúa chúng ta cẩn-thận dẫn hai môn-đồ rằng khi vào thành họ sẽ gặp một người « mang vò nước, » họ sẽ theo người đến một căn nhà và họ sẽ dọn tiệc Vượt-qua tại đây. Theo các nhà phước-âm khác, hình như sau khi ăn tiệc Vượt-qua, trước Chúa thiết-lập bữa ăn kỷ-niệm, Ngài cho Giu-đa ra khỏi phòng tiệc. Vậy ta phải cố-gắng xua-đuổi những ý-nghĩ phản-trắc, quấy-rầy ra khỏi lòng hầu khi dự ta có thể cảm-biết đương ở một mình với Chúa.

2. Đây là lúc tương-giao. — Chúa chúng ta đã nóng-nảy cho mau tới những giờ-phút được ở với các môn-đồ trong mối giao-hữu bền-chặt. Ngài có nhiều điều để nói với họ; Ngài biết đây là thời-gian chia-ly dễ cảm, Ngài muốn dùng những sứ-điệp vui-mừng hi-vọng để thêm sức cho họ. Có lẽ trong Kinh-thánh không có đoạn nào quen-thức, dịu-dàng, ích-lợi bằng những đoạn Giăng chép lời Chúa nói trên phòng cao trong dịp Tiệc-thánh này. Đối với những tấm lòng sẵn-sàng, Chúa vô-hình chắc-chắn sẽ hiện-diện và phán-báo qua Thánh-Linh và những biểu-hiệu, cho họ biết những chân-lý để được sức mạnh và vui-mừng.

3. Đây là thời-kỳ biết ơn. Thánh-lễ thường được gọi là Eucharist, cuộc hành-lễ của « lễ tạ ơn, » vì nó nhắc-nhở cho ta những ơn-phước vô-hạn do sự chết đền tội của Chúa đem lại. Đây là mục-đích cao-cả nhất của bữa tiệc. Chúa Jê-sus đã nói rõ điều đó khi Ngài thiết-lập nó. Bánh nhắc cho ta nhớ rằng thân Ngài vỡ ra vì có ta; rượu là biểu-hiệu của huyết Ngài, như Ngài nói cùng các môn-đồ, huyết ấy đổ ra vì có họ. Như vậy bữa ăn này là để kỷ-niệm ơn cứu-rỗi. Nó chỉ về sự chết sắp đến của Chúa, như chính Ngài đã nói « Hãy làm sự này để nhớ đến ta. »

4. Đây là lúc hi-vọng.— Ngay tại bóng của thập-tự-giá, Chúa đã chỉ cho môn-đồ Ngài thấy vinh-quang của ngài Ngài. Trong khi lòng bị vò-xé bởi ý chia-ly, thì Ngài nhắc-nhở họ về sự tái-hiệp khi họ cùng nhau ăn uống « trong nước Đức Chúa Trời. » Ngài tuyên-bố rằng họ sẽ chịu thử-thách một thời-gian, nhưng nếu họ cùng chịu khổ với Ngài thì sẽ cùng cai-trị với Ngài. « Ta ban nước cho các người, cũng như Cha ta đã ban cho ta vậy, để các người được ăn uống chung bàn trong nước ta. » Vậy mùa giao-cảm là lúc chúng ta nhìn tới những cuộc tái-ngộ hoan-hỉ với những kẻ qua đi trước. Lòng chúng ta tràn-ngập mừng-vui khi nhìn thấy vinh-hiền hầu đến. Trong bóng tối mịt-mù chúng ta tìm về bầu trời mở ra và sự tái-làm của Đấng Christ. Chúng ta « rao sự chết của Chúa cho tới lúc Ngài đến. »

5. Đây là lúc hi-sinh.— Trong khi ngồi trên bàn, các môn-đồ cãi nhau xem kẻ nào trong họ là lớn hơn hết. Chúa chúng ta ban cho họ một tấm gương đáng nhớ khi Ngài cúi xuống rửa chơn cho họ. Rồi Ngài giải-thích cho họ tinh-chất của sự cao-cả thật và chứng-tỏ rằng yếu-tinh của nó nằm trong sự phục-vụ, Ngài phán « Ai lớn hơn trong các người phải như kẻ rất nhỏ, và cai-trị phải như kẻ hầu việc. » Khi lia bàn ăn của Chúa, ta nên ước-muốn được đi tới trong danh Ngài và làm bất-cứ điều gì trong quyền-hạn của ta để phục-vụ đồng-loại, theo dấu chơn Ngài đến « không phải để người ta phục-vụ mình mà để phục-vụ người ta và phó mạng sống mình làm giá chuộc nhiều người. »

6. Đây là lúc nên hạ mình.— Khi chúng ta nhận-biết sự yếu-đuối của chúng ta, sự phụ-thuộc của chúng ta vào ân-điền của Ngài. Chúa Jê-sus thấy cần báo cho các môn-đồ về sự cảm-dở thử-thách hầu đến, và đặc-biệt nó trước sự vấp-ngã của Phi-e-rơ. Quay về phía người môn-đồ nhẹ dạ thân-ái, bộp-chộp, người dường như giữ vai thủ-lãnh trong đoàn-thê sứ-đồ, Chúa báo người rằng Sa-tan muốn cướp các môn-đồ, sàng-sảy họ như lúa mì, nhưng chính Ngài đã cầu-nguyện đặc-biệt cho Phi-e-rơ hầu cho đức-tin người khỏi thất-bại, dầu vậy Chúa Jê-sus thấy trước rằng có một lúc lòng

can-đảm của người sẽ nhụt mắt và người sẽ chối Chúa. Tuy-nhiên, Ngài khuyên-giục Phi-e-rơ hãy ăn-năn sau khi sa-ngã và khích-lệ anh em mình. Câu nói về hành-vi yếu-đuối và bất-trung ấy thật khó tin đối với Phi-e-rơ, nên ông phản-đối, « Tôi sẵn lòng đi theo Chúa, đồng tù đồng chết. » Nhưng Chúa Jê-sus buồn-bã trả lời « Hỡi Phi-e-rơ, ta nói cùng ngươi, hôm nay khi gà chưa gáy, ngươi sẽ ba lần chối không biết ta. »

Không thể nào dự lễ Tiệc-thánh mà không nhớ lại những lỗi-làm quá-khứ chắc-chắn những hành-vi yếu-đuối tương-tự cũng sẽ xảy ra trong tương-lai. Một hành-vi bất-trung như vậy làm Chúa đau lòng, nhưng nếu lòng chúng ta thuận-phục Chúa, chúng ta ăn-năn sau khi phạm lỗi. Nếu chúng ta thật tin-cậy Ngài, Ngài sẽ tha-thứ. Như Ngài đã cầu-nguyện cho Phi-e-rơ, Ngài cũng đương cầu-nguyện cho chúng ta. Mặc dầu đôi lúc chúng ta vấp-vấp, Ngài cũng không để chúng ta ngã hẳn. Ngài có thể cứu « toàn-vẹn... vì Ngài hằng sống để cầu thay » cho ta.

7. Đây là lúc quyết-định mới.— Chúng ta nên khiêm-nhường và nhờ-cậy vì có những lỗi-làm đã phạm trong quá-khứ và còn có thể phạm trong tương-lai nữa, nhưng ta nên đứng vững trong sức-lực do Chúa ban. Tại phòng cao, Ngài cho các môn-đồ biết rằng khi Ngài được cất khỏi họ, họ sẽ gặp những điều-kiện đổi khác. Kẻ thù sẽ cất mạng sống Ngài sẽ không thể đối-đãi như-từ với các môn-đồ Ngài. Ngài cho họ biết chắc rằng họ sẽ phải dùng những nguồn cung-cấp riêng của mình và họ phải đương đầu với lòng căm-hận cay-đắng nhất. Ngài lại còn bảo rằng họ cần mua mỗi người một cây grom. Họ hiểu lời Ngài theo nghĩa đen nên nói « Thưa Chúa, có hai thanh grom đây » Chúa trả lời với nỗi buồn chua-xót « Ấy là đủ. » Dĩ-nhiên, Chúa không có ý nói rằng những kẻ theo Ngài phải dùng bạo-lực hoặc phải dùng sức mạnh mà truyền Tin-lành. Ngài chỉ muốn chúng ta có tinh-thần cảnh-giác và quyết-định rằng trong cuộc tranh-chấp thuộc-linh đương đọit ta, ta phải là một thập-tự-quân trung-thành. Ta tiến ra sa-trường, nhưng rồi trong một ngày mai sáng-lạng ta sẽ được ngồi cùng Ngài trong buổi liên-hoan thiên-đường có yến-tiệc và hát-ca.

C. Con thống-khổ tại Ghết-sê-ma-nê

22 : 39 - 46

«³⁹Đoạn, Đức Chúa Jêsus ra đi, lên núi Ô-li-ve theo như thói quen; các môn-dồ cùng đi theo Ngài.
⁴⁰Khi đã đến nơi đó, Ngài phán cùng môn-dồ rằng: Hãy cầu-nguyện, hầu cho các ngươi khỏi sa vào sự cám-dỗ. ⁴¹Ngài bèn đi khỏi các môn-dồ, cách chừng liêng một cục đá, quì xuống mà cầu-nguyện ⁴²rằng: Lạy Cha, nếu Cha muốn, xin cất chén này khỏi tôi! Dầu vậy, xin ý Cha được nên, chớ không theo ý tôi!... ⁴³Có một thiên-sứ từ trên trời hiện xuống cùng Ngài, mà thêm sức cho Ngài. ⁴⁴Trong cơn rất đau-thương, Ngài cầu-nguyện càng thiết, mồ-hôi trở nên như giọt máu lớn rơi xuống đất. ⁴⁵Cầu-nguyện xong, Ngài đứng dậy trở lại cùng các môn-dồ, thấy đương ngủ mê vì buồn-rầu. ⁴⁶Ngài phán rằng; Sao các ngươi ngủ? Hãy đứng dậy cầu-nguyện để cho khỏi sa vào sự cám-dỗ.»

Sau khi thân-mật đàm-đạo với các môn-dồ Ngài tại phòng cao, Chúa Jêsus bước ra bóng tối đi đến vườn Ghết-sê-ma-nê, một nơi nghỉ-ngơi ưa-thích trên sườn núi Ô-li-ve, tại đây linh-hồn Ngài trải qua một cơn sầu-thảm vô-song, thường gọi là «con thống-khổ.» Đi vào cảnh biệt-tịch thiêng-liêng ấy dầu là bằng một tưởng-trọng cũng đã có vẻ là xâm-nhập rồi. Tuy-thế, với vài tia quan-sát ta cũng có thể tìm thấy những điều giáo-huấn và khích-lệ cho ta cũng như các môn-dồ xưa.

Sở-dĩ cơn đau-buồn vây chặt Ngài, chắc là vì Ngài thấy rõ sự chết mà Ngài phải chịu vào ngày sau. Chính cơn thống-khổ này đã làm tăng vượt bực ý-nghĩa và vẻ màu-nhiệm của sự chết ấy. Đối với một tâm-hồn nhạy cảm, đã bị khích-động vì đau-đớn thì sự buồn-khổ ấy chỉ là việc tự-nhiên và có thể tha-thứ, nhưng nếu Chúa Jêsus chịu thống-khổ tội-bực như thế chỉ vì cơ sự đau-đớn của thân-thể thì Ngài còn kém can-trường hơn nhiều kẻ theo Ngài sao. Tuy-nhiên, nếu trong giờ chết Ngài đã phải trở

nên như tội-lỗi hầu trở thành Đấng cứu-chuộc thế-gian, nếu Ngài đã phải « phó mạng sống mình làm giá chuộc tội nhiều người » ; nếu Ngài làm Chiên Con duy-nhất của Đức Chúa Trời, nếu Ngài phải chịu khuất mặt Cha, thì ta có thể hiểu tại sao trước giờ lâm-chung, tâm-hồn Ngài đã buồn-bực « cho đến chết. » Cơn thống-khổ của Chúa không nên xét theo khía-cạnh anh-hùng nhân-tinh, nhưng nên coi đó là bằng-chứng của công-cuộc chuộc tội thiên-thượng của Ngài. Cái « chén » mà Chúa Jê-sus phải uống có chứa sự chết vì Ngài là « Đấng mang tội-lỗi. »

Trong giờ thử-thách cay-đắng cùng-cực này, Chúa Jê-sus tìm được sự tiếp-trợ trong lời cầu-nguyện. Ngài đã đến Ghét-sé-ma-nê để ở một mình với Đức Chúa Trời. Ngài khuyên môn-đồ Ngài theo gương Ngài. Khi cơn thống-khổ cấu-xé quả tim cô-đơn Ngài cách tàn-bạo hơn hết thì Ngài đương cầu-nguyện và được lắng nghe. Chén của Ngài không được cất đi, nhưng « Có một thiên-sứ từ trên trời hiện xuống cùng Ngài, mà thêm sức cho Ngài. » Ngài đã nhận được ân-điền để uống chén ấy cho tới cận, sự chết đã mất nọc độc và mộ-phần không còn vẻ khủng-khiếp nữa. Ngài đã chuẩn-bị để có cảm-tình hoàn-toàn đối với những kẻ gặp sự mâu-nhiệm về « lời cầu-nguyện không được nhậm. » « Ngài đã trở nên căn-nguyên của sự cứu-rỗi đời đời cho mọi kẻ vâng-phục Ngài. »

Chúa Jê-sus cầu-nguyện trong đức-tin, và yếu-tố chính của một lời cầu-nguyện tin-tưởng là tấm lòng sẵn-sàng vâng-phục. Đây là điều cầu-xin gương-mẫu cho chúng ta. « Dầu vậy, xin ý Cha được nên, chớ không theo ý tôi ! » Ngài đã chiến-thắng vì chịu đầu-phục ý Cha trọn-vẹn. Sau đó không còn phải chiến-đấu nữa. Ngài quay lại bằng những bước quả-quyết để gặp sự phản-bội, thống-khổ và sự chết. Giờ đã đến, Ngài đã sẵn-sàng. « Ngài rất mãn-nguyện. »

D. Sự bắt Chúa Jêsus

22 : 47 - 53

«⁴⁷ Khi Ngài còn đương phán, một lũ đông kéo đến. Tên Giu-đa, một trong mười hai sứ-đồ, đi trước hết, lại gần Đức Chúa Jêsus dặng hôn Ngài.⁴⁸ Đức Chúa Jêsus hỏi rằng: Hỡi Giu-đa, người lấy cái hôn để phán Con người sao? ⁴⁹ Nhưng người ở với Ngài thấy sự sắp xảy đến, bèn nói rằng: Thưa Chúa, chúng tôi nên dùng gươm đánh chăng? ⁵⁰ Một người trong các sứ-đồ đánh đầy-tớ của thầy cả thượng-phẩm và chém đứt tai bên hữu. ⁵¹ Nhưng Đức Chúa Jêsus cất tiếng phán rằng: Hãy để cho họ đến thế! Ngài bèn rờ tai đầy-tớ ấy, làm cho nó được lành. ⁵² Đoạn, Đức Chúa Jêsus phán cùng các thầy tế-lễ cả, các thầy đội coi đền-thờ, và các trưởng-lão đã đến bắt Ngài, rằng: Các người cầm gươm và gậy đến bắt ta, như bắt kẻ trộm-cướp. ⁵³ Hằng ngày ta ở trong đền-thờ với các người, mà các người không ra tay bắt ta. Nhưng này là giờ của các người, và quyền của sự tối-tầm vậy.»

Cách Giu-đa hành-động trong tội-ác thối-tha của hắn thật vô-cùng tương-xứng với tinh-cách đê-tiện của nó. Hắn dẫn một đoàn đông với gươm giáo vào vườn Ghết-sê-ma-nê nơi Chúa thường lui vào để cầu-nguyện, rồi tại đó hắn đã phản Ngài bằng một cái hôn, đó là dấu-hiệu hắn thỏa-thuận với người ta để trong đêm tối họ khỏi bắt lầm, một môn-đồ nào khác thay vì Chúa. Cái hôn là dấu-hiệu thông-thường của tình bạn, nhưng cử-chỉ của Giu-đa và lời Chúa mắng chửi-ngỏ rằng chiếc hôn ấy chỉ là giả vờ âu-yếm và đối với Chúa lại càng đáng ghê-tởm nữa. Những hành-vi bất-trung đối với Đấng Christ càng làm cho Ngài buồn hơn khi nó diễn ra giữa khung-cảnh thiêng-liêng và bởi những người lớn tiếng khoác-lác về tình yêu.

Thái-độ dạn-dĩ của Chúa lúc này lại tương-phản với cử-chỉ của các môn-đồ. Họ hỏi Ngài có nên dùng gươm để tự-vệ chăng. Ngài chưa kịp trả lời thì Phi-e-rô đã liêu-

lĩnh vực grom chém vào người đầy-tớ của thầy tế-lễ thượng-phẩm làm đứt mắt tai bên phải của nó. Về hành-động ấy Chúa chỉ trả lời « Hãy để cho bọn họ đến thế » ; không biết nghĩa đúng của câu ấy là gì, có lẽ Ngài bảo các môn-đồ đừng bạo-động nữa. Rồi Ngài rờ tai của tên đầy-tớ và chữa lành nó. Chỉ có Lu-ca, « thầy thuốc yêu-dấu » là có chép lại « phép lạ duy-nhất về giải-phẫu » này. Việc này đem cho các môn-đồ ở mọi thời-đại một sứ-điệp. Dùng bạo-động và thủ-đoạn độc-ác để bình-vực chính-nghĩa Đấng Christ tức là trình-bày Ngài cách sai-lầm cho thế-gian. Hành-động của Phi-e-rơ khiến cho kẻ nghịch có thêm cơ để cáo tội Ngài, và nếu còn kháng-cự thêm chắc địa-vị của Chúa đã bị liên-lụy. Dầu có dụng ý tốt đến đâu, những cách bảo-vệ khinh-suất như vậy cũng chỉ làm suy-yếu chính-nghĩa mà họ muốn nêu cao.

Chúa Jêsus quay lại trách kẻ thù và bất-bình-vì họ đến cùng Ngài với grom-giáo gây-gộc như là đi bắt trộm-cướp. Ngài nhắc lại rằng hằng ngày Ngài giảng-dạy nơi công-cộng. Họ đến cách thăm-lén, hung-bạo, trong bóng tối như vậy, chứng-tỏ rằng sự bắt-bớ ấy là giả-dối và vô-cớ. Có rất nhiều cơ-hội để bắt Ngài ban ngày nơi công-cộng lúc Ngài không có gì bảo-vệ. Hành-động của họ như vậy tự nó đã lên án lấy nó rồi. Nhưng Ngài buồn-bã thêm rằng « Đây là giờ của các ngươi, và quyền của sự tối-tăm vậy. » Trong sự mâu-nhiệm thiên-hựu Đức Chúa Trời đã cho phép tội-ác ấy xảy ra. Ngài ban quyền-hành tạm-thời cho những lực-lượng gian-ác chỉ xảy ra trong giờ-phút ngắn-ngủ, nhưng kẻ nào vui-vẻ đem nó dùng vào việc như vậy sẽ hứng lấy sự định tội đời đời. Không còn gì nghiêm-trọng hơn việc sử-dụng sự tự-do Đức Chúa Trời ban cho ta để thực-hiện những mục-đích bất-chính.

E. Phi-e-rơ chối Chúa

22 : 54 - 62

⁵⁴ Bấy giờ họ bắt Đức Chúa Jêsus đem đi, giải Ngài đến nhà thầy cả thượng-phẩm. Phi-e-rơ đi theo Ngài xa xa. ⁵⁵ Họ nhóm lửa giữa sân, rồi ngồi

với nhau; Phi-e-rơ cũng ngồi giữa đám họ. ⁵⁶ Một con dòi kia thấy Phi-e-rơ ngồi gần lửa, thì ngó chăm-chỉ, mà nói rằng: Người này vốn cũng ở với người ấy, ⁵⁷ Song Phi-e-rơ chối Đức Chúa Jê-sus, nói rằng: Hỡi đờn-bà kia, ta không biết người đó. ⁵⁸ Một lát, có người khác thấy Phi-e-rơ, nói rằng: Người cũng thuộc về bọn đó! Phi-e-rơ đáp rằng: Hỡi người, ta không phải thuộc về bọn đó đâu. ⁵⁹ Độ cách một giờ, có kẻ khác đề quyết như vậy mà rằng: Thật người này cũng ở với Jê-sus, vì người là dân Ga-li-lê. ⁶⁰ Nhưng Phi-e-rơ cãi rằng: Hỡi người, ta không biết người nói chi! Đương lúc Phi-e-rơ còn nói, thì gà liền gáy; ⁶¹ Chúa xây mặt lại ngó Phi-e-rơ. Phi-e-rơ nhớ lại lời Chúa đã phán cùng mình rằng: Hòm nay trước khi gà chưa gáy, người sẽ chối ta ba lần; ⁶² rồi đi ra ngoài, khóc-lóc thảm-thiết.»

Phi-e-rơ thật tình yêu Chúa Jê-sus và đức-tin của ông nơi Ngài không hề suy-giảm, nhưng trong giờ thử-thách như Chúa Jê-sus đã nói trước, Phi-e-rơ đã mất can-đảm và chối Chúa mình. Nhưng tội của ông không giống như tội của Giu-đa. Tội của Giu-đa là bước cuối-cùng trên đường sa vực thẳm. Tội của Phi-e-rơ chỉ là một hành-động hèn-nhát trong cả sự-nghiệp phát-triển đạo-đức từng đem lại ơn-phước và ích-lợi cho mọi kẻ theo Đấng Christ.

Sự té-ngã của Phi-e-rơ có thể đánh dấu từ lúc ông tỏ thái-độ tự-tin. Khi ông tuyên-bố rằng, đầu mọi người bỏ Ngài, ông cũng vẫn trung-thành với Đấng Christ, thì ông rất thành-thật, ông nói ra cảm-nghĩ thật của lòng ông nhưng rồi ông đã tiết-lộ sự khoe-khoang đó. Kết quả là ngay sau đó ông đã không vâng lời Thầy mà thức-canh câu-nguyện, tiếp theo, ông ngạc-nhiên hoảng-hốt vì Chúa Jê-sus bị bắt, rồi sau khi đánh một lát kiếm hốt-nhiên đề tự-vệ, ông cũng bỏ Chúa Jê-sus trốn đi như các môn-đồ khác. Ông theo Chúa Jê-sus đến dinh thầy tế-lễ thượng-phẩm, nhưng muốn giấu không cho ai biết mình là môn-đồ, nên tìm cách lẫn-lộn với đoàn dân nào-động.

Những kẻ theo Đấng Christ có một hiềm-họa ghê-gớm là tự cậy sức mạnh đạo-đức và nhất là đồng-thời lại xấu-hỗ không dám công-khai xưng mình là môn-đồ, hơn nữa là tự-nhận trung-thành với Chúa mà đến khi gặp việc lại không giúp được gì cho Chúa cả. Chính lúc chính-nghĩa của Chúa dường như đã sa-cơ thất-thể, nhuệ-khi của Phi-e-ơ tiêu-tán, ông đương mệt-mỏi vì đêm dài mất ngủ, lạnh-lẻo, cô-đơn, thì Phi-e-ơ bị tấn-công bất-ngờ và ông đã chịu thảm-bại.

Chỉ tay chế-giễu vị đại-sứ-đồ là rất dễ, nhưng thỉnh-thoảng gặp những thử-nghiệm không đến nỗi nặng-nề như thế, ít có tin-đồ nào là không chối Chúa hoặc bằng ngôn-ngữ hay hành-vi, vì nhát-sợ, lừa-dối hay dục-vọng. Sau khi chối Chúa ba lần, Phi-e-ơ nghe tiếng gà gáy. Việc xảy ra như thế, tự nó là vô-nghĩa, nhưng nó đã nhắc lại lời của Thầy, nó khiến Phi-e-ơ cảm-biết nỗi ô-nhục của mình nhưng cũng khiến ông hồi-tỉnh. Vừa khi quay về phía dinh, ông bắt gặp tia nhìn của Chúa. Chúng ta không thể nào ước-đoán được khuôn mặt của Chúa đã diễn-tả gì lúc Ngài «ngó Phi-e-ơ.» Có thể có chút trách-móc, nhưng có lẽ còn có vẻ buồn-thảm vô-hạn và vẻ từ-ái dịu-dàng. Ta thấy khi Phi-e-ơ nhớ lại lời Chúa «đi ra ngoài, khóc-lóc thảm-thiết!» Đó là những giọt nước mắt ăn-năn, dọn đường cho sự tha-thứ và bình-an. Đối với nhiều người theo Chúa, khi sa-ngã, họ được ơn thiên-hựu nhắc lại cho họ nhớ thời-gian thăm-giao vui-vẻ, và những sứ-điệp cảnh-cáo long-trọng, rồi khi lòng họ hướng về Chúa, họ cảm thấy ăn-năn và nhận biết hành-vi bất-trung của mình đã khiến Chúa yêu-đầu đau-đớn. Sự cảm-biết đó khiến nước mắt đổ ra và đem lại những giờ hối-hận buồn-bã, nhưng tiếp theo sẽ là một buổi mai rực-rỡ được gặp Đấng Christ phục-sinh, sẽ xác-nhận tình yêu mình đối với Chúa, sẽ nói những lời hòa-bình và sẽ sống một cuộc đời tận-tụy phục-vụ chính-nghĩa Ngài.

F. Chúa Jêsus trước kẻ cầm-quyền Do-thái

22 : 63 - 71

« ⁶³ Vả, những kẻ canh Đức Chúa Jêsus nhạo-báng và đánh Ngài; ⁶⁴ che mặt Ngài lại, rồi nói rằng: Hãy nói tiên-tri đi, hãy đoán xem ai đánh người! ⁶⁵ Họ lại nhĩếc-móc Ngài nhiều lời khác nữa.

⁶⁶ Đến sáng ngày, các trưởng-lão trong dân, các thầy tế-lễ cả, và các thầy thông-giáo nhóm lại, rồi sai đem Đức Chúa Jêsus đến nơi tòa công-luận. ⁶⁷ Họ hỏi Ngài rằng: Nếu người phải là Đấng Christ, hãy xưng ra cho chúng ta. Ngài đáp rằng: Nếu ta nói, thì các người không tin; ⁶⁸ nếu ta tra-gạn các người, thì các người không trả lời. ⁶⁹ Nhưng từ nay về sau, Con người sẽ ngồi bên-hữu quyền-phép Đức Chúa Trời. ⁷⁰ Ai nấy đều hỏi rằng: Vậy, người là Con Đức Chúa Trời sao? Ngài đáp rằng: Chính các người nói ta là Con Ngài. ⁷¹ Họ bèn nói rằng: Chúng ta nào có cần chứng-cớ nữa làm chi? Chính chúng ta đã nghe từ miệng nó nói ra rồi.»

Sau khi bị Phi-e-rơ chối, Chúa Jêsus lại bị bọn bắt Ngài lăng-nhục sỉ-vả. Ngài bị nhạo-cười, đánh-đập, mắng-nhiếc. Những kẻ đứng coi hành-hạ Ngài là những nhà cầm quyền Do-thái, những kẻ có kiến-thức văn-hóa, những người chuyên về tôn-giáo vào thời ấy, nhưng thú-tinh trong con người mạnh hơn chúng ta vẫn tưởng. Khi Đấng Christ bị chối-bỏ, giáo-huấn của Ngài bị khinh-bĩ, khi Thánh-Linh của Ngài bị chống-báng, thì bấy giờ chỉ còn là vấn-đề thời-gian và cơ-hội để cho sự cứu-oán, độc-ác, tham-tàn, giận-dữ đánh thức những tình-dục và sự tàn-bạo trong con người dậy.

Đến rạng-đông, Chúa Jêsus bị điệu đến trước công-hội để chịu tố-cáo theo lệ công-hội là tòa-án tôn-giáo tối-cao của người Do-thái bấy giờ. Họ dự-định phải xử-tử Ngài, trên thực-tế, họ đương bị xét-xử, và tội-ác của họ sẽ liên-lụy cả dân-tộc. Những kẻ cầm quyền tự lên án về thành-kiến, bất-lương, xảo-trá. Họ không cố tìm ra thực-

sự đề công-lý được thực-hiện ; họ chỉ cố tìm cho ra một bằng-chứng đề lên án Chúa Jêsus.

Khi họ thấy không có cách nào để kết án Chúa Jêsus, thì họ bèn cáo Ngài bằng một câu « Nếu người phải là Đấng Christ, hãy xưng ra cho chúng ta. » Câu trả lời của Chúa Jêsus chứng-tỏ Ngài biết tận-tường lòng cứu-thù mù-quáng của họ và họ không muốn phán-xử công-bình. Ngài bảo họ rằng họ sẽ không tin những lời Ngài nói và sẽ không chịu nhận những lời biện-hộ giải-thích của Ngài tuy-nhiên Ngài vẫn trả lời câu hỏi của họ bằng lời tuyên-bố rằng đã sắp đến lúc Ngài được đưa lên chỗ quyền-năng thiên-thượng. Rồi họ hỏi thẳng Ngài « Vậy, người là Con Đức Chúa Trời sao ? » Ngài trả lời rõ-ràng : « Chính các người nói ta là Con Ngài. » Lập tức họ luận rằng Ngài đáng chết. Họ đã xử trước vụ án. Họ không muốn xem lời tuyên-bố của Ngài có đúng không, họ chỉ muốn biết Ngài thật có tuyên-bố như vậy không. Khi họ biết chắc điểm ấy, họ đồng ý với nhau là Ngài phải chết vì lộng-ngôn. Lý-luận của họ cho tới lúc ấy vẫn là đúng. Không có chỗ nào khác mà lựa-chọn. Trước mặt Đấng Christ không thể có trung-lập. Hoặc Ngài là tên lừa-bịp đáng cho ta khinh-bĩ, hoặc Ngài là Con Đức Chúa Trời để ta phải thờ-phượng và vàng-phục. Giữa công-hội và Hội-thánh, mỗi linh-hồn cần phải lựa-chọn một.

G. Chúa Jêsus trước Phi-lát

23 : 1 - 25

¹ Đoạn, cả hội-dồng đứng dậy, điệu Ngài đến trước mặt Phi-lát. ² Họ bèn khởi cáo Ngài rằng : Chúng tôi đã thấy người này xui dân ta làm loạn, cấm nộp thuế cho Sê-sa, và xưng mình là Đấng Christ, là Vua. ³ Phi-lát gạn Ngài rằng : Chính người là Vua dân Giu-đa phải không ? Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Thật như lời. ⁴ Phi-lát bèn nói với các thầy tế-lê cả và dân-chúng rằng ; Ta không thấy người này có tội gì. ⁵ Nhưng họ cố nài rằng : Người này xui-giục dân-sự, truyền-giáo khắp đất Giu-đê, bắt đầu từ xứ Ga-li-lê

rời đến đây. ⁶ Khi Phi-lát nghe điều đó, thì hỏi nếu người này thật là dân Ga-li-lê chăng. ⁷ Biết Ngài thuộc quyền cai-trị của vua Hê-rốt, bèn giải đến cho vua Hê-rốt, vua ấy ở tại thành Giê-ru-sa-lem trong mấy ngày đó.

⁸ Vua Hê-rốt thấy Đức Chúa Jê-sus thì mừng lắm; vì lâu nay vua muốn gặp Ngài, nhưn đã nghe nói về chuyện Ngài, và mong xem Ngài làm phép lạ. ⁹ Vậy, vua hỏi Ngài nhiều câu, song Ngài không trả lời gì hết. ¹⁰ Các thầy tế-lê cả và các thầy thông-giáo ở đó, cáo Ngài dữ lắm. ¹¹ Bấy giờ vua Hê-rốt và quân-lính hầu vua đều đãi Ngài cách khinh-dễ và nhạo-báng Ngài; đoạn, họ mặc áo hoa-hoè cho Ngài, rồi giao Ngài về cho Phi-lát. ¹² Trước kia Phi-lát với vua Hê-rốt thù-hiềm nhau, nhưng nội ngày ấy trở nên bạn-hữu.

¹³ Phi-lát hiệp các thầy tế-lê cả, các quan đê-hình và dân-chúng lại, mà nói rằng: ¹⁴ Các người đã đem nộp người này cho ta, về việc xul dân làm loạn; nhưng đã tra-hỏi trước mặt các người đây, thì ta không thấy người mắc một tội nào mà các người đã cáo; ¹⁵ vua Hê-rốt cũng vậy, vì đã giao người về cho ta. Vậy người này đã không làm điều gì đáng chết, ¹⁶ nên ta sẽ đánh đòn rồi tha đi. ¹⁸ Chúng bèn đồng-thanh kêu lên rằng: Hãy giết người này đi, mà tha Ba-ra-ba cho chúng tôi! ¹⁹ Vả, tên này bị tù vì dấy loạn trong thành, và vì tội giết người. ²⁰ Phi-lát có ý muốn tha Đức Chúa Jê-sus, nên lại nói cùng dân-chúng nữa. ²¹ Song chúng kêu lên rằng: Đóng đinh nó trên cây thập-tự đi! Đóng đinh nó trên cây thập-tự đi! ²² Phi-lát lại nói đến lần thứ ba, rằng: Vậy người này đã làm điều ác gì? Ta không tìm thấy người có sự gì đáng chết. Vậy, đánh đòn xong, ta sẽ tha. ²³ Nhưng chúng cố nài, kêu lớn tiếng rằng phải đóng đinh Ngài trên cây thập-tự; tiếng kêu của họ được thắng. ²⁴ Phi-lát truyền làm y như lời chúng xin. ²⁵ Bèn tha tên tù vì tội dấy loạn và giết người, là người chúng đã xin tha; rồi phó Đức Chúa Jê-sus cho mặc ý họ.»

Người Do-thái đã bị người La-mã đoạt quyền xử tử-hình. Bởi vậy, khi Hội-đồng tối-cao của họ quyết-nghị rằng Chúa Jêsus đáng tội chết, các nhà cầm quyền bèn đem Ngài đến Phi-lát, viên Tổng-đốc La-mã, để cho ông xác-nhận án-quyết của họ và thi-hành hình-phạt đóng đinh trên thập-tự-giá. Cuộc xử án của Phi-lát lại biến thành cuộc tranh-luận nhục-nhã giữa những kẻ cầm quyền Do-thái sát-nhân cố quyết với viên Tổng-đốc La-mã nhu-nhược, do-dự, cuối-cùng ông này đã phải nhượng-bộ để hành-động trái ngược với lương-tâm và ý muốn phục-tùng những kẻ dưới quyền mà ông khinh-ghét.

Lu-ca chỉ phát-họ bố-cục của câu chuyện trong khi Giảng mô-tả cảnh này rất rõ-ràng. Dầu vậy bao nhiêu đó cũng đủ chứng-tỏ sự hèn-hạ xấu-xa của người Do-thái và những gắng công vô-ích của Phi-lát để tranh-vụ án-mạng của công-lý mà rồi cuối-cùng ông cũng đã phải phạm. Những kẻ cầm quyền Do-thái yêu-cầu Phi-lát tuyên-án mà không phải nghe lời cáo-tội, nhưng Phi-lát không chịu. Trong phần cáo-trạng Lu-ca chứng-tỏ rõ-ràng quyết-nghị của tòa án Do-thái sai lạc cách cố-ý, và cáo-trạng giả-dối đã trình-bày cách vô-đoán là đường nào. Chúa Jêsus bị lên án vì tự xưng mình là Đấng Mê-si đến từ trời. Đó là lời tuyên-bố về thần-tính, nghĩa là Ngài đã lộng-ngôn và do đó Ngài bị kết án. Người Do-thái biết điều này chẳng làm cho Phi-lát quan-tâm. Tuy-nhiên, chức-vụ của Đấng Mê-si bao-hàm sự cai-trị và quyền-hành, nên lời tuyên-bố của Chúa đã bị họ xuyên-tạc thành một thái-độ vi-phạm chính-trị, và Ngài bị cáo là gây loạn, cấm nộp thuế cho Sê-sa, tự xưng là Vua.

Phi-lát biết ngay những lời tố-cáo ấy là phi-lý đến chừng nào; có lẽ ông nghi-ngờ khá nhiều về lòng sốt-sắng đột-ngột của những người Do-thái ưa nổi loạn này đối với kẻ thống-trị La-mã.

Nhưng ông không đủ can-đảm để xác-quyết; ông tuyên-bố rằng Chúa Jêsus vô-tội, nhưng lại sợ phạt lòng những nhà cầm quyền và dân-chúng mà họ đã thuyết-phục nên lưỡng-lự không dám thả Chúa Jêsus. Đó là một bước tối-hệ; chỉ cần làm một điều là phải hành-động

cách cương-quyết, dứt-khoát ngay khi ta thấy việc làm đó là phải. Trong các vấn-đề lương-tâm, phương-ngôn « Lưỡng-lự là lạc-lối » áp-dụng rất đúng.

Rồi Phi-lát làm một điều mà những kẻ nhu-nhược thường làm : cố tránh quyết-định ; ông ta tìm cách trút trách-nhiệm. Ông hay rằng Chúa Jê-sus đã đến từ Ga-li-lê, nên ông cho giải Ngài cho vua Hê-rốt xử, và Ga-li-lê thuộc quyền quản-hạt của vua ấy. Lúc ấy Hê-rốt đang ở Giê-ru-sa-lem, đưng ao-ước gặp Chúa Jê-sus và đã nghe đồn-đãi về Ngài rất nhiều, và ông ta hi-vọng sẽ được thỏa óc tò-mò nếu thấy Chúa Jê-sus làm vài phép lạ. Nhưng khi đến trước mặt Hê-rốt, Chúa Jê-sus không chịu hờ môi trả lời một tiếng, Ngài có một sứ-điệp cho những kẻ ăn-năn và một phép lạ cho những kẻ tin, nhưng đối với kẻ đã giết Giăng, với kẻ thô-thiện, truy-lạc, đầy tội, hời-hợt, thì chỉ có yên-lặng và khinh-bĩ.

Đề trả thù, Hê-rốt nhạo Ngài bằng cách đem triều-phục khoác cho Ngài rồi cứ đề nguyên thể mà gởi về cho Phi-lát. Đó là một lối đùa-cợt độc-ác, nhưng nó chứng-tỏ rằng Ngài không phạm một tội nào về chính-trị. Như vậy Phi-lát buộc phải đóng vai quan-tòa. Những kẻ khác không có thể quyết-định thay cho ta những vấn-đề lương-tâm. Khi bị bắt-buộc phải hành-động, Phi-lát đã thử một phương-kế thứ hai rất quen-thuộc với những tâm-hồn nhu-nhược : ông ta đề-nghị thỏa-hiệp. Ông ta có thể làm một điều sai, nhưng muốn tránh tội sát-nhân. Ông đề-nghị đánh đòn Chúa Jê-sus, người mà ông tuyên-bố hoàn-toàn vô-tội, hoặc phóng-thích Ngài như một tội-nhân trong-phạm, trong dịp lễ này người ta thường có lệ thả một tội-nhân như vậy. Một mặt, ông bắt Chúa Jê-sus phải chịu hành-hạ thân-xác hết sức đau-đớn, một mặt, ông kẻ Ngài là kẻ đạo-tặc đáng tử-hình. Thỏa-hiệp trong một vụ án lương-tâm là dấu-hiệu của nhu-nhược, kẻ nghịch chắc-chắn sẽ lợi-dụng. Khi những kẻ cầm quyền thấy Phi-lát nhượng-bộ như vậy, họ bèn yêu-cầu thả một tên sát-nhân tên là Ba-ra-ba, và khi họ vừa thấy Chúa Jê-sus bước ra, thân-thể trầy-rách, tươm máu vì bị đánh-đập, thì họ lại la lên đòi xử-tử Ngài : « Đóng đinh nó trên cây thập-tự đi ! Đóng đinh nó trên cây thập-tự đi ! » Khi Phi-lát còn đang phân-vấn, thì những kẻ cầm

quyền ấy sử-dụng luôn thù khi-giới tối-hiền ; họ bảo rằng họ sẽ báo cho Hoàng-đế biết Phi-lát che-chở cho một kẻ phản-loạn, họ sẽ làm cho tinh-mạng và địa-vị của viên Tổng-đốc bị đe-dọa. Phi-lát không chịu nổi cuộc tấn-công này ; khi đã đĩnh-dáng đến thiệt-hại cá-nhân thì vấn-đề lương-tâm không còn được đếm-xía tới nữa. Ông ta quyết-định làm một điều mà ông ta biết là sai, « Phi-lát truyền làm y như lời chúng xin. » Làm như vậy, ông ta đã đứng đầu danh-sách những kẻ hèn-nhút cùng dự-phần nhơ-nhuốc đời đời vì sợ không dám hành-động theo lẽ phải.

Sự suy-đốn của những kẻ cầm quyền Do-thái lại càng tệ-hại hơn nữa. Với tất cả những hiểu-biết của họ về luật đạo-đức, những kẻ xưng là đại-diện đặc-biệt của Đức Chúa Trời đã xử-tử Con Ngài, và chọn một kẻ sát-nhân thay vì Đấng Cứu-thế. Với tấn bi-kịch chọn-lựa ấy Lu-ca với vẻ ghê-tởm chỉ để lại một lời phê-bình cá-nhân trong câu 25. Thế mà, phải chăng ngày nay cũng có hàng ngàn người lựa-chọn theo cách tương-tự ? Không thể nào có chỗ trung-lập, không thể nào do-dự : Ta phải chọn hoặc Ba-ra-ba hay là Đấng Christ.

H. Sự đóng đinh trên Thập-tự-giá

23 : 26 - 38

« 26 Khi chúng điệu Đức Chúa Jêsus đi, bắt một người xứ Sy-sen, tên là Si-môn, từ ngoài đồng về, buột phải vác cây thập-tự theo sau Ngài.

27 Có đoàn dân đông lắm đi theo Đức Chúa Jêsus. và có mấy người đờn-bà dấm ngực khóc về Ngài. 28 Nhưng Đức Chúa Jêsus xây mặt lại với họ mà phán rằng : Hỡi con gái thành Giê-ru-sa-lem, đừng khóc về ta, song khóc về chính mình các ngươi và về con-cái các ngươi. 29 Vì này, ngày hầu đến, người ta sẽ nói rằng : Phước cho đờn-bà son, phước cho dạ không sanh-đẻ và vú không cho con bú ! 30 Bây giờ, người ta sẽ nói với núi rằng : Hãy đổ xuống trên

chúng ta! với gò rãng: **Hãy che chúng ta!** ³¹ Vì nếu người ta làm những sự ấy cho cây xanh, thì cây khô sẽ xảy ra sao?

³² Chúng cũng đem hai người đi nữa, là kẻ trộm-cướp, để giết cùng với Ngài.

³³ Khi đến một chỗ gọi là chỗ Sọ, họ đóng đinh Ngài trên cây thập-tự tại đó, cùng hai tên trộm-cướp, một tên bên hữu Ngài, một tên bên tả. ³⁴ Song Đức Chúa Jê-sus cầu rằng: Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì. Đoạn, họ bắt thăm chia nhau áo-xống của Ngài. ³⁵ Dân-chúng đứng đó mà ngó. Các người coi việc nhạo-cười Ngài, rằng: Nó đã cứu kẻ khác; nếu nó là Đấng Christ, Đấng Đức Chúa Trời đã lựa, thì hãy cứu mình đi! ³⁶ Quân-lính cũng dờn-cột Ngài, lại gần đưa giấm cho Ngài uống, ³⁷ mà rằng: Nếu người là Vua dân Giu-đa, hãy tự cứu lấy mình đi! ³⁸ Phía trên đầu Ngài, có đề rằng: **NGƯỜI NÀY LÀ VUA DÂN GIU-ĐA.**»

Câu chuyện của Phước-âm tránh kể cho ta những chi tiết đau-đớn của thập-hình. Đây là một lối xử-tử độc-ác và hành-hạ đau-đớn hơn hết, nhưng những sự-kiện ấy đã được ghi lại cách nhẹ-nhàng và dè-dặt. Khi Chúa Jê-sus bị điệu từ trong thành ra, có một người Sy-ren tên là Si-môn, bị bắt phải vác thập-tự-giá cho Ngài. Nguyên-do tại sao có việc ấy cũng chỉ là vấn-đề phỏng-đoán thôi. Dầu sao việc ấy cũng đã khiến cho tên Si-môn thành bất-hủ và đem lại cho ông ta sự cứu-rỗi đời đời. Vì hình như nhờ chứng-kiến việc ấy, nhờ sự hiểu-biết về Chúa tại núi Can-va-ry, mà sau này Si-môn và cả nhà ông qui-đạo, Mác 15 : 21 ; La-mã 16 : 13. Về phương-diện hình-bóng, ông là người đầu trong đoàn-thể nam-nữ đông-đức đã vác thập-tự-giá đi theo Đấng Christ. Dĩ-nhiên, đó chỉ là biểu-hiệu, thực-tế lại là vô-cùng trái ngược. Trên thực-tế, không ai có thể chia-xẻ gánh thập-tự mà Chúa mang. Duy sự đau-khổ, cô-đơn của Ngài đã làm thành cuộc chuộc tội. Lại nữa, không ai có thể bị bắt-buộc phải mang thập-tự. Trong cuộc sống, có những gánh nặng không thể vác bỏ,

nhưng người ta có thể từ-chối không nhận thập-tự. Đó là tiêu-biểu của sự tình-nguyện chịu đau-đớn vì Đấng Christ; đó là tượng-trung của sự hi-sinh bản-ngã hoàn-toàn và sự đầu-phục hoàn-toàn ý-chỉ Ngài, vốn là điều cần-thiết cho những kẻ muốn hưởng ơn cứu-chuộc của sự chết Ngài.

Chỉ có mình Lu-ca ghi lại việc mấy người đàn-bà dấm ngược than-khóc, đi theo Chúa Jê-sus ra ngoài thành. Đây là chỗ xứng-hợp để thấy bức tranh ấy trong sách Tin-Lành này, một sách Tin-lành đề-cao vai-trò phụ-nữ. Đây chắc không phải là những người bạn trung-thành đã từng theo Ngài trong các hành-trình, giúp-đỡ và cung-cấp nhu-cầu cho Ngài; đây chắc là những người ở tại thành Giê-ru-sa-lem, lòng họ rướm máu buồn-khổ vì vị tiên-tri yêu-mến của họ bị dẫn đến chỗ chết vì cực-hình. Chúa quay lại cùng những người đàn-bà này nói với họ những lời từ-ái, bảo họ đừng khóc về Ngài mà hãy khóc về chính họ và con-cái họ. Ngài không quở-trách họ vì lòng trách-ân của họ, ý Ngài nói rằng, dầu sự đau-đớn của Ngài là đáng thương thật, sự đau-đớn của chính họ mới là đáng đổ nước mắt, vì hoàn-cảnh của họ sẽ càng bi-đát hơn. Ngài đương nhìn thấy cảnh thành-phố bị tàn-phá vì cơ sự cứng lòng của họ và vì họ chối-bỏ Đấng giải-cứu, Chúa Jê-sus nói rằng trong những ngày hầu đến, những kẻ son-sẻ nên mừng, vì cơ cơn hoạn-nạn đến cho mọi người. Ngài dự-ngôn rằng cơn khùng-khiếp sẽ rất ghê-gớm đến nỗi nhiều người sẽ gọi núi rơi trên họ, và gọi đời che-phủ họ, vì chết như thế vẫn còn hơn bị hành-hạ đau-đớn trong tay đạo-quân La-mã. Rồi Chúa nói thêm một câu ngạn-ngữ, để nhấn mạnh ý-nghĩa, nhưng để áp-dụng vào phương-diện nào thì không rõ « vì nếu người ta làm những sự ấy cho cây xanh, thì cây khô sẽ ra sao? » Nói cách khác, Chúa Jê-sus còn chịu đau-đớn thế này thì người Do-thái còn phải chịu đau-đớn đến đâu nữa! Nếu người La-mã đem xử-tử một người mà họ coi là vô-tội, thì họ sẽ làm đến những gì cho đám dân phản-loạn và thành-phố thù-nghịch? Điều này hoàn-toàn phù-hợp với đặc-tính của sách Tin-Lành Lu-ca, chính trong giờ sâu-thăm của Ngài, Chúa Jê-sus vẫn nghĩ về kẻ khác hơn chính

minh, và Ngài công-bố lời tiên-tri này không phải với niềm giận-tức, nhưng với lòng từ-bi thương-xót vô-hạn.

Lu-ca không tả những cảnh đau-đớn của thập-hình nhưng ông có cho ta biết những sự nhạo-báng chế-giễu mà Chúa phải chịu. Ông kể rằng có hai tên trộm-cướp bị đóng đinh với Chúa Jê-sus « một bên hữu, một bên tả. » Họ sắp-đặt như vậy để làm tăng cảnh nhục-nhã hèn-hạ của sự chết Ngài. Nơi xử thập-hình gọi là « Chỗ Sọ », có lẽ vì đó là cái đầu trọc, tròn nằm bên ngoài cổng thành.

Trong bảy lời Chúa Jê-sus nói trên thập-tự-giá, Lu-ca ghi lại ba, tất cả đều đượm sắc-thái yêu-thương, tin-cậy. Câu đầu không thấy chép trong các sách Tin-Lành khác. Khi Chúa Jê-sus khởi-sự nếm cơn thống-khổ bi-thảm, Ngài đã cầu-nguyện rằng: « Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì. » Trong trí Ngài lúc ấy, không phải Ngài chỉ nghĩ về những binh-linh bị sai-truyền đem Ngài đi xử-tử, nhưng chắc là người Do-thái, vì họ không hoàn-toàn nhận-biết tội-ác tày trời của họ. Trong lòng Chúa Jê-sus không có chút gì ghét-bỏ họ. Ngài mong-muốn họ ăn-năn để được cứu. Lời cầu-nguyện này chứng-minh ân-diễn vô-song của Con người Lý-tưởng này. Lu-ca nói thêm những chi-tiết về sự nhạo-báng mà các nhà Phước-âm khác cũng có nói đến. Đoàn dân đứng nhìn Đấng chịu khổ, nhưng những kẻ cầm quyền và binh-linh tàn-nhẫn nhạo-cười Ngài. Họ chế-giễu Ngài rằng « Nó đã cứu kẻ khác; nếu nó là Đấng Christ... thì hãy tự cứu lấy mình. » Thật ra nếu Ngài tự cứu lấy mình, thì Ngài đã không thể nào cứu kẻ khác được. Ngài chết cho chính kẻ nhạo-cười Ngài, để hoàn-thành sự cứu-rỗi cho họ. Binh-linh phá Ngài chơi bằng cách bỏ thăm để lấy áo dài của Ngài, cho Ngài uống giấm rồi truy-hô Ngài là « Vua dân Giu-đa ». Tước-hiệu này được đặt trên đầu Chúa Jê-sus trên cây thập-tự. Phi-lát treo lên đó với mục-đích giễu-như vậy cay. Ông làm như vậy để trả thù các kẻ cầm quyền đã buộc ông phải giết một người vô-tội trái với lương-tâm. Thay vào hàng chữ trên, con mắt đức-tin thấy hàng chữ khác « Kia, Chiên Con của Đức Chúa Trời là Đấng cất tội-lỗi của thế-gian đi. »

I. Tên trộm hối-cải

23 : 39 - 43

«³⁹ Vả, một tên trộm-cướp bị đóng đinh cũng mắng-nhiếc Ngài rằng : Người không phải là Đấng Christ sao ? Hãy tự cứu lấy mình người cùng chúng ta nữa !
⁴⁰ Nhưng tên kia trách nó rằng : Người cũng chịu một hình-phạt ấy, còn chẳng sợ Đức Chúa Trời sao ?
⁴¹ Về phần chúng ta, chỉ là sự công-bình, vì hình ta chịu xứng với việc ta làm ; nhưng người này không hề làm một điều gì ác.
⁴² Đoạn lại nói rằng : Hỡi Jêsus, khi Ngài đến trong nước mình rồi, xin nhớ lấy tôi !
⁴³ Đức Chúa Jêsus đáp rằng : Quả thật, ta nói cùng người, hôm nay người sẽ được ở với ta trong nơi Ba-ra-di. »

Câu chuyện này tàng-trữ cho ta câu nói thứ hai của Chúa trên Thập-tự. Câu này được xem như là một trong các đoạn ý-nghĩa nhất của các sách Tin-Lành. Trước hết vì nó cho ta hình-ảnh thân-vị duy-nhất của Đấng Christ, đó là một người đương hấp-hối lại đồng-thời là Đức Chúa Trời đương tha tội. Lại nữa, đó là hình-ảnh của quyền-năng biến-cải của Đấng Christ, chỉ trong giây-lát biến một tên trộm-cướp thành một bậc thánh. Sau hết, ta có một sự-điệp về những điều-kiện để được cứu-rỗi, các điều-kiện ấy bao giờ cũng như nhau, ấy là ăn-năn và đức-tin.

Điều-kiện thứ nhất biểu-lộ rõ-rệt trong việc người ăn-trộm hối-cải suy-nghĩ về Đức Chúa Trời, và nhớ rằng mình phạm tội nghịch cùng Đấng thiên-thượng. Anh ta nhắc người bạn tử-tội về điều đó, tỏ cho người ấy thấy họ nên sợ-hãi Ngài vì một ngày kia họ sẽ bị dẫn lên trước sự hiện-diện uy-nghi của Ngài. Đó là cách nhìn tội-lỗi trong sự ăn-năn thật, không phải như là lỗi-làm hay yếu-đuối, không phải là sự xúc-phạm người khác, mà là phản-loạn và nhục-mạ Đức Chúa Trời. Sự ăn-năn của người lại tỏ ra ở chỗ nhìn-nhận hình-phạt mình chịu là công-bình, và nhìn-nhận Đấng Christ chịu đau-đớn mặc dầu là vô-tội.

Đức-tin của người cũng lạ-lùng như sự ăn-năn. Người nhìn thấy trong con người đương đổ máu, hấp-hối, chịu khổ kia là Đấng sẽ trở lại làm vua vũ-trụ, và người đã dâng lên lời cầu-nguyện « Hỡi Jêsus, khi Ngài đến trong nước mình rồi, xin nhớ lấy tôi. » Chúng ta không biết do đâu người có một đức-tin như vậy. Người trộm-cướp ấy có thể đã nghe một phần vụ xử Chúa Jêsus ; chắc-chắn người có nghe Ngài cầu-nguyện cho kẻ thù ; nhưng mặc dầu những gì đã dấy lên đức-tin và lòng nhờ - cậy trong người, người đã xem Chúa Jêsus là Cứu - Chúa sẽ trị-vi và có thể đem người vào vinh-quang đời đời. Như vậy câu chuyện trên chứng-tỏ cho ta thấy điều-kiện của sự cứu-rỗi là ăn-năn và đức-tin. Tuy-nhiên, nó cũng chưa-đựng những sứ-điệp khác nữa. Nó tuyên-bố rằng sự cứu-rỗi không phụ - thuộc vào các thánh - lễ. Người ăn-trộm chưa hề làm lễ báp-têm, chưa hề dự Tiệc-thánh. Dĩ-nhiên, nếu còn sống, chắc anh ta đã thực-hành những điều Chúa đã đòi-hỏi là nhận các thánh-lễ đó. Thật ra, người có can-đảm xưng-nhận đức-tin trước quần-chúng thù-nghịch giữa những chế-giễu nhục-mạ của những kẻ cầm quyền và quân-lính, nhưng người đã được cứu mà không có chút nghi-lễ nào.

Nó cũng chứng-tỏ rằng sự cứu-rỗi không phụ-thuộc vào việc lành. Người ăn-trộm được tha tội trước khi sống được một ngày công-nghĩa, vô-tội. Dĩ-nhiên, việc lành theo sau đức-tin, nó biểu-lộ đức-tin, nhưng đức-tin phải đi trước và có kết-quả thánh-khiết. Một cuộc sống thiện-hảo là cách biểu-lộ lòng biết ơn và sự cứu-rỗi đã nhận được.

Nó lại chứng-tỏ rằng không có sự « ngủ yên của linh-hồn. » Thề-xác có thể ngủ, nhưng ý-thức vẫn tồn-tại sau khi chết. Lời của Thầy là « Hôm nay người sẽ được ở với ta trong nơi Ba-ra-đi. » Điều đó lại chứng-tỏ rằng không có Ngục luyện tội. Nếu có người nào cần kỷ-luật và « lửa luyện tội » thì người đó phải là tên trộm đã ăn-năn này. Từ một cuộc sống tội-lỗi nhờ - nhục, anh ta đã bước ngay vào chỗ phước-hạnh. Đây là lời hứa « Hôm nay người sẽ được ở với ta trong nơi Ba-ra-đi. »

Lại nữa, nó chứng-tỏ không phải là mọi người đều được cứu. Có hai tên trộm-cướp, chỉ có một người được cứu. Chúa Jêsus đã nghe cả hai nói về Ngài. Ngài không nói « các người » nhưng « Quả thật, ta nói cùng người, hôm nay người sẽ được ở với ta trong nơi Ba-ra-đi. »

Sau hết, nên đề ý rằng yếu-tố của sự vui-mừng ở bên kia sự chết là sự giao-cảm cá-nhân thường-trực với Đấng Christ. Trung-tâm của lời hứa cho kẻ trộm hấp-hối là « người sẽ được ở cùng ta. » Đây là thực-sự phước-hạnh của chúng ta, được ra đi để « ở » với Đấng Christ là « điều tốt hơn vô-cùng. »

J. Sự chết và mai-táng

23 : 44 - 56

«⁴⁴ Khi đó, ước giờ thứ sáu, khắp xứ đều tối-tăm cho đến giờ thứ chín. ⁴⁵ Mặt trời trở nên tối, và màn trong đền-thờ xé chính giữa ra làm hai. ⁴⁶ Đức Chúa Jêsus bèn kêu lớn rằng: Hỡi Cha, tôi giao linh-hồn lại trong tay Cha! Ngài vừa nói xong thì tắt hơi.

⁴⁷ Thấy đội thấy sự đã xảy ra, người-khen Đức Chúa Trời rằng: Thật người này là người công-bình. ⁴⁸ Cả dân-chúng đi xem, thấy nông-nỗ làm vậy, đấm ngực mà trở về. ⁴⁹ Song những kẻ quen-biết Đức Chúa Jêsus và các người đồn-bà theo Ngài từ xứ Ga-li-lê, đều đứng đàng xa mà ngó.

⁵⁰ Có một người, tên là Glô-sép, làm nghị-viên tòa công-luân, là người chánh-trực công-bình, ⁵¹ không đồng-ý và cũng không dự việc các người kia đã làm. Người ở A-ri-ma-thê, là thành thuộc về xứ Glu-dê, vẫn trông-đợi nước Đức Chúa Trời. ⁵² Người bèn đi đến Phi-lát mà xin xác Đức Chúa Jêsus. ⁵³ Khi đã đem xác Ngài xuống khỏi cây thập-tự, người lấy vải liệm mà bọc, rồi chôn trong huyết đã đục nơi hòn đá, là huyết chưa chôn ai hết. ⁵⁴ Bấy giờ là ngày sắm-sửa, và ngày Sa-bát gần tới. ⁵⁵ Các người đồn-bà đã từ xứ Ga-li-lê đến với Đức Chúa

Jésus, theo Giô-sép, xem má và cũng xem xác Ngài đặt thể nào. Khi trở về, họ sắm-sửa những thuốc thơm và sáp thơm. ⁵⁶ Ngày Sa-bát, họ nghỉ-ngơi theo luật-lệ.»

Sự chết của Chúa Jésus là một biến-cổ vô-cùng trọng-đại, nên cặp theo sự chết ấy có những hiện-tượng siêu-nhiên có ý-nghĩa sâu-xa. Trong số những hiện-tượng ấy, Lu-ca nói đến hai việc. Việc thứ nhất là trời hóa tối-tăm, một biểu-hiệu thích-hợp cho một tội-ác đen-tối nhất trong lịch-sử nhân-loại. Việc thứ hai là màn đền-thờ bị xé, tiêu-biểu của «đường mời và sống» mở cho mọi người tin vào trong sự hiện-diện của Đức Chúa Trời rồi. Như vậy, hai hiện-tượng ấy tương-quan cả hai phương-diện thể-nhân và thiên-thượng của sự chết chuộc tội, chứng-tỏ sự kinh-khiếp của tội-lỗi và mục-đích của ân-điền cứu-chuộc.

Câu cuối-cùng Chúa nói trên thập-tự là lời diễn-tả sự tin-cậy và bình-an toàn-vẹn. Ngài đã tỏ lòng từ-bi của Ngài đối với kẻ khác bằng lời cầu-nguyện, bằng lời hứa của Ngài cho kẻ trộm đã ăn-năn, bằng sự lo-liệu cho mẹ, bằng ba chữ khác biểu-lộ sự đau-đơn của tâm-trí, thể-xác và kết-quả là sự cứu-chuộc hoàn-thành: «Đức Chúa Trời tôi ôi! Đức Chúa Trời tôi ôi!...», «Ta khát»; «Xong rồi.» Bây giờ Ngài trút linh-hồn với một câu tin-cậy trọn-vẹn trích của tác-giả Thi-thiên, chỉ có mình Lu-ca chép lại «Cha ôi, Con giao-thác linh-hồn Con lại trong tay Cha.» Đó là lời tuyên-bố đức-tin cao-cả nhất. Chức-vụ trần-gian của Con Đức Chúa Trời đã kết-thúc.

Lu-ca ghi lại những hiệu-quả của cách Chúa chết và của những hiện-tượng trên tác-dụng trên đội-trưởng La-mã, quần-chúng Do-thái, và các môn-đồ Đấng Christ. Người quân-nhân kia rất xúc-động nên đã «ngợi-khen Đức Chúa Trời» làm chứng cho thực-sự rằng Đấng mà người đóng đinh trên thập-tự-giá như một tội-nhân là «người công-bình.» Có thể người được xem là tiêu-biểu cho toàn-thể tin-đồ dân ngoai, là những kẻ Lu-ca ưa viết đến, về sau họ cũng sẽ được đăng vào dưới ngọn cờ thập-tự.

Quần-chúng Do-thái không muốn đóng đinh Chúa bao nhiêu. Họ đã bị những kẻ cai-trị họ bắt-buộc mà kêu-gào xư-tử Chúa, nhưng bây giờ họ quay về vừa đi vừa « đấm ngực » trong cơn căn-rứt, một cảnh tiên-tri của sự ăn-năn than-khóc của dân Y-sơ-ra-ên trong tương-lai khi họ « nhìn thấy Đấng họ đã đấm. »

Cảm-động nhất là cảnh đoàn môn-đồ buồn-rầu « đứng xa xa » hoang-mang nhìn cảnh Chúa chết. Nhưng đối với họ ý-nghĩa của thập-tự sẽ bắt đầu rạng đong khi họ gặp Chúa phục-sinh của họ. Đối với những kẻ theo Chúa, thập-tự vẫn không mất tính-cách màu-nhiệm, nhưng nó đã trở thành biểu-hiệu của khả-hoàn và hi-vọng cho toàn-thể họ.

Thi-thẻ của Chúa Jêsus được Giô-sép người A-ri-ma-thê mai-táng. Ông Ma-thi-ơ gọi ông là người giàu-có, Mác gọi là « nghị-viên sang-trọng », Lu-ca gọi là người « chánh-trực công-bình » phối-hợp những lời mô-tả ấy ta có một Con người Lý-tưởng theo quan-niệm Do-thái, La-mã và Hi-lạp. Có lẽ ông bị chỉ-trích là không dám tỏ mặt công-khai vì chính-nghĩa Đấng Christ trước biến-cổ này ; nhưng Lu-ca không có nói một chút gì bất-hảo về tánh-hạnh của ông. Lu-ca nói rằng « người nghị-viện tòa công-luận » có thể-lực, ảnh-hưởng này « không đồng-ý và cũng không dự việc » với những kẻ cầm quyền đã mưu giết Chúa Jêsus ; và bây giờ ngay vào lúc Thầy của người bị sỉ-nhục hèn-hạ, người đã bắt kẻ lời gièm-pha của dân-chúng, sự ghen-ghét của kẻ cai-trị, đến xin Phi-lát lấy thi-thẻ của Chúa Jêsus, đem về tắm-liệm bằng vải gai mịn và kính-cần đặt trong mộ-phần mới đục trong đá của người. Đó là hành-động có lòng tận-tâm ưu-ái, và hành-động đó đã thêm vào câu chuyện thập-tự một sự tương-phản thích-đáng và một chút dịu-dàng.

Có những tấm lòng yêu-thương khác đều muốn dự-phần biểu-lộ lòng cảm-mén như vậy. Những phụ-nữ đã theo Chúa từ xứ Ga-li-lê biết được chỗ chôn Ngài bèn mua dầu thơm để đến ướp xác Chúa. Nhưng mặt trời đã lặn đánh dấu một ngày Sa-bát mới bắt đầu cho nên họ nghỉ lại cho đến ngày thứ nhất trong tuần-lễ, để rồi

thấy rằng công-việc của mình chẳng còn cần-thiết nữa. Được tỏ lòng cảm-mến đối với Đấng bị đóng đinh đã là một điều tốt, mà được phục-vụ Chúa phục-sinh lại là một đặc-ân càng lớn hơn nữa.

K. Mộ trống

24 : 1 - 12

« 1 Ngày thứ nhứt trong tuần-lễ, khi mờ sáng, các người dờn-bà ấy lấy thuốc thơm đã rửa-soạn đem đến mồ Ngài. 2 Họ thấy hòn đá đã lăn ra khỏi cửa mồ; 3 nhưng, bước vào, không thấy xác Đức Chúa Jê-sus. 4 Đương khi không biết nghĩ làm sao, xảy có hai người nam mặc áo sáng như chớp, hiện ra trước mặt họ. 5 Họ đương thất-kinh, úp mặt xuống đất; thì hai người ấy nói rằng: Sao các người tìm người sống trong vòng kẻ chết? 6 Ngài không ở đây đâu, song Ngài đã sống lại. Hãy nhớ khi Ngài còn ở xứ Ga-li-lê, phân cùng các người thế nào, 7 Ngài đã phán rằng: Con người phải bị nộp trong tay kẻ có tội, phải đóng đinh trên cây thập-tự, và ngày thứ ba phải sống lại. 8 Họ bèn nhớ lại những lời Đức Chúa Jê-sus đã phán.

9 Họ ở mồ trở về, rao-truyền mọi sự ấy cho mười một sứ-đồ và những người khác. 10 Ấy là Ma-ri Ma-đơ-len, Gian-nơ, và Ma-ri mẹ của Gia-cơ, cùng các dờn-bà khác đi với họ đã rao-truyền như vậy cho các sứ-đồ. 11 Song các sứ-đồ không tin, cho lời ấy như là hư-không. 12 Dầu vậy, Phi-e-rơ đứng dậy, chạy đến mồ, cúi xuống mà dòm, chỉ thấy vải liệm ở trên đất, đoạn về nhà, lạ-lùng cho việc đã xảy ra.»

Sau khi thấy chỗ chôn Chúa Jê-sus, các phụ-nữ đã từng theo Chúa từ Ga-li-lê và từng phục-vụ Ngài bèn về chuẩn-bị thuốc và dầu để ướp xác Chúa Jê-sus. Nhưng ngày đã hết, vì có buổi tối thứ sáu là bắt đầu ngày Sa-bát Do-thái nên họ nghỉ công-việc yêu-thương ấy cho đến

ngày Chúa-nhứt « Ngày thứ nhứt trong tuần-lễ. » Rồi « khi mờ sáng » họ đi đến mộ, họ sửng-sốt vì thấy xác Chúa biến mất.

Có nhiều cách giải-thích về mộ trống, nhưng chỉ có một cách đáng tin, phù-hợp với sự-kiện xảy ra. Có người cho rằng Chúa không chết nhưng Ngài chỉ ngất trên thập-tự-giá, nên khi đặt vào mộ, thì Ngài tỉnh lại, trốn ra rồi xuất-hiện cho các môn-đồ Ngài. Nhưng Chúa đã tuyên-bố rằng Ngài sẽ chết và sống lại vào ngày thứ ba, rồi sau đó Ngài lại làm cho các môn-đồ tin rằng việc ấy thật đã xảy ra. Như vậy, không thể nào chủ-trương lý-thuyết này mà không chối sự chân-thật và đạo-đức của Chúa.

Lý-thuyết thứ hai chủ-trương rằng « các môn-đồ đến vào ban đêm mà lấy trộm » xác Ngài; nhưng các môn-đồ ấy đã luôn luôn tuyên-bố rằng Ngài đã sống lại từ kẻ chết vào ngày thứ ba. Do đó, theo thuyết này, các môn-đồ phải là những tay lường-gạt; đó là điều không thể tin được ở hạng người có cuộc sống và ảnh-hưởng như họ.

Lại không thể nào tin được thuyết thứ ba, cho rằng kẻ thù đã cắp xác Ngài, bởi vì nếu họ có giữ xác ấy thì chắc họ đã mừng-rỡ đưa nó ra để bịt miệng các môn-đồ lúc ấy đương tuyên-bố rằng Chúa đã sống và sự sống lại của Ngài chứng-minh rằng kẻ thù đã giết một người vô-tội, Đấng Mê-si thiên-thượng của họ.

Chỉ có một lời giải-thích đúng về mộ trống, đó là lời các thiên-sứ nói với những người đàn-bà đương sửng-sốt « Sao các người tìm Đấng sống trong vòng kẻ chết? Ngài không ở đây đâu, song Ngài đã sống lại. Hãy nhớ khi Ngài còn ở xứ Ga-li-lê, phán cùng các người thế nào. » Câu nói kích-động này của các thiên-sứ thể-hiện được nội-dung của sứ-điệp cho các sứ-đồ rao ra. Chân-lý trong câu đó là đá góc của đức-tin Cơ-đốc-giáo. Sự sống lại của Chúa liên-kết với những thực-sự liên-quan đến thân-vị của Ngài và với cuộc sống của những kẻ theo Ngài.

Tuy-nhiên, khi nghe thuật lại, câu chuyện phục-sinh ấy, các sứ-đồ xem những lời của mấy bà « như là hư-không » nên họ « không tin. » Sự không tin của các sứ-

đồ chứng-tỏ sự vô-lý thậm-tệ của một thuyết khác do những kẻ không tin Chúa sống lại chủ-trương. Thuyết ấy cho rằng các môn-đồ Ngài quá mong đợi Chúa sống lại, nên tri-não nóng-hồng của họ tưởng-tượng Ngài sống lại rồi đồng-thanh chứng-nhận một việc chỉ là sản-phẩm của trí tưởng-tượng. Thật ra, các môn-đồ không hề mong đợi Chúa sống lại, nhưng như ở đây chép thì thoát-đầu mới nghe họ không chịu tin cho đến khi có những bằng-cớ quá hiển-nhiên, họ không thể không tin được nữa. Tuy-nhiên, từ câu truyện mộ trống, họ được chuẩn-bị để tiếp-nhận thêm nhiều bằng-chứng nữa. Còn có bằng-chứng giá-trị hơn về sự phục-sinh, nhưng những kẻ chối-bỏ biến-cổ tối-trọng ấy chắc phải dừng lại lý-luận về mộ trống trước khi đi tới.

L. ĐI BỘ ĐẾN EM-MA-ÚT

24 : 13 - 35

«¹³ Cũng trong ngày ấy, có hai môn-đồ đi đến làng kia, gọi là Em-ma-út, cách thành Giê-ru-sa-lem sáu mươi ếch-ta-đơ; ¹⁴ họ đàm-luận về những sự đã xảy ra. ¹⁵ Đang khi nói và cãi lẽ nhau, chính Đức Chúa Jê-sus đến gần, cùng đi đường với họ. ¹⁶ Nhưng mắt hai người ấy bị che khuất không nhìn biết Ngài được. ¹⁷ Ngài phán cùng họ rằng: Các người đường đi đường, nói chuyện gì cùng nhau vậy? Họ dừng lại, buồn-bực lắm. ¹⁸ Một trong hai người tên là Co-lê-ô-ba, trả lời rằng: Có phải chỉ người là khách lạ ở thành Giê-ru-sa-lem, không hay việc đã xảy đến tại đó cách mấy bữa rày sao? ¹⁹ Ngài hỏi rằng: Việc gì vậy? Họ trả lời rằng: Ấy là việc đã xảy ra cho Jê-sus Na-xa-rét, một đấng tiên-tri, có quyền-phép trong việc làm và trong lời nói, trước mặt Đức Chúa Trời và cả chúng dân; ²⁰ làm sao mà các thầy tế-lễ cả cùng các quan đê-hình ta đã nộp Ngài để xử-tử, và đã đóng đinh trên cây thập-tự. ²¹ Chúng tôi trông-mong Ngài sẽ cứu lấy dân Y-sơ-ra-ên; dầu thế ấy, việc xảy ra đã được ba ngày rồi. ²² Thật có mấy người đờn-bà trong vòng chúng tôi đã làm cho chúng tôi lấy làm lạ

lắm: khi mờ sáng, họ đèn mờ, ²³ không thấy xác Ngài, thì về báo rằng có thiên-sứ hiện đến, nói Ngài đương sống. ²⁴ Có mấy người trong vòng chúng tôi cũng đi thăm mờ, thấy mọi đều y như lời họ nói; còn Ngài thì không thấy. ²⁵ Đức Chúa Jê-sus bèn phán rằng: Hỡi những kẻ dại-dốt, có lòng chậm tin lời các đấng tiên-tri nói! ²⁶ Há chẳng phải Đấng Christ chịu thương-khó thể ấy, mới được vào sự vinh-hiến mình sao? ²⁷ Đoạn, Ngài bắt đầu từ Môi-se rồi kể đến mọi đấng tiên-tri mà cắt nghĩa cho hai người đó những lời chỉ về Ngài trong cả Kinh-Thánh. ²⁸ Khi hai người đi gần đến làng mình định đi, thì Đức Chúa Jê-sus dường như muốn đi xa hơn nữa. ²⁹ Nhưng họ ép Ngài dừng lại, mà thưa rằng: Xin ở lại với chúng tôi; vì trời đã xế chiều hầu tối. Vậy, Ngài vào ở lại cùng họ. ³⁰ Đương khi Ngài ngồi ăn cùng hai người, thì lấy bánh, chúc-tạ, đoạn, bẻ ra cho họ. ³¹ Mắt họ bèn mở ra, mà nhìn biết Ngài; song Ngài thoạt biến đi không thấy. ³² Hai người nói cùng nhau rằng: Khi này đi đường, Ngài nói cùng chúng ta và cắt nghĩa Kinh-thánh, lòng chúng ta há chẳng nóng-nảy sao?

³³ Nội giờ đó, họ liền đứng dậy, trở về thành Giê-ru-sa-lem, gặp mười một sứ-đồ cùng các môn-đồ khác đương nhóm lại, ³⁴ nói với họ rằng: Chúa thật đã sống lại, và hiện ra với Si-môn. ³⁵ Rồi hai người thuật lại sự đã xảy đến khi đi đường, và nhìn biết Ngài lúc bẻ bánh ra là thể nào.»

Không có ai thấy Đấng Christ khi Ngài sống lại; nhưng có nhiều người thấy Đấng Christ phục-sinh. Ngài xuất-hiện cho Ma-ri, Phi-e-rơ và Gia-cơ và cho mười một người» rồi cho hơn năm trăm môn-đồ cùng một lúc. Nhưng trong những lần xuất-hiện vào ngày Ngài sống lại, không có lần nào được ghi lại với kịch-tính linh-động và chi-tiết rõ-rệt như khi Lu-ca kể lại chuyện Chúa Jê-sus đi với hai môn-đồ về Em-ma-út.

Làng này có lẽ nằm về phía tây-bắc Giê-ru-sa-lem khoảng 10 cây số. Hai môn-đồ này đang đi với tấm lòng

buồn-não chán-nản, thì Chúa Jêsus đến nhập với họ và nghe họ thốt những lời tuyệt-vọng chán-nản. Đáng mà họ hi-vọng sẽ giải-cứ dân Y-sơ-ra-ên đã bị xử-tử, mặc dầu Ngài có nói cách mâu-nhiệm rằng ngày thứ ba sẽ sống lại, nhưng ngày ấy đang trôi qua mà không thấy Ngài đâu, mặc dầu họ có nghe rằng có người thấy các thiên-sứ bảo rằng Ngài đang sống.

Đó là nội-dung những lời họ nói, thú-nhận một phần lớn sự vô-tin cứng-cỏi của họ. Họ không mong-đợi Chúa làm trọn lời hứa của Ngài bao nhiêu, ngày thứ ba chưa hết, thế mà họ đã thất-vọng, quay lưng lia thành Giê-ru-sa-lem. Các sứ-giả của thiên-đường đã tuyên-bố cho họ một điều hoan-lạc nhưng họ không chịu nhận.

Bởi vậy, ta không lạ gì thấy Chúa Jêsus quở-trách họ, « Hỡi những kẻ đại-dột, có lòng chậm tin lời các đấng tiên-tri nói ! Há chẳng phải Đấng Christ chịu thương-khó thế ấy, mới được vào sự vinh-hiền mình sao ? » Nên đề ý rằng Chúa không rầy họ vì họ không nhận lời của Ngài hoặc các bạn Ngài, hoặc lời của thiên-sứ ; họ bị quở-mắng vì đã không tin Kinh-thánh Cựu-Uớc. Họ chỉ nhận có một phần ; người ta thường chỉ nhận những gì thích-hợp với thành-kiến, sở-thích, và ý-kiến của mình ; họ không tin tất cả những điều các đấng tiên-tri đã nói, nhất là những dự-ngôn về sự chết cứu-chuộc của Chúa Jêsus, và việc Ngài sẽ thăng-thiên để trở lại trong vinh-quang của thiên-đường. Họ ngạc-nhiên nghe Ngài giải-thích Kinh-thánh, sau cùng đang khi ngồi bàn ăn với Ngài, họ bỗng nhận-biết mình đang ngồi ngay trước mặt Chúa Sống của họ. Khi Ngài biến mất, họ lật-đật quay về đề gặp các môn-đồ ở Giê-ru-sa-lem. Ở đây các môn-đồ cũng đương ngạc-nhiên về tin Chúa hiện ra cùng Phi-e-rô lúc sáng sớm nữa.

Không có câu chuyện nào cảm-kích hơn có thể cho ta thấy thực-sự Cứu-Chúa thiên-thượng đi luôn đi cạnh ta một đường trần-gian. Điều đáng buồn là vì vô-tin nên mắt chúng ta thường bị mờ không nhận-biết sự hiện-diện của Ngài. Chúng ta bước đi rầu-rĩ, trong khi đáng lẽ phải hớn-hở vì được đồng-hành với Ngài. Có thể là đương khi Ngài

cắt nghĩa Kinh-thánh cho chúng ta, hay trong lúc nhưn danh Ngài bẻ bánh, sự đui-mù đã được cất đi; để rồi hành-trình chấm dứt khi ta về đến nhà, ta sẽ thấy Ngài đối-diện với ta, khải-tượng ấy sẽ không phai-mờ trong ánh hoàng-hôn sâu-thẳm, nhưng sẽ sáng-rõ mãi ra trong vinh-quang của Ngài đời đời.

M. Chúa Jêsus hiện ra cho các môn-đồ

24 : 36 - 43

«³⁶ Môn-đồ đương nói với nhau như vậy, chính Đức Chúa Jêsus hiện ra giữa đó mà phán rằng: Bình-an cho các người!³⁷ Nhưng môn-đồ đều sùng-sốt rụng-rời, tưởng thấy thần.³⁸ Ngài phán rằng: Sao các người bối-rối, và sao trong lòng các người nghi làm vậy?³⁹ Hãy xem tay chơn ta: thật chính ta. Hãy sờ đến ta, và hãy xem;—thần thì không có thịt xương, mà các người thấy ta có.⁴⁰ Đương phán vậy, Ngài giơ tay và chơn ra cho xem.⁴¹ Nhưng vì có môn-đồ vui-mừng, nên chưa tin chắc, và lấy làm lạ, thì Ngài phán rằng: Ở đây các người có gì ăn không?⁴² Môn-đồ dâng cho Ngài một miếng cá nướng.⁴³ Ngài nhận lấy mà ăn trước mặt môn-đồ.»

Những việc xảy ra trong ngày Chúa Jêsus sống lại do Lu-ca chép, chẳng những đi theo diễn-tiến thời-gian mà cũng đi theo thứ-tự luận-lý nữa. Không có thuyết nào có thể giải-thích được mộ trống ngoài-trừ sự sống lại, nhưng đó cũng chẳng qua là một bằng-chứng tiêu-cực. Thêm vào đó, Chúa Jêsus xuất-hiện rõ-ràng cho hai môn-đồ trên đường về Em-mu-út. Nhưng bằng-chứng ấy cũng vẫn chưa đủ. Có thể có người cho rằng sự xuất-hiện ấy chỉ là một dị-tượng, một con ma hay một vị thần nào đó. Bởi vậy khi Lu-ca kể lại việc Chúa xuất-hiện cho mười một môn-đồ trên phòng cao lúc đêm xuống, thì ông nhấn mạnh việc Chúa xuất-hiện bằng thể-xác Ngài. Khi các môn-đồ thấy Ngài thì họ tưởng mình thấy ma, hoặc là Ngài hiện hồn về, như đến ngày nay nhiều người vẫn còn tưởng vậy. Để đập tan cảm-

trởng sai-lầm đó, Chúa Jê-sus đã vận-dụng mọi giác-quan để chứng-tỏ Ngài có một thân-thể không phải « phi vật-chất » hoặc « linh-thiên » hay « thiên-không » nhưng là thân-thể có thịt và huyết mà hôm thứ sáu đã bị đóng đinh trên thập-tự-giá và đặt vào mộ-phần. Chính trong thân-thể vật-chất ấy với những dấu đinh độc-ác, một thân-thể có thể ăn được, một thân-thể vật-chất có thể đung vào và cảm-biết được, Ngài đã hiện ra cho các môn-đồ. Hơn nữa Ngài nghiêm-trang tuyên-bố rằng Ngài không phải là thần-linh không có thể-xác, Ngài chỉ cho họ những vết thương ở tay và chân; Ngài nói rằng thần-linh không có thịt và xương như họ thấy Ngài có. Rồi cuối-cùng, để đánh tan nỗi nghi-ngờ còn sót lại Ngài cầm lấy « một miếng cá nướng » và « ăn trước mặt môn-đồ. » Những lần Chúa Jê-sus hiện ra và biến đi sau khi Ngài sống lại có thể là những phép lạ nhiệm-màu như khi Ngài đi trên mặt biển hồi còn ở trong chức-vụ; nhưng Ngài đã ban cho các môn-đồ Ngài mọi dấu-hiệu dễ hiểu, dễ tin, để cho họ biết rằng Ngài đã từ kẻ chết sống lại trong một thân-thể thật bằng xác-thịt của con người. Lý-thuyết cho rằng sự phục-sinh chỉ là một ảo-tượng, một dị-tượng, một vụ hiện hồn, phải ngậm họng trước lời chứng của Lu-ca, một nhà chép sử cần-trọng, một vị y-sĩ mẫn-tiếp. Thượng-tàng kiến-trúc của đức-tin Cơ-đốc-giáo phải vững-vàng trên cơ-sở của một thực-sự chắc-chắn là sự phục-sinh thật của thân-thể Đấng Christ.

N. Những lời cuối-cùng

24 : 44 - 49

«⁴⁴ Đoạn, Ngài phán rằng: Ấy đó là điều mà khi ta còn ở với các người, ta bảo các người rằng mọi sự đã chép về ta trong luật-pháp Môi-se, các sách tiên-tri, cùng các thi-thiên phải được ứng-nghiem. ⁴⁵ Bây giờ Ngài mở trí cho môn-đồ được hiểu Kinh-thánh. ⁴⁶ Ngài phán: Có lời chép rằng Đấng Christ phải chịu đau-dớn đường ấy, ngày thứ ba sẽ từ kẻ chết sống lại, ⁴⁷ và người ta sẽ nhơn danh Ngài mà rao-giảng

cho dân các nước sự ăn-năn để được tha tội, bắt đầu từ thành Giê-ru-sa-lem. ⁴⁸ Các người làm chứng về mọi việc đó ; ta đây, sẽ ban cho các người đều Cha ta đã hứa, ⁴⁹ còn về phần các người, hãy đợi trong thành cho đến khi được mặc lấy quyền-phép từ trên cao.»

Không cần phải cho rằng Chúa phán những lời cuối-cùng trong sách Lu-ca vào ngày phục-sinh hay lúc nào hoặc nơi nào khác. Có lẽ những lời ấy là nội-dung tổng-quát của những giáo-huấn mà Đấng Christ ban cho các môn-đồ trong qơn mười ngày giữa khoảng Ngài phục-sinh và thăng-thiên.

Những lời này phản-chiếu những chân-lý cần-thiết cho các môn-đồ Đấng Christ ngày nay. Trong đó gồm những thực-sự như : Kinh-thánh chứa-đựng những sứ-điệp có thẩm-quyền về Đấng Christ ; chỉ những người tin Đấng Christ và được Ngài hướng-dẫn mới hiểu được những sứ-điệp ấy ; những chân-lý thiết-yếu về Đấng Christ tập-trung trong sự chết và sống lại của Ngài ; nhờ có sự cứu-rỗi ấy, mà ta có thể rao-giảng sự ăn-năn và sự tha tội ; sự cứu-rỗi ấy phải được rao-báo cho cả thế-giới ; những kẻ theo Đấng Christ là những sứ-giả phổ-biến Tin-Lành ; quyền-năng để phổ-biến do Thánh-Linh của Đấng Christ ban cho, Ngài đã thi-thố trong quyền-năng mới vào ngày lễ Ngũ-tuần, hiện nay Ngài là một Hiện-diện thường-trực và là nguồn sức mạnh vô-tận cho những kẻ tìm-kiếm làm theo ý-muốn Đấng Christ và tôn-vinh danh Ngài.

O. Sự thăng-thiên

24 : 50 - 53

⁵⁰ Kể đó, Ngài đem môn-đồ đi đến nơi xung-quanh làng Bê-tha-ni, giơ tay lên mà ban phước cho. ⁵¹ Đương khi ban phước, Ngài lia môn-đồ mà được đem lên trời. ⁵² Môn-đồ thờ-lạy Ngài rồi trở về thành Giê-ru-sa-lem, mừng-rỡ lắm. ⁵³ Môn-đồ cứ ở trong đền-thờ luôn, ngợi-khen Đức Chúa Trời. »

Sự thăng-thiên của Chúa là một biến-cổ tách-biệt với sự phục-sinh. Nó xảy ra vào gần sáu tuần sau, và chứng-minh một số chân-lý tối-hệ.

1 — Chúa Jê-sus đã từ thế-giới hữu-hình, vật-chất, rút-lui vào thế-giới vô-hình, thuộc-linh. Không phải Ngài vượt qua khoảng không của các tầng trời. Chúng ta không thể nghĩ là Ngài đã đi xa. Ngài là một hiện-diện vô-hình thiên-thượng, vượt trên giới-hạn thời-gian và không-gian, có thể hiện-hiện bất-cứ lúc nào nơi nào. Ta nên nghĩ rằng sự thăng-thiên khiến ta cảm thấy Chúa Jê-sus gần ta hơn là xa cách.

2 — Chúa Jê-sus cầm quyền vũ-trụ; không phải lúc Ngài sống lại mà là lúc Ngài thăng-thiên; Ngài được ngồi « bên hữu Đấng Rất-Cao. » Điều này chứng-tỏ Ngài có toàn-quyền thiên-thượng. Tân-Uớc luôn luôn trình-bày Chúa Jê-sus-Christ có quyền trên trời dưới đất. Do đó, sự thăng-thiên nhắc-nhở chúng ta quyền-năng vô-hạn của Đấng Christ.

3 — Như vậy, chính vào giờ phút thăng-thiên, Chúa Jê-sus bước vào « trong vinh-hiễn Ngài. » Chính lúc ấy thân-thể Ngài được biến-hóa, trở thành bất-hủ « linh-thiên », thuộc-thiên, bất-tử. Cũng lúc đó Ngài bắt đầu dự phần vinh-hiễn thiên-thượng mà Ngài đã có với cha Ngài « trước khi có thế-gian. » Như vậy sự thăng-thiên là một lời cam-kết và là tiêu-biểu của vinh-hiễn đương chờ-đợi kẻ theo Ngài. Đó là một bảo-chứng rằng Ngài sẽ làm trọn mọi lời hứa của Ngài, và sẽ tái-hiện từ trong thế-giới vô-hình Ngài sẽ hiện-hiện cho cả nhân-loại như một Con Người Lý-tưởng và Cứu-Chúa của thế-gian.

— HẾT —